

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ TỈNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC, ỔN ĐỊNH VỀ MỌI MẶT, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (02/1976 – 9/1986)

I. TÌNH HÌNH HỢP NHẤT TỈNH VÀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ LÂM THỜI ĐẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ I (02/1976 – 12/1976)

Trong Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu: Trong tình hình hiện nay, nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là “... nhanh chóng khôi phục và ổn định sản xuất, ổn định đời sống nhân dân; tích cực đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, đưa miền Nam tiến lên trong một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm xây dựng các tỉnh trở thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước, ngày 20/9/1975 Bộ Chính trị chủ trương giải thể cấp Khu, thực hiện chế độ quản lý hành chính theo 4 cấp và hợp nhất, sáp nhập nhiều tỉnh trong cả nước, trong đó có một số tỉnh ở miền Nam”⁽²⁾.

Trong những tháng cuối năm 1975, tình hình kinh tế, an ninh trật tự xã hội cơ bản đã ổn định, tiếp tục củng cố, xây dựng về mọi mặt trong thực hiện nhiệm vụ năm 1976. Đầu năm 1976, chuẩn bị cho việc hợp nhất các tỉnh ngày 06/01/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 11/QĐ.NS.TU chỉ định đồng chí Trần Văn Long (Mười Dài) là Bí thư Lâm thời Đảng bộ tỉnh Cần Thơ - Sóc Trăng.

Ngày 12/01/1976, theo chỉ đạo của Trung ương, Ban thường vụ Tỉnh ủy Cần Thơ và Sóc Trăng tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, do đồng chí Trần Văn Long (Mười Dài) chủ trì, hội nghị đã thảo luận chủ trương của Bộ Chính trị và bàn một số công tác trước mắt và cấp bách; củng cố tổ chức đảng bộ cơ sở và sắp xếp thống nhất các ban, ngành trong tỉnh. Sau hội nghị, đồng chí Trần Văn Long thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Thông báo số 01/TB.TV.76 về nhân sự Ban Chấp hành Lâm thời Đảng bộ tỉnh Cần Thơ - Sóc Trăng gồm 41 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ 13 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Long (Mười Dài), làm Bí thư, đồng chí Lê Phước Thọ là Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Lê Thanh Nhân (Ba Râu) làm Phó Bí thư kiêm Bí thư Thành ủy Cần Thơ, đồng chí Nguyễn Minh Quang (Mười Quang), ủy viên Thường vụ được cử giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (*lúc này chưa đặt tên tỉnh mới*).

⁽¹⁾ Đến ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ hợp nhất thành một tỉnh.

⁽²⁾ Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng TT, tập 36 “Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng” và “Nghị quyết của Bộ Chính trị về việc bỏ khu, hợp tỉnh, số 245-NQ/TW, ngày 20/9/1975”. Nxb CTQG, Hà Nội-2004, trang 341 - 437.

Về tổ chức bộ máy, Tỉnh ủy đã bàn bạc và thống nhất phải nhanh chóng hoàn thành việc hợp nhất, ổn định tổ chức bộ máy; đặc biệt, cơ cấu thành phần trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phải đáp ứng được nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới của cách mạng, trong đó vấn đề quan trọng hàng đầu là đoàn kết trong Đảng bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện bố trí cán bộ xen kẽ nhau, không cục bộ địa phương. Song song với việc xây dựng, hoàn chỉnh bộ máy cấp tỉnh, Tỉnh ủy chủ trương phải tăng cường bộ máy cán bộ cấp huyện, xã. Bên cạnh việc xây dựng, củng cố, hoàn thiện bộ máy cấp tỉnh đến cơ sở, Tỉnh ủy luôn chú trọng về chế độ, lề lối làm việc, đảm bảo sự lãnh đạo thông suốt từ Tỉnh ủy đến cấp ủy cơ sở. Phát huy mạnh mẽ tính tự lực, tự cường, chủ động sáng tạo trong nhiệm vụ của cấp ủy và chính quyền các cấp.

Tháng 02/1976 – Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam chính thức ra Nghị định số 31/NĐ về việc giải thể Khu, hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Cần Thơ và thành phố Cần Thơ hợp nhất thành tỉnh Hậu Giang.

Tỉnh Hậu Giang mới thành lập có diện tích 5.700km², có thành phố Cần Thơ khá lớn nằm ở trung tâm miền Tây Nam bộ và 02 thị xã, 13 huyện, quận. Dân số chung toàn tỉnh khoảng 1.900.000 người, trong đó có 216.000 người Khmer, có nhiều tôn giáo, nông dân chiếm khoảng 90% dân số toàn tỉnh⁽¹⁾.

Kinh tế trong tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, với diện tích chung 570.000 ha, diện tích đang canh tác là 330.000 ha; sản lượng lúa hằng năm đạt 700.000 tấn, vườn cây ăn trái, hoa màu có khoảng 40.000 ha, đất hoang hóa còn khoảng 30.000 ha, ngoài ra còn một số diện tích cây công nghiệp khác như mía đường, bông vải, thuốc lá và một số cây đặc sản khác; 25.000 ha ruộng muối, thu hoạch hằng năm 40.000 tấn; sản lượng thủy sản 26.000 tấn; các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến thực phẩm tập trung ở các đô thị với số lượng khá nhiều. Thời gian này hệ thống thủy lợi còn yếu kém; phân bón, thuốc trừ sâu thiếu thốn; giống lúa và các loại hoa màu chưa ổn định; máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp còn lạc hậu, sản xuất lúa chủ yếu là một vụ. Các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nằm trong tay tư nhân, thiếu nguyên vật liệu và phụ tùng để thay thế.

Hậu quả chiến tranh và chính sách thực dân mới để lại đã làm đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nạn thất nghiệp ở thành thị và nông thôn ngày càng nhiều. Thời gian này, tâm trạng chung của người dân còn băn khoăn, lo lắng; kẻ địch vẫn ngấm ngầm chống phá ta về mọi mặt. Về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ nhìn chung chưa hoàn chỉnh còn thiếu và yếu, nhất là cấp huyện, xã.

Thời gian này, tỉnh tiếp tục thực hiện theo Chỉ thị 228 (ngày 03/01/1976) của Bộ Chính trị về việc lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước; tháng 02/1976, Tỉnh ủy Hậu Giang lãnh đạo các ngành, các cấp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong tỉnh về mục đích ý nghĩa, quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân tham gia cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

Sau khi hợp nhất thành tỉnh Hậu Giang, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp thảo luận chỉ thị của Bộ Chính trị, đánh giá toàn diện các mặt chính trị, kinh tế - xã hội, an

⁽¹⁾ Trích Nghị quyết “Hội nghị lần thứ nhất của BCH Tỉnh Đảng bộ về tình hình nhiệm vụ năm 1976” số 01/NQ.TU.76, ngày 03/3/1976, tr 1-2. Tài liệu lưu trữ tại BTG Tỉnh ủy Sóc Trăng.

ninh quốc phòng và hệ thống chính trị từ tinh xuống cơ sở. Đồng thời, Tỉnh ủy họp bàn thống nhất và đề ra chủ trương, biện pháp xây dựng, phát triển tỉnh mới.

Ngày 03/3/1976, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang tổ chức cuộc họp để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng từ sau ngày giải phóng, đồng thời đề ra nhiệm vụ cho những năm tiếp theo. Trong hội nghị xác định rõ vai trò, vị trí của tỉnh Hậu Giang trong giai đoạn mới của cách mạng, thảo luận nhiệm vụ chiến lược chặng đường đầu của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; qua đó đánh giá về tiềm năng kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng của Hậu Giang - Là tỉnh có diện tích nông nghiệp lớn nhất, là tỉnh ở trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long.

Sau khi đã đánh giá các mặt thuận lợi, khó khăn, Ban Chấp hành Đảng bộ đề ra nhiệm vụ của tỉnh là: “Phát huy khí thế chiến thắng, tăng cường đoàn kết, nắm vững đường lối, phương hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa, ra sức khôi phục phát triển kinh tế, tập trung sức đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, chấn chỉnh lưu thông phân phối, phát triển y tế, giáo dục, chăm lo đời sống nhân dân, ổn định chính trị-xã hội, đóng góp tích cực nhất về lương thực cho cả nước và xuất khẩu. Thực hiện tốt tổng tuyến cử thống nhất nước nhà; đồng thời tiếp tục truy quét tàn quân địch, hoàn thành nhiệm vụ đánh tư sản mại bản và tàn dư phong kiến. Ra sức xây dựng chính quyền cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tập hợp quần chúng, củng cố công-nông liên minh, xây dựng mặt trận đoàn kết. Ra sức xây dựng Đảng trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng, tổ chức cho phù hợp với giai đoạn mới của cách mạng, chuẩn bị điều kiện cho công cuộc cải tạo và xây dựng cho những năm tiếp theo”.⁽¹⁾

Để quán triệt hoàn thành nhiệm vụ, Đảng bộ đề ra mục tiêu hàng đầu:

- Củng cố và xây dựng chính quyền các cấp nhất là chính quyền cơ sở, phấn đấu đến cuối năm 1976 lập xong bộ máy chính quyền các cấp, khóm còn trống⁽²⁾, chấn chỉnh lại tổ chức, kiên quyết đưa ra số không đủ tiêu chuẩn ngăn chặn phần tử địch chui vào. Cải tiến lề lối làm việc, nhanh chóng thiết lập hệ thống từ trên đến cơ sở; phát huy vai trò chức năng của chính quyền trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát huy vai trò đoàn thể và các tổ chức quần chúng.

- Tập trung khôi phục, phát triển kinh tế, chăm lo đời sống cho nhân dân, *trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp*, tăng vụ, tăng năng suất lúa, quan tâm trồng cây có chất bột, đẩy mạnh chăn nuôi. Khôi phục các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trên cơ sở đó nhằm ổn định đời sống nhân dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ thu mua lương thực; khôi phục các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; từng bước ổn định đời sống nhân dân.

- Công tác văn hóa, giáo dục, y tế, tập trung phát triển trường học cho con em nhân dân lao động, phong trào bình dân học vụ cho người lớn, mở thêm lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ; về y tế, phân đầu ở vùng nông thôn, mỗi xã có Trạm y tế, Nhà bảo sanh, ấp có y tá, cô đỡ, huyện có y sĩ và ít nhất là có 01 bác sĩ, từ đó tạo sự chuyên biến về công tác y tế cơ sở.

⁽¹⁻²⁾ Trích Nghị quyết “Hội nghị lần thứ nhất của BCH Đảng bộ Tỉnh về tình hình nhiệm vụ năm 1976” số 01/NQ.TU.76, ngày 03/3/1976, tr 6. TL lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

- Tiếp tục truy quét, trấn áp bọn phản cách mạng, chủ động, kiên quyết đập tan mọi hoạt động bạo loạn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội. Xây dựng lực lượng an ninh vững mạnh, làm tốt công tác cải tạo tàn quân nguy.

Đảng bộ tỉnh đã đề ra phương hướng chỉ đạo sản xuất là “Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ đồng thời coi trọng phục hồi khai hoang; giữ vững diện tích vụ mùa (nhưng có thay giống ngắn ngày, điều chỉnh thời vụ), mở rộng diện tích vụ đông xuân, phát triển vụ hè thu theo khả năng cho phép nhằm tăng được diện tích, sản lượng”. Đi đôi sản xuất lúa cũng có một mức chú ý chỉ đạo trồng cây lương thực, cây công nghiệp khác như bắp, đậu nành, bắp, lát v.v... và khuyến khích việc tu bổ lại vườn cây ăn trái có sẵn (không lập thêm vườn mới)⁽³⁾.

Để cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội giành thắng lợi và thực sự là cuộc vận động có ý nghĩa chính trị rộng lớn, Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai quán triệt Chỉ thị 228 của Bộ Chính trị về việc lãnh đạo tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Chỉ thị khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc tổng tuyển cử: “Đây là một cuộc biểu dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”. Vì vậy, phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội trong quần chúng nhân dân. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn thể cán bộ, đảng viên phải coi việc chuẩn bị bầu cử Quốc hội và lãnh đạo cuộc bầu cử trong cả nước là một nhiệm vụ hàng đầu và thực hiện cho đến hết tháng 4 năm 1976.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, từ tháng 02/1976, công tác tuyên truyền vận động nhân dân được mở rộng trong cả nước. Tỉnh ủy Hậu Giang sau khi thành lập đã triển khai ngay kế hoạch chỉ đạo chuẩn bị bầu cử Quốc hội thống nhất. Tỉnh ủy đã huy động hàng trăm cán bộ tham dự các lớp tập huấn từ 02 đến 05 ngày về công tác thông tin, tuyên truyền ngày bầu cử Quốc hội thống nhất. Đồng thời, Tỉnh ủy chỉ đạo các huyện, thị đẩy mạnh công tác điều tra dân số, lập các biểu mẫu, chuẩn bị danh sách và thẻ cử tri cho ngày hội bầu cử, triển khai công tác an ninh chặt chẽ, đảm bảo cuộc bầu cử thành công. Mặt trận Tổ quốc các cấp đã tổ chức hiệp thương dân chủ giới thiệu các đại biểu ưu tú vào danh sách ứng cử Quốc hội ở đơn vị tỉnh.

Sáng ngày 25/4/1976, trên toàn tỉnh Hậu Giang, từ thành thị đến nông thôn rực rỡ cờ đỏ sao vàng chào đón sự kiện chính trị trọng đại. Đúng 30 năm kể từ ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên (6/01/1946), nhân dân lại được cầm lá phiếu tự do bầu những đại biểu có đức, có tài của tỉnh vào Quốc hội thống nhất đầu tiên của đất nước độc lập. Cuộc bầu cử diễn ra trong không khí phấn khởi, đảm bảo an ninh. Tính đến 19 giờ cùng ngày, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội (Khóa VI) trên địa bàn tỉnh đã đạt thắng lợi, với tỉ lệ đạt 97,68% cử tri tham gia đi bầu; trong đoàn đại biểu đắc cử (khóa VI) có các đồng chí Nguyễn Minh Quang (Nguyễn Tự Giác), Nguyễn Hà Phan, Võ Thị Kim Anh, Trịnh Thị Ngọc Châu (Út Nhi), Huỳnh Cương, Lâm Tương... Đây là lần thứ hai cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội được tổ chức trong cả nước. Kết quả của tổng tuyển cử là một thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên con đường tiến tới hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước.

⁽³⁾ Trích Nghị quyết “Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ nhất về phương hướng nhiệm vụ và công tác 2 năm 1977-1978 và một số phương hướng đến năm 1980”, ngày 22/4/1977, tr. 2. Tài liệu lưu trữ tại BTG Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Tháng 7/1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (được gọi là Quốc hội khóa VI) họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội. Quốc hội quyết định lấy tên nước là *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (ngày 02/7/1976); Quốc kỳ là *lá cờ đỏ sao vàng*, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Quốc huy mang dòng chữ “*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Từ đây, tiếp tục thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Sau một thời gian thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về hợp nhất tỉnh, Tỉnh ủy đã lãnh đạo tích cực trên các lĩnh vực và đạt nhiều thắng lợi.

Về sản xuất nông nghiệp, đã sạ, cấy được 191.000 ha lúa; trên 20.000 ha hoa màu; tổng diện tích gieo trồng 447.000 ha, tăng sản lượng lúa đạt 990.000 tấn; huy động đưa lương thực về Trung ương trong năm 1976 được 221.000 tấn bằng 25% số lượng lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long đưa về Trung ương. Biện pháp chỉ đạo của Tỉnh Ủy là coi trọng việc phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng dùng lao động chân tay kết hợp nửa cơ giới và cơ giới, giải quyết một số biện pháp kỹ thuật phục vụ sản xuất, trong đó lấy biện pháp thủy lợi làm hàng đầu. Về thủy lợi, đào được 384 kinh mới dài 825.995m với 3.097.481m³ bằng 619.496 ngày công; đắp đê được 370.544m với 1.482.176m³ bằng 988.177 ngày công và nhiều bờ vùng, bờ thửa với tổng cộng 7.407.450m³ với 2.244.221 ngày công. Riêng thu thuế lương thực được 3.432.089/3.800.000 gia, đạt 90,33% (chỉ tiêu là 3.800.000 gia).

Để giải quyết đời sống trước mắt cho nhân dân, Tỉnh ủy đã chỉ đạo chính quyền các cấp huy động đưa dân thất nghiệp về nông thôn là 342 hộ với 1.331 người, trong số đó có 56 hộ (gồm 296 người) ở huyện Vĩnh Châu; trang trải 17.763 ha đất cho 10.342 hộ; ngân hàng tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn sản xuất là 17.026.000 đồng (sản xuất nông nghiệp là 8.923.000 đồng, công thương nghiệp là 8.103.000 đồng)⁽¹⁾.

Thực hiện theo tinh thần chỉ đạo Chỉ thị 226 – 227 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác y tế trong tình hình mới, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện các vấn đề sau: Tập trung đưa bác sĩ, y sĩ về huyện, xã; xây dựng phát triển cơ sở khám, chữa bệnh và sinh đẻ; sản xuất, phân phối thuốc; đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch bệnh; tăng cường công tác đào tạo cán bộ. Trung tuần tháng 5/1976, Tỉnh ủy Hậu Giang ra Chỉ thị 27 hướng dẫn thực hiện cho toàn thể cán bộ trung cao cấp, cán bộ y tế huyện, xã và cấp ủy, ủy ban xã. Qua triển khai học tập quán triệt chỉ thị đã từng bước giúp các cấp ủy có nhận thức mới, thấy rõ vai trò chỉ đạo về công tác y tế. Còn đối với cán bộ ngành y tế rất phấn khởi khi thấy ngành được quan tâm, từ đó thấy rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của người cán bộ y tế; mạng lưới y tế được triển khai mạnh, khuyến khích sản xuất thuốc tư nhân; xây dựng mạng lưới y tế từ tỉnh đến xã, ấp, có Bệnh viện Đa khoa Sóc Trăng, các huyện, thị đều lập Phòng Y tế, xã có Trạm Y tế... thực hiện thầy và thuốc đến tận người dân.

Trong công tác giáo dục, khi tỉnh được hợp nhất, bộ máy cán bộ quản lý từ tỉnh đến cơ sở nhanh chóng ổn định, Trưởng ty là đồng chí Đào Việt Dũng, các đồng chí Đào Huy Tâm, Nguyễn Xuân Trước, Trần Hoàng Phủ (Ba Hải), Trương Văn Biên (Sáu Biên) làm Phó ty. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng hai tuyến trường tập trung ở tỉnh và

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo số liệu 6 tháng đầu năm 1976 của tỉnh Hậu Giang” của Văn phòng TU Hậu Giang, ngày 30/6/1976, tr. 1-2. TL lưu trữ tại BTGTU Sóc Trăng.

huyện; từ các Trường Lý Tự Trọng, Lê Văn Tám⁽²⁾, Nguyễn Việt Hồng, Thiếu sinh quân... đã mở rộng và hình thành các trường công nông của tỉnh tương đối hoàn chỉnh thuộc hai hệ đào tạo và bồi dưỡng. Các trường bổ túc văn hóa tập trung huyện mới được hình thành, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên còn thiếu... Bên cạnh đó, hệ bổ túc văn hóa tại chức được quan tâm phát triển; đối với cán bộ có trình độ văn hóa kém Tỉnh ủy chỉ thị cho phép dành một ngày trong tuần để đi học văn hóa. Trong năm 1976, ngành giáo dục tỉnh được Bộ Giáo dục công nhận là đơn vị đã cơ bản hoàn thành công tác xóa mù chữ với tỉ lệ trên 90%. Song song đó, Tỉnh ủy chỉ đạo khẩn trương tổ chức bổ túc văn hóa cho cán bộ, chiến sĩ mà trước hết là cán bộ cốt cán nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Đảng bộ tỉnh. Tiếp tục củng cố và giữ gìn hoạt động cho 1.442 trường trung học phổ thông với 5.985 lớp học, toàn tỉnh có 7.804 giáo viên, 309.693 học sinh.

Xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở ngày càng vững chắc. Toàn tỉnh Hậu Giang có 10.117 đảng viên (trong số này có 1.183 dự bị, 1.279 nữ, 205 Khmer, ở xã, phường 3.829), có 502 cơ sở Đảng, trong đó có 74 tổ chức đảng bộ có đảng ủy (có 34 đảng ủy xã, phường, thị trấn), 428 chi bộ cơ sở (121 xã và 307 cơ quan, ngành)⁽¹⁾. Ủy ban nhân dân tỉnh có 13 ủy viên; cấp huyện, thị, thành có 195 Ủy viên; cấp xã, phường có 879 ủy viên; ấp, khóm có 930/1.159 ban tự quản. Đến cuối năm 1976, Ủy ban nhân dân tỉnh đã lập được 18 ty, ban, ngành, 22 phòng, đơn vị trực thuộc ty, ban, ngành; 28 phòng trực thuộc huyện, thị. Song song với xây dựng chính quyền, Tỉnh ủy ra sức tăng cường công tác xây dựng Đảng, tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nhanh chóng phát triển đảng viên và đội ngũ cán bộ của Đảng. Trong những tháng cuối năm, tỉnh nhận chuyển từ các nơi khác về là 628 đồng chí; trong đó bổ sung 92 huyện ủy viên, thị ủy viên; bổ sung 36 chi ủy viên; tăng cường cho huyện, xã 73 cán bộ. Đến cuối năm, số đoàn viên, hội viên các đoàn thể có trên 81.000 người.

Về công tác an ninh - quốc phòng, theo sự chỉ đạo của Quân khu và Tỉnh Ủy, Ban chỉ huy Quân sự tiến hành củng cố lực lượng vũ trang ở cơ sở, rà soát và loại ra khỏi lực lượng là 1.962 du kích xã; đồng thời xây dựng lực lượng du kích cho các huyện Long Phú có 22 ấp, mỗi ấp có từ 44 du kích; huyện Vĩnh Châu có 9 ấp, mỗi ấp có 20 du kích. Thời gian này, theo chỉ đạo của Quân khu và Tỉnh Ủy, Ban chỉ huy Quân sự thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là sẵn sàng chiến đấu và xây dựng kinh tế. Về nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu: Lực lượng Quân sự phối hợp lực lượng Công an tiến hành nhiều đợt truy quét trên địa bàn tỉnh; nhanh chóng dập tắt cuộc nổi loạn ở xã Tham Đôn và xã Viên An bắt hàng trăm tên phản động. Đồng thời ta tổ chức truy quét nhiều đợt bắt được 3.477 tên trong đó có gần 100 tên sĩ quan (từ chuẩn úy đến trung tá), thu hàng trăm súng và nhiều đạn dược. Bên cạnh công tác truy quét tàn quân địch, lực lượng quân sự phối hợp Công an tiến hành lập các trại quản huấn, cải tạo, tiến hành rà soát danh sách ngũ quân, ngũ quyền và đã xét quyền công dân cho 86.059/93.180 tên, tổ chức học tập cải tạo tại chỗ cho 8.328 tên và giam giữ theo đối tượng phân cấp của quân khu là 2.035 tên. Về nhiệm vụ xây dựng kinh tế: Chỉ đạo các đơn vị tích cực lao động sản xuất, đào đắp trên hàng triệu mét khối đất để làm kênh nội đồng và các tuyến đường giao thông.

⁽²⁾ Đến tháng 8/1976, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Trường Lê Văn Tám đã kết thúc vai trò lịch sử của mình; riêng về học sinh, số học sinh lớn tuổi của trường chuyển qua học ở trường bổ túc công nông tỉnh tại thị xã Sóc Trăng, số học sinh nhỏ tuổi chuyển sang học Trường Nguyễn Việt Hồng ở Vị Thanh.

⁽¹⁾ Trích bản góp ý ngày 31/7/2001 của đồng chí Phạm Trọng Yêm (Chín Công), nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang; số liệu đảng viên chưa tách được. TL lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Ngày 25/5/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam công bố toàn bộ chính sách đối với những người làm việc trong quân đội, chính quyền và các đảng phái, tổ chức chính trị của chế độ cũ. Chính sách này, ngoài việc khẳng định những điều đã công bố từ trước, còn nêu cụ thể những điều đã quy định khôi phục quyền công dân đối với những người không thuộc diện ác ôn, nguy hiểm đã học tập cải tạo tốt, hoặc được hưởng chế độ quản thúc từ 6 tháng đến 01 năm, có cơ quan hoặc gia đình bảo lãnh, số còn lại xử lý theo pháp luật phải qua lớp tập trung cải tạo (trong 6 tháng đầu năm đã phục hồi quyền công dân cho 86.059 người thuộc nguy quân, nguy quyền của địch).

Ngày 15/7/1976, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 254-NQ/TW về những công tác trước mắt ở miền Nam, nghị quyết nêu rõ từ nay đến hết năm 1977 phải tập trung thực hiện có kết quả những nhiệm vụ công tác cấp bách sau: *Một là*, nhanh chóng củng cố chính quyền nhân dân các cấp; *hai là*, đẩy mạnh khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thủ công nghiệp; *ba là*, xoá bỏ giai cấp tư sản mại bản, xoá bỏ các tàn dư của giai cấp địa chủ, phong kiến; *bốn là*, tiến hành cách mạng tư tưởng - văn hoá... Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy đề ra kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường công tác phát triển công-thương nghiệp. Đồng thời tiến hành rà soát lại các loại hình sản xuất kinh doanh, các xí nghiệp tư nhân và cá thể công-thương nghiệp chuẩn bị phục vụ cho quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các loại hình này. Tỉnh ủy đã có chủ trương, nghị quyết để tiến hành kê khai tài sản của các nhà tư sản trong tỉnh, tiến hành thực hiện một số công tư hợp doanh, một số thu trung mua trở thành các xí nghiệp, công ty của Nhà nước. Tuy thời gian này, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế, thiếu sót nhưng thực chất đây là những chủ trương nhằm cụ thể hoá tinh thần Nghị quyết 24 của Trung ương Đảng là kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng làm sao cho sát với tình hình thực tiễn của tỉnh.

Trong công tác xây dựng chính quyền, ngày 28/9/1976, Ban Bí thư đã Thông báo⁽¹⁾ Nghị quyết của Bộ chính trị về việc cử đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu) - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, thay đồng chí Nguyễn Minh Quang (Mười Quang) nghỉ việc vì sức khoẻ yếu⁽²⁾.

Ngày 6/10/1976, Hội nghị lần thứ 25 Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Thông cáo về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam. Hội nghị quyết định triệu tập đại hội vào trung tuần tháng 12/1976; mục đích của đại hội là thảo luận và thông qua đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước; những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976-1980); dự thảo Điều lệ Đảng (*sửa đổi*) và bầu Ban Chấp hành Trung ương mới. Cùng ngày, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 240-CT/TW “Về kế hoạch tuyên truyền và tổ chức bảo đảm thắng lợi cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng”, Chỉ thị nêu: “Đại hội ở cơ sở và cấp huyện phải làm xong trong tháng 10; các cấp tỉnh, thành phố, các đảng bộ trực thuộc Trung ương phải kết thúc đại hội cấp mình trước ngày 22/11/1976. Đảng bộ các cấp phải triệu tập mở đại hội đảng bộ để nghiên cứu, đóng góp các văn bản: Đề

(1) Đảng Lao động Việt Nam: “Thông báo nghị quyết của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc sắp xếp cán bộ” số 2767 TB-NS/TW, ngày 28/9/1976. TL lưu giữ tại BTG Tỉnh ủy Sóc Trăng.

(2) Đồng chí Nguyễn Minh Quang (Nguyễn Tự Giác-Mười Quang) từ trần năm 1978.

cương Báo cáo Chính trị của Trung ương, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.”⁽¹⁾

Theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, từ ngày 10 tháng 11 đến ngày 20/11/1976, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ I (đợt 1) được tổ chức tại Hội trường Cung Thiếu nhi (nay là trụ sở của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ), có 380 đại biểu chính thức được triệu tập (trong đó có 03 đồng chí cán bộ cao cấp của Trung ương về ứng cử); có mặt 366 đại biểu, vắng 14 (trong đó có 02 tự xin rút tên không ứng cử) đại diện cho gần 10.000 đảng viên của đảng bộ về dự đại hội. Đại hội đóng góp ý kiến bản Đề cương Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV gồm 21⁽¹⁾ đồng chí (trong đó 16 chính thức, 05 dự khuyết).

Từ ngày 14 đến 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Lao động Việt Nam đã chính thức được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đây là một sự kiện vô cùng trọng đại đối với toàn Đảng và toàn dân, đại hội được tổ chức trong hoàn cảnh đất nước đã được thống nhất, Nam - Bắc sum họp một nhà, cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội vạch ra phương hướng chiến lược của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời đề ra những nhiệm vụ chỉ tiêu của kế hoạch (1976 - 1980). Đặc biệt, trong Báo cáo Chính trị đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”.

Về đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, báo cáo vạch ra là: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông

⁽¹⁾ Đảng CSVN: Văn kiện Đảng TT, tập 37, Chỉ thị số 240-CT/TW, ngày 6/10/1976 “Về kế hoạch tuyên truyền và tổ chức bảo đảm thắng lợi cho Đại hội ĐB toàn quốc lần thứ IV của Đảng”. Nxb CTQG, Hà Nội 2004, tr. 413

⁽¹⁾ Đoàn Đại biểu được bầu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, gồm 21 đồng chí:

- 16 Đại biểu chính thức gồm các đồng chí: Trần Văn Long (Mười Dài)-Bí thư Tỉnh ủy, Lê Thị Bảy (Bảy Lê)-Trưởng ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Phạm Văn Bạch-Tòa án nhân dân tối cao, Hồ Thanh Mỹ (Bốn Tổng)-Bí thư Đảng ủy Côn Đảo, Võ Minh Thiết (Hai Thiết)-Chỉ huy phó Quân sự tỉnh, Lê Phước Thọ (Sáu Hậu)-Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phạm Văn Kiệt (Năm Vận)-Phó Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, Trần Minh Sơn (Bảy Mạnh)-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, La Văn Bảy (Bảy Mây)-Thứ trưởng Bộ lương thực-thực phẩm, Võ Kim Anh (Hai Kim)-Bí thư Huyện ủy Thốt Nốt, Lê Minh Châu-Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh, Trần Minh Nghĩa-Trưởng ty công nghiệp, Hồ Nam (Tur Hiền)-Trưởng ban Nông nghiệp tỉnh, Nguyễn Hà Phan-Phó Bí thư Thành ủy Cần Thơ, Nguyễn Văn Liêu-Bí thư chi bộ Gia Hòa (xã anh hùng), Thạch Minh Sóc-Bí thư xã Phú Tâm (Khmer).

- 5 Đại biểu dự khuyết gồm các đồng chí: Tạ Minh Cang (Bảy Chài)-Phó Ty An ninh, Lê Phước Đáng (Sáu Chánh)-Trưởng ban Khoa giáo tỉnh, Nguyễn Hữu Thành-Trưởng ban Thanh tra UBND tỉnh, Lữ Minh Chánh-Bí thư Huyện ủy Long Mỹ, Đào Việt Dũng-Trưởng Ty Giáo dục.

nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc”⁽¹⁾.

Đại hội quyết định đổi tên *Đảng Lao động Việt Nam* thành *Đảng Cộng sản Việt Nam* và thảo luận bổ sung Điều lệ Đảng cho phù hợp với tình hình mới⁽²⁾. Sự quan trọng của Đại hội IV của Đảng là đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nêu ra được những bài học kinh nghiệm của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đại hội quyết định đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là một quyết định đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng, với nguyện vọng của toàn Đảng và toàn dân ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại, một bước phát triển trong sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, của cách mạng nước ta. Thắng lợi của đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân bước vào giai đoạn lịch sử để “*Xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn*” như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước. Trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Hậu Giang đã vinh dự có 02 đại biểu được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng là đồng chí Trần Văn Long (Mười Dài), Bí thư Tỉnh ủy - Ủy viên Trung ương Đảng (chính thức), đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Phó Bí thư Tỉnh ủy - Ủy viên Trung ương Đảng (dự khuyết).

Năm 1976 là năm đánh dấu bước ngoặt quan trọng - Nước ta chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là năm có nhiều sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, năm mở đầu cho kế hoạch Nhà nước năm năm lần thứ hai (1976 - 1980). Đối với Hậu Giang - Là năm đầu tiên của tỉnh mới hợp nhất, đánh dấu một mốc son trên con đường đi lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

II. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, TIẾP TỤC GÓP PHẦN VÀO SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC (1977 - 1980)

Năm 1977 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai; Đảng bộ tỉnh tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp, luôn xem sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu. Để từ đó, nêu cao ý thức làm chủ tập thể, tinh thần tự lực, tự cường và ý chí tiến công cách mạng trên mặt trận nông - công nghiệp mới.

Ngày 17 tháng 01 năm 1977, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 15 NQ-NS/TW quyết định đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV dự khuyết, Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Bí

⁽¹⁻²⁾PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (1930-2006). Nxb Lao Động, năm 2006, trang 303, 313.

thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Văn Long (Mười Dài) được điều động về làm Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IV, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã chỉ đạo các tỉnh, thành khẩn trương thực hiện việc tổ chức Đại hội Đảng bộ ở địa phương. Tỉnh ủy đã họp thống nhất đề nghị Trung ương cho phép triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ I (đợt 2). Trong những ngày cuối tháng 3/1975, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 71 QĐ-NS/TW ký ngày 22/3/1977 điều động đồng chí Tô Bửu Giám (Năm Giám), nguyên Phó Chánh Văn phòng Trung ương Cục Miền Nam về tham gia trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, từ ngày 28/3 đến ngày 13/4/1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ I (đợt 2) được tiến hành tại Hội trường Cung Thiếu nhi; về dự Đại hội có 310 đại biểu trong đó có 20 đại biểu dự khuyết, 40 đại biểu nữ, 12 đại biểu dân tộc Khmer và 02 đại biểu Trung ương (Đồng chí Phạm Trọng Yêm - Vụ trưởng Vụ địa phương-Ban Tổ chức Trung ương; đồng chí Hàn Thế Khương - Cán bộ Tuyên huấn Trung ương). Đại hội kiểm điểm tình hình phong trào cách mạng Hậu Giang từ sau ngày giải phóng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những năm tới. Đại hội đã quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, thảo luận khẩn trương sôi nổi, đã nhất trí cao những nội dung cơ bản dự thảo nghị quyết của Tỉnh ủy, kiểm điểm đánh giá sâu sắc những thành tích, ưu điểm cũng như những mặt tồn tại, khuyết điểm của phong trào cách mạng tỉnh Hậu Giang từ sau ngày giải phóng. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ hai năm (1977 - 1978) và phương hướng, mục tiêu, kế hoạch hai năm kế tiếp (1979 - 1980).

Phương hướng nhiệm vụ chung do Đại hội đề ra là: "... tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng; tập trung sức phát động phong trào quần chúng sâu rộng đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện đi đôi với cải tạo nông nghiệp, giải quyết yêu cầu của nhân dân địa phương và làm tròn nghĩa vụ đóng góp lương thực của tỉnh đối với cả nước, tạo nhiều hàng xuất khẩu, làm cơ sở phát triển công nghiệp địa phương; gắn chặt cải tạo phát triển nông nghiệp với cải tạo và xây dựng một số ngành công nghiệp, phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải; đẩy mạnh cách mạng văn hóa tư tưởng; kết hợp đẩy mạnh sản xuất đi đôi thực hành tiết kiệm; vừa ra sức xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật vừa ổn định, từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội; củng cố quốc phòng. Đồng thời ra sức xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể vững mạnh, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân đông đảo, toàn diện, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong cả nước"⁽¹⁾.

Nhiệm vụ trung tâm trước mắt của tỉnh Hậu Giang là phát triển nền nông nghiệp toàn diện, trước hết là lương thực, kế là chăn nuôi và nghề nuôi cá. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, phương hướng nêu trên, Đảng bộ chỉ đạo các cấp ủy phải làm tốt các vấn đề sau:

+ Phát huy quyền làm chủ tập thể nhân dân lao động, đẩy lên phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng nông thôn, thành thị, thực hiện các chủ trương chính sách cụ thể của Đảng. Trên cơ sở đó giải quyết nhu cầu đời sống nhân dân địa phương và làm tròn nghĩa vụ với Trung ương nhất là về lương thực.

⁽¹⁾Trích "Nghị quyết ĐH Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ nhất và phương hướng nhiệm vụ công tác 02 năm 1977-1978 và một số phương hướng đến năm 1980", trang 13. TL lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

+ Giải quyết xong vấn đề ruộng đất, xóa bỏ bóc lột phong kiến, hạn chế và từng bước xóa bỏ bóc lột phú nông, tạo điều kiện đưa nông thôn từng bước vào con đường hợp tác hóa gắn liền với thủy lợi hóa, cơ giới hóa và đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Từng bước xây dựng huyện thành cơ cấu công - nông nghiệp. Đặc biệt, đối với huyện Côn Đảo (ngày 15/01/1977 theo Nghị quyết Quốc hội khóa VI (kỳ họp thứ 02) quyết định huyện Côn Đảo sáp nhập vào tỉnh Hậu Giang)⁽¹⁾, chú ý xây dựng các mặt về văn hóa, bảo tàng lịch sử, kinh tế và quốc phòng theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ.

+ Kết hợp với việc cải tạo và phát triển nông nghiệp, ra sức cải tạo công - thương nghiệp, xây dựng một số cơ sở công nghiệp có yêu cầu lớn có nguồn nguyên liệu vững chắc, có triển vọng lâu dài như: cơ khí (sửa chữa và chế tạo đơn chiếc, hàng loại nhỏ), vật liệu xây dựng, phát triển công nghiệp chế biến, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải; phát huy tốt tài chính, ngân hàng phục vụ cho các ngành sản xuất (trọng tâm là sản xuất nông nghiệp), giải quyết các nhu cầu cấp thiết của nhân dân và xuất khẩu.

+ Củng cố chính quyền, đoàn thể, mặt trận (nhất là ở cơ sở), bảo đảm thực hiện quyền làm chủ tập thể nhân dân lao động. Phát huy hiệu lực của chính quyền trong quản lý kinh tế, xã hội và hành chính, đặc biệt là trong cải tạo, phải kết hợp xây dựng, quản lý tốt kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, giữ vững và làm cho an ninh chính trị và trật tự xã hội ngày càng tốt hơn.

+ Thông qua phong trào cách mạng quần chúng (nhất là trong cải tạo và phát triển nông nghiệp, công - thương nghiệp) mà củng cố, xây dựng Đảng, chú ý xây dựng cấp huyện và tổ chức cơ sở vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phát triển đảng viên tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 39 Ủy viên chính thức, 4 Ủy viên dự khuyết, Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí, đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Bí thư, đồng chí Lê Thanh Nhân và đồng chí Trần Minh Sơn làm Phó Bí thư.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ I, Tỉnh ủy đã đề ra các chủ trương và biện pháp thực hiện. Đảng bộ tỉnh sớm xác định vai trò, vị trí, trách nhiệm và khả năng phát triển nông nghiệp toàn diện của tỉnh mà trọng tâm là sản xuất lương thực nhằm đáp ứng nhu cầu về lương thực cho địa phương và cho cả nước. Ngay trong năm 1977, tập trung làm cho được ba vấn đề quan trọng, then chốt: Tổ chức thí điểm hợp tác xã, tổ chức mở rộng các tập đoàn sản xuất và hoàn thành việc thực hiện chính sách ruộng đất ở nông thôn; mỗi huyện chọn một xã có đủ điều kiện chỉ đạo thí điểm. Từ đó, việc chỉ đạo sản xuất trong nông nghiệp có những tiến bộ đáng kể.

Về sản xuất nông nghiệp, dù thời tiết khó khăn nhưng diện tích gieo trồng và sản lượng không giảm nhiều, tính đến đầu quý IV năm 1977 thu hoạch trên 80.000 ha, sạ cấy xong 297 ha, diện tích chung ba vụ lúa, màu đạt 425.000 ha; riêng vụ Đông Xuân mới đạt diện tích khoảng 17.000 ha, còn một số nơi chỉ đạo chưa kịp thì nông dân lập lại màu (trồng mía, dưa hấu, bắp, đậu...). Trong quá trình sản xuất, đã phát triển nhiều tổ chức vạn vắn đôi công (có 3.118 tổ chức vạn gồm 98.000 vạn viên) phục vụ sản xuất

⁽¹⁾ Trích Nguyễn Quang Ân “VN những thay đổi địa danh và địa giới hành chính (1945-2002)”, trang 452. Nxb Thông Tấn, Hà Nội năm 2003.

và tạo cơ sở cho việc hợp tác hóa sau này. Chính quyền tiến hành tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ, bọn phản động ác ôn giải quyết cho 5.000 hộ nông dân không đất, giải quyết công ăn, việc làm cho 70.800 quần chúng các thành thị về nông thôn sản xuất. Xây dựng 4 nông trường quốc doanh (*trong đó có hai nông trường quân đội*) có diện tích từ 2.000 đến 7.000 ha, bước đầu hiệu quả kinh tế các nông trường chưa cao nhưng đã tạo được nhân tố tích cực cho phương hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa về mặt nông nghiệp trong tỉnh. Phong trào đóng thuế nông nghiệp và bán lúa dư cho Nhà nước trong năm tuy gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nhưng trong 6 tháng đầu năm quần chúng đã đóng góp trên 50.000 tấn lúa thuế và gần 2.600 tấn lúa thuế bằng tiền (qui ra lúa); bán lúa dư cho Nhà nước trên 110.000 tấn (*trong đó có huyện Mỹ Tú, Thạnh Trị đạt chỉ tiêu, các huyện gần đạt chỉ tiêu là huyện Mỹ Xuyên, Kế Sách, Long Phú*).

Bên cạnh việc tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo xây dựng cơ sở công nghiệp, khôi phục và phát triển cơ sở tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và xây dựng cơ sở công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, đã xây dựng được xưởng cơ khí sửa chữa tinh, thị xã và một số huyện nhằm trọng tâm là sửa chữa phương tiện máy móc nông nghiệp và sản xuất nông cụ cầm tay. Khôi phục nhà máy phân, vôi, các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp như làm đường, lò gạch, dệt chiếu, chằm nón, đan nón, may mặc, lò rèn, sản xuất tương, chao, xà phòng... đưa vào sản xuất. Tiếp quản, sử dụng cơ sở điện, nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân ở thành thị. Trực tiếp quản lý một số cơ sở xay xát, lò bánh mì, bánh ngọt, nước đá (*chủ bỏ trốn ra nước ngoài*) xây dựng thành cơ sở quốc doanh, quan tâm hướng dẫn số tư sản công nghiệp chế biến sản xuất theo phương hướng lãnh đạo của Đảng nhằm giải quyết một phần quan trọng công ăn, việc làm cho quần chúng lao động và sản xuất hàng hóa phục vụ đời sống nhân dân. Đồng thời tích cực chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho xây dựng một số xí nghiệp của Trung ương và địa phương vào những năm 1977 - 1978 như Nhà máy Cơ khí, Nhà máy Rau-Quả, Nhà máy Đông lạnh, Nhà máy nghiền phân (apatite và vôi), Nhà máy phân rác, Nhà máy làm thức ăn gia súc...

Trong năm 1977, miền Nam tiếp tục tiến hành nhiệm vụ cải tạo công, thương nghiệp tư bản tư doanh (5/1976). Đảng bộ tỉnh tiếp nhận chủ trương và thực hiện tốt kế hoạch được giao. Các hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện trong diện quy định đều được kiểm kê. Một số hộ kinh doanh thuộc đối tượng quản lý đều bị tịch thu hoặc trưng thu tài sản. Tuy nhiên, do cách làm thiếu khoa học, còn nóng vội, thiếu thực tiễn nên công tác cải tạo công - thương nghiệp trong tỉnh cũng như toàn miền Nam còn vướng phải một số thiếu sót, khuyết điểm, phải khắc phục để những năm sau thực hiện tốt hơn. Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo lưu thông phân phối và xây dựng cơ sở thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Thời gian qua, đã xây dựng được 4 Công ty cấp II, 9 Cửa hàng Tổng hợp cấp huyện, thị xã, 110 Cửa hàng mua-bán lẻ, 62 Hợp tác xã mua-bán và tiêu thụ; đi đôi với thực hiện tốt chủ trương đăng ký kiểm kê hàng hóa tư sản thương nghiệp, đăng ký và hướng dẫn hành nghề đôi với lực lượng tiểu thương. Mặt khác, quan tâm giáo dục trong cán bộ, đảng viên và quần chúng được thông suốt nhằm giải quyết những thắc mắc về quản lý, thu mua, giá cả, đồng thời có nghiên cứu đề đạt ý kiến về Trung ương xem xét lại giá cả những mặt hàng còn chưa phù hợp.

Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, đây là một mặt trận quan trọng được Tỉnh ủy quan tâm; đầu tháng 02/1977 Ban Khoa giáo Trung ương và Bộ Giáo dục mở hội nghị kiểm điểm công tác giáo dục ở miền Nam, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh ủy tập trung phát động phong trào bình dân học vụ, mở các trường lớp bổ túc văn hoá, ra sức

mở chiến dịch xoá mù chữ, tăng cường đào tạo giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, sắp xếp lại tổ chức hệ thống ngành giáo dục; chỉ đạo công lập hoá các trường Hoa và một số trường Công giáo, tư thục ở thị xã Sóc Trăng và các thị trấn, việc trên đã có một ảnh hưởng rất tốt trong đội ngũ giáo viên, học sinh. Tại khu vực Sóc Trăng, các trường Bồ túc văn hoá - công nông (*trước là Trường Lê Văn Tám*), trường Trung học Sư phạm vẫn tiếp tục mở để đào tạo giáo viên. Công tác thông tin, văn hoá - văn nghệ được đẩy mạnh, Tỉnh ủy chỉ đạo ngành văn hoá - thông tin và các cấp ủy đảng thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư về công tác này. Các hoạt động văn hoá - thông tin thời gian này rất nổi bật, có trường trung học văn hoá đào tạo các loại hình cho cán bộ văn hoá đầu tiên ở các tỉnh Tây Nam Bộ; riêng Tỉnh đoàn thanh niên kết hợp với ngành văn hóa - thông tin tỉnh tổ chức cuộc triển lãm phim ảnh, hiện vật của thanh niên Liên Xô về đề tài “*Thanh niên Liên Xô anh hùng*” kéo dài hai tuần lễ phục vụ cho hàng chục ngàn lượt người xem. Về mặt xã hội, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cứu đói, phong trào nhường cơm sẻ áo, lá lành đùm lá rách và giải quyết các tranh chấp đất đai trong nông dân. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư (15/11/1977) về *Công tác dân tộc ít người ở các tỉnh miền Nam*, chính quyền chỉ đạo giải quyết tốt một bước về chính sách thương binh, liệt sĩ. Hoàn thành thủ tục xét duyệt công nhận gần 11.000 liệt sĩ, trên 7.000 gia đình đã được giải quyết cấp tiền tuất; 1.780 gia đình được trao tặng “*Bằng Tổ quốc ghi công*” và 723 thương bệnh binh được khám tổng quát để xác định hạng thương tật.

Năm 1977, tình hình an ninh chính trị - xã hội xảy ra nhiều vấn đề nổi cộm, địch đẩy mạnh tuyên truyền xuyên tạc, lợi dụng tình hình biên giới xảy ra xung đột, đời sống quần chúng đang gặp khó khăn, sai sót của một số cán bộ, chiến sĩ ta trong thực hiện chủ trương, chính sách... tìm mọi cách gây mâu thuẫn nội bộ, ly gián giữa Đảng, chính quyền với dân. Địch tung tin tức xuyên tạc, dọa dẫm nhân dân nhằm gây thanh thế giả tạo của chúng, ngăn chặn và phá hoại việc thực hiện chủ trương chính sách của ta (nhất là chủ trương huy động lương thực, tuyển quân, cải tạo công thương nghiệp) nhằm tạo một tâm lý hoài nghi, thiếu tin, bi quan tiêu cực trong nội bộ nhân dân về chế độ xã hội chủ nghĩa. Địch không tập trung hoạt động qui mô, phân tán lực lượng hoạt động lẻ tẻ, nhằm đánh thẳng vào hạ tầng cơ sở của ta, nhất là xóm, ấp vùng có đông đồng bào người Khmer (Vĩnh Châu). Hướng hoạt động của chúng là ở thị xã, vùng tôn giáo, dân tộc. Đồng thời, tìm mọi cách đưa người của chúng cài vào các tổ chức cách mạng, nổi cộm là ở Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Mỹ Tú, thị xã Sóc Trăng. Ý đồ của chúng là phá hoại bầu cử Hội đồng nhân dân, đại hội đảng bộ các cấp, các ngày lễ lớn của ta... Đến cuối tháng 12/1977, lực lượng Công an Sóc Trăng đã bắt một số tên cầm đầu và phá rã nhiều tổ chức phản động như “*Dân vận Hoa Mai*” hoạt động ở huyện Thạnh Trị, “*Dân quân phục quốc*” tại thị trấn Ngã Năm, “*Cứu nguy dân tộc*” tại xã Lạc Hòa (Vĩnh Châu)... Lực lượng vũ trang tiếp tục truy quét tàn quân và bọn phản động, bắt và gọi hàng 1.078 tên, thu 58 súng, đưa đi cải tạo 2.540 tên⁽¹⁾. Thắng lợi trên đã tác động tích cực đến đời sống nhân dân, tạo sự tin tưởng của nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước. Về công tác tuyển quân, đã được Tỉnh ủy và chính quyền quan tâm chỉ đạo sát sao. Trong lúc tình hình còn nhiều khó khăn như tình hình biên giới, tân binh bỏ ngũ nhiều, địch tuyên truyền xuyên tạc nhưng qua sự nỗ lực chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, kết quả tuyển quân đạt gần 60% chỉ tiêu (4.294/7.200), số bỏ ngũ ít dần, gia đình có yên tâm phấn khởi; trong năm, tỉnh có 4 đơn vị đạt và vượt chỉ tiêu tuyển quân trong đó có thị xã Sóc

⁽¹⁾ Trích báo cáo của Ban Tổ chức Tỉnh ủy số 08/TC.78 “*Công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1977*”, ngày 10/01/1978; TL lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Trăng. Ngoài ra, các đơn vị đã cố gắng giáo dục, động viên được 1.087 chiến sĩ bỏ ngũ (năm 1976) trở lại đơn vị.

Về đoàn thể, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Tổng Công đoàn Việt Nam, ngày 27/9/1977 Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hậu Giang tiến hành Đại hội tại Cung Thiếu nhi tỉnh, tham dự có 228 đại biểu chính thức; trong đại hội đã bầu đồng chí Hà Thái Bình (Tur Hiền) làm Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh. Trong năm, các đoàn thể, mặt trận đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong quần chúng nhất là trong các trung tâm sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu, vụ Mùa, trong công tác ba thu, tuyển quân, công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh và chăm lo đời sống cho quần chúng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, tham gia xây dựng chính quyền, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chỉ đạo tổ chức đại hội bầu cử dân chủ trong các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Nông hội, Hội Chũr thập đò... Tính đến cuối năm 1977, các đoàn thể đã vận động phát triển trên 80.000 hội viên. Ban Dân vận - Mặt trận đã mở hai cuộc Hội nghị chuyên đề xây dựng đề án Công tác Dân tộc hai năm (1977-1978); đồng thời triển khai Đề cương Chính sách Dân tộc đến tận cơ sở.

Về tổ chức bộ máy, chính quyền tỉnh mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 352 thành viên Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị (chiếm 48,02% tổng số thành viên hiện có) và 73 đồng chí là chủ tịch, phó chủ tịch xã, phường. Nhờ đó, giúp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày càng đi vào chức năng nhiệm vụ, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhất là trong chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, huy động lương thực, chăm sóc đời sống quần chúng có nhiều tiến bộ hơn trước. Song song với củng cố xây dựng chính quyền, đảng bộ quan tâm phát triển các ban ngành cấp tỉnh, huyện, thị. Tỉnh quyết định thành lập thêm 07 ngành ngang ty, 76 ngành trực thuộc ty và phòng, bổ nhiệm 35 cán bộ tương đương phó ty, phó phòng, điều động trên 200 cán bộ nghiệp vụ tăng cường cho các ty và phòng. Từ đó, các ban ngành trong tỉnh về số lượng, chất lượng đã có một bước phát triển, tạo điều kiện cho chính quyền các cấp thêm vững mạnh và đảm bảo thực hiện tốt vai trò chức năng của bộ máy Nhà nước.

Quá trình triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh (đợt 2) ở các cấp, các ngành ngày được nâng cao các mặt như về nguyên tắc tổ chức Đảng cho đảng viên, chấn chỉnh về công tác tổ chức, tăng cường số lượng, chất lượng, năng lực công tác của các cấp ủy Đảng. Các đơn vị trong tỉnh đã chuẩn bị tốt tổ chức Đại hội Đảng bộ (đợt 2) theo như kế hoạch chỉ đạo của Tỉnh ủy chỉ đạo, thời gian làm việc từ 5-7 ngày, nội dung chính là xây dựng Nghị quyết Đảng bộ huyện và bầu nhân sự; nhìn chung đạt kết quả tốt. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị chuyên đề về xây dựng cơ sở, công tác kiểm tra Đảng tổ chức triển khai Chỉ thị 237 của Ban Bí thư Trung ương Đảng cho cơ sở, các ban ngành trong tỉnh; điều động một Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Bí thư huyện trọng điểm, một số đồng chí Tỉnh ủy viên về làm Bí thư huyện, thị xã, bí thư của xã điểm và nhiều cán bộ sơ, trung cấp về tăng cường cho các ngành cấp huyện.

Nhìn chung, tình hình cả nước và ở địa phương chiều hướng phát triển thuận lợi nhưng đồng thời cũng diễn ra nhiều khó khăn phức tạp mới. Thành quả đã đạt được trong năm chứng tỏ đảng bộ các cấp trong tỉnh đã có nhiều cố gắng, kinh nghiệm và trưởng thành thêm một bước. Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy ngày càng căn cơ, khá toàn diện và vững chắc, biết nắm vấn đề mấu chốt, chi phối để tập trung chỉ đạo; phương hướng

nhệm vụ chính trị địa phương đề ra ngày càng sát thực tiễn địa phương. Từng lúc biết tập trung dồn sức, quyết tâm làm chuyên biến một cách rõ nét các công việc trọng tâm như chỉ đạo cải tạo và xây dựng kinh tế, xây dựng nền chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, chăm lo đời sống quần chúng, xây dựng Đảng và các lực lượng cách mạng. Từ đó tập hợp được sức mạnh toàn dân cùng ra sức khắc phục khó khăn, phức tạp mới trong sản xuất, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động.

Bên cạnh đó, vẫn còn những thiếu sót và khó khăn cần phải nỗ lực hơn nữa để tiếp tục giải quyết, như trong công tác chỉ đạo, Tỉnh ủy thấy được khâu then chốt và chi phối của các mặt công tác nhưng chưa giải quyết tốt mâu thuẫn mới giữa năng lực chỉ đạo và yêu cầu nhiệm vụ, giữa trước mắt và lâu dài; thường bị chi phối vào nhiệm vụ trước mắt loay hoay với sự vụ như thu mua lương thực, nên có ảnh hưởng nhất định đến chỉ đạo căn cơ, toàn diện. Tỉnh ủy đã chỉ ra cho các đơn vị thấy được những mặt còn yếu như tình hình quản lý kinh tế còn nhiều thiếu sót, nhiều vấn đề rất phức tạp có cả chủ quan và khách quan tạo ra nhưng chưa có biện pháp giải quyết. Công tác xây dựng Đảng và các lực lượng đoàn thể chính trị hoạt động chưa sâu, tập trung là khâu cơ sở, vì vậy nhiều chủ trương của Đảng ra dân chậm và chưa thông suốt “Cấp trên chỉ đạo không sát cơ sở, cơ sở lại làm không sát với dân”. Trong hoạt động thực tiễn của phong trào, nhiều nhân tố tích cực xuất hiện nhưng không được tổng kết kịp thời để phát huy, nhân rộng; nhiều chính sách của Đảng chưa được hợp lý, chưa được Trung ương giải quyết, những chính sách đã ban hành nhưng có địa phương triển khai thực hiện chưa kịp hoặc có mặt chưa đạt yêu cầu.

Sang năm 1978, cả nước cũng như trong tỉnh gặp nhiều khó khăn, nạn sâu rầy và lũ lụt phá hoại mùa màng, sản xuất trở ngại, lương thực gặp khó khăn. Cũng trong thời gian này, mối quan hệ của Trung Quốc và Việt Nam xấu đi, trên tuyến biên giới Trung - Việt liên tiếp diễn ra nhiều vụ xung đột. Tất cả những vấn đề trên khiến diễn biến tình hình trong tỉnh ngày thêm phức tạp, trong năm 1978 nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh ngày càng nặng nề, đây là năm trọng tâm thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị... Để thuận lợi hoạt động giữa các địa phương, tháng 10/1978, Tỉnh ủy quyết định 03 ấp của xã Tân Thạnh, huyện Long Phú về thị xã Sóc Trăng (gồm ấp Sung Đình I, Sung Đình II và Kinh Xáng) 742 hộ với 4.000 người với diện tích 7.896 công đất nông nghiệp trong đó đất ruộng là 7.774 công.

Ngày 28/4/1978, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp và ra Nghị quyết về nhiệm vụ năm 1978, nghị quyết đề ra các nhiệm vụ quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, tập trung lớn nhất là thực hiện các chủ trương của Trung ương về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công - thương nghiệp; trong Nghị quyết nhấn mạnh “Tập trung sử dụng tốt lực lượng lao động. Khai thác đúng mức tài nguyên sẵn có, trước mắt là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện (lúa, màu và chăn nuôi), trong đó quyết tâm đạt cho được yêu cầu vụ hè thu. Phát triển mạnh thủy, hải sản và hàng xuất khẩu. Khôi phục và phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp. Tiến hành khẩn trương cải tạo nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải, phát triển giáo dục, y tế xã hội, thể dục thể thao. Tăng cường củng

cổ hệ thống chuyên chính vô sản bảo đảm hoàn thành các mục tiêu của năm 1978 tạo cơ sở cho những năm sau”⁽¹⁾.

Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp gặp khó khăn do xây dựng các hợp tác xã bậc cao không thành công. Vì vậy, ngày 14/4/1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 43 về *nắm vững và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam*, mở rộng các tập đoàn sản xuất, làm thí điểm và từng bước mở rộng xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Tiếp theo, ngày 15/11/1978, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 57 về *việc xoá bỏ các hình thức bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn, triệt để xoá bỏ tàn dư bóc lột của địa chủ phong kiến*, thì khắp nông thôn miền Nam, trong đó có Hậu Giang, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp lại được phát triển rầm rộ. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và huy động lương thực đã có sự chỉ đạo tập trung và cố gắng rất lớn, thu được kết quả đáng kể, diện tích gieo trồng tăng 3,53% (vụ hè thu và vụ mùa cơ bản đạt chỉ tiêu kế hoạch) tổng sản lượng tăng 7%, huy động lương thực đạt 82,66% theo kế hoạch điều chỉnh. Sau Chỉ thị 43 của Bộ chính trị, Tỉnh ủy đã chỉ đạo quán triệt trong đảng bộ các cấp và triển khai đến tận cơ sở. Đến nay, công tác cải tạo nông nghiệp và công - thương nghiệp được đẩy mạnh, đã cơ bản xoá bỏ bóc lột và tàn dư địa chủ phong kiến; giải quyết xử lý 425 hộ địa chủ, trang trải 10.542 ha ruộng đất cho 37 tập đoàn và 8.147 hộ nông dân không đất hoặc thiếu đất. Các hình thức làm ăn tập thể phát triển ngày càng phong phú, đến tháng 12/1978 đã lập xong 702 tập đoàn sản xuất trong 44 xã, phường với diện tích là 22.616 ha với 17.385 hộ, 50.000 lao động (bình quân mỗi tập đoàn có 50 ha và 100 lao động), và 2.726 tổ đoàn kết sản xuất⁽²⁾.

Trong năm 1978, theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy lãnh chỉ đạo các cấp ủy hạ quyết tâm hoàn thành công tác cải tạo công - thương nghiệp tư bản tư doanh trong toàn tỉnh. Về công tác đổi tiền, trong tháng 3 năm 1978, tỉnh chỉ đạo huy động hơn 16.000 cán bộ, đảng viên tăng cường xuống các huyện, thị và đồng loạt ra quân đến các hộ dân làm thủ tục kiểm kê tài sản, sau đó tiếp tục kiểm kê một số hộ khác, thực hiện xoá bỏ kinh doanh thương nghiệp của các nhà tư sản. Trong năm 1978 và những năm tới ta liên tục mở chiến dịch đánh tư sản thương nghiệp bằng nhiều hình thức: Đối với tư sản thì tịch thu, còn trung thương thì trung thu và trung mua với người mua bán nhỏ; kết quả, đã cải tạo 3.128 hộ, chuyển sang sản xuất 637 hộ⁽³⁾. Song song với cải tạo, Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng cơ sở thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, mở cửa hàng tổng hợp từ cấp tỉnh đến huyện, ở xã tổ chức các đại lý (xây dựng thêm 246 cửa hàng, 17 hợp tác xã mua bán và 152 tổ mua bán)... Việc phân phối hàng hóa trong nhân dân được ổn định dần; đồng thời từng bước phân bố lại lao động xã hội, chuyển người mua bán sang sản xuất.

Ngành thương nghiệp và giao thông vận tải xã hội chủ nghĩa được thiết lập và ngày càng mở rộng. Về thương nghiệp, Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng, củng cố khâu quản lý, chấn chỉnh thêm 5 công ty, phát triển thêm 14 cửa hàng ở thị xã, huyện và tổ chức hàng trăm hợp tác xã mua bán ở các xã. Về giao thông vận tải, ta xây dựng và quản lý hơn 180 xe, lập ra công ty quốc doanh, kết hợp chỉ đạo về công tư hợp doanh điều hành lực lượng xe tư nhân còn lại. Lưu thông phân phối, tài chính ngân hàng hoạt động khá,

⁽¹⁾ Trích “Nghị quyết hội nghị lần thứ IV của Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ Hậu Giang về nhiệm vụ năm 1978” ngày 28/4/1978, TL lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

⁽²⁻³⁾ Trích “Báo cáo tình hình công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1978”, TL lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

phục vụ sản xuất và đời sống quần chúng tốt, đặc biệt xuất khẩu vượt kế hoạch và tăng gấp hai lần so năm 1977. Cùng với lĩnh vực công, nông, thương nghiệp, lĩnh vực tiền tệ⁽¹⁾ giữ vai trò rất quan trọng; vì vậy, cuối tháng 4/1978, đã cử hàng trăm cán bộ tài chính, ngân hàng đi tập huấn đặc biệt về đổi tiền thống nhất cả nước từ 6 giờ sáng ngày 03/5/1978, toàn tỉnh tiến hành đổi tiền lần thứ hai, thu hồi tiền ngân hàng cũ của hai miền Nam - Bắc, phát hành tiền ngân hàng mới của ngân hàng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất trong cả nước. Đến cuối ngày, cuộc đổi tiền đã kết thúc tốt đẹp, an toàn.

Ngành thủy sản được tỉnh chỉ đạo tăng cường (Tỉnh ủy bổ nhiệm một đồng chí Tỉnh ủy viên vào tham gia Ban lãnh đạo Ty) và củng cố đưa phần lớn ngư dân vào tập đoàn đánh bắt cá, có chính sách rõ ràng đối với ngư dân, tạo được sự phấn khởi, an tâm trong ngư dân, công tác đánh bắt hải sản tăng 40%. Tuy nhiên, hiện nay có một số vật tư phụ tùng thay thế và ngư cụ còn thiếu; khâu quản lý thu mua chưa chặt, khâu vận chuyển chậm làm hàng hóa hư hao, mất phẩm chất. Lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công đã có bước phát triển mới, giá trị sản phẩm tăng 50%. Trong công nghiệp chế biến đã sản xuất được một số mặt hàng phục vụ đời sống nhân dân như xà bông, đường, nước chấm, tương, chao... nhờ đó, lượng các mặt hàng tiêu dùng đảm bảo phục vụ cho nhân dân địa phương. Trong lâm nghiệp, tiếp tục trồng thêm cây (tính chung khoảng 880 ha) ở các khu rừng ở Mỹ Phước (Mỹ Tú), Vĩnh Châu, Long Phú... đồng thời phát động trong nhân dân trồng hơn 500 ngàn cây.

Năm 1978, hoạt động của các đoàn thể và Dân vận - Mặt trận và các đoàn thể chủ yếu tuyên truyền, giáo dục thực hiện tốt nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy; nghị quyết đại hội của công đoàn, thanh niên, phụ nữ... Tiến hành Đại hội Ủy ban Mặt trận các cấp từ tỉnh đến các cơ sở. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong các phong trào “Ba xung kích, làm chủ tập thể” của thanh niên; phong trào “Ba điểm cao” trong sản xuất, “Ba cải tiến” trong các cơ quan hành chính sự nghiệp; phong trào “Hai tốt” của Giáo dục; phong trào “Hai giỏi”⁽²⁾ trong nữ cán bộ công chức; phong trào “Cứu tế, xã hội” của Hội Chữ thập đỏ... Qua hoạt động phong trào của các đoàn thể và mặt trận đã kịp thời phản ánh đời sống và tâm tư nguyện vọng của quần chúng đến cấp ủy và chính quyền các cấp giải quyết; phát huy cao quyền làm chủ tập thể của nhân dân như tạo các điều kiện để quần chúng tham gia đóng góp xây dựng chính quyền, các tổ chức đoàn thể; vận động, tập hợp quần chúng tham gia vào các đoàn thể.

Để đảm bảo thống nhất trong lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ của lực lượng vũ trang, lực lượng công an trong tham gia chiến đấu với địch, phát hiện và đập tan các cuộc bạo loạn, ngày 17/6/1978, Bộ Chính trị ra Quyết định 21⁽¹⁾ chỉ đạo thành lập Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất của tỉnh, về tổ chức đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Chính ủy, đồng chí Chỉ huy trưởng Quân sự tỉnh làm Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất. Công tác an ninh trật tự và quốc phòng phát triển tốt, tổ chức nhiều đợt truy quét và ngăn chặn được số vụ án quan trọng, âm mưu phá hoại bạo loạn của địch. Bên cạnh công tác truy quét tội phạm, Đảng ủy Quân sự tỉnh tập trung cho công tác xây dựng lực

⁽¹⁾ Ngày 25/4/1978, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 87-CP về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước.

⁽²⁾ “Ba xung kích, làm chủ tập thể”: Lao động sản xuất; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; học tập, rèn luyện và xây dựng cuộc sống mới. “Ba điểm cao”: Năng suất cao; chất lượng tốt; tiết kiệm nhiều. “Ba cải tiến”: Cải tiến về tổ chức; cải tiến nghiệp vụ công tác; cải tiến lề lối làm việc. “Hai tốt”: Dạy tốt; học tốt. “Hai giỏi”: Giỏi việc nước; đảm việc nhà.

⁽¹⁾ ĐCSVN: Văn kiện Đảng TT, tập 39 (1978), “Quyết định của BCT số 21-QĐ/TW, ngày 17/6/1978 về thành lập Bộ chỉ huy Quân sự thống nhất ở các tỉnh và thành phố”, trg 282. Nxb CTQG, HN-2005

lượng nông cốt từ các huyện Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, Long Phú, Kế Sách... đưa về Quân khu và thành lập Trung đoàn 92 để tham gia chiến đấu trên tuyến biên giới. Ngày 26/12/1978, Bộ Chỉ huy Quân đội cách mạng và Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia kêu gọi Quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ. Đáp lời kêu gọi ấy, Quân tình nguyện Việt Nam trong đó có chiến sĩ của Sóc Trăng đã tổ chức truy quét quân xâm lược diệt chủng, một lần nữa thể hiện tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung vì lợi ích của hai dân tộc. Công tác quân sự địa phương có nhiều chuyển biến, lực lượng vũ trang, bán vũ trang đều được bổ sung và tăng cường, nhiệm vụ chiến đấu ở biên giới và nghĩa vụ quốc tế đã giành nhiều thắng lợi mới. Bên cạnh công tác đấu tranh chống tội phạm bảo vệ trật tự an toàn xã hội, công tác đấu tranh với bọn tội phạm kinh tế, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết số 228 của Ban Bí thư được coi trọng và đẩy mạnh; ta đã phá được 68 vụ tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, thu hồi 60.608 đồng cho Nhà nước.

Về chăm lo đời sống tinh thần cho quần chúng được quan tâm nhiều, tuy tình hình kinh tế khó khăn nhưng nhìn chung cuộc sống người dân tương đối ổn định; sau thiên tai, tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời nạn đói cho địa phương mà còn đóng góp được lương thực, tiền bạc ủng hộ đồng bào một số tỉnh bạn. Về y tế, Sở khản trương thực hiện theo tinh thần Chỉ thị 02.CT/TU ký ngày 19/4/1978 của Tỉnh ủy Hậu Giang “Về việc đẩy mạnh công tác y tế năm 1978”, đẩy mạnh việc xây dựng mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở, hơn 80% xã có trạm y tế, trên 50% ấp có tổ y tế. Ngoài số thuốc trị bệnh do trung ương chi viện, Tỉnh ủy chỉ đạo Sở phát động phong trào trồng cây dược liệu, sản xuất thêm thuốc điều trị các bệnh thông thường; nhờ vậy mà lượng thuốc trong năm tăng lên. Bên cạnh đó, tăng cường đào tạo cán bộ y tế đảm bảo cả về chất và lượng; cũng từ đó lề lối làm việc được cải tiến, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của cán bộ y tế đối với quần chúng ngày càng tốt hơn. Phong trào văn hóa-giáo dục đã từng bước tiến bộ, nạn mù chữ được thanh toán cơ bản trên phạm vi toàn tỉnh; phong trào bổ túc văn hóa được phổ cập trong cán bộ, nhân dân tăng lên rõ rệt. Công tác thương binh-xã hội được quan tâm thực hiện, trong năm đã có 19.710 gia đình được công nhận là gia đình liệt sĩ; tổ chức khám xác định thương tật cho 2.428 người, giám định 726 người thương tật và mất sức lao động... chính sách cho thương binh, liệt sĩ và gia đình có công cách mạng được thực hiện ngày càng chu đáo⁽¹⁾.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể có nhiều mặt tiến bộ, nhất là về tư tưởng và tổ chức, mục tiêu xây dựng được gắn với nhiệm vụ chính trị địa phương, chỉ đạo có quan tâm đối với cơ sở (tăng cường 47 cán bộ tỉnh xuống xã và 7 Huyện ủy viên trực tiếp phụ trách Bí thư xã, 26 cơ quan tỉnh đỡ đầu giúp 24 xã). Tăng cường đào tạo lực lượng cán bộ, phát huy vai trò làm chủ tập thể, thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 159 của Hội đồng Chính phủ và Thông tri 22 của Ban Bí thư đã đạt một số kết quả khả quan (Củng cố vị trí Bí thư và Chủ tịch trong 22 xã; kỷ luật 659 cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh). Các cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể tuy đã hình thành và trưởng thành một bước nhưng nói chung còn yếu, nhiều nơi trì trệ kéo dài mà chuyển lên chậm, đáng chú ý là các chi bộ cơ sở có số đảng viên cốt cán thiếu và yếu; chưa gắn chặt việc xây dựng cơ sở với xây dựng huyện, để hình thành địa bàn huyện với cơ cấu công-nông nghiệp ngày càng vững mạnh. Củng cố tổ chức Đảng chưa kiên quyết, chưa triệt để và không toàn diện. Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng, hội đồng nhân

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo tình hình công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1978”, TL lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

dân chưa tốt. Bộ máy chính quyền chưa thật tiêu biểu, chưa đủ sức đảm trách nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý xã hội ở địa phương. Trong lề lối làm việc, cấp ủy còn bao biện công việc của chính quyền, chưa thực hiện tốt nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, chính quyền quản lý”.

Trong năm 1978, Tỉnh ủy đã có sự chỉ đạo tập trung trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và huy động lương thực, thu được kết quả đáng kể. Đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp và công-thương nghiệp, tuy tốc độ chậm nhưng chất lượng khá, tàn dư địa chủ phong kiến về ruộng đất đã được xóa bỏ. Ngành thương nghiệp và giao thông vận tải đã được cải tạo một bước quan trọng, hệ thống thương nghiệp và giao thông vận tải xã hội chủ nghĩa được thiết lập và ngày càng mở rộng. Trong lưu thông phân phối, ngành Ngân hàng hoạt động khá, có nhiều cố gắng trong phục vụ sản xuất và đời sống quần chúng, đặc biệt xuất khẩu vượt kế hoạch và tăng gấp hai lần so năm 1977; công tác tài chính thu, chi cân đối được quyết toán kịp thời cuối năm. Công tác an ninh, trật tự phát triển tốt; công tác quân sự địa phương có chuyển biến, lực lượng vũ trang, bán vũ trang đều được bổ sung tăng cường, nhiệm vụ chiến đấu ở biên giới và nghĩa vụ quốc tế đã giành nhiều thắng lợi mới. Nhiệm vụ tuyển quân, nhất là trong những tháng cuối năm tất bật với công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức khám sức khỏe, nên số thanh niên tham gia nghĩa vụ quân sự gần đạt chỉ tiêu theo kế hoạch. Về chăm lo đời sống, tuy tình hình kinh tế khó khăn, thiên tai, dịch bệnh xảy ra nhưng chính quyền các cấp chỉ đạo kịp thời ổn định đời sống cho người dân, giải quyết kịp thời nạn đói cho quần chúng địa phương và còn đóng góp được lương thực, tiền bạc ủng hộ đồng bào một số tỉnh. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể luôn được xem là nhiệm vụ quan trọng, nhất là về tư tưởng và tổ chức, mục tiêu xây dựng được gắn với nhiệm vụ chính trị địa phương, đặc biệt là quan tâm chỉ đạo đối với cơ sở.

Trong năm 1978, tình hình nhiệm vụ mới gặp nhiều khó khăn, phức tạp nhất là vào những tháng cuối năm; tuy vậy, Đảng bộ tỉnh quyết tâm thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa, tạo tiền đề mới cho Đảng bộ và quân, dân hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó, những nhân tố tích cực mới trong các phong trào xuất hiện, công tác chỉ đạo có được một số kinh nghiệm trên nhiều mặt công tác, trình độ và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cán bộ từng bước vững vàng hơn. Tuy nhiên, dù xác định thế mạnh của tỉnh là nông nghiệp nhưng trong sản xuất nông nghiệp, Tỉnh ủy chưa tập trung đúng mức chỉ đạo toàn diện (sản xuất lúa và màu, trồng trọt và chăn nuôi chưa cân đối), chỉ đạo nông trường còn thiếu tập trung làm ảnh hưởng không tốt cho phong trào chung. Xây dựng ban, ngành chưa theo yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm, vai trò tham mưu của các ban, ngành giúp cấp ủy chưa tốt; ở cấp cơ sở, năng lực lãnh đạo có được nâng lên nhưng chưa theo kịp tình hình mới.

Sang năm 1979 có những thuận lợi lớn nhưng cũng đứng trước rất nhiều khó khăn; đặc biệt là các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội của năm 1978 đều đạt thấp so với kế hoạch; bên cạnh đó phải tiếp tục đối phó với hai cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc. Ngày 17/02/1979, Trung Quốc vô cớ tấn công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam dài 1400 km, có nơi họ tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam tới 50 km, quân và dân ta buộc phải chiến đấu để tự vệ và đã chiến đấu ngoan cường để giữ vững chủ quyền lãnh thổ, độc lập của Tổ quốc. Thêm vào đó thiên tai nặng nề ở Đồng bằng sông Cửu Long trong đó có Sóc Trăng, nạn đói kém ập xuống, giá gạo tăng vùn vọt kéo vật giá các loại cũng tăng theo, khiến người dân xôn xao, cộng với chiến tranh tâm lý, kích

động của các thế lực thù địch đã làm cho một số người bần khổ, lo ngại, tìm mọi cách vượt biên ra nước ngoài, có cả những người lao động và nhân viên nhà nước (đây là thời kỳ trốn vượt biên nhiều nhất).

Trước tình hình trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức Hội nghị lần thứ V và ra Nghị quyết đánh giá tình hình năm 1978, đề ra phương hướng nhiệm vụ năm 1979 là: Đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các mặt, tập trung cao độ năng lực và quyết tâm của toàn Đảng bộ, quân và dân khai thác đúng mức tiềm năng và những thuận lợi tập trung cho sản xuất nông nghiệp toàn diện, song song với phát triển công nghiệp và các mặt khác cụ thể là đẩy mạnh sản xuất, ra sức chăm lo, ổn định, bảo đảm giữ vững đời sống nhân dân; tăng cường củng cố an ninh quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo hậu phương vững chắc để làm tốt nghĩa vụ đối với phía trước. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, tận dụng đúng mức những cơ sở hiện có, phát huy mới, tạo điều kiện phục vụ được yêu cầu trước mắt và những năm sau.

Để tăng cường thêm sức mạnh lãnh đạo trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang, trong năm 1979 Bộ Chính trị quyết định điều động các đồng chí Vũ Đình Liệu (Tur Bình), Ủy viên Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Trọng Yên (Chín Công) là Vụ trưởng Vụ Địa phương 9 thuộc Ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Đặng Toàn là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng tăng cường về tỉnh Hậu Giang và tham gia vào Ban Thường vụ Tỉnh Ủy Hậu Giang⁽¹⁾.

Trên mặt trận cải tạo và sản xuất nông nghiệp có những bước phát triển tốt; thời tiết thuận lợi cho sản xuất nhưng từng lúc cũng có những đợt hạn, lũ lụt bất thường gây thiệt hại (trong đó 12.000 ha mất trắng). Kết quả, tổng diện tích gieo trồng trong năm (cả lúa và màu) 440.000 ha, đạt 88%. Vụ đông xuân 1979-1980 vượt kế hoạch 2,5%, hoa màu phát triển chậm (30.500 ha), cây lương thực đạt 49,85%, cây công nghiệp và cây ăn quả ngắn ngày vượt 57%. Chỉ đạo đẩy mạnh các biện pháp khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất: giải quyết được giống lúa mới, ngắn ngày, chống sâu rầy trên đại bộ phận đồng ruộng, làm thủy lợi, thực hiện gieo cấy tương đối kịp thời vụ v.v... nhờ đó, chống được sâu rầy, năng suất tăng, bình quân 02 đến 03 tấn/ha, có nơi 04 đến 05 tấn/ha, cá biệt một số khu vực đạt từ 07 đến 08 tấn/ha, đã mở ra những khả năng làm cao sản cho địa phương. Tổng sản lượng 1.037.900 tấn, đạt 86,5%, trong đó hoa màu chiếm 4,3%; Long Phú đang triển khai vùng bắp vàng giống, phân, nước và vật tư.

Cải tạo nông nghiệp chuyên biến khá mạnh, từ tháng 5/1979 đến tháng 10/1979 Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức nhiều đợt huy động trên 2.000 cán bộ (tỉnh, huyện) xuống cơ sở, phát động tổ chức các tập đoàn sản xuất, là hình thức tập thể hóa phù hợp với tình hình địa phương; kết quả, tổ chức hơn 2.000 tập đoàn sản xuất. Cuối năm 1979, tỉnh có 2.615 tập đoàn sản xuất và 4 hợp tác xã (02 hợp tác xã nông nghiệp thí điểm, 02 hợp tác xã làm muối), tập hợp 136.000 hộ dân (chiếm 45% tổng số hộ nông dân), 226.000 lao động (chiếm 37,2%), 135.000ha (chiếm 33,5% trong tổng diện tích canh tác). Trong những tháng cuối năm 1979, gần 1.200 tập đoàn xây dựng được phương án kinh tế, ăn chia phân phối, đấu tranh đẩy lùi những tiêu cực ban đầu. Huyện nào cũng có điển hình tốt, xuất hiện nhân tố mới trong quản lý sản xuất, trong phân phối và đóng góp nghĩa vụ lương thực cho nhà nước, nhiều tập đoàn có năng suất cao như Tập đoàn số 9 xã Kế An

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 661/QĐ, ngày 24/01/1979; Quyết định số 698 NQ-NS/TW, ngày 22/02/1979; Quyết định số 836 NQ-NS/TW, ngày 17/5/1979 của Ban Bí thư trung ương Đảng.

(Kế Sách), Tập đoàn số 02 xã Ngọc Tố (Mỹ Xuyên) đạt 4-5 tấn/ha, đặc biệt có tập đoàn của xã Trường Khánh (Long Phú) đạt 5-8 tấn/vụ...⁽²⁾. Nhờ đó, đời sống của tập đoàn viên được cải thiện, bước đầu đã có một số tập đoàn viên làm ăn hơn hẳn các tổ chức cá thể trên nhiều mặt, tạo nhiều phấn khởi mới nên bà con làm nghĩa vụ đóng góp và thực hiện hợp đồng hai chiều với nhà nước và làm nghĩa vụ quân sự rất tốt (do tập đoàn động viên). Những kết quả đó có ý nghĩa rất lớn, giải quyết những băn khoăn, hoài nghi trong nông dân, xóa tan những lời xuyên tạc của bọn phản động, nó càng chứng minh hoạt động tập thể là tất thắng, trong đấu tranh giữa hai con đường. Tuy nhiên, chất lượng tập đoàn còn yếu, chưa được củng cố nâng lên thậm chí có những nơi mang hình thức là tập đoàn nhưng thực chất vẫn còn làm ăn riêng lẻ. Hiện tượng chung trong người dân là còn tư tưởng chần chừ, do dự, muốn kéo dài thời gian, không tích cực khẩn trương, nhưng khi bắt tay vào tổ chức thì lại muốn làm nhanh, làm ẩu, gò ép nên nông dân phản ứng.

Mặt khác, thời gian này tình hình kinh tế trong tỉnh gặp khó khăn lớn về lương thực, hàng tiêu dùng, sản xuất kém phát triển, do những ràng buộc cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, tháng 8/1979 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV) đã có Nghị quyết “Tình hình nhiệm vụ cấp bách” về phương hướng phát triển hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, nhằm mở ra hướng “Sản xuất bung ra” kích thích lực lượng sản xuất và phát triển...

Thực hiện Nghị quyết 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV), tỉnh ra sức đẩy mạnh sản xuất, cải tiến giá cả, cải tiến phân phối lưu thông, phát huy tính chủ động của mọi tầng lớp nhân dân, vươn lên trong sản xuất kinh doanh theo hướng tự cấp, tự túc có sự liên kết công, nông nghiệp khắc phục tình trạng trông chờ vào Nhà nước. Đồng thời Nhà nước quản lý 9 mặt hàng thiết yếu (Lương thực, thực phẩm, xăng dầu, dệt và may, xi măng, sắt thép, điện, nước, thuốc chữa bệnh). Thời gian này trở đi, Nhà nước xoá bỏ các trạm kiểm soát nhưng tăng cường quản lý điều hành tại gốc, đẩy mạnh hoạt động trao đổi hàng hai chiều với nông dân để nắm nguồn lương thực; nâng giá thu mua lương thực theo thoả thuận giữa nhà nước và nông dân, đồng thời cấm nấu rượu và uống rượu để tiết kiệm lương thực...

Từ khi bãi bỏ những hình thức ngăn sông, cấm chợ, nông dân sản xuất nhiều vụ mùa lúa trúng, giá cả thị trường tiếp tục ổn định, tuy có lúc còn chênh lệch hoặc có nơi còn thấp hơn giá thoả thuận của Nhà nước (Tỉnh đã điều chỉnh giá lại), nhất là từ cuối vụ hè thu, đầu vụ mùa; công tác huy động lương thực năm 1979 đạt kết quả cao. Với sự nỗ lực và phấn đấu của Đảng bộ, quân và dân, kết quả đạt 75%, giao nộp về Trung ương 70%, trong đó thuế đạt 71% (Thu mua chiếm 37,5% so tổng số huy động) bình quân mức 250 kg/ha. Trong phong trào huy động lương thực đã xuất hiện nhiều nhân tố tích cực, ở Thạnh Thới An (Mỹ Xuyên), xã Trường Khánh và thị trấn Long Phú đã có mức huy động từ 1,2 đến 02 tấn/ha (có hộ dân ở Trường Khánh bán cho nhà nước 7,10 tấn/ha), đặc biệt là Tập đoàn 9 xã Kế An (Kế Sách) huy động 4 tấn/ha. Những điển hình trên là cơ sở rất tốt để nhân ra thành phong trào phát triển rộng khắp cho các vụ mùa sau.

Trong công nghiệp, từng bước có chú trọng trong việc phục vụ sản xuất công nghiệp và nhu cầu hàng tiêu dùng cho đời sống quần chúng. Sau khi triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, công nghiệp địa phương và công nghiệp hàng tiêu

⁽²⁾ Trích “Báo cáo tình hình năm 1979 của Hậu Giang”, số 03.BC/TU ngày 19/01/1980, trang 1-2. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

dùng có sự chuyển biến đáng phấn khởi, giúp từng cán bộ đến người dân nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề. Từ đó, hàng ngàn cơ sở tiểu thủ công nghiệp chuẩn bị hoạt động lại, tính cả năm có gần 5.000 cơ sở hoạt động (tăng 17,5%). Giá trị tổng sản lượng tăng 18,5% (trên 60 triệu đồng, trong đó quốc doanh chiếm 27,6%), tỉ trọng chế tạo và sửa chữa cơ khí chiếm 25,57%, chế biến lương thực, thực phẩm chiếm 45,3%; làm được 300.000 nông cụ cầm tay, gần 10.000 tấn phân vôi, chế tạo mặt hàng phụ tùng máy nổ, máy xay xát... Xây dựng xí nghiệp đóng tàu của tỉnh, đã đóng xong 02 xà lan trọng tải 250 tấn, chuẩn bị xây dựng xí nghiệp sửa chữa ô tô được 500 xe/năm. Ngoài ra, tổ chức hợp đồng gia công với Thành phố Hồ Chí Minh một số mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống như xà phòng, giấy, viết...⁽¹⁾

Về thủy hải sản, sau khi tách Côn Đảo (Nghị quyết của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ 5, ngày 30/5/1979)⁽²⁾, Hậu Giang còn 72 km bờ biển (Vĩnh Châu, Long Phú), Tỉnh ủy chỉ đạo khẩn trương cải tạo và xây dựng cơ sở đánh bắt, tập trung 364 ghe, tàu gồm 1.400 ngư cụ các loại (dưới đáy, xiệp, cào...), hầu hết đều nằm trong tay tư nhân, trong những tháng cuối năm đã tổ chức được 98 tổ đoàn kết sản xuất và củng cố chân chính lại đoàn tàu quốc doanh còn lại. Năm 1979, đã khai thác 7.600 tấn đạt 82%, thu mua đạt 41% kế hoạch; do công tác tổ chức quản lý, thu mua chưa tốt nên mức huy động chỉ chiếm 22% tổng sản lượng.

Phong trào trồng cây và trồng rừng tiếp tục được phát động, đã tu bổ và trồng thêm 800 ha rừng ở 03 huyện Mỹ Tú, Vĩnh Châu và Long Phú (đạt 71% kế hoạch), trồng mới 2,6 triệu cây bóng mát, lấy gỗ, tăng 5 lần so với năm 1978⁽³⁾.

Thương nghiệp và xuất khẩu, Tỉnh ủy chỉ đạo phân phối hàng hóa phục vụ đời sống quần chúng tương đối tốt, nhất là hàng nhu yếu phẩm, theo tiêu chuẩn đảm bảo đến tận tay quần chúng so các năm qua có tiến bộ hơn. Hàng hoá bán lẻ và trao đổi hai chiều còn phức tạp, chưa được hợp lý, chưa phục vụ tốt cho hợp đồng thu mua năm nguồn hàng tại địa phương. Năm 1979, tổng giá trị hàng hóa mua vào là 83.003.000 đồng. Hàng công nghiệp địa phương 11.740.000 đồng; hàng hóa giao nộp về Trung ương và bán ra là 100.334.000 đồng (giao hàng về Trung ương là 4.736.000 đồng). Về xuất khẩu, vốn đầu tư vào các cơ sở sản xuất tạo nguồn hàng phục vụ xuất khẩu (cơ sở nuôi gà, tôm, lúa đặc sản, khoai và mỹ nghệ...), khu vực kinh tế cá thể chiếm 68,82% tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu lại bị không chế theo giá chỉ đạo của Trung ương nên chưa phù hợp và tiền vốn cũng gặp khó khăn, do đó kết quả thực hiện thấp (đạt 12.436.746 đồng, trong đó xuất khẩu đại ngạch và tiểu ngạch là 9.207.559 đồng, riêng đại ngạch đạt 3.131.491 đồng)⁽⁴⁾.

Về hoạt động ngân hàng-tài chính, công tác thu-chi vẫn chưa cân đối (thu 58 triệu và chi 62 triệu); công tác thu thuế và thu nợ được các địa phương đẩy mạnh, ngoài vận động thu thường xuyên, đã tổ chức đi xuống cơ sở kiểm tra tình hình chiếm dụng vốn Nhà nước để thu hồi... Tuy nhiên, chỉ đạo thu chưa cao, nhất là thuế công-thương nghiệp, thuế vườn. Trong công-thương nghiệp, chỉ thu được khoảng 6.000/29.000 cơ

(1) Trích “Báo cáo tình hình năm 1979 của Hậu Giang”, số 03.BC/TU ngày 19/01/1980, trang 4-5. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

(2) Nguyễn Quang Ân: “Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới hành chính (1945-2002)”, trang 495-496. Nxb Thông Tấn, Hà Nội-2003.

(3-4) Trích “Báo cáo tình hình năm 1979 của Hậu Giang”, số 03.BC/TU ngày 19/01/1980. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

sở, nợ chiếm dụng vốn còn nhiều, chưa thu được. Kết quả, thu ngân sách địa phương chung là 58 triệu, đạt 97% (trong đó thu thuế công-thương nghiệp đạt 78,11%, thuế nông nghiệp đạt 88,52%) chi 61.857.000 đồng tăng 6,58% so năm 1978. Ngân hàng phục vụ cho sản xuất và đời sống quần chúng tốt hơn, quan tâm công tác quản lý tiền mặt, tuy kết quả chưa cao nhưng đã có sự chuyển biến bước đầu trong khâu này. Kết quả, nguồn thu 194.500.00 đồng, đạt 93,9%, nguồn chi 229.800.000 đồng đạt 110,8%; trong đó nguyên nhân do giá thỏa thuận mua lương thực, thực phẩm tăng, nên trong công tác thu, chi mất cân đối làm ảnh hưởng đến lưu thông phân phối⁽¹⁾.

Giao thông vận tải, tuy còn nhiều khó khăn (xăng dầu, phụ tùng) nhưng vẫn đảm bảo thực hiện kế hoạch thường xuyên và kế hoạch đột xuất, phục vụ cho yêu cầu quân sự. Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển được 530.000 tấn, phục vụ vận chuyển hành khách được 23.523.000 lượt người đạt 167% kế hoạch năm. Đóng mới 02 xà lan 250 tấn và tổ chức hợp tác xã, tăng cường giao thông đường thủy và xây dựng 5 cầu đúc và cầu sắt, 30 km đường⁽²⁾. Về quản lý, do được sự lãnh đạo, giáo dục sát nên ý thức trách nhiệm của công nhân và tài xế tiến bộ rõ, những hiện tượng làm ăn phi pháp trên xe, tàu giảm dần.

Về công tác giáo dục, theo tinh thần Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị, ngày 14/8/1979 Tỉnh ủy đề ra Chỉ thị số 06 CT/TU về việc đẩy mạnh công tác giáo dục trong tỉnh, chỉ thị nêu mục tiêu cải cách giáo dục: Toàn đảng, toàn dân phải có trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ từ tuổi thơ ấu đến lúc trưởng thành nhằm tạo ra cơ sở ban đầu rất quan trọng của con người Việt Nam mới... Trong Chỉ thị nhấn mạnh là phần đầu cho các trẻ từ 6 tuổi đến trưởng thành đều được đi học; trong hai năm tới phần đầu phổ cập cấp I trong nhân dân, cấp II cho cán bộ và thanh niên ưu tú, tạo điều kiện từng bước đạt phổ thông trung học... Nội dung Chỉ thị còn nêu rõ: Ty Giáo dục phối hợp các đoàn thể chọn thí điểm vận dụng thực hiện nguyên lý giáo dục mới từ nội dung đến phương pháp dạy và học từ tỉnh đến huyện, thị, thành, có theo dõi và sơ tổng kết hàng năm; bên cạnh đó phải có kế hoạch chăm sóc, chế độ đãi ngộ về tinh thần, vật chất cho cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên...

Tinh thần Chỉ thị 06 của Tỉnh Ủy được triển khai tận cơ sở, tạo được sinh khí mới trong cán bộ và thầy cô giáo, chất lượng công tác giảng dạy được nâng lên, những vấn đề không hợp lý từng bước được giải quyết (*chính sách lương, chế độ đãi ngộ...*). Các cấp ủy quan tâm xây dựng trường lớp ở nông thôn, trường mẫu giáo có 57 trường, 296 lớp và 11.132 cháu nhưng chỉ còn tập trung ở thị xã, thị trấn chưa mở rộng ra ở nông thôn, phong trào bổ túc văn hóa phát triển tốt, trường tập trung 1.100 học viên, các lớp học tại chức được mở rộng, hầu hết cán bộ theo học trong năm đều được lên lớp (tổng số có 4.000 học viên, trong đó 500 cán bộ lãnh đạo). Phong trào phổ cập từ lớp hai trở lên trong quần chúng được giữ vững, đã có 120.856 người theo học (chiếm 89,5% trong diện phải học). Khó khăn nhất là thiếu trường lớp, thiếu giáo viên, còn 35% trẻ em chưa được đi học, thời gian tới phần đầu khoảng 75% cháu đúng tuổi được đi học. Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể được quan tâm hơn bằng nhiều hình thức (mở lớp tập trung, tập huấn, bồi dưỡng tại chức) đã có 66.214 cán bộ, đảng viên, công nhân viên được đào tạo bồi dưỡng về lý luận và nghiệp vụ chuyên môn,

⁽¹⁻²⁾ Trích “Báo cáo tình hình năm 1979 của Hậu Giang”, số 03.BC/TU ngày 19/01/1980. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

tăng 76% so năm 1978 (trong số này trường Đảng 3.954, trường chính quyền 17.372 và trường các đoàn thể 44.888 học viên).

Hoạt động y tế, vệ sinh phòng bệnh tiếp tục phát triển thành phong trào quần chúng khá tốt, chỉ đạo một số xã đẩy mạnh phong trào “Bốn dứt điểm”⁽¹⁾. Đẩy mạnh công tác điều trị đạt trên 2.234.000 lượt người điều trị, tỷ lệ tử vong là 2,09%. Các dịch bệnh được kịp thời dập tắt, trong điều trị kết hợp được Đông - Tây y, trồng cây dược liệu được 36 ha. Nhờ đó, khắc phục được tình trạng thiếu thuốc trong bệnh viện; tổng giá trị thuốc được sản xuất 2.535.000 đồng, giá trị phân phối bình quân 6,7 đồng/người. Bên cạnh đó, ngành đã mở nhiều lớp bồi dưỡng, đào tạo 899 học viên (139 bác sĩ, 578 y tá và hộ sinh, 119 dược tá, 28 cán bộ đông y) tăng cường cho cơ sở. Hoạt động của Hội Chữ thập đỏ phát triển rộng rãi, phối hợp trong khám, điều trị bệnh và cấp 391.218 thang thuốc nam cho gần 500.000 lượt người⁽²⁾.

Công tác thương binh-xã hội, Sở chỉ đạo cán bộ tiếp tục lập thêm 3.200 hồ sơ liệt sĩ, nâng tổng số trong toàn tỉnh là 22.925 hồ sơ lập xong và được xác nhận cấp quyết định trợ cấp cho 19.705 gia đình liệt sĩ⁽³⁾. Lập thêm 2.259 hồ sơ thương binh và tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 3.880 gia đình. Về thủ tục lập hồ sơ, từng bước được cải thiện nhưng khâu xét duyệt hồ sơ vẫn còn chậm. Ngoài ra, còn mở đợt vận động cứu trợ cho đồng bào Campuchia, cử cán bộ đến tỉnh Côngpông Chhnăng khôi phục, phát triển kinh tế, đưa lúa giống và một số dụng cụ, phương tiện cần thiết giúp nước bạn, trị giá hàng chục triệu đồng. Nhìn chung, đời sống nhân dân được cải thiện có phần ổn định hơn, nhất là những người sản xuất ở nông thôn về mặt tinh thần có khá hơn (có trường học và các điểm vui chơi, giải trí...). Riêng đối với cán bộ, công nhân, viên chức, những người ăn lương còn nhiều khó khăn trong đời sống, lương thực, thực phẩm và hàng cung cấp của nhà nước chưa ổn định, hầu hết phải mua thêm ở thị trường tự do, trong khi đó, giá cả thị trường tự do tăng vọt.

Về an ninh chính trị, các âm mưu và hoạt động chống phá của địch đều bị ta phát hiện chặn đứng và dập tắt, lực lượng vũ trang truy bắt, phá 44 vụ án, tổ chức đánh 5 trận, diệt và bắt 530 tên (105 tên ra đầu hàng), đặc biệt phá rã các vụ địch tổ chức cướp chính quyền xã Lâm Kiệt, các nhóm bạo loạn ở Tuân Tức (Thanh Trị), Thanh Quới, Thanh Phú (Mỹ Xuyên). Hoạt động âm mưu của địch ngày càng đi sâu hơn, chúng giảm bớt hoạt động bề nổi, chúng nghiên cứu phá hoại chủ trương, chính sách của ta bằng chiến tranh tâm lý, xuyên tạc chống phá về kinh tế và quốc phòng, trong đó ba chính sách mà địch tập trung chống phá nhất là cải tạo nông nghiệp, thu mua lương thực và tuyển quân. Về trật tự xã hội, các vụ vi phạm hình sự tăng, đáng chú ý là bọn trộm cướp phát triển trong cả các vùng nông thôn. Trong năm 1979, có đến 7.800 vụ tội phạm hình sự, trong đó có 63 vụ trọng án thì 50 là vụ cướp (25 vụ cướp có vũ trang), gây tổn thất về sinh mạng và tài sản của nhân dân; gây ra tâm trạng lo lắng trong một số quần chúng nhân dân. Tỉnh ủy chỉ đạo ban ngành các cấp mở nhiều đợt giáo dục, tuyên truyền về tinh thần đấu tranh, tinh thần cảnh giác trong giữ gìn an ninh trật tự sâu rộng trong nhân dân nhưng chưa tạo thành phong trào mạnh mẽ; quần chúng còn sợ trả thù, trả oán vì chính quyền chưa nghiêm trị đúng mức những tên đầu sỏ trong các tổ chức cướp giết, lưu manh, du đảng, chưa kiên quyết, dứt điểm xử lí.

(1) Bốn dứt điểm: Thiết lập mạng lưới y tế; ăn ở vệ sinh; sinh đẻ có kế hoạch; phát triển vườn thuốc nam.

(2-3) Trích “Báo cáo tình hình năm 1979 của Hậu Giang”, số 03.BC/TU ngày 19/01/1980. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và lệnh tổng động viên (ngày 5/3/1979) của Chủ tịch nước, toàn đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đã dấy lên khí thế sôi nổi trong phong trào bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Phong trào thanh niên tình nguyện tham gia nhập ngũ diễn ra sôi nổi, trên một vạn thanh niên tình nguyện tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, gần 7.000 thanh niên lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự, trong đó có huyện Mỹ Tú, thị xã Sóc Trăng đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Số lượng đảng viên, đoàn viên tham gia nhiều (55 đảng viên, 900 đoàn viên) nên cổ vũ phong trào phát triển... Động viên, giáo dục gần 2.500 chiến sĩ bỏ ngũ trở lại đơn vị; một số cán bộ, chiến sĩ trong chế độ phục viên làm đơn xin trở lại đơn vị chiến đấu, trên hai vạn cán bộ, công nhân, viên chức gia nhập vào lực lượng tự vệ, tổ chức rèn luyện... Trên cơ sở đó, xây dựng mới 03 tiểu đoàn bộ binh, 01 trung đoàn và 17 đại đội dự bị, động viên gần 2.000 quân được trang bị và huấn luyện, phát triển thêm 12.000 du kích và dân quân tự vệ (hiện có 31.200 du kích và dân quân tự vệ). Tăng cường lực lượng quân địa phương, đồng thời hết lòng chi viện cho nước bạn Campuchia, thành lập và đưa sang đất bạn 01 trung đoàn, 4 tiểu đoàn chính quy tinh nhuệ.

Về xây dựng hệ thống chính trị, tiếp tục thực hiện theo tinh thần Nghị quyết 228, Chỉ thị 55, Chỉ thị 72 và 83 của Trung ương Đảng, kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, kiểm tra tư cách đảng viên, tạo điều kiện mới cho công tác tổ chức và đại hội Đảng các cấp. Qua sơ kết, có 8.164 đảng viên sau khi học nghị quyết, chỉ thị được đưa ra kiểm điểm trong nội bộ và tự phê bình trước quần chúng. Tổ chức xét đơn khiếu tố, tiến hành kiểm tra 20 vụ vi phạm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong năm 1979, đã xử lý kỷ luật 737 đảng viên với các hình thức: Khiển trách 17, cảnh cáo 96, cách chức 56, lưu Đảng 112, khai trừ 369, xóa tên 87⁽¹⁾; nhiều nhất là vi phạm về chính sách và pháp luật 373 đồng chí chiếm 52,8%, khai trừ và xóa tên chiếm 60,93% trong tổng số kỷ luật. Phát triển mới 760 đảng viên, tăng 42% (trong đó có 442 đoàn viên thanh niên). Năm 1979, số đảng viên trong tỉnh là 11.597, đã có 541/636 đảng bộ cơ sở tiến hành Đại hội Đảng bộ lần II xong (chưa kể các đảng bộ trực thuộc Công an và Quân sự tỉnh). Thành phần cơ cấu vào các cấp ủy là lực lượng trẻ, có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật rất được quan tâm. Các huyện và thị xã đang tích cực chuẩn bị nội dung văn kiện và nhân sự để mở đại hội sau vụ thu hoạch mùa. Song song đó, chuẩn bị phát thẻ đảng viên theo tinh thần Chỉ thị 83 của Trung ương Đảng. Trong công tác cán bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục tăng cường cán bộ về huyện, xã công tác lâu dài ở cơ sở (tỉnh đã tăng cường xuống huyện và cơ sở 162 đồng chí, đề bạt bổ nhiệm 307 trưởng, phó phòng và tương đương ở cấp huyện, tăng cường 40 cán bộ sơ, trung cấp cho cấp ủy, sắp xếp bố trí lại 13 bí thư và chủ tịch huyện). Qua đó phong trào ở cơ sở chuyên biến khá, khắc phục 99 ấp trước đây chưa có đảng viên tại chỗ. Lực lượng cán bộ, đảng viên thể hiện được vai trò tiên phong gương mẫu và tinh thần trách nhiệm, hiệu suất công tác khá tốt, nhờ đó thúc đẩy các phong trào ở địa phương phát triển nhưng bên cạnh đó, số đảng viên yếu kém vẫn còn, phần nào gây ảnh hưởng đến phong trào cơ sở phát triển.

Ngày 6/4/1979, để chỉ đạo công tác chính quyền, Tỉnh ủy Hậu Giang ra Chỉ thị số 03 về tổ chức cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp đạt thắng lợi; Chỉ thị nêu rõ trước bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, số ủy viên cấp huyện, xã và tương đương đều

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo tình hình công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1979 của Hậu Giang”, số 04/BC.TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hậu Giang; trang 12. TL lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

phải được đưa ra tự phê bình và tham khảo ý kiến trước dân, nhằm thể hiện được quyền làm chủ của quần chúng nhân dân trong xây dựng chính quyền; phấn đấu thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Đảng là “Chính quyền của dân, do dân, vì dân”. Được sự chỉ đạo chặt chẽ trong bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, số cử tri đi bầu đạt 96,15%; sau đó tiếp tục tổ chức đợt thảo luận dự thảo Hiến pháp mới, được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đã có 616.673 người đóng góp được 116.433 ý kiến xây dựng dự thảo Hiến pháp mới. Quyền làm chủ của nhân dân lao động một lần nữa được phát huy trên diện rộng hơn, giác ngộ chính trị trong quần chúng được nâng lên. Nhìn chung, hoạt động của công tác chính quyền có nhiều tiến bộ nhưng so yêu cầu quản lý xã hội, quản lý kinh tế ở địa phương thì còn yếu, chưa đi vào nề nếp, qui cũ, hiệu lực kém. Chính quyền cấp cơ sở còn nhiều bị động, sự vụ và trong quá trình hoạt động dễ cấp ủy bao biện làm thay, vai trò cán bộ Hội chưa được đề cao.

Phong trào hoạt động đoàn thể từng bước được củng cố về số và chất lượng hoạt động, nhất là phong trào “Ba Xung kích” của thanh niên, phong trào toàn dân tương trợ, nuôi con khỏe dạy con ngoan, xây dựng người phụ nữ mới. Phong trào nông dân sản xuất và tham gia vào Tập đoàn sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật của Công đoàn... đã góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ của địa phương. Dựa vào hoạt động phong trào trong quần chúng, đã phát triển 71.200 đoàn viên, hội viên, (trong đó 4.300 đoàn viên Thanh niên, 8.400 đoàn viên Công đoàn, 9.900 hội viên Nông hội, 8.400 hội viên Phụ nữ và 40.200 hội viên tổ chức quần chúng khác). Đến giữa năm 1979, có tổng số là 664.000 đoàn viên, hội viên, chiếm 33% tổng số dân⁽¹⁾; về tổ chức nhân sự từ tỉnh đến cơ sở đều thông qua đại hội bầu cử ra. Công tác dân vận trong năm đã bám sát nhiệm vụ của đảng bộ, đi sát tổ chức quần chúng, sát dân hơn, nắm được tâm tư, nguyện vọng quần chúng nhân dân, phát huy được quyền làm chủ tập thể, tích cực đấu tranh chống các mặt tiêu cực trong xã hội và trong quản lý kinh tế, đặc biệt là phát động được phong trào quần chúng đóng góp ý kiến xây dựng đảng, chính quyền tốt hơn.

Trong năm 1979 còn nhiều khó khăn nhưng tình hình chung có nhiều thuận lợi mới, dưới ánh sáng các nghị quyết Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sự nỗ lực và quyết tâm của Đảng bộ tỉnh tập trung chỉ đạo đưa phong trào ở địa phương tương đối toàn diện trên nhiều mặt, trong đó, nổi bật là sản xuất nông nghiệp, chăm lo đời sống quần chúng, đấu tranh chống tiêu cực và xây dựng Đảng. Tuy nhiên, những vấn đề khó khăn, tồn tại vẫn còn khá lớn; trong chỉ đạo của Đảng bộ từng lúc chưa tập trung phát huy đúng mức những thuận lợi và khả năng tại chỗ với tinh thần tự lực, tự cường cao để làm cho sản xuất bung ra mạnh hơn nữa, tư tưởng trông chờ, ỷ lại còn khá nhiều, tổ chức bộ máy chưa được củng cố chặt chẽ, tác phong thiếu khẩn trương, sâu sát, tổ chức thực hiện còn nhiều mặt yếu. Chỉ đạo sản xuất thiếu kế hoạch, không đồng bộ, không cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa cải tạo và xây dựng... Phong trào xuất hiện nhiều điển hình tốt nhưng chưa kịp thời phát huy và nhân điển hình. Sản xuất nông nghiệp tăng chậm cả về diện tích, năng suất, sản lượng, huy động lương thực thấp so với yêu cầu kế hoạch đặt ra. Về an ninh chính trị, nhất là trật tự xã hội còn nhiều vấn đề trì trệ, quyền làm chủ của quần chúng chưa được phát huy đúng mức, những mặt tiêu cực trong đời sống kinh tế xã hội chưa được giải quyết triệt để. Công tác củng cố xây dựng Đảng làm chậm và chất lượng chưa cao nhất là ở các cấp cơ sở. Về cơ cấu tổ chức

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo tình hình năm 1979 của Hậu Giang”, số 03.BC/TU ngày 19/01/1980, trang 9. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

chính quyền, ban ngành, đoàn thể còn yếu, bộ máy nhân sự chưa phát huy hết hiệu lực. Tuy khó khăn và khuyết điểm còn nhiều nhưng từng bước có tiến bộ rất cơ bản, thực tiễn trong năm đã mở ra tiền đề mới, tạo cơ sở tốt cho năm 1980 và những năm sau, phong trào sẽ tiếp tục phát triển nhanh chóng, toàn diện và vững chắc hơn.

Sang năm 1980, là năm có tình hình kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn lớn, một mặt do Mỹ bao vây cấm vận và cấu kết với các thế lực thù địch, bọn phản động trong nước tìm mọi cách phá hoại cách mạng; trong khi ấy một số cán bộ thoái hoá, biến chất làm mất đoàn kết nội bộ, gây tư tưởng hoang mang, thiếu lòng tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, do 03 năm liền (1978 - 1979 - 1980) miền Bắc mất mùa, miền Trung và miền Nam hạn hán, lũ lụt làm cho nguồn lương thực thiếu ngày càng nghiêm trọng. Nguyên vật liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp khan hiếm, thêm vào đó tỉnh Hậu Giang còn phải viện trợ trực tiếp cho tỉnh Côngpông Chnăng (Campuchia). Đây là thử thách lớn đối với cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng. Đứng trước tình hình trên, Tỉnh ủy chủ trương “Tiếp tục vượt khó, quyết tâm thực hiện cho được hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa” ngay trên quê hương mình.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, nhất là tệ ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng.” Đảng bộ xác định tầm quan trọng và nhấn mạnh nhiệm vụ chỉ đạo phát triển công nghiệp với tiêu thủ công nghiệp nhằm phục vụ yêu cầu sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Hướng chỉ đạo là tập trung sử dụng tốt nhất mọi năng lực và hình thức tổ chức sẵn có sau khi tiếp quản; đồng thời đề ra phương hướng đầu tư có trọng điểm nhằm xây dựng một số cơ sở công nghiệp quốc doanh, làm cơ sở vật chất kỹ thuật cho một số ngành công nghiệp chủ yếu, từng bước tạo ra cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp của tỉnh nhà.

Năm 1980, dân số toàn tỉnh 2.285.000 người tăng 2,63% (theo điều tra ngày 01/10/1980). Tổng diện tích gieo trồng 478.000 ha, đạt 96,6% kế hoạch, trong đó diện tích lúa chiêm 93,9%, diện tích hoa màu chiếm 6,1%; diện tích lúa cả năm 449.174 ha, đạt 100,9 kế hoạch, tổng sản lượng lúa 1.028.603 tấn, đạt 85,3% kế hoạch, năng suất lúa bình quân ba vụ cả năm 22,9 tạ/ha, đạt 85,4% kế hoạch. Nhìn chung, trong năm thời tiết thuận lợi, sự chỉ đạo của tỉnh có tập trung, dồn sức và bám sát phương hướng thâm canh, chuyên canh, vùng nước mặn làm một vụ ăn chắc, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới (làm thủy lợi nhỏ, làm đất, tuyển chọn, giống mới và gieo cây kịp thời vụ...), người dân phấn khởi, nên sản xuất nông nghiệp nói chung là tăng hơn năm 1979 (lúa, màu, chăn nuôi) trong phong trào đã xuất hiện nhiều điển hình thâm canh tăng vụ có năng suất cao. Giữa trồng trọt, chăn nuôi, giữa lúa - màu - cây công nghiệp, giữa sản xuất - thu mua - chế biến (nhất là mía, khóm) vẫn còn mất cân đối.

Về lâm nghiệp, thủy hải sản và xây dựng cơ bản: Tổ chức trồng mới 330 ha rừng, đạt 50% kế hoạch, dọn 402 ha đất, tu bổ 862 ha rừng cũ, đào 37 km kinh mương, trồng 2.142.824 cây các loại (gieo trồng phân tán), vận chuyển 8.596m³ gỗ, đạt 49% kế hoạch. Tổng sản lượng muối 45.000 tấn, đạt 150% kế hoạch. Tỷ trọng công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm 62,7%, cơ khí 17,1%, sản xuất vật liệu xây dựng tăng 20% so năm trước. Thực hiện Nghị quyết lần thứ 6 của Trung ương, công nghiệp Hậu Giang đã

có bước cố gắng mới, nhất là tiểu thủ công nghiệp, nắm được 5.594 cơ sở hoạt động với gần 20.000 lao động tham gia sản xuất, đã tận dụng phế liệu của công nghiệp để sản xuất hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, công nghiệp vẫn ở tình trạng thiếu vững chắc, kế hoạch giao chưa sát và chậm, thiếu vật tư, nguyên liệu, phụ tùng thay thế, khâu thu-mua nguyên liệu từ nông nghiệp, ngư nghiệp còn khó khăn, chất lượng sản phẩm kém, khâu quản lý lao động lỏng lẻo, chưa khoa học. Về thủy hải sản, tổ chức đánh bắt được 7.007 tấn, đạt 87% kế hoạch (quốc doanh được 2.090 tấn); thu-mua 3.324 tấn, đạt 83,1% kế hoạch (quốc doanh được 2.044 tấn), đánh bắt, thu mua giảm do phần lớn phương tiện vận chuyển đều giao lại cho Côn Đảo, do đó mới xây dựng đoàn tàu quốc doanh, số còn lại là tàu cũ bị hư hỏng, phương tiện ngư lưới cũ, phụ tùng máy móc thiếu, giá cả và tổ chức thu mua chưa thật hợp lý. Tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản 28,6 triệu đạt 108,6% kế hoạch (trong đó xây lắp đạt 16,6 triệu; khu vực sản xuất vật chất đạt 118%, khu vực không sản xuất vật chất chỉ đạt 49% kế hoạch năm). Nhìn chung, công tác xây dựng còn chậm, chỉ đạo thiếu tập trung, thiếu cân đối, chất lượng một số công trình kém, kéo dài, nhiều công trình không thanh quyết toán được. Nguyên nhân là do thiếu nguyên vật liệu nhất là đá, sắt, ciment, bộ máy cán bộ quản lý yếu, chất lượng công tác điều tra, khảo sát, thiết kế chưa bảo đảm.

Hoạt động bưu điện, trong năm đã đạt 75,2% về bưu chính, 79,5% về phát hành sách báo, 73,5% về điện tín, 79,8% về điện thoại. Ngành Bưu điện đã có nhiều cố gắng phục vụ sự nghiệp kinh tế - văn hóa - giáo dục, an ninh quốc phòng, phục vụ sự lãnh đạo của Đảng và các cấp chính quyền. Tuy nhiên, mạng lưới chưa đảm bảo thông suốt nên đã ảnh hưởng đến chất lượng thông tin tuyên truyền, bưu điện nông thôn còn chậm, quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ yếu.

Ngày 12/9/1980, Tỉnh ủy Hậu Giang tổ chức phiên họp bất thường, sau khi nghe báo cáo về tình hình lương thực chung cả nước hết sức căng thẳng, các ý kiến chỉ đạo của Trung ương về việc huy động lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long và nghe các ngành trình bày về kế hoạch huy động, về tiền hàng, về tổ chức quản lý, chỉ đạo... Tỉnh ủy thống nhất đề ra Nghị quyết 03.NQ/TU về “Công tác trung tâm đột xuất trong huy động lương thực vụ Hè Thu”. Nghị quyết nhấn mạnh phải huy động tối thiểu 50% sản lượng thực tế, theo như Bộ Chính trị đã giao. Do đó, tỉnh phải thu và mua cho kỳ được ít nhất từ 80.000 đến 90.000 tấn. Lúa vụ Mùa và Đông Xuân còn lại, phải thu mua cho kỳ được từ 20.000 đến 30.000 tấn. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và theo tinh thần Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy, công tác huy động lương thực được chỉ đạo xuyên suốt và được xem là công tác trọng tâm, thường xuyên. Tháng 11/1980 kết thúc năm lương thực, toàn tỉnh đã huy động được 177.100/200.000 tấn, đạt 88% kế hoạch. Toàn tỉnh có 5 đơn vị đạt và vượt kế hoạch, trong đó ở Sóc Trăng có thị xã Sóc Trăng đạt 117%, huyện Long Phú đạt 109%, Mỹ Xuyên đạt 109%, Vĩnh Châu đạt 100%; riêng về thu thuế có huyện Kế Sách đạt 101% kế hoạch; thu nợ có đơn vị vượt kế hoạch là thị xã Sóc Trăng đạt 178%, riêng huyện Mỹ Tú, Kế Sách chỉ đạt từ 13 - 20% kế hoạch thu nợ⁽¹⁾. Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất ăn chia, phân phối theo lao động đều huy động nhanh, gọn và tốt. Có được kết quả trên là do năm nay thời tiết thuận lợi, lúa trúng cả 03 vụ; bên cạnh đó được Trung ương quan tâm giúp đỡ về tiền, hàng và phương pháp chỉ đạo, do đó về giá cả, phương thức thu mua, trao đổi đã bước đầu cải tiến... Điều quan trọng là do có chính sách giá cả phù hợp và sự nỗ lực chủ quan của Đảng bộ trong công tác lãnh, chỉ đạo, là

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo năm 1980 của Hậu Giang” ký ngày 19/12/1980; trang 03. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

tập trung dồn sức cho công tác này về mọi mặt như tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, huy động cán bộ tăng cường cho cơ sở, tổ chức phát động thi đua và khen thưởng phát huy điển hình kịp thời, tổ chức học tập về nghĩa vụ và trách nhiệm... Từ đó, đã khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của người dân đối với công tác huy động lương thực. Tuy nhiên, tồn tại lớn cần được tổng kết, rút kinh nghiệm cho năm tới là Đảng bộ cần mạnh dạn, nhạy bén và linh hoạt trong vận dụng chủ trương, nghị quyết trong chỉ đạo. Còn xem nhẹ công tác tuyên truyền, giáo dục; trong chỉ đạo vẫn chưa cân đối trong công tác huy động 03 thu, hàng hai chiều đưa xuống chậm; sự phối hợp các ngành chưa đồng bộ, quản lý thị trường yếu, huy động tiền mặt (tiết kiệm, bán hàng, thu thuế công thương nghiệp, thu quốc doanh) yếu, quản lý tiền mặt lỏng lẻo, còn bị mất mát, thất thoát.

Trong hoạt động thương nghiệp đã và đang có nhiều chuyển biến tốt, từ khi có Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị trong phân phối lưu thông có bước tiến bộ, thúc đẩy sản xuất phát triển và phục vụ đời sống, cơ bản giải quyết được một số mặt hàng phân phối cho khu vực cán bộ, công nhân, viên chức. Phương thức thu mua, trao đổi hai giá, hợp đồng hai chiều, đưa các mặt hàng tiêu dùng tới dân đang được cải tiến, mạng lưới thu mua được phát triển: Tổng giá trị hàng mua vào 366,6 triệu đồng đạt 96,2% kế hoạch (chủ yếu mua tại địa phương 279,2 triệu đồng, hàng mua từ Trung ương nói chung là thấp so năm 1979 và không đạt kế hoạch). Tổng giá trị hàng bán ra 155,6 triệu đồng, đạt 93,7% kế hoạch, tổng giá trị hàng điều về Trung ương 84,2 triệu đồng. Giá trị hàng hóa chênh lệch từ Trung ương điều về địa phương năm 1980 chỉ còn 3,2 triệu đồng. Đây là sự cố gắng lớn của ngành thương nghiệp, có ý nghĩa quan trọng vào việc thúc đẩy sản xuất phát triển và cải thiện từng bước đời sống nhân dân.

Tổng giá trị hàng xuất khẩu 28,7 triệu đồng, đạt 114% kế hoạch (trong đó, gạo 5.000 tấn, đạt 125% kế hoạch, hải sản đạt 96% kế hoạch do thiếu nguyên liệu). Công ty Liên hiệp Xuất khẩu đạt 120% kế hoạch, tăng 38,6% so năm trước. Nhìn chung, ta chưa khai thác tốt tiềm năng xuất khẩu, chất lượng hàng đạt thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao. Hai mặt hàng đông lạnh chủ yếu của địa phương (tôm, khóm) là có khả năng lớn nhưng tổ chức thu mua, chế biến chưa tốt; riêng hai nhà máy đông lạnh rau quả và hải sản do thiếu thiết bị máy móc và quản lý chưa tốt nên sản xuất luôn bị lỗ vì hàng không đủ qui cách tiêu chuẩn cho xuất khẩu. Gần đây Trung ương cho phép tỉnh được khôi phục các cảng và tiếp nhận tàu nước ngoài vào trao đổi và nhận hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xuất khẩu địa phương.

Trong hoạt động tài chính-ngân hàng, có nhiều chuyển biến tốt ở các mặt như trong phục vụ sản xuất - thu mua (*nhất là lương thực*), quản lý tiền mặt, thu nợ, phục vụ đời sống nhân dân, trong công tác tiết kiệm và cho vay. Kết quả, tổng thu tiền mặt cả năm 353,4 triệu, tổng chi 487,5 triệu, bội chi 134,1 triệu. Chi tăng và bội chi chủ yếu là các khoản chi thu mua nông sản thực phẩm (lương thực 190,6 triệu, thực phẩm 66,7 triệu, nông sản 41,1 triệu) nguyên nhân không cân đối được tiền do nhu cầu tiền mặt cho khoản thu mua lương thực, thực phẩm quá lớn, mặc dù địa phương đã có nhiều cố gắng huy động và quản lý tiền mặt.

Công tác cải tạo nông nghiệp là công tác trung tâm thường xuyên, với phương châm "*Tích cực và vững chắc*", chủ trương của tỉnh năm 1980 là tập trung vào củng cố các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đã có, phát triển thêm tập đoàn sản xuất, tổ chức các hình thức tập dượt (Tổ đoàn kết sản xuất, vận vắn đổi công). Kết quả đã phát triển được

47 tập đoàn sản xuất ăn chia phân phối theo lao động, củng cố và nâng chất 144 tập đoàn không ăn chia, một số nơi sau khi tổ chức được tập đoàn sản xuất nhưng chậm và coi nhẹ củng cố. Đến cuối năm 1980 toàn tỉnh có 556 tập đoàn sản xuất ăn chia, phân phối theo lao động, 02 hợp tác xã nông nghiệp, 02 hợp tác xã muối, 5 tập đoàn máy kéo (trước đây tổ chức được 45 tập đoàn máy kéo nhưng ta củng cố không tốt phần lớn đã chuyển lại thành tổ hợp máy kéo); bình quân một tập đoàn sản xuất có 45 ha canh tác, 43 hộ với 193 nhân khẩu, 93 lao động. Có 137 tập đoàn sản xuất tiên tiến, trong đó có 130 tập đoàn được Ban Cải tạo Nông nghiệp miền Nam cấp tặng Bằng khen, Tập đoàn sản xuất số 6 ấp Khuân Tang, thị trấn Long Phú được tặng Cờ Luân lưu của Ban Cải tạo Nông nghiệp miền Nam; có 80 tập đoàn kém, còn lại là tập đoàn trung bình. Ngoài ra có 2.144 tổ đoàn kết sản xuất mỗi tổ có từ 2 - 7 quản lý, 57 tổ hợp máy với 586 máy⁽¹⁾. Thắng lợi lớn là ta đã có một số tập đoàn sản xuất tiên tiến, khá, giỏi, ngay cả các hình thức tập dượt củng cố nhiều điển hình tốt như Tập đoàn 9 xã Kế An, huyện Kế Sách. Ở những nơi nói trên bà con nông dân đã thực hiện đoàn kết, thi đua lao động sản xuất, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, sản xuất nhích hơn hoặc bằng, nhiều nơi hơn hẳn cá thể, thu nhập tăng, đời sống của bà con tập đoàn viên được cải thiện, các phong trào như huy động lương thực, lao động, nghĩa vụ quân sự ngày càng nhanh, gọn hơn trước. Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, dân quân tự vệ được củng cố, phong trào hoạt động đạt kết quả cao, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự xã hội có chuyển biến tốt. Các gương điển hình tiên tiến có sức thuyết phục các hộ nông dân làm ăn cá thể đi vào con đường làm ăn tập thể. Tồn tại là phong trào phát triển chậm, không đều, thiếu liên tục, thiếu vững chắc ở một số nơi, do coi nhẹ củng cố. Tư tưởng chần chừ, do dự chưa được giải quyết triệt để, đáng chú ý là đến nay đã còn một vài huyện mới tổ chức được 03 - 05 tập đoàn, chất lượng lại thấp; một số cán bộ, đảng viên và quần chúng cho rằng cải tạo là thất bại, nên còn một bộ phận cán bộ, đảng viên chần chừ, do dự, vì thiếu tin tưởng về con đường làm ăn tập thể v.v... Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ đạo kịp thời, nhất là khi có Chỉ thị 93 và Thông báo 14 của Trung ương, Tỉnh ủy Hậu Giang thảo luận và vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương bằng Kế hoạch số 41 về công tác cải tạo nông nghiệp của Tỉnh ủy. Sau đó Tỉnh ủy đã triệu tập hội nghị gồm các đồng chí Thường vụ Huyện ủy, Bí thư, Chủ tịch và Trưởng ban Nông nghiệp xã cùng các ban ngành đoàn thể tỉnh do Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp triển khai. Trong cuộc hội nghị, nghị quyết Tỉnh ủy giải quyết được một bước rất quan trọng về nhận thức, tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ, đồng thời khẳng định rõ hơn về hình thức tổ chức, bước đi phù hợp. Nhờ vậy phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở tỉnh tương đối ổn định và tiếp tục phát triển ở một số huyện.

Cải tạo công, thương nghiệp tiếp tục phát triển, các cơ sở quốc doanh được mở rộng, nên phong trào hợp tác xã, tổ hợp sản xuất phát triển, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, nắm nguồn hàng và quản lý thị trường. Công tác đăng ký kinh doanh giúp nắm chắc về sản xuất tiểu thủ công nghiệp để bố trí, sắp xếp, tận dụng, khai thác mọi khả năng phục vụ sản xuất, đời sống; đã tổ chức đăng ký kinh doanh cho 40.615 cơ sở chuyên nghiệp và đã thu nhận về 35.445 tờ đăng ký (trong đó, công nghiệp chiếm 16,2%, thương nghiệp 43,9%, ăn uống 18,7%, dịch vụ 9,7%, giao thông vận tải 6,5%, xây dựng 0,5%, dịch vụ khác 4,5%). Cuối năm 1980, toàn tỉnh có 5.594 cơ sở với 19.755 lao động

⁽¹⁾ Trích "Báo cáo năm 1980 của Hậu Giang" ký ngày 19/12/1980; trang 4-5. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

tiểu, thủ công nghiệp (có 14 hợp tác xã với 1.162 lao động, 409 tổ hợp sản xuất với 4.782 lao động và 5.171 kinh doanh cá thể chiếm 13.811 lao động)⁽¹⁾.

Về hoạt động giáo dục đào tạo, kết thúc năm học 1979 - 1980 chất lượng hoạt động giảng dạy khá hơn năm trước, kết quả thi tốt nghiệp phổ thông và bổ túc văn hóa tập trung trong các cấp đạt từ 74 - 95%, các cán bộ giáo dục và thầy, cô giáo đều được bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ trong dịp hè. Một số chính sách đãi ngộ đối với giáo viên được nghiên cứu thực hiện, đời sống vật chất từng bước đỡ khó khăn hơn nhưng tình hình chung vẫn còn ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy, tình trạng giáo viên nghỉ việc, bỏ việc còn khá đông (năm học 1979 - 1980 có 1.300 giáo viên bỏ việc, trong đó có 82 người vượt biên). Do vậy, tình trạng thiếu giáo viên đứng lớp khá nghiêm trọng, mặc dù đã mở nhiều lớp tập huấn và đào tạo được 1.000 giáo viên mới. Khai giảng năm học 1980 - 1981, có 422.141 học sinh, đạt 95% kế hoạch và tăng 10,73% so năm học 1979 - 1980. Các lớp bổ túc văn hóa tập trung và tại chức chưa chuyển biến tốt, vẫn còn thiếu trường lớp, thiếu đội ngũ giáo viên, trên 40% trẻ em đến tuổi chưa được đi học.

Hoạt động y tế, vệ sinh phòng bệnh tiếp tục phát triển, mạng lưới y tế các cấp được củng cố, trong năm đã tăng thêm 457 giường mới và đào tạo 403 cán bộ sơ cấp, phần lớn tập trung cho cơ sở. Trong năm 1980, đã tổ chức nhiều phong trào vệ sinh phòng bệnh để phòng ngừa các dịch bệnh (tả, thương hàn, kiết lỵ, tiêu chảy...), Sở đã khuyến khích người dân tiêm phòng, những nơi xảy ra dịch bệnh được tập trung dập tắt nhưng do cơ sở phát hiện chậm nên tỷ lệ tử vong cao. Phong trào trồng cây thuốc nam phát triển gấp đôi năm 1979, nhờ vậy ta thu mua dược liệu sản xuất thuốc khá tốt, bình quân phân phối thuốc trị bệnh là 5,15 đồng/người/năm (so với năm 1979 giảm 1,55 đồng), tuy nhiên tình trạng thiếu thuốc điều trị trong các bệnh viện, bệnh xá chưa được giải quyết. Phong trào vận động sinh đẻ có kế hoạch được thực hiện tương đối nhưng kết quả chưa cao, trong đó còn một số cán bộ chưa gương mẫu trong thực hiện.

Công tác tuyên truyền cổ động được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức sinh hoạt hơn, thiết thực phục vụ đời sống tinh thần của quần chúng, cổ vũ phong trào lao động sản xuất, bảo vệ Tổ quốc... Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao (phim ảnh, sân khấu, thư viện, bảo tàng, hội chợ, triển lãm, sáng tác, hội diễn văn nghệ, bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn đã từng bước phát triển) phục vụ cho trên 6 triệu lượt người, nhất là trong các ngày lễ lớn, đã có tác dụng tốt, tạo sinh khí phấn khởi trong quần chúng. Điều đáng chú ý là do khu vực nông thôn rộng lớn, nên dù chính quyền có quan tâm như tranh thủ mùa khô, dịp Tết Nguyên đán đưa các đoàn văn công đi phục vụ cơ sở nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của vùng nông thôn rộng lớn; đường sá đi lại còn khó khăn, chưa được tu sửa tốt. Nhìn chung, bộ mặt về nông thôn chưa được đổi mới nhiều.

Được sự chỉ đạo của chính quyền, Sở tiếp tục giải quyết các chính sách cho thương binh và gia đình liệt sĩ, đã nhận và hoàn thành thêm 1.870 hồ sơ mới (trong đó có 191 hồ sơ thương binh), đề nghị về Bộ xét duyệt 1.628 hồ sơ. Tính đến cuối năm 1980, đã hoàn thành được 27.315 hồ sơ (trong đó có 2.744 hồ sơ thương binh) nhưng nói chung việc giải quyết, xét duyệt còn chậm, một số trường hợp hồ sơ kéo dài do chậm xác minh, gây ảnh hưởng đến phong trào chung. Công tác trợ cấp xã hội, chính quyền

⁽¹⁾ Trích "Báo cáo năm 1980 của Hậu Giang" ký ngày 19/12/1980; trang 5. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

đã trợ giúp 46.000 đồng cho 2.500 hộ (trên 7.000 nhân khẩu) gặp khó khăn cơ nhỡ⁽¹⁾. Tổ chức nhiều phong trào chăm lo các cháu trong các trại cô nhi nhưng do số lượng nhiều (trên 1.000 em) nên trong công tác quản lý chưa thật tốt, thiếu chặt chẽ.

Phát huy bản chất tốt đẹp “Bộ đội cụ Hồ”, trong củng cố và xây dựng chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang, bán vũ trang và Công an nhân dân, đã có sự chuyển biến mới, tổ chức lực lượng ngày càng chất lượng, vững mạnh, làm nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự xã hội. Năm 1980, quân số lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đều được bổ sung, lực lượng dân quân tự vệ phát triển được 10.700 đội viên, nâng tổng số hiện có lên 40.000 đội viên; công tác huấn luyện quân sự và nghiệp vụ cho các chiến sĩ được chú trọng, trên 8.500 cán bộ, chiến sĩ và đội viên được bồi dưỡng chính trị, rèn luyện cơ bản về chiến kỹ thuật, nghiệp vụ, công tác hợp đồng sẵn sàng chiến đấu giữa các lực lượng nhất là lực lượng vũ trang và công an nhân dân được tốt hơn. Tuy nhiên, phong trào chưa được giữ vững nhất là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện chiến kỹ thuật không được thường xuyên, quản lý tổ chức đối với cán bộ tập trung chưa tốt, tình trạng bỏ ngũ còn khá nhiều, tổ chức tự vệ có phát triển nhưng không được rèn luyện thường xuyên. Thi hành theo lệnh tuyển quân năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, Tỉnh ủy đề ra Chỉ thị số 05 (21/03/1980) về công tác tuyển quân và Chỉ thị số 07 (22/4/1980) về công tác quân sự địa phương, được khẩn trương tổ chức triển khai đến cơ sở; nhiệm vụ tuyển quân và thu gom quân bỏ ngũ đạt kết quả cao so các năm trước. Công tác giáo dục, được quan tâm tuyên truyền phát động từ nội bộ ra quần chúng; phong trào quần chúng tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân có nhiều chuyển biến. Nhiệm vụ vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên từ tỉnh đến cơ sở, có nhiều cố gắng trong chỉ đạo, phối hợp các cấp, các ngành, thực hiện nhanh, gọn, dứt điểm trong từng đợt phong trào. Đến ngày 16/12/1980 cả hai đợt giao về Quân khu là 10.658 quân, vượt 33,22% chỉ tiêu cả năm 1980. Thu gom quân bỏ ngũ được 1.263 quân, đạt 15,8% kế hoạch⁽¹⁾. Tuy nhiên, công tác tuyển quân và thu gom quân vẫn còn một số tồn tại, do công tác giáo dục tuyên truyền, phát động có một số nơi chưa rộng, chưa sâu, chưa liên tục; tuyển quân đạt kết quả khá nhưng công tác thu gom quân còn yếu; một số nơi chưa giải quyết tốt vấn đề chính sách, chưa kết hợp tốt ba biện pháp nên kết quả còn nhiều hạn chế.

Về an ninh chính trị, địch tổ chức hoạt động chiến tranh tâm lý, khoét sâu vào những khó khăn trong kinh tế, đời sống, để nhằm gieo rắc tư tưởng hoài nghi, thiếu tin vào chế độ ta, chúng tập trung xoáy sâu vào những vấn đề nhạy cảm, những điểm còn yếu của ta như trong công tác cải tạo nông nghiệp, trong phân phối lưu thông, lương thực và tuyển quân... Thời gian này, công tác đấu tranh chống vượt biên hết sức khẩn trương và phức tạp, chúng sử dụng mọi cách để vận động, dụ dỗ những người dân vượt biên, theo thông kê số vụ và người đi tăng nhiều (ngăn chặn 169 vụ, bắt 2.195 người), đáng chú ý là chúng dùng mọi thủ đoạn lường gạt người vượt biên, thậm chí giết chết người để đoạt tài sản như ở xã Đại Ân (Long Phú); tình trạng cả nhà bỏ đi vượt biên (có 46 hộ với 145 khẩu) thậm chí gần hết cả ấp bỏ đi vượt biên, thường xảy ra ở các ấp ven biển của hai huyện Vĩnh Châu, Long Phú. Từng lúc, lực lượng Công an, An ninh phát hiện và đấu tranh với số tình báo Trung Quốc như tên Lý Dù Lén câu kết cùng một số

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo năm 1980 của Hậu Giang” ký ngày 19/12/1980; trang 6. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

⁽¹⁾ Trích “Báo cáo năm 1980 của Hậu Giang” ký ngày 19/12/1980; trang 7. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

tên sang hoạt động, thâm nhập vào vùng dân tộc Khmer hoạt động phá hoại. Phần lớn các hoạt động này chúng lợi dụng vào bọn lưu manh, cướp giựt, làm ăn phi pháp (có một số người trong học sinh, sinh viên); bọn đội lốt tôn giáo thì hoạt động ngấm ngấm ít lộ liễu (Công giáo, Tin Lành, Phật giáo Ấn Quang), kết quả ta phá 18 vụ án và bắt lẻ tẻ 244 tên thu được 29 súng, làm âm mưu kế hoạch thực hiện của địch tiếp tục bị phá vỡ, tổ chức bị tan rã.

Trên tinh thần quán triệt Chỉ thị 92/CT-TW ngày 26/6/1980 về cuộc vận động “Xây dựng lực lượng Công an trong sạch, vững mạnh và đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới” đến từng cán bộ, chiến sĩ. Qua học tập, tinh thần làm chủ tập thể trong công tác và chiến đấu, tinh thần cảnh giác cách mạng được nâng cao. Từ đó, phong trào trật tự an toàn xã hội có phần tốt hơn, vụ việc phạm pháp giảm, nhất là từ giữa năm trở lại đây, do nhiều mặt tác động nhưng chủ yếu là ta đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn chặt với chân chính tổ chức bộ máy và lực lượng Công an nhân dân. Những nơi làm tốt công tác cải tạo nông nghiệp và công thương nghiệp, sản xuất phát triển, đời sống ổn định, nơi đó vai trò làm chủ được phát huy tốt hơn và việc giữ gìn trật tự xã hội cũng tốt hơn; quần chúng nhân dân hăng hái, tích cực tham gia phong trào bảo vệ địa phương, bảo vệ an ninh Tổ quốc... Điển hình như ở xã Liêu Tú (Long Phú) từ khi tiến hành tổ chức tập đoàn sản xuất, kết quả làm cuộc sống người nông dân khá lên, nên đến nay tệ nạn xã hội trong xóm, áp giảm nhiều (khoảng 80%).

Hoạt động tổ chức bộ máy chính quyền được nâng cao về chất lượng và sát với nhiệm vụ chính trị của địa phương; luôn tạo mọi điều kiện để quần chúng phát huy được quyền làm chủ của mình trong xây dựng chính quyền địa phương. Từ đó, quần chúng nhân dân tích cực tham gia ý kiến đóng góp xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ngày càng nhiều; giúp làm tốt hơn nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát những việc làm sai trái trong thực hiện chủ trương, chính sách và đạo đức phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Chính quyền đã làm rõ và xử lý 84 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, thu hồi 3.770.000 đồng, 830 bao phân và một số hàng hóa khác, xử lý 366 cán bộ và đưa ra công khai. Bên cạnh đó, còn những mặt yếu như một số vụ việc giải quyết chậm, không kịp thời, quản lý kinh tế, xã hội còn số mặt lỏng lẻo, còn để thất thoát tài sản Nhà nước, nhất là những ngành quản lý vật tư, tiền bạc.

Được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Hậu Giang tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II; Đại hội được tổ chức tại thành phố Cần Thơ từ ngày 27 đến ngày 29/10/1980, có 489 đại biểu đại diện cho 13 đơn vị huyện, thị, thành và 05 đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy; đại biểu các ngành Trung ương có 9 đồng chí, trong đó có đồng chí Trần Văn Long-Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Ban Cải tạo Nông nghiệp miền Nam. Trong đại hội đã giành nhiều thời gian thảo luận hai nội dung lớn trong văn kiện là tình hình trong tỉnh những năm qua và phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu hai năm 1980 – 1981. Đại hội thông qua Nghị quyết phương hướng nhiệm vụ chính trị trong những năm trước mắt là “Không ngừng tăng cường, củng cố và mở rộng trận địa trên mọi lĩnh vực của đời sống, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Ra sức đẩy mạnh sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động trên tất cả các mặt, nhất là đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm. Kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đảm bảo cho chủ nghĩa xã hội giành thắng lợi quyết định và chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế. Muốn như vậy phải nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân

lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt. Vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ, nền kinh tế còn nhiều thành phần. Trên cơ sở phát triển sản xuất, phát triển văn hoá, từng bước bảo đảm và ổn định đời sống nhân dân, làm cho nhân dân ngày càng gắn bó với chế độ xã hội chủ nghĩa. Xây dựng từng bước thành một tỉnh có nền kinh tế công - nông nghiệp cân đối và hợp lý, có nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Không ngừng nâng cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong sạch vững mạnh, đủ sức lãnh đạo và chỉ đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ra sức động viên sức người, sức của, đóng góp cao nhất cho tiền tuyến và làm nghĩa vụ quốc tế, hoàn thành trách nhiệm là một tỉnh thuộc hậu phương lớn”⁽¹⁾.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 Ủy viên chính thức và 01 Ủy viên dự khuyết; Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 13 đồng chí; đồng chí Vũ Đình Liệu (Tư Bình), Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Lê Phước Thọ, Ủy viên dự khuyết trung ương Đảng là Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh⁽²⁾, các đồng chí Lê Thanh Nhân (Ba Râu), Trần Minh Sơn (Bảy Mạnh), Phạm Trọng Yêm (Chín Công) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Về xây dựng Đảng, tỉnh quan tâm giải quyết tốt hơn một số việc, tập trung chỉ đạo, nâng cao nhận thức tư tưởng về tình hình nhiệm vụ mới, quán triệt tinh thần Nghị quyết 6 của Trung ương, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương nhằm vào công tác xây dựng Đảng (Chỉ thị 55, 72, 83 và Thông tri 103...). Thực hiện tinh thần Chỉ thị 55/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tổ chức đại hội Đảng các cấp; các cấp ủy Đảng lần lượt tổ chức đại hội; Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp phải xây dựng được nghị quyết và bầu ra cấp ủy mới, tăng thành phần trẻ, nữ, có trình độ văn hóa, nghiệp vụ (kết quả, cấp huyện, thị có 382 cấp ủy viên, tuổi bình quân 40, nữ chiếm 10,70% có trình độ văn hóa cấp II, III chiếm 47,64%, đại học và trên đại học 2%; cán bộ chỉ đạo xã chiếm 30,36%. Cấp tỉnh có 46 cấp ủy viên, tuổi bình quân 49,17, nữ chiếm 13,04%, đại học, trên đại học và khoa học kỹ thuật chiếm 10,87%, cấp III 15,22%, cấp II 32,61%, bố trí địa phương 28,26%). Nhìn chung, sau Đại hội Đảng bộ tỉnh cấp ủy các cấp đều có bước tiến bộ mới, nâng lên nhận thức về quan điểm lập trường giai cấp, phát huy dân chủ nội bộ, củng cố tinh thần đoàn kết nhất trí, tăng sức chiến đấu. Đến cuối năm 1980 đã có 130 đảng bộ cơ sở đăng ký phấn đấu để đạt danh hiệu Đảng bộ “Trong sạch vững mạnh” và có 18 đơn vị xã, phường và 5 chi bộ ngành tổng kết đề nghị được trên công nhận danh hiệu “Trong sạch vững mạnh”.

Về phát triển Đảng, đến cuối năm 1980 đã có 302/694 cơ sở đảng trong tỉnh tiến hành kiểm điểm, phân loại xét tư cách cho 4.405 đảng viên chiếm 36,5% tổng số đảng viên, số đủ tư cách 3.367 và được tiến hành làm thẻ cho 3.029 đồng chí. Qua 3 đợt (3/2, 19/5, 2/9) có 215 đơn vị được xét cấp phát thẻ đảng viên cho 1.708 đồng chí; số đảng viên được nhận thẻ tiếp tục phát huy tính tích cực, chưa thấy có hiện tượng gì đáng kể. Thiếu sót trong công tác phát triển đảng viên, là do trong khi xét tư cách đảng viên, thì giải quyết chưa triệt để đối với số tiêu cực, trì trệ, khâu xem xét hồ sơ để cấp phát thẻ Đảng còn chậm.

(1) Trích “Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ hai”, tr 12. TL lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

(2) Theo Thông báo số 1310 NQ-NS/TW Quyết định của Bộ Chính trị trung ương Đảng về việc chuẩn y Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Công tác phát triển đảng viên được cấp ủy quan tâm hơn, có 17/18 đơn vị xét phát triển được 936 đồng chí tăng 23% so năm 1979 (trong số có 676 đoàn viên thanh niên, 128 nữ, 36 Khmer) đảng viên được phát triển đều là cán bộ cốt cán trong các phong trào và được bồi dưỡng cơ bản qua trường lớp, thành phần trẻ được chú ý nhưng số Đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giới thiệu để tổ chức đảng xem xét phát triển đảng viên chưa đạt 14% theo nghị quyết đề ra; do chưa có kế hoạch kèm cặp, bồi dưỡng nâng chất từng bước để chủ động phát triển Đảng, đối tượng phát triển chủ yếu là ở các cơ quan, đơn vị từ xã trở lên, chưa quan tâm ở ấp, xóm, nhất là số ấp chưa có đảng viên tại chỗ để khắc phục tình trạng ấp trắng (hiện còn 312 ấp chưa có đảng viên tại chỗ so năm 1979 giảm 71 ấp). Công tác tổ chức từng bước được củng cố, tiến hành kiểm thảo xử lý kỷ luật 629 đảng viên (trong đó có 11 huyện ủy viên, 102 đảng ủy viên và chi ủy viên, 25 sĩ quan Quân đội).

Hoạt động của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều tiến triển, nhiều nơi phát huy được vai trò xung kích đi đầu trên các mặt công tác, cùng với các đoàn thể khác làm tốt công tác vận động thanh niên đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, phong trào thi hành nghĩa vụ quân sự, giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương, phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, xây dựng nếp sống mới. Đặc biệt, thanh niên làm nòng cốt trong hai đợt tuyển quân vừa qua góp phần vượt 33,22% chỉ tiêu trên giao (đạt 10.658/8.000 quân, trong số này tỷ lệ đoàn viên chiếm 24,59%). Các cấp ủy Đảng quan tâm lãnh đạo, hướng dẫn giúp đỡ nhằm nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, biện pháp, lề lối làm việc cho thanh niên... Qua các phong trào thi đua sôi nổi, đã bồi dưỡng, kết nạp 3.280 thanh niên ưu tú vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tổ chức bộ máy chính quyền từ huyện đến xã được củng cố thêm một bước, nhiều nơi bầu bổ sung hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, sắp xếp lại chức danh chủ chốt trong ủy ban nhân dân và các ngành huyện, thị, nhằm tăng cường khả năng đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị (Thạnh Trị, Kế Sách, Vĩnh Châu và thị xã Sóc Trăng...) nhiều huyện rất quan tâm củng cố Ban nhân dân ấp. Theo tinh thần Quyết định 139.CP của Hội đồng Chính phủ, huyện chỉ đạo thành lập 15 ban ở 10 huyện và bắt đầu đi vào hoạt động; bầu lại 4 chủ tịch huyện, thị xã và bổ nhiệm 293 trưởng-phó phòng ở cấp huyện; 26 trưởng-phó ty, 204 trưởng-phó phòng trực thuộc Ty⁽¹⁾. Nhìn chung hoạt động của chính quyền các cấp từng bước đi vào nền nếp, năng lực quản lý về kinh tế, quản lý xã hội được nâng lên.

Các đoàn thể đi dần vào củng cố tổ chức, nâng cao nhận thức và tăng cường chất lượng hoạt động, làm nổi được vai trò giáo dục phát động và nòng cốt trong các phong trào sản xuất, huy động lương thực, tuyển quân, phong trào tiết kiệm đoàn kết tương trợ và xây dựng nếp sống mới... góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ địa phương. Quyền làm chủ tập thể trong các tổ chức đoàn thể được phát huy, hăng hái đóng góp xây dựng nghị quyết, xây dựng Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang và tham gia công tác tiêu cực, bảo vệ an ninh chính trị giữ gìn trật tự có kết quả. Qua phong trào thi đua lao động sản xuất, phát triển 40.288 hội viên trong số đó số hội viên phụ nữ tăng 76%, Nông hội tăng 33%, Công đoàn 20% bằng năm 1979, ngoài ra có 10.000 hội viên Hội Chữ thập đỏ, 11.400 hội viên tổ chức quần chúng khác, đưa tổng số hội viên các đoàn thể quần chúng lên 650.000 người, chiếm gần 30% số dân toàn tỉnh. Trong năm, công tác đào tạo cán bộ được chú trọng, tỉnh, huyện và các ban ngành chuyên môn đã mở nhiều lớp hội nghị,

⁽¹⁾ Số liệu về các huyện chưa tách được.

tập huấn dài hạn, ngắn hạn cho 43.805 cán bộ, đảng viên (có 2.353 cán bộ đi học trường Đảng tỉnh, huyện và có 9.349 cán bộ được bồi dưỡng nghiệp vụ về cải tạo nông nghiệp...); tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu qui hoạch, trong kế hoạch đào tạo cán bộ chưa được chủ động, chất lượng trong đào tạo, bồi dưỡng đạt chưa cao, một số ngành nghề còn thiếu nhiều cán bộ.

Trong các lĩnh vực: Đối với nông nghiệp, về mặt sản xuất, tỉnh đã tập trung chỉ đạo thâm canh, làm cao sản tăng vụ những nơi có điều kiện và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đưa tổng sản lượng tăng nhanh so mấy năm gần đây. Gắn chặt với sản xuất, công tác cải tạo nông nghiệp nhất là việc củng cố nâng cao chất lượng các tập đoàn sản xuất đã tập thể hóa tư liệu sản xuất chính, sản xuất tập thể và phân phối chủ yếu theo lao động và một số các hình thức tập dượt có những tiến bộ và có nhiều kinh nghiệm tốt. Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đã và đang có những chuyển biến tốt, nhất là tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng cơ bản là công tác rất quan trọng trong quá trình xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, tỉnh đã có tập trung trong đầu tư vốn, chỉ đạo, thiết kế, thi công, đã ưu tiên xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất nhất là thủy lợi, nông nghiệp, giao thông vận tải và những công trình sớm đưa lại hiệu quả kinh tế. Về phân phối lưu thông, công tác huy động lương thực, thực phẩm và các hàng hóa khác của địa phương có nhiều phấn khởi, do Đảng và Nhà nước đề ra những chủ trương, chính sách, nhất là chính sách giá cả ngày càng phù hợp, tạo sự nhất trí trong nội bộ Đảng và nhân dân, gây sinh khí phấn khởi trong sản xuất và làm tốt nghĩa vụ đối Nhà nước. An ninh-quốc phòng được các cấp ủy quan tâm, sự phối hợp nhịp nhàng giữa ban ngành, đoàn thể đã tạo sự chuyển biến trong phong trào chiến đấu, rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu; góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong địa phương; đồng thời góp phần làm tốt nghĩa vụ quốc tế giúp tỉnh bạn kết nghĩa Công nông Chấn hưng. Công tác dân vận, chính quyền và xây dựng Đảng từng bước được củng cố đi vào hoạt động có nề nếp.

Tuy nhiên, cũng còn nhiều mặt yếu và thiếu sót, trên mặt trận kinh tế, chưa quan tâm đúng mức công tác qui hoạch, kế hoạch, do đó kinh tế phát triển chưa toàn diện, cân đối, chưa khai thác hết tiềm năng đất đai, lao động của địa phương. Nông nghiệp phát triển chưa vững chắc, chưa quan tâm hoa màu, chăn nuôi,... ứng dụng khoa học kỹ thuật chậm, còn ở thế độc canh cây lúa, năng suất thấp 28,6 tạ/ha. Nông trường quốc doanh tiến bộ chậm, ngư nghiệp, lâm nghiệp còn nhiều mặt yếu kém. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lúc phát triển nhưng còn mang tính tự phát, quốc doanh quá nhỏ bé không làm nổi vai trò chủ đạo; giao thông - thủy lợi phát triển chậm, chưa đều. Mạng lưới thương nghiệp chưa đủ mạnh, có lúc buông lỏng để tư thương phát triển. Đời sống của nhân dân lao động, nhất là của cán bộ chiến sĩ, công nhân viên chức còn nhiều khó khăn.

Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, đời sống văn hoá của người dân nhìn chung còn thấp do cơ sở vật chất hoạt động phong trào còn thiếu, không có địa điểm tổ chức tụ điểm giải trí...; chất lượng công tác giáo dục còn thấp, phát triển không cân đối; bên cạnh đó các tệ nạn xã hội như mại dâm, đá gà, số đầu, số đuôi xảy ra khá phổ biến ở các huyện, thị nhất là ở xã vùng sâu.

Công tác an ninh-quốc phòng, chưa kiên quyết đối phó, giải quyết bọn đầu cơ, buôn lậu, xử lý các vi phạm luật chưa kịp thời, ngược lại có nhiều trường hợp bắt bớ, giam giữ không đúng luật pháp, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Chất lượng hoạt

động phong trào giữ gìn an ninh trật tự của lực lượng dân quân tự vệ chưa cao, bộ máy quân sự huyện, xã còn thiếu và yếu. Xây dựng hệ thống chính trị nhất là công tác giáo dục chính trị tư tưởng thiếu sắc bén, chưa kịp thời. Công tác tổ chức Đảng chưa đáp ứng nhiệm vụ lâu dài, phát triển đảng viên chậm. Chưa làm tốt công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác kiểm tra Đảng còn nhiều mặt yếu kém; năng lực tổ chức để triển khai thực hiện sâu rộng các chủ trương, nghị quyết của Đảng chưa tốt.

Năm 1980, tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II trong điều kiện hết sức khó khăn về nhiều mặt nhưng Đảng bộ và nhân dân Hậu Giang luôn nêu cao ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu cùng vươn lên để đạt được những thành tựu đáng kể tạo tiền đề tốt trong thời gian tới.

III. KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH, BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CẢI THIẾN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1981 – 10/1986)

Sang năm 1981, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hậu Giang còn gặp không ít khó khăn, sản xuất tuy có bước phát triển nhưng còn thấp, chưa ổn định. Công tác cải tạo và quản lý thị trường còn buông lỏng và thiếu kiên quyết, chưa truy tìm tận gốc và trừng trị đích đáng bọn gian thương, đầu cơ, tích trữ và phá rối thị trường. Hoạt động phân phối lưu thông chưa tác động tích cực đối với sản xuất, chưa đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ đời sống; giá cả biến động, tăng liên tục. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa chi phối được thị trường. Đời sống của cán bộ, công nhân viên chức và quần chúng lao động còn nhiều khó khăn; lương thực, thực phẩm chưa bảo đảm ổn định, thuốc chữa bệnh và một số mặt hàng thiết yếu khác còn thiếu. Chất lượng các hoạt động văn hoá, xã hội chưa được nâng cao, hiện tượng tiêu cực trong kinh tế và xã hội vẫn còn tồn tại. Công tác quản lý kinh tế - xã hội chưa được cải tiến và tăng cường đúng mức, cơ chế quản lý quan liêu bao cấp tuy đã được khắc phục từng bước nhưng vẫn còn nhiều vướng mắc, tình trạng bảo thủ trì trệ vẫn còn nặng, công tác điều hành chưa đồng bộ, hiệu lực còn thấp.

Trước tình hình khó khăn như vậy, Trung ương Đảng đã tìm cách tháo gỡ khó khăn, tiến hành đổi mới từng phần trong nông nghiệp, công nghiệp. Từ kết quả làm thử khoán sản phẩm ở một số địa phương và để khắc phục nhược điểm trong cải tạo nông nghiệp, tiếp tục tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp, ngày 13/01/1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Chỉ thị 100). Mục đích của khoán sản phẩm là bảo đảm phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước. Để đạt được mục đích đó, hợp tác xã phải sử dụng tốt tư liệu sản xuất, biết điều hành lao động, có quy hoạch và kế hoạch sản xuất, nắm được sản phẩm để phân phối, kết hợp được ba lợi ích. Phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán là khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, làm cho mọi người thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng. Phương pháp hoàn chỉnh chế độ “ba khoán” (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm và khoán sản phẩm) là chế độ thưởng phạt công minh đối với xã viên, xác định mức khoán hợp lý và ngăn ngừa tình trạng “khoán trắng”. Đối với các hợp tác xã ở miền núi và tập đoàn sản xuất ở miền Nam thì cần tổ chức làm thử, rút kinh nghiệm trước khi mở rộng⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, tập 42 (1981), trang 29. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2005.

Hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động từ thực tiễn sáng tạo của quần chúng nông dân và các cấp ủy địa phương đã được Đảng ghi nhận, khuyến khích, hướng dẫn thực hiện, bổ sung và nâng lên thành chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp. Chỉ thị 100 chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán theo đội sang khoán theo nhóm lao động và người lao động nên đã đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của người nông dân. Người nông dân bước đầu giành lại quyền chủ động trong sản xuất.

Trong năm 1981, để thực hiện thắng lợi Chỉ thị 100, Tỉnh ủy chỉ đạo mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu cho cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ ở các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Từ đó, công tác cải tạo nông nghiệp đi vào căn cơ, phát triển tốt hơn, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cũ từng bước được củng cố, đồng thời phát triển thêm 509 tập đoàn sản xuất, 758 tổ đoàn kết sản xuất và thực hiện khoán sản phẩm trong một hợp tác xã và trên 500 tập đoàn sản xuất. Tỉnh có 2 hợp tác xã thí điểm, 944 tập đoàn sản xuất và 2.057 tổ đoàn kết sản xuất; với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất, đã hợp tác hóa 11% hộ nông dân, gần 11% diện tích trồng lúa và 9% lao động nông nghiệp. Nhìn chung, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất về tổ chức và sản xuất tương đối ổn định, khắc phục tốt thiên tai, hạn chế thấp nhất sự thiệt hại, đảm bảo được diện tích và năng suất. Đặc biệt, hợp tác xã và các tập đoàn sản xuất nhận khoán đều có sự chuyển biến rõ rệt trong khâu lao động thâm canh, phần lớn năng suất tăng từ 200 - 1.800 kg/ha có nơi tăng trên 2.000 kg một vụ, có tác động tốt đối với tập đoàn chưa khoán và diện sản xuất cá thể. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại cần tiếp tục giải quyết, là chỉ đạo chưa thật cân đối giữa cao điểm và thường xuyên, tổ đoàn kết sản xuất phát triển chưa rộng, nhiều xã, ấp còn dậm chân tại chỗ chưa tổ chức được tập đoàn, có nơi đã có tổ đoàn kết nhưng trong xây dựng phương án kinh tế chưa thật cụ thể, ngành nghề chưa được quan tâm mở rộng. Về khoán, một số nơi nắm nội dung chưa vững, chỉ đạo không chặt, có định mức năng suất thấp và một số nơi còn khoán trắng trên một số khâu.

Ngày 12/01/1981 Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 35-NQ/TW và Chỉ thị số 102-CT/TW (17/01/1981) về việc tổ chức và lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương; cuộc bầu cử sẽ được tiến hành vào ngày 26/4/1981. Trong Chỉ thị nhấn mạnh, đây là công tác quan trọng, các cấp, các ngành khi tiến hành những công việc trước bầu cử cần phải bảo đảm cấu tạo về thành phần xã hội, nghề nghiệp, dân tộc...; lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực. Đồng thời cần lập kế hoạch bảo vệ tốt cuộc bầu cử, cảnh giác đề phòng âm mưu và hành động phá hoại của địch; mặc khác có những nội dung tuyên truyền sắc bén phản bác, đập lại những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, bảo đảm cuộc bầu cử ở địa phương tuyệt đối an toàn và đạt kết quả tốt.

Để khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp và với tinh thần tạo điều kiện cho sản xuất “bung ra”, ngày 21/01/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 25-CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định 26-CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Quyết định 25-CP đã chỉ rõ hướng đi cho những xí nghiệp không được cung ứng đủ các điều kiện và phương tiện vật chất để hoạt động đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Kế hoạch của xí nghiệp gồm có 03 phần: Phần Nhà nước giao có vật tư bảo đảm; phần xí nghiệp tự làm và phần sản xuất phụ. Những sản phẩm sản xuất trong kế hoạch Nhà nước giao và tự làm phải

bán cho quốc doanh, những sản phẩm thuộc phần sản xuất phụ của xí nghiệp có thể tự tiêu thụ. Ngoài ra, xí nghiệp được phép giữ lại không quá 10% sản phẩm phụ để thưởng cho công nhân viên trong xí nghiệp. Quyết định 26-CP mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng nhằm thúc đẩy người lao động hăng hái sản xuất. Ngoài ra, những người phát hiện được các vụ tham ô, lãng phí được hưởng từ 10 đến 20% số tiền hoặc giá trị hiện vật thu hồi. Cả hai quyết định trên đã giúp các cơ sở tháo gỡ được một phần khó khăn trong sản xuất, khuyến khích người lao động tiết kiệm nguyên vật liệu, tăng năng suất... làm giảm bớt những trì trệ trong sản xuất công nghiệp. Trong công nghiệp địa phương đã có 41/111 đơn vị sản xuất kinh doanh với 42% công nhân làm lương sản phẩm; tiêu thủ công nghiệp giá trị tổng sản lượng đạt 124,96 triệu đồng, vượt 8,6% kế hoạch; công nghiệp quốc doanh đạt 61,27%. Khó khăn do thiếu vật tư, nguyên liệu, chủ trương chính sách còn bị ràng buộc, tổ chức quản lý yếu, quy mô công nghiệp quốc doanh còn nhỏ bé (chiếm 19% giá trị sản lượng công nghiệp địa phương), tiêu thủ công nghiệp tuy có phát triển mạnh nhưng còn mang tính tự phát, quản lý sản phẩm yếu (Nhà nước nắm được khoảng 40% sản phẩm), cải tạo công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp chưa liên tục và triệt để, yếu nhất là ngành chế biến đường, lương thực, dầu dừa, xà bông. Chất lượng sản phẩm còn thấp, một số sản phẩm rất kém không sử dụng được.

Giao thông vận tải, trong năm 1981 các chỉ tiêu kế hoạch đều đạt và vượt xa (có phần do kế hoạch giao quá thấp vì lệ thuộc xăng dầu, vật tư Trung ương cấp), giao thông thủy, giao thông nông thôn kết hợp với thủy lợi, cầu đường làm khá tốt. Ngoài kế hoạch, ngành Giao thông-Vận tải đã làm mới và sửa chữa một số công trình như Liên Tỉnh lộ 31 dài 15 km với tổng số tiền là 6 triệu đồng, đoạn lộ bị đổ rác làm hư hao trên Quốc lộ 4, huyện Mỹ Tú dài 50 mét với tổng số tiền là 1.000.000 đồng v.v... Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn như kế hoạch đề ra không sát thực tế, thường là thấp. Giao thông thủy tuy có cố gắng khôi phục nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Vận tải hàng hóa chưa tập trung đúng mức, chưa khắc phục tốt việc vận tải hàng hoá hai chiều. Công tác xây dựng đường nông thôn (ấp, xóm), duy tu bảo dưỡng cầu đường chất lượng còn thấp, chưa tận dụng tốt khả năng đóng góp của lực lượng quần chúng nhân dân trong xây dựng đường nông thôn. Công tác quản lý yếu, nhất là quản lý tài vụ, phương tiện vận tải hư hỏng nhiều nhưng khâu bảo quản và sửa chữa yếu, thiếu phụ tùng thay thế. Các hiện tượng tiêu cực tuy có giảm nhưng chưa giải quyết được triệt để. Công tác cải tạo lực lượng vận tải tư nhân chưa tiến hành thường xuyên.

Về mạng lưới bưu điện, toàn ngành vượt 10% kế hoạch phát hành sách báo và sản xuất kinh doanh, xấp xỉ đạt kế hoạch điện tín, điện báo. Tuy nhiên, hệ thống điện thoại còn bị tắt nghẽn nhiều, không đảm bảo yêu cầu thông tin liên lạc thường xuyên, liên tục, thư từ, công văn, báo chí đưa đi chậm, chưa đảm bảo yêu cầu chỉ đạo của các cấp, các ngành. Mạng lưới thông tin liên lạc phát triển chậm, quản lý nghiệp vụ yếu.

Trong quản lý phân phối điện thắp sáng, còn thiếu điện do thiếu dầu và trong quản lý phân phối, sử dụng điện không tốt. Tỉnh ủy đã chỉ đạo cố gắng cung cấp thêm dầu, bên cạnh đó đề ra biện pháp tổ chức kiểm tra, quản lý chống lãng phí và tiêu cực trong quản lý, phân phối trong sử dụng điện nhưng thường xuyên vẫn dùng quá công suất (bình quân quá 17.000 kwh/ngày), điện sử dụng cho sinh hoạt chiếm tới 44,5% sản lượng điện thương phẩm. Các cơ sở quốc phòng, cơ quan, nhà khu tập thể, bệnh viện còn để lãng phí nhiều (một số cơ quan, xí nghiệp, phân xưởng còn sử dụng điện chạy nước đá bẹ, tủ đá khô...) hiện tượng ăn cắp điện, câu điện ngoài đồng hồ còn nhiều, tiêu

cực trong ngành điện còn xảy ra nhiều vụ lớn, chưa triệt để ngăn chặn và giải quyết sự việc khi xảy ra.

Về công tác thủy lợi, thực hiện vốn đầu tư 7.598.300 đồng, đạt 85,6% kế hoạch, huy động gần 4,5 triệu ngày công đào đắp gần 6 triệu mét khối đất, tăng 92% kế hoạch, nâng diện tích phục vụ sản xuất gần 30.000 ha lúa tăng vụ và cao sản, phục vụ khai hoang mở rộng diện tích 1.200 ha. Huyện nào phong trào cũng vươn lên, khá nhất là các huyện Long Phú, Mỹ Xuyên, Mỹ Tú và Thạnh Trị. Riêng công trình 30/4 huy động gần 400.000 ngày công của 6 huyện, thi đào đắp hơn 665.000m³ đất, rút ngắn ½ thời gian thi công theo kế hoạch. Năm 1981, Đảng bộ xác định được phương hướng, phương châm, tập trung trọng điểm, phát huy được tác dụng phục vụ sản xuất phù hợp đất đai từng khu vực, phục vụ giao thông nông thôn và quốc phòng. Riêng nông trường, tập trung chỉ đạo có chuyển biến mới, bộ máy quản lý được chấn chỉnh, qui hoạch và kế hoạch sản xuất có đi vào nề nếp, kết quả diện tích gieo trồng và năng suất có tăng lên. Về Lâm nghiệp, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch như trồng rừng mới, bảo vệ rừng cũ đạt tỷ lệ thấp, vận chuyển và cưa xẻ gỗ mới đạt 23% kế hoạch (vận chuyển 5.322m³), riêng phong trào “Trồng cây nhớ ơn Bác Hồ” kết quả đạt khá, trên 6.700.000 cây (bằng 2.703 ha) vượt 69% kế hoạch.

Thủy sản, có sự cố gắng lớn trong thực hiện kế hoạch, đến cuối tháng 11 năm 1981 được 7.350 tấn đạt 91,8% kế hoạch (trong đó quốc doanh 1.850 tấn đạt 92% chỉ tiêu); thu mua được 2.345 tấn (thu mua ngoài dân đạt gần 20% kế hoạch); riêng khâu nuôi tôm, cá chưa có gì đáng kể, phong trào “Ao cá Bác Hồ” chưa được duy trì thường xuyên, thiếu kiểm tra, động viên. Mặt yếu là bộ máy chỉ đạo và tổ chức quản lý một số ngành nghề chưa được ổn định, nhất là xí nghiệp đánh bắt có nhiều vướng mắc phải tập trung củng cố thời gian dài, khâu vật tư chưa đảm bảo, giá cả chưa phù hợp, cải tạo ngư nghiệp chưa được quan tâm nên còn yếu.

Hoạt động xây dựng cơ bản có nhiều khó khăn về tiền vốn, vật tư nhưng tỉnh đã cố gắng kêu gọi đầu tư thêm vốn (trung ương đầu tư 12 triệu đồng, tỉnh đầu tư thêm 30 triệu đồng theo kế hoạch) lo xoay sở vật tư, chủ yếu là sắt, thép, đá, xi măng, gỗ... Trước tình hình trên, Tỉnh ủy chỉ đạo rà xét lại và cắt bỏ những công trình không cần thiết, hoặc không có điều kiện để tập trung cho các công trình trọng điểm, tiếp tục điều chỉnh tăng đơn giá ngày công xây dựng cơ bản, thực hiện một bước phân cấp về quản lý và xây dựng để tận dụng và phát huy khả năng của địa phương, cơ sở trong xây dựng trường học, đường xá... Trong năm 1981, vốn đầu tư đạt 95% kế hoạch của địa phương nhưng gấp 3,3 lần chỉ tiêu trung ương giao (số tiền đầu tư tuy tăng nhưng khối lượng xây dựng đạt thấp hơn, do giá cả vật tư, công lao động, cước phí vận chuyển tăng cao hơn nhiều). Có 21 công trình và hạng mục công trình hoàn thành và đưa vào sử dụng, đã phát huy tác dụng cho sản xuất đời sống như Xưởng gạch Mỹ Xuyên đạt 7 triệu viên/năm... Tuy nhiên, số công trình dở dang còn nhiều (vì số công trình hoàn thành chỉ đạt khoảng 29% kế hoạch), một số công trình trọng điểm bị kéo dài như Nghĩa trang liệt sĩ, Sân vận động tỉnh. Kế hoạch xây dựng đầu năm còn dàn mỏng và không cân đối với khả năng thực tế vật tư, lao động, thủ tục xét duyệt, cấp phát tiền vốn còn nhiều vướng mắc. Lực lượng công nhân xây dựng trong quốc doanh ít (chỉ đảm bảo 1/3 nhu cầu) một phần do chế độ bồi dưỡng, đãi ngộ chưa thỏa đáng nên vẫn tiếp tục bị rã, một số thợ giỏi đã bỏ cơ quan ra làm ngoài. Quản lý xây dựng không chặt, còn để lãng phí, tham ô tiền bạc, vật tư nhiều, chất lượng công trình chưa cao, hiệu quả sử dụng thấp. Cấp huyện, xã, một số

nơi chưa quan tâm đúng mức trong xây dựng cơ bản, thiếu chủ động, ý lại chờ vốn và vật tư của cấp trên.

Trong năm 1981, tổng sản lượng lương thực tuy giảm 14.362 tấn so năm 1980 nhưng mức huy động, tỷ lệ huy động, khối lượng lương thực điều về trung ương đạt cao nhất kể từ sau ngày giải phóng đến nay, tỷ lệ hư hao đạt mức nhỏ nhất. Cả năm đạt 273.157 tấn (chiếm 25,5% tổng sản lượng lương thực), vượt 3.157 tấn so với kế hoạch điều chỉnh của Bộ Lương thực (trong đó, thu thuế 66.700 tấn, đạt 95,3% kế hoạch, thu nợ các loại 20.545 tấn, đạt 56% kế hoạch, mua 175.812 tấn và thu khác). Giao nộp về Trung ương 236.000 tấn, vượt 6.000 tấn so kế hoạch, tăng 127.000 tấn. Toàn tỉnh có 8/13 đơn vị⁽¹⁾ huyện, thị đạt và vượt mức kế hoạch huy động cả năm. Nhìn chung cả 03 vụ trong năm đều trúng mùa, giá mua của Nhà nước đưa ra tương đối hợp lý, bên cạnh đó Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ và linh hoạt, có sự chuẩn bị tốt về các mặt chỉ tiêu kế hoạch, lập ra bộ ba thu, tổ chức lương thực thu gom, vận chuyển, bảo quản (đặc biệt là chuyển thẳng về kho của tỉnh) có sự hợp đồng giữa các ngành, các cấp, và sự đóng góp của quần chúng, dồn sức cho trọng điểm chiến dịch theo phương châm “dứt điểm, cuốn chiếu”, coi trọng cả ba khâu thu thuế, thu nợ và thu mua. Tuy nhiên, phong trào không đều, nhiều nơi không đạt chỉ tiêu thu thuế, thu nợ, trong kiểm tra quản lý thu mua chưa tốt, do đó chất lượng lúa gạo có lúc kém, hiện tượng thất thoát tiền mặt, hàng hóa còn xảy ra ở một số nơi, công tác quản lý thị trường yếu; nguyên nhân là do thiếu hàng, từng lúc còn bị thiếu tiền mặt, một số nơi chủ quan trong công tác chỉ đạo, thiếu kế hoạch xóc tới (nhất là đầu vụ hè thu).

Tỉnh ủy khẩn trương chỉ đạo các địa phương ra sức khắc phục khó khăn lớn, đảm bảo diện tích gieo trồng 437.000 ha, đạt 95% kế hoạch; năng suất bình quân 2,37 tấn/ha, đạt 82,56% kế hoạch đưa tổng sản lượng lúa lên 1.042.882 tấn, đạt 88% kế hoạch. Mặc dù thời tiết không thuận lợi, vật tư khó khăn hơn nhưng được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, diện thủy lợi nhỏ được mở ra lớn hơn, đưa giống mới vào gieo trồng rộng hơn và tập trung cho thâm canh. Nhờ vậy năng suất tăng, diện tích và sản lượng không bị sụt nhiều. Tuy nhiên, chỉ đạo một số nơi chưa được tập trung, thiếu sâu sát và kịp thời trong việc khoanh vùng, chuẩn bị cày ải, làm phân xanh, phân chuồng và lấp vụ... đều chưa tốt. Mặt khác, khâu vật tư phục vụ sản xuất (xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu), giá cả mới quần chúng chưa quen mà tổ chức để cung ứng chưa kịp thời, phương thức phân phối và thanh toán lúng túng, làm ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, nhất là lúa cao sản. Trong chăn nuôi còn nhiều khó khăn, mạng lưới cán bộ thú y từ tỉnh đến tận cơ sở còn yếu, thiếu thuốc phòng trị, nguồn thức ăn cho heo chưa đảm bảo, khâu giá cả chưa cân đối, giống của đàn heo bị thoái hóa, heo nái chiếm tỷ trọng thấp nên khó phát triển theo yêu cầu.

Công tác xuất-nhập khẩu, thực hiện được một số lượng hàng hóa và giá trị đạt mức cao nhất kể từ trước đến nay. Hàng xuất khẩu và cung cách làm ăn của tỉnh bước đầu tạo được uy tín (tỉnh đã bao hai chuyên tàu lạnh của Liên Xô gần 1.700 tấn rau quả với chất lượng hàng khá, vượt thời gian qui định về giao nộp và bốc xếp). Lần đầu tiên đã kết hợp tốt xuất và nhập, vừa đảm bảo xuất trung ương, vừa ra sức xuất địa phương đã vượt chỉ tiêu trung ương và địa phương cùng khá. Công tác xuất-nhập khẩu đã thiết thực phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân trong tỉnh. Kết quả đạt được là do Tỉnh ủy đã mạnh dạn đầu tư cho phân vùng qui hoạch vùng chuyên canh và xây dựng cơ sở

⁽¹⁾ Số liệu chưa tách được.

vật chất kỹ thuật của ngành. Quan tâm nghiên cứu vận dụng chính sách giá cả, tổ chức thu mua, mời đoàn của Đại sứ quán Liên Xô đến tỉnh để giới thiệu mặt hàng và đặt quan hệ xuất nhập tại tỉnh. Tuy nhiên, còn khó khăn là chưa đẩy lên được phong trào quần chúng làm hàng xuất khẩu. Mặt hàng chủ yếu từ nông nghiệp nhưng chưa qui hoạch được vùng chuyên canh lớn chưa nghiên cứu mở rộng mặt hàng; nhất là mặt hàng hải sản có giá trị cao do phong trào đánh bắt xa bờ chưa đẩy lên được. Trong chính sách, chế độ xuất-nhập khẩu còn máy móc, cứng nhắc, gò bó chưa khuyến khích địa phương, cơ sở và người làm hàng xuất nhập khẩu. Bộ máy tổ chức trong lĩnh vực xuất nhập khẩu so yêu cầu nhiệm vụ còn quá thiếu và yếu.

Về thương nghiệp, hầu hết các chỉ tiêu hàng hóa mua tại địa phương đều đạt và vượt kế hoạch, mặc dù các chỉ tiêu hàng hóa trung ương điều về cho địa phương không đạt kế hoạch và giảm. Do thu mua hàng hóa tại địa phương khá, nên giá trị hàng hóa tại địa phương điều về trung ương tăng 6,2 lần (lúa 127.000 tấn, heo hơi tăng 3.619 tấn, chuối 1.245 tấn...). Đạt được kết quả trên, chủ yếu do giá cả thu mua của Nhà nước phù hợp, được tỉnh tập trung chỉ đạo và vận dụng linh hoạt. Ngành Thương nghiệp đã cố gắng củng cố, mở rộng về thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, chú ý sắp xếp lại một số chợ, mạnh dạn sử dụng một số thương lái, nên đã đẩy mạnh hơn được thu mua năm nguồn hàng, đảm bảo các mặt hàng cung cấp theo định lượng, mặt hàng nào không có thì đã bù tiền (tuy còn chậm); xóa bỏ dần lối quản lý hành chính bao cấp sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phát triển chậm, thu mua năm nguồn hàng, hàng hóa để tồn đọng lâu trong kho nên hư hao, thất thoát nhiều, năm khâu bán buôn chưa chặt, thiếu hàng nên chưa đủ sức chi phối bán lẻ, hàng hoá phân phối đến tay dân còn chậm, không đủ, chưa đi sâu xem xét nhu cầu của người dân, nhất là nông dân để phục vụ, khuynh hướng chạy theo kinh doanh kiếm lời, coi nhẹ phục vụ sản xuất đã xuất hiện; bên cạnh đó khâu quản lý thị trường yếu, hiện tượng ép giá còn nhiều, tiêu cực trong ngành có khắc phục nhưng chưa được giải quyết triệt để.

Hoạt động ngân hàng quản lý tốt các nguồn tiền mặt, đẩy mạnh hoạt động tín dụng, vận động tiết kiệm, từ đó đã đảm bảo tương đối kịp thời và đủ tiền mặt cho thu mua lương thực, thực phẩm, nông sản và hàng xuất-nhập khẩu. Tuy nhiên, hoạt động ngân hàng vẫn còn những mặt hạn chế như vận động tiết kiệm yếu (số dư bình quân 3,8 đồng/người/năm), bội chi tiền mặt còn lớn (khoảng 384 triệu, chủ yếu do thu mua lương thực, thực phẩm), quản lý tiền mặt và thu nợ chưa tốt, đôi lúc còn thiếu tiền phục vụ thu mua. Ngân sách Nhà nước tiến hành thu được 351,850 triệu, vượt 12% kế hoạch. Ngân sách địa phương trong những tháng đầu năm căng thẳng nhưng cuối năm cân đối được (thu 267,74 triệu đồng, chi 250,24 triệu đồng) và có kết dư 17,5 triệu đồng. Hoạt động tài chính đã cố gắng mở rộng và đẩy mạnh các nguồn thu, tiết kiệm hợp lý các nguồn chi, đảm bảo tiền lương và bù giá cho cán bộ, công nhân, viên chức của địa phương và cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh. Bước đầu thực hiện thu thuế đối với ngành thủy, hải sản, thuế sát sinh mới và phương thức ủy nhiệm thu thuế công thương nghiệp cho các huyện và một số xã, phường có kết quả. Tuy nhiên, thu thuế nông nghiệp chỉ đạt 90% kế hoạch, thuế vườn, rẫy và nợ thuế cũ thu được rất ít, nhiều nơi còn buông lơi. Thuế công thương nghiệp tuy đạt kế hoạch địa phương (khoảng 80 triệu) nhưng còn thất thu nhiều. Chủ trương của tỉnh về ủy nhiệm thu thuế công thương nghiệp cho xã, phường là phù hợp nhưng nhiều nơi còn lúng túng, thực hiện chưa đúng với chính sách, chủ trương đề ra, nên kết quả chưa cao.

Hoạt động giáo dục - đào tạo, tuy còn nhiều khó khăn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và đời sống nhưng đã cố gắng khai giảng năm học mới đúng thời gian qui định (trừ một số vùng nông thôn sâu). Được chính quyền quan tâm hỗ trợ nên cơ sở vật chất được củng cố và tăng cường theo hướng Nhà nước và nhân dân cùng làm, số lượng học sinh các cấp học, đội ngũ giáo viên có bước phát triển; ngày càng ổn định và ít xáo động (năm 1981 đã tăng cường 101 cô nuôi dạy trẻ, 132 giáo viên mầm non, 1.125 giáo viên cho vùng nông thôn sâu, 310 giáo sinh trung học sư phạm ra trường, bồi dưỡng 253 giáo viên Khmer, nhận trở lại 365 giáo viên trước đây bỏ việc, số giáo viên bỏ việc và vượt biên giảm 30% so năm 1980). Bộ máy quản lý và chỉ đạo các cấp được củng cố, bổ sung, những hiện tượng tiêu cực trì trệ của một số lãnh đạo trong giáo dục huyện, lãnh đạo nhà trường và giáo viên được uốn nắn, xử lý. Về giáo dục chính trị, đạo đức cho học sinh được quan tâm hơn, tuy nhiên, các cấp học đều chưa đạt được kế hoạch về số lượng học sinh và chất lượng giáo dục đạt thấp so với yêu cầu cải cách giáo dục. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập còn thiếu như bàn ghế, tập vở, bút, mực, sách giáo khoa... Bên cạnh đó, các hiện tượng tiêu cực trong giáo viên và học sinh vẫn còn (như dạy thêm, kiểm tra, thi...); ngành báo chí văn hóa cho nhân dân chưa đạt cao; công tác xóa nạn mù chữ còn buông lơi.

Công tác y tế có nhiều cố gắng trong phòng chống dịch bệnh khá tốt; khảo sát phong trào dịch tễ kịp thời (nhiều huyện đã phân lập được dịch tả) phong trào “Ba diệt, ba công trình, năm dứt điểm” vệ sinh phòng ngừa bệnh có kết quả nên dịch bệnh và số người chết do dịch bệnh giảm, một số bệnh nguy hiểm đã bị khống chế (Các bệnh đường ruột giảm 64%, sốt xuất huyết giảm 30%, bệnh tả giảm 24%, chỉ có ổ dịch tả nhỏ ở huyện Mỹ Xuyên nhưng có tỷ lệ người mắc bệnh chết giảm 2 lần); phong trào hướng dẫn phụ nữ sinh đẻ có kế hoạch cụ thể nên hoạt động ngày càng đi vào chiều sâu. Hoạt động chế biến dược liệu, phong trào trồng và sử dụng trị bệnh bằng thuốc nam ngày càng phong phú. Ngoài thuốc tây và hóa chất do Trung ương cấp, chính quyền chỉ đạo các địa phương cố gắng sản xuất chế biến để đảm bảo phân lớn thuốc trị bệnh thông thường (bình quân mỗi người dân có 7,75 đồng, trong đó địa phương tự túc 3,45 đồng/người/năm) cho người dân. Công tác khám và trị bệnh ở tuyến tỉnh đạt nhiều kết quả, bên cạnh đó công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế và mở rộng mạng lưới được quan tâm (đã mở thêm nhiều khoa cho cán bộ Bệnh viện Đa khoa). Tuy nhiên, công tác phòng chống dịch bệnh chưa chủ động, chưa giải quyết tốt vệ sinh nguồn nước và phân ở vùng nông thôn, vùng nước mặn, nguồn rác ở thị xã, thị trấn. Thuốc trị bệnh thông thường tuy đủ nhưng phân phối chưa tốt nên gây tình trạng thiếu thuốc giả tạo. Cơ sở vật chất phục vụ cho khám và điều trị bệnh thiếu thốn, nhất là loại thuốc đặc trị. Các hiện tượng tiêu cực, trì trệ trong ngành còn nhiều, chưa triệt để xử lý, ngăn chặn kịp thời.

Ngành Văn hóa-Thông tin, Báo, Đài Truyền hình có nhiều cố gắng đẩy mạnh hoạt động kịp thời và có hiệu quả phục vụ nhiệm vụ chính trị, trung tâm, đột xuất, đáp ứng một phần nhu cầu đời sống văn hóa của nhân dân. Công tác xây dựng nền tảng văn hoá mới được quan tâm; tổ chức nhiều đợt truy quét văn hóa phẩm đồi trụy, đã chặn đứng âm mưu của địch và bọn xấu muốn phục hồi lại loại văn hóa, văn nghệ đồi trụy, phản động. Trong năm 1981, đã cải tạo, xây dựng thêm 22 nhà văn hóa, phòng đọc sách, phòng lưu niệm, rạp hát của các huyện và xã; tổ chức được 04 cơ sở sang băng từ, 01 hiệu ảnh, 01 lớp sáng tác kịch bản sân khấu, dàn dựng thêm được 04 vở cải lương, 02 vở kịch mới và sáng tác nhiều tiết mục ca múa mới. Tổ chức khoảng 1.800 cuộc thông

tin cổ động với 1,4 triệu lượt người dự, 02 lần hội diễn (Hoa phượng đỏ và văn nghệ quần chúng) có 1.800 diễn viên tham gia, 16.954 lần chiếu bóng và 1.613 lần biểu diễn nghệ thuật có 9,3 triệu lượt người xem, Thư viện và Bảo tàng đón 111.000 lượt người đến tham quan. Tuy nhiên, phong trào hoạt động chưa đều, chưa mạnh, chất lượng sáng tác và biểu diễn văn học, nghệ thuật chưa cao, công tác báo chí, truyền thanh, truyền hình tuy có phát triển nhưng chất lượng thông tin còn thấp, thiếu sắc bén và kịp thời. Công tác đấu tranh truy quét văn hóa, văn nghệ phản động đòi truy tiến hành chưa thường xuyên nhất là về văn hóa và nếp sống mới.

Công tác khoa học và kỹ thuật được các cấp, các ngành quan tâm và có tiến triển tốt trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, về nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phát huy sáng kiến trong sản xuất và quản lý; một số hoạt động nghiên cứu tốt như chuyên đề nghiên cứu đất sét, ben-tô-nít và vỏ sò trầm tích ở huyện Mỹ Xuyên, ở huyện Kế Sách. Tuy nhiên, công tác điều tra cơ bản còn yếu, nhất là điều tra đánh giá nguồn tài nguyên. Ủy ban khoa học kỹ thuật là cơ quan tham mưu chỉ đạo mới đi vào hoạt động, phổ biến tiến bộ kỹ thuật mới và sáng kiến mới còn chậm, chưa áp dụng rộng rãi, chế độ khen thưởng chưa thỏa đáng, chưa kịp thời.

Để từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền các cấp đẩy mạnh sản xuất phát triển và thực hiện đúng, kịp thời các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước về mặt đời sống cho người dân. Năm 1981, đã giải quyết việc làm cho 14.000 người (có 150 bộ đội mãn ngũ) đạt 22,5% kế hoạch, tiếp tục nâng bậc, điều chỉnh lương, kiểm tra tay nghề, thực hiện phụ cấp lương, cung cấp hàng theo qui định (mặt hàng nào thiếu đã bù tiền) và từ tháng 10/1981 đã thực hiện bù thêm 04 mặt hàng (thịt, đường, xà bông, chất đốt) cho người ăn theo. Thực hiện mở rộng theo tinh thần Quyết định 25 - 26 - 64/CP, Chỉ thị 109 CT/TW trợ cấp tạm thời cho thương binh, gia đình liệt sĩ và tổ chức cứu đói một số vùng mất mùa ở nông thôn (chủ yếu đồng bào Khmer ở huyện Thạnh Trị). Tổ chức lập Ban liên lạc và Câu lạc bộ những người hưu trí ở thị xã Sóc Trăng và các huyện. Tổ chức Năm Quốc tế những người tàn tật, nổi bật là chiến dịch "Mang ánh sáng cho người mù" của Bệnh viện Đa khoa, đội ngũ y, bác sĩ đã điều trị cho 425 người và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, bên cạnh đó số người không có việc làm cũng còn nhiều, giải quyết việc làm còn chậm. Khoảng cách về thu nhập và đời sống của tư thương và người dân lao động còn quá xa nhau (tư thương gấp 10 - 15 lần). Trong khu vực Nhà nước, tuy có được phụ cấp lương, bù hàng nhưng không đủ bù cho vật giá tăng nhất là trong ba tháng cuối năm, do đó cuộc sống cán bộ, nhân viên vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt là khu vực hành chính sự nghiệp. Trong vùng nông thôn, thu nhập của nông dân khá nhưng vật giá tăng nên đời sống vẫn vất vả.

Trong năm 1981, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp, địch tăng cường hoạt động mạnh ở các huyện Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên, Mỹ Tú, Thạnh Trị, thị xã Sóc Trăng... chúng lợi dụng người dân tộc Khmer đưa người sang Campuchia trái phép để liên lạc các tổ chức phản động Pôn Pốt xin hỗ trợ về vũ khí, tài liệu, tiền bạc mang về nước hoạt động; mặt khác, chúng tập trung xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước nhất là trong các chủ trương thực hiện về cải tạo nông nghiệp, chính sách nghĩa vụ quân sự... Thời gian này, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần 6 (khóa V) đã đề ra Nghị quyết nhiệm vụ trước mắt: Đẩy mạnh sản xuất, ổn định và đảm bảo đời sống của nhân dân, tăng cường quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu, chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Được sự chỉ đạo của Trung ương

và quán triệt tinh thần Nghị quyết 02 (20/6/1980) của Tỉnh ủy Hậu Giang, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công an khẩn trương ra sức xây dựng tỉnh thành địa bàn chiến lược-huyện thành pháo đài; xã, ấp, phố phường thành trận địa vững chắc song song với xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân; nâng cao sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang và công an nhân dân, dần dần đã có sự chuyển biến đáng kể. Tỉnh đẩy mạnh phát động phong trào “Vì an ninh Tổ quốc” tuyên truyền luật pháp, tiến hành kiểm tra hộ khẩu, giáo dục những thành phần bất hảo, tập trung cải tạo, cưỡng bức lao động hàng ngàn tên, thu nhiều vũ khí giữ trái phép, bắt giữ 3.744 tên, diệt 9 tên cướp vũ trang, bắt gọn 15 toán cướp và băng nhóm giết dọc. Đến cuối năm 1981, công tác quản lý trại giam xem xét, giải quyết thả trên 8.000 phạm nhân và đưa ra tòa án xét xử 87 vụ với 229 tên (có 6 vụ án chính trị), từ đó có ảnh hưởng tốt trong quần chúng. Về bộ máy tổ chức quân sự và công an các cấp, từng bước được củng cố, tăng cường và bổ sung trên 2.450 cán bộ, chiến sĩ, tổ chức an ninh nhân dân, bảo vệ dân phòng và dân quân tự vệ được phát triển trên 21.500 đội viên, nâng tổng số hiện có trên 62.000 đội viên. Công tác giáo dục, huấn luyện nâng cao chất lượng được chú ý, nhiều địa phương có phong trào bảo vệ trị an khá tốt như huyện Long Phú, Thạnh Trị, xã Thạnh Quới (Mỹ Xuyên) và Phường 3 (thị xã Sóc Trăng)... Tuy nhiên, phong trào chưa đều, diện phát triển chưa rộng, công tác quản lý đội ngũ chưa thật chặt, cơ sở một số nơi còn xảy ra tình trạng hôi lộ, hách dịch ức hiếp quần chúng, gây ảnh hưởng không tốt.

Trong năm 1981, công tác tuyển quân và thu gom quân gặp nhiều khó khăn nhưng do làm tốt công tác vận động, tuyên truyền nên kết quả tương đối cao, chỉ trong đợt tuyển quân đợt 1 đã đạt 7.747 tân binh, đạt 66,1% kế hoạch (riêng Long Phú và thị xã Sóc Trăng vượt chỉ tiêu); số quân bổ ngũ của những năm trước đã thu gom được trên 3.000, riêng đợt vận động xét tuyển đưa về trên được 1.728 quân nhân đạt 43,2%. Hiệu quả tuy đạt cao nhưng vẫn còn nhiều hạn chế như công tác tuyển quân chỉ đạo tập trung chưa cao, công tác tuyên truyền, giáo dục có phát động nhưng chưa sâu. Thực hiện chính sách hậu phương quân đội nhiều nơi chưa tốt, tỉ lệ đảng viên, đoàn viên tham gia rất ít, số cán bộ thiếu gương mẫu, tiêu cực trong thực hiện tuyển quân, quản lý quân chưa chặt chẽ, chưa kiên quyết trong giải quyết các vụ việc.

Năm 1981, Ban Chỉ đạo 79 - kết hợp ban, ngành có liên quan, tiến hành kiểm tra, thanh tra và kiểm soát 450 vụ trong các ngành trọng điểm, những cơ sở quốc doanh và tổ chức tập thể, trong đó có 169 vụ vi phạm quyền dân chủ của quần chúng, 282 vụ vi phạm về quản lý kinh tế và xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tiền mặt trên 3.269.000 đồng và nhiều vật tư hàng hóa khác, đặc biệt 145 hợp tác xã và cửa hàng mua bán đã bị chiếm dụng, làm thất thoát của ngân quỹ hàng triệu đồng, đã xử lý 209 vụ, thu hồi 1.168.000 đồng. Trong những tháng cuối năm, tình hình tiêu cực nhìn chung chưa giảm, một số vụ mang tính chất nghiêm trọng dính với nội bộ, có sự tính toán, cấu kết bao che nhau gây thiệt hại tài sản Nhà nước và có những trường hợp vi phạm trắng trợn đến tính mạng quần chúng nhân dân. Những tồn tại đó là do công tác quản lý tổ chức của ta còn yếu, quản lý kinh tế còn lỏng lẻo, nhiều vụ chậm hoàn thành hồ sơ truy tố trước luật pháp để xử lý kịp thời. Từ đó gây tác động lớn, xấu trong giáo dục ngăn chặn, khiến một số cán bộ và quần chúng nhân dân vẫn còn hoài nghi, thiếu tin tưởng chính quyền trong xử lý, giải quyết và trong đấu tranh chống tiêu cực. Bên cạnh đó, việc chăm lo đời sống cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức, nhân dân lao động nhiều mặt chưa thật tốt, công tác giáo dục, động viên, công tác quản lý và hướng dẫn chấp hành luật pháp Nhà nước của các đoàn thể chưa sâu và rộng khắp.

Trong hoàn cảnh kinh tế và đời sống còn nhiều khó khăn, yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương ngày càng cao, Đảng bộ tỉnh đã triển khai học tập các nghị quyết, chỉ thị quan trọng của Trung ương và của Tỉnh ủy, nhất là học tập quán triệt nội dung các Nghị quyết 32, 36 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy về công tác xây dựng Đảng, tạo nên sự chuyển biến rõ nét về tư tưởng và tổ chức, khả năng lãnh đạo của các cấp bộ Đảng trong tỉnh được nâng cao. Đến cuối năm, đã có 108 đơn vị khá, 43 đơn vị trung bình và còn 22 yếu kém, có 31/35 đơn vị được công nhận đơn vị vững mạnh (đợt 1) và Đảng bộ huyện Long Phú được đề nghị về Trung ương Đảng xét khen thưởng. Tuy nhiên còn nhiều đảng bộ, chi bộ chưa kết hợp chặt giữa nhiệm vụ cấp bách trước mắt với nhiệm vụ cơ bản lâu dài, giữa công tác trung tâm và công tác thường xuyên, giữa xây dựng và cải tạo. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, quản lý tổ chức, bồi dưỡng phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên một số nơi chưa làm tốt, còn làm từng đợt rồi lơi dần, nặng lo công việc cụ thể trước mắt. Chưa tích cực chủ động giải quyết những sơ hở về tư tưởng và tổ chức trong nội bộ để giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, hạn chế những mặt tiêu cực trong nội bộ. Khâu bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nói chung các cấp có quan tâm; tỉnh, huyện mở 753 lớp tập huấn ngắn hạn và lớp dài hạn, bồi dưỡng, đào tạo gần 35.000 cán bộ, đảng viên (trong đó trường Đảng tỉnh mở lớp lý luận trung cấp 210 học viên; trường Đảng huyện, thị có 57 lớp 3.011 học viên; trường Cải tạo nông nghiệp 2.477 học viên, đoàn thể các cấp mở 650 lớp với 21.638 học viên...)⁽¹⁾. Ngoài ra, Thường vụ Tỉnh ủy còn trực tiếp mở các lớp bồi dưỡng cho hàng ngàn lượt các chức danh chủ chốt xã, phường. Trong triển khai các nghị quyết lớn của Đảng, nhiều huyện, xã đã tổ chức nhiều đợt tham quan, học tập điển hình bồi dưỡng trong thực tiễn chỉ đạo kết quả khá tốt. Tuy nhiên, việc quy hoạch và kế hoạch bồi dưỡng đào tạo cán bộ thiếu cụ thể nên một số đơn vị chưa có sự chủ động, cơ sở vật chất trường lớp chưa đảm bảo mở lớp liên tục, mặt khác cuộc sống cán bộ đảng viên và cốt cán quản chúng có khó khăn nhiều, chưa an tâm đi học tại trường lớp, nên ảnh hưởng đến số lượng chiêu sinh.

Về phát triển đảng viên, đến cuối tháng 11/1981 căn bản đã hoàn thành thủ tục và phát thẻ cho 676/681 đảng bộ, chi bộ cơ sở và trên 10.164 đảng viên (đạt 81% tổng số đảng viên)⁽²⁾ có tác động tốt trong công tác xây dựng Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên được kiểm điểm lòng ghép trong thực hiện từng nghị quyết của cấp ủy. Tuy nhiên, một số đơn vị trong việc xác minh, giáo dục, xem xét, giải quyết số tạm hoãn còn chậm, có nơi chưa giải quyết dứt khoát việc đưa số người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng (sau khi đã được kiểm điểm, giáo dục nhiều lần). Có hiện tượng một số đảng viên thỏa mãn sau khi nhận thẻ, nên còn lơi lỏng thiếu học tập, rèn luyện thường xuyên nên lại vi phạm tổ chức kỷ luật Đảng.

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy quan tâm, trong năm 1981 phát triển 1.184 đảng viên tăng 26%; đảng bộ các cấp luôn quan tâm, chú ý công tác phát triển đảng viên trẻ, nhất là số thanh niên trực tiếp sản xuất trong các phong trào thủy lợi, hợp tác hóa nông nghiệp đã thực sự được thử thách, để đưa đi bồi dưỡng cơ bản qua trường lớp của Đoàn, của Đảng. Tuy nhiên, kết quả công tác phát triển đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, chưa thật sự chú ý đến thành phần công nhân. Số đảng viên tại ấp, khóm còn ít nhưng việc khắc phục ấp trắng còn chậm (toàn tỉnh còn 358/1.246 ấp, khóm chưa có đảng viên tại chỗ; một phần do chia thêm một số ấp) và chưa đặt thành vấn đề

(1-2-3) Trích “Báo cáo công tác năm 1981 của Hậu Giang”, số 42.BC/TU ký ngày 02/01/1982. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

thường xuyên để kiểm điểm trong sinh hoạt lệ của cấp ủy các cấp. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận đảng viên chưa chú trọng đúng mức việc tu dưỡng, rèn luyện về chính trị - tư tưởng, có biểu hiện cửa quyền, thành kiến, trù dập cán bộ, đảng viên và quần chúng dám đấu tranh chống tiêu cực; năng lực quản lý còn hạn chế, thậm chí có đảng viên còn tham ô, móc ngoặc, tư cách đạo đức kém. Tuy nhiên, tình trạng này được Đảng bộ tỉnh đấu tranh ngăn chặn, xử lý kiên quyết và kịp thời, đã kiểm tra và kiểm thảo xử lý 773 đảng viên vi phạm tổ chức kỷ luật Đảng, tăng 22% so với năm 1980 (trong đó cách chức 41, lưu Đảng 100, khai trừ 377 và xóa tên 162).

Về hoạt động của bộ máy chính quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng, điểm tiến bộ rõ nét là phương pháp và lề lối làm việc của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp đã có bước cải tiến, có sự tập trung cho những chương trình mục tiêu lớn, những công tác trọng tâm, tháo gỡ những trở ngại, trì trệ trong quản lý kinh tế - xã hội. Chính quyền cấp tỉnh đã bước đầu xây dựng và ban hành một số văn bản có tính chất pháp quy của Nhà nước ở địa phương về quản lý kinh tế xã hội; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát được tăng cường; luật nghĩa vụ quân sự, các Pháp lệnh về thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, về quản lý thị trường đều được tổ chức thi hành tốt hơn trước. Song, công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính quyền cơ sở chưa tốt, nhất là bộ máy chính quyền các cấp quá yếu về năng lực, chức trách, nắm chưa thật vững luật pháp Nhà nước, vận dụng chưa thật tốt ba biện pháp (giáo dục, kinh tế, hành chính) trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nhiều nơi còn vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, một số ban ngành chưa làm tốt chức năng tham mưu cho lãnh đạo chính quyền, chưa được chú ý bồi dưỡng nâng cao chất lượng hoạt động. Để thực hiện tốt công tác đoàn thể, Ban Bí thư ra Quyết định số 93-QĐ/TW ngày 17/3/1981, chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải thể Ban Dân vận-Mặt trận và thành lập Ban Dân vận. Đối với các huyện, quận, thị, phường, xã không thành lập Ban Dân vận, chỉ phân công đồng chí Phó Bí thư hoặc Ủy viên Thường vụ phụ trách công tác dân vận⁽¹⁾. Thời gian này, đồng chí Hà Thái Bình (Tư Hiền) - Thường vụ Tỉnh ủy làm Trưởng ban Dân vận tỉnh. Sau khi tiếp thu Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy, bộ máy đoàn thể các cấp được củng cố và được bầu cử dân chủ trong đại hội nâng cao chất lượng hoạt động, công tác giáo dục được đẩy mạnh đi vào chiều sâu, huy động đoàn viên, hội viên và đông đảo các tầng lớp quần chúng với khí thế sôi nổi tham gia thực hiện tốt các công tác trung tâm của Đảng; công tác phát triển đoàn viên, hội viên được quan tâm hơn có 84.000 quần chúng được kết nạp vào các tổ chức nâng tổng số đoàn viên, hội viên lên 730.800 chiếm 32% dân số. Tuy nhiên, công tác giáo dục, phát động phong trào còn tập trung từng đợt, nặng nội dung động viên trước mắt, thiếu kết hợp nội dung giáo dục cơ bản về xã hội chủ nghĩa, nâng cao giác ngộ cho hội viên và quần chúng. Tổ chức bộ máy cán bộ đoàn thể xã, ấp yếu, còn hạn chế về chất lượng hoạt động, nội dung sinh hoạt chưa thật phù hợp và chặt chẽ.

Trong năm 1981, tỉnh còn gặp rất nhiều khó khăn khách quan, thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện phục vụ sản xuất, lưu thông rất hạn chế, bên cạnh đó, kẻ địch tích cực phá hoại trên nhiều mặt, đời sống cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức, nhân dân lao động trong tỉnh có nhiều khó khăn. Song, đây là năm mà Đảng bộ, quân dân trong tỉnh và các cơ quan Trung ương

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam-Văn kiện Đảng TT, tập 42 (1981), trg 110. Nxb Chính trị QG, Hà Nội 2005.

đóng tại địa phương đã cố gắng vượt qua mọi khó khăn, đạt được nhiều kết quả cao và khá toàn diện, năng lực lãnh chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương được nâng cao.

Sang năm 1982 - Là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm (1981 – 1985), quán triệt Nghị quyết lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh luôn nêu cao ý thức tự lực tự cường, ý chí cảnh giác cách mạng, phát huy cao độ tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân, tập trung lực lượng mọi mặt phát triển mạnh công nghiệp, các ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng, phát triển ngư, lâm nghiệp; tạo bước phát triển mới trong công tác xuất nhập khẩu. Chỉ đạo tiếp tục cải tiến công tác quản lý kinh tế, xóa lối hành chính quan liêu bao cấp, tăng chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, đã giải quyết tốt một số nhu cầu thiết yếu phục vụ tốt đời sống cho nhân dân lao động; củng cố và xây dựng các lực lượng vũ trang và bán vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Không ngừng củng cố và xây dựng các cấp đảng bộ, chính quyền và đoàn thể, đặc biệt là cấp cơ sở. Luôn thực hiện tốt nghĩa vụ quan hệ quốc tế và hợp tác toàn diện với tỉnh bạn Công nông Chấn hưng.

Từ ngày 15 đến ngày 21/01/1982, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ III (đợt 1) tại thành phố Cần Thơ. Tham dự Đại hội có 495/500 đại biểu chính thức của 18 đơn vị huyện, thị, thành và Đảng bộ trực thuộc, thay mặt trên 12.000 đảng viên. Đại hội đã tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến cho dự thảo các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V. Đại hội nhất trí cao các quan điểm tư tưởng nêu trong dự thảo các văn kiện; đồng thời có những đóng góp bổ sung và báo cáo những vấn đề chưa nhất trí để Trung ương nghiên cứu. Đại hội đã bầu đoàn Đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V gồm 13 đại biểu chính thức (có 02 đại biểu Trung ương) và 02 đại biểu dự khuyết.

Từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng đang được hình thành, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong chặng đường trước mắt, coi ổn định tình hình kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết. Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội trong 5 năm (1981-1985). Xuất phát từ thực trạng nền kinh tế quốc dân, đại hội đã nêu ra nội dung công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt như Báo cáo Chính trị đã chỉ rõ là: Tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý...

Trong Đại hội đã quyết định “Trong giai đoạn mới của cách mạng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, ra sức phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; hai là, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) có 116 ủy viên chính thức, 36 ủy viên dự khuyết, đồng chí Lê Duẩn tiếp tục làm Tổng Bí thư; Hậu Giang có 02 đồng chí tái đắc cử Ban Chấp hành Trung ương Đảng là đồng chí Vũ Đình Liệu (Tư Bình), Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Phó Bí thư-Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, trong Đại hội chưa phân tích được

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện ĐHĐB toàn quốc lần thứ V...”, tập I, trang 49-50. Nxb Sự Thật, Hà Nội 1982

hết nguyên nhân dẫn đến tình trạng trì trệ của nền kinh tế, chưa thấy đúng mức nguyên nhân chủ quan về lãnh chỉ đạo và quản lý dẫn đến tình hình khó khăn, vẫn khẳng định đường lối chung là đúng đắn, khuyết điểm là trong khâu tổ chức thực hiện nên đã không có được những sửa chữa đúng mức cần thiết. Đại hội còn thể hiện sự nôn nóng trong chủ trương hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh Nam bộ vào những năm tới.

Tháng 4 năm 1982, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định đồng chí Vũ Đình Liệu (Nguyễn Thanh Bình, Tư Bình) - Ủy viên Trung ương Đảng thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang để làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và quyết định đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu) - Ủy viên Trung ương Đảng thôi giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để làm Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang⁽¹⁾.

Trong khí thế thi đua sôi nổi chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Đại hội ba cấp, Đảng bộ và nhân dân Hậu Giang phát huy tinh thần tự lực tự cường trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị, từ đó tỉnh đạt được nhiều thành tích mới trên các mặt công tác, đồng thời cũng thấy rõ những thiếu sót của tỉnh cần chú ý khắc phục trong những năm tới. Tỉnh ủy triển khai gắn chặt với đợt học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội lần V trong toàn Đảng bộ; qua đó, các cấp, các ngành đã thể hiện được những nội dung cơ bản trong kế hoạch năm 1982 của địa phương, phát huy ý thức tự lực, tự cường, quan tâm dồn sức tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, chú ý cả trồng trọt và chăn nuôi, gắn sản xuất với cải tạo và đã tạo ra những bước phát triển khá tốt.

Trên mặt trận nông nghiệp, năm 1982 đạt cả 03 chỉ tiêu kế hoạch, diện tích gieo trồng lúa cả năm thực hiện được 459.667 ha, đạt 102% kế hoạch; năng suất lúa bình quân đạt 28,6 tạ/ha, tăng 16,7%, sản lượng lúa cả năm đạt 1,3 triệu tấn, so với kế hoạch tăng 12%. Năm nay Hậu Giang được mùa, đặc biệt là lúa mùa cao sản với diện tích 100.000 ha, năng suất bình quân 40 tạ/ha, trong đó có một số diện tích đạt 60 - 70 tạ/ha một vụ. Về vật tư phục vụ cho nông nghiệp còn nhiều hạn chế, song nhờ thâm canh tăng vụ có thời tiết thuận lợi và vận dụng tốt các tiến bộ khoa học kỹ thuật liên hoàn, làm thủy lợi nhỏ, cày ải, thay đổi giống mới, lịch thời vụ kết hợp sử dụng các loại phân bón hợp lý. Ngoài ra, còn biết kết hợp giữa sản xuất và cải tạo, cung ứng vật tư được kịp thời, thực hiện tốt hợp đồng hai chiều... Sự chuyển biến nói trên chỉ là bước đầu nhưng có ý nghĩa, nó chỉ ra khả năng mới và xuất hiện nhiều nhân tố tích cực, mở ra cung cách làm ăn mới với những hình thức tổ chức và quản lý năng động, có hiệu quả, nâng cao được nhiệt tình lao động của người nông dân và sự quyết tâm khắc phục khó khăn của Đảng bộ và cấp ủy các cấp, các ngành. Tuy nhiên, sự chuyển biến và tiến bộ nói trên chưa đều, chưa mạnh, công tác quy hoạch phân vùng thực hiện chưa tốt, nên lúc tăng vụ phát triển chậm, vòng quay của đất còn thấp, năng suất bình quân ba vụ trong năm chưa cao; sự chỉ đạo của một số địa phương chưa sát, còn bảo thủ nên chưa đạt kế hoạch.

Về hoa màu và cây công nghiệp phát triển, diện tích gieo trồng đạt 36.000 ha, riêng các cây như đậu nành đạt 75% kế hoạch, đậu đạt 24% và cây dứa liệu đạt 25% kế hoạch. Đi đôi với trồng trọt, chăn nuôi có phát triển tuy gặp nhiều khó khăn về thức ăn, thuốc điều trị nhưng nhờ cải tiến về giá cả tương đối hợp lý; chủ động phòng ngừa, tiêm phòng nên hạn chế được dịch bệnh gia súc.

⁽¹⁾ Theo Thông báo số 11 NQ-NS/TW ngày 22/4/1982 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quyết định số 55 NQ-NS/TW ngày 24/4/1982 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc phân công một số đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng.

Gắn sản xuất nông nghiệp với cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong chỉ đạo đã nắm được phương châm “tích cực và vững chắc” đi từ thấp đến cao, kết hợp giải quyết chính sách ruộng đất với tổ chức hợp tác hóa, biết kết hợp phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng với trấn áp bọn phá hoại, vận dụng ba cuộc cách mạng vào tập đoàn sản xuất, hợp tác xã... đưa diện tích trồng lúa của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tăng lên 24,5% (nếu tính cả đất nông trường thì đạt 27,5%) so với toàn bộ diện tích canh tác của tỉnh. Đã có 1.820/2.130 tập đoàn sản xuất được thực hiện hình thức khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động. Các tập đoàn tiên tiến khá được giữ vững, hầu hết các tập đoàn đều sản xuất giỏi, làm nghĩa vụ tốt, đoàn kết tương trợ khá. Trong phong trào xuất hiện nhiều điển hình, nhiều nhân tố mới, rút ra được một số bài học kinh nghiệm tốt. Những kết quả trên chứng tỏ đường lối, chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, mục đích, nguyên tắc, phương châm và các biện pháp đề ra phù hợp. Về các nông trường, trong năm 1982 hoạt động tốt, phát huy những mặt mạnh, khắc phục những hạn chế, từng bước thay đổi cung cách làm ăn mới nên đem lại hiệu quả kinh tế tốt.

Về sản xuất nông nghiệp, diện tích phát triển không đều, còn chậm, đến nay còn trên 30 xã, phường chưa có tập đoàn sản xuất, một số nơi nắm chưa vững Chỉ thị 100, việc giao khoán chưa đảm bảo chất lượng, xây dựng phương án phát triển kinh tế cho các tập đoàn chất lượng kém, chưa toàn diện nhất là phát triển ngành nghề, kinh tế gia đình, trong cán bộ, đảng viên có một bộ phận do công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa tốt, nên còn tư tưởng chần chừ do dự, không nghiêm chỉnh chấp hành tốt quy định trong công tác cải tạo. Về lâm nghiệp, phong trào “Trồng cây nhớ ơn Bác” vượt chỉ tiêu. Các khâu tiếp nhận, vận chuyển, cưa xẻ gỗ kết quả đạt khá. Tuy nhiên, chỉ đạo chưa được toàn diện, trồng rừng tập trung chỉ đạt 25% kế hoạch, công tác bảo vệ rừng và cây trồng chưa tốt, chưa phát động thành phong trào nhân dân tham gia trồng và bảo vệ rừng.

Năm 1982, công nghiệp địa phương có cố gắng khắc phục khó khăn về vật tư, nguyên liệu, điện... để duy trì và phát triển sản xuất, đã làm thêm nhiều mặt hàng mới phục vụ sản xuất và đời sống. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển khá. Nhiều cơ sở quốc doanh đã quan tâm thực hiện Quyết định 25, 26/CP và triển khai Quyết định 146/CP của Hội đồng Bộ trưởng. Giá trị tổng sản lượng cả năm đạt được 163,3 triệu đồng, vượt 2,1% kế hoạch. Trong đó, công nghiệp quốc doanh đạt 63,3% kế hoạch, tiểu thủ công nghiệp vượt 48,7% kế hoạch, chất lượng sản phẩm khá hơn trước. Tuy nhiên, công tác quy hoạch công nghiệp tiến hành chậm, trong phân công, phân cấp còn nhiều vướng mắc. Công tác cải tạo, tổ chức lại bộ máy tiểu thủ công nghiệp chưa tốt, chưa tập trung cao trong chỉ đạo quản lý chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, hàng tiểu thủ công nghiệp nắm chưa sát. Chưa kiên quyết trong xử lý, trừng phạt bọn làm ăn gian dối, làm hàng giả, lấy cắp, ăn xén vật tư, nguyên liệu của Nhà nước. Trong tỉnh có 60% cơ sở quốc doanh thực hiện theo Quyết định 25, 26/CP nhưng quản lý định mức, đơn giá, giá thành và giao nộp sản phẩm chưa tốt, nên phát sinh tiêu cực trong việc trả lương khoán và thưởng. Công tác chỉ đạo chưa tập trung, chưa sát với yêu cầu phát triển của ngành nông nghiệp.

Về thủy sản, kết quả khai thác, thu mua, chế biến đều vượt chỉ tiêu, trong đó xí nghiệp tôm xuất khẩu đông lạnh đạt 118,7% chỉ tiêu kế hoạch. Phong trào quần chúng nuôi tôm, cá nước ngọt và nước mặn, lợ có bước phát triển. Song, xí nghiệp đánh bắt hải sản và xí nghiệp nước mắm đạt kế hoạch thấp do chỉ đạo chưa sâu và phương hướng

sản xuất chưa ổn định, tiền và vật tư thiếu, phương tiện hư hao sửa chữa chậm, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm chưa đảm bảo.

Giao thông vận tải, vượt kế hoạch về vận chuyển và luân chuyển hàng hóa, hành khách; điểm mới trong năm 1982 là vận chuyển hàng hóa từ cạn ra sâu và xây dựng giao thông nông thôn kết hợp thủy lợi có nhiều tiến bộ, biết kết hợp thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm. Vận tải đường thủy, vận tải ô tô vẫn cố gắng khắc phục khó khăn về xăng, dầu để phục vụ và phụ tùng thay thế giúp ngành tiếp tục phát triển. Về xây dựng cơ sở vật chất cũng phát triển, đặc biệt là Xí nghiệp sửa chữa ô tô 01/5 bước đầu phát huy tác dụng tốt, xí nghiệp khai thác đá mở rộng, tăng thêm thiết bị và năng suất bóc xếp. Mặt yếu của giao thông vận tải là quản lý lực lượng giao thông vận tải, hợp tác xã tư nhân chưa chặt, tiêu cực trong ngành chưa giảm, giải quyết sắp xếp lại các lòng lè đường nhất là ở thị xã, thị trấn.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ chính trị, Chỉ thị 109 của Ban Bí thư, các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, biện pháp của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác phân phối lưu thông đã có nhiều tiến bộ trong xây dựng lực lượng cán bộ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, tăng cường hoạt động và quản lý tài chính, tiền tệ, quản lý thị trường, giá cả, góp phần phục vụ và đẩy mạnh sản xuất, đời sống ở địa phương và làm tốt nghĩa vụ với Trung ương. Về huy động lương thực, đã đạt 260.073 tấn lúa vượt chỉ tiêu 73 tấn, có 9/13 đơn vị huyện, thị, thành đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm, thu thuế đạt 92% kế hoạch, thu hợp đồng hai chiều đạt cơ bản số vật tư đưa ra. Công tác thu gom, vận chuyển, bảo quản, giao nộp đạt chỉ tiêu; đặc biệt phong trào quần chúng tham gia tích cực làm nghĩa vụ cho Nhà nước trong đợt phát động chào mừng Đại hội Đảng lần thứ V, trong một ngày nhập kho khoảng 20.000 tấn, tỷ lệ hư hao giảm, kho và sân phơi tăng hơn trước. Tuy nhiên, thu nợ thuế cũ, thuế vườn, rẫy đạt tỷ lệ thấp, quản lý tiền mặt, hàng hóa, lúa chưa chặt chẽ, còn để hư hao, thất thoát ở một số nơi. Nguyên nhân chủ yếu là do đầu tư chưa đồng bộ, từ khâu đầu đến khâu cuối, mặt khác công tác chỉ đạo yếu, chưa kịp thời, thiếu hàng hóa có lúc thiếu tiền mặt, một số nơi chủ quan để vượt tay một số mặt hàng có chất lượng tốt, phương thức thu mua và giá lúc đầu không ổn định, quản lý thị trường chưa chặt, lực lượng cán bộ thu mua yếu.

Về thương nghiệp, ngành đã tích cực chỉ đạo trong xây dựng lực lượng quốc doanh, hợp tác xã mua bán, quản lý thị trường, tổ chức đăng ký kinh doanh, niêm yết giá, đẩy mạnh thu-mua nguồn hàng nông sản thực phẩm tại địa phương đều đạt và vượt kế hoạch; đồng thời các mặt hàng giao nộp về Trung ương cũng tăng hơn năm 1981, trong đó có nhiều mặt hàng vượt kế hoạch. Công tác phục vụ sản xuất, hàng tiêu dùng ở địa phương và cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho công nhân, viên chức đúng theo qui định. Song, lực lượng thương nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa chưa đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ từng lúc có khuynh hướng chạy theo kinh doanh kiếm lời, chưa coi trọng đúng mức phục vụ sản xuất, đời sống, nhất là phục vụ vùng nông thôn. Việc cung cấp và bù tiền các mặt hàng theo qui định còn chậm. Công tác cải tạo tư thương thực hiện chưa thường xuyên và liên tục; còn chủ quan nghiên cứu chưa kỹ âm mưu phá hoại về kinh tế của kẻ địch để đối phó kịp thời. Công tác quản lý thị trường có lúc chưa chặt, trong thu mua, năm nguồn hàng chưa coi trọng việc đẩy mạnh ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều, gặp khó khăn về thiếu hàng, thiếu tiền. Hàng thiết yếu từ Trung ương đưa về theo kế hoạch như vải chỉ đạt 67%, gỗ 69%, dầu diesel 70%, chất đốt 70%...

Công tác nhập khẩu, tiếp tục tích lũy thêm một số kinh nghiệm và đang phát triển. Xuất về Trung ương cả năm được 67,6 triệu đồng, vượt 10,85% kế hoạch; xuất địa phương vượt 25% kế hoạch (có yếu tố giá). Đi đôi với xuất khẩu, đã nhập được 792 triệu rúp - đô la, nhập tư liệu sản xuất và một số hàng tiêu dùng về phục vụ sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, trong chỉ đạo chưa được quan tâm đúng mức việc đầu tư tạo nguồn hàng, mặt này từ lâu còn yếu nhưng khắc phục chậm, các mặt hàng xuất khẩu chưa hình thành vùng chuyên canh tập trung, do đó hàng xuất còn phân tán, chưa có hàng chủ lực, còn ít, giá cao, việc thu mua chưa thông qua hợp đồng hai chiều. Cơ sở vật chất phục vụ chế biến, bảo quản, vận chuyển còn thiếu, nhất là phương tiện chuyên dùng.

Về tài chính tiền tệ, ngân sách có nhiều khó khăn, do giá cả thị trường biến động liên tục nên bị ảnh hưởng, có lúc căng thẳng, song, với sự cố gắng trong tiết kiệm chi và thu các nguồn nên cả năm đã cân đối được thu-chi; đặc biệt trong năm 1982 thu quốc doanh và thuế công thương nghiệp vượt chỉ tiêu kế hoạch. Các nguồn thu khác còn thấp, nhất là thuế vườn, rẫy; lượng tiền mặt bị bội chi chủ yếu do thu-mua lương thực, thực phẩm giao nộp về Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ chính trị và Chỉ thị 05 của Tỉnh ủy, công tác giáo dục tiếp tục phát triển. Lãnh đạo ngành chỉ đạo triển khai cải cách giáo dục ở lớp một và một số lớp hai, bước đầu có kết quả khả quan; tiếp tục giáo dục kỹ thuật tổng hợp và giáo dục hướng nghiệp ở các trường trung học phổ thông. Hội đồng Giáo dục tỉnh và một số huyện, xã đã thành lập và đi vào hoạt động. Trong năm 1982, ngành tổ chức đưa đoàn học sinh tỉnh Hậu Giang dự thi cùng các tỉnh bạn, kết quả đã đoạt giải Ba môn Văn lớp 12, giải Khuyến khích môn Anh văn toàn quốc; phong trào Nhà nước và nhân dân chăm lo sự nghiệp giáo dục đạt nhiều kết quả. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục trong các trường vẫn còn thấp; số học sinh bỏ học tăng; cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên ở vùng nông thôn sâu còn thiếu, yếu; đời sống của giáo viên và học sinh nội trú còn khó khăn, thiếu thốn. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng và các tổ chức Đoàn, Đội, Công đoàn trong trường học còn yếu; hầu hết các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông chưa có đảng viên. Sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền, đoàn thể tuy có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới. Tỉnh ủy nhận định nguyên nhân khách quan là do hậu quả của cuộc chiến tranh, do khó khăn về kinh tế nhưng chủ yếu là do chủ quan mà trước hết là do các cấp bộ đảng, chính quyền, các đoàn thể nhất là Đoàn Thanh niên, chưa thật sự thể hiện vai trò nòng cốt trong các phong trào, cấp ủy các cấp còn khoán trắng cho ngành chuyên môn, chưa củng cố đúng mức ngành, tạo điều kiện cho ngành vươn lên; chưa chặt chẽ trong phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, với phụ huynh học sinh để cùng khắc phục các khó khăn về các mặt nhất là quan tâm giải quyết đời sống giáo viên.

Công tác phòng chống dịch bệnh và chữa bệnh có nhiều kết quả tốt như tổ chức tuyên truyền cách phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng ở các ấp vùng sâu, nên ngăn chặn được các vụ dịch bệnh lớn. Đang triển khai xây dựng 5 phân viện liên huyện và nhiều phòng khám liên xã, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch giảm tỷ lệ tăng dân số từ 2,65% xuống 2,55%. Tuy nhiên, thuốc điều trị phòng chống dịch bệnh, nhất là thuốc đặc trị, dung dịch truyền thiếu thốn nhiều, trong khi công tác quản lý phân phối thuốc chưa tốt. Thuốc sản xuất tại địa phương tồn kho nhiều do chất lượng thuốc kém, do đó người dân không xem trọng các loại thuốc sản xuất tại địa phương. Công tác cải tạo mạng lưới y tế tư nhân chậm, chưa tổ chức quản lý chặt chẽ thuốc ngoài thị trường. Phong trào vận động sinh đẻ có kế hoạch, trồng và sử dụng thuốc nam, trị bệnh bằng đông - tây y kết

hợp tuy được chú ý nhưng vẫn còn yếu, chưa nhân rộng khắp. Thái độ phục vụ người bệnh của một số cán bộ và nhân viên y tế còn hách dịch, quan liêu và chậm khắc phục.

Cùng với việc chỉ đạo đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể chất, Đảng bộ Hậu Giang hết sức quan tâm đến công tác giáo dục truyền thống, thực hiện các chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng nhằm xây dựng con người mới có đủ sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức. Với sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo tỉnh, Tiểu ban Suu tầm Lịch sử Đảng bộ tỉnh Hậu Giang⁽¹⁾ phối hợp cùng cấp ủy các địa phương tiến hành biên soạn lịch sử truyền thống, lịch sử Đảng bộ; phối hợp các ngành văn hóa - thông tin tiến hành suu tầm hiện vật bảo tồn bảo tàng, lập hồ sơ di tích khảo cổ, phục hồi một số loại hình nghệ thuật dân gian; phục vụ thiết thực yêu cầu giáo dục truyền thống. Tỉnh ủy còn chỉ đạo các ban ngành hữu quan tổ chức vận động quần chúng chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, đẩy mạnh phong trào phấn đấu trở thành gia đình “Cách mạng gương mẫu”, “Công dân kiêu mẫu”... Công tác thương binh, xã hội đã có những chuyển biến tốt trong việc xét, duyệt hồ sơ liệt sĩ, giải quyết các tồn tại những năm trước, tích cực chống tiêu cực trong cấp phát tiền mặt, vật tư theo chính sách. Tuy nhiên, trong giải quyết các chế độ, chính sách còn chậm, tổ chức giáo dục, cải tạo và quản lý đối tượng tệ nạn xã hội chưa tốt.

Công tác văn hóa-thông tin, báo, đài phát thanh-truyền hình phục vụ được yêu cầu nhiệm vụ chính trị và có bước phát triển. Các cuộc hội diễn văn nghệ quần chúng tuyên truyền cổ động, các Hội nghị Chuyên đề về văn hóa dân tộc, về sáng tác không chuyên tại tỉnh đã có tác động tốt đến phong trào văn nghệ quần chúng. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng nền văn hóa mới, nếp sống mới, con người mới thực hiện chưa thường xuyên, liên tục, chưa có nề nếp. Sự kết hợp giữa ngành tuyên truyền với đoàn thể chưa tốt, tình trạng thiếu giấy in, thiếu pin cung cấp cho loa cầm tay, bên cạnh đó giá sách, báo lên cao, gây hạn chế nhiều cho công tác thông tin, tuyên truyền ở vùng nông thôn.

Các cấp ủy đảng và chính quyền đã có rất nhiều biện pháp thiết thực phát triển sản xuất và chăm lo đời sống quần chúng và công nhân, viên chức. Tuy nhiên, sản xuất vẫn phát triển chậm, chưa toàn diện, nhiều vùng còn sản xuất độc canh cây lúa. Công tác phân phối lưu thông còn nhiều yếu kém; vận động tiết kiệm kết quả còn thấp. Số người không có việc làm còn nhiều, nhất là ở thành thị (năm 1982 mới giải quyết việc làm cho 5.151/38.000 người ở thành thị). Phân hóa giai cấp còn tiếp diễn, quyền làm chủ tập thể của quần chúng bị vi phạm. Nhìn chung, đời sống nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị vẫn còn khó khăn nhất là bị tác động nhiều bởi giá cả thị trường biến động. Trong khu vực Nhà nước sự chênh lệch về mức thu nhập giữa khu vực sản xuất và kinh doanh tuy đã nhìn ra nhưng chưa có cách khắc phục. Việc cung cấp và bù tiền cho các mặt hàng thiết yếu có cố gắng nhưng còn chậm (nhất là chất đốt), đời sống của công nhân, viên chức đặc biệt là khu vực hành chính sự nghiệp, lực lượng quân đội và công an còn tiếp tục khó khăn.

Công tác an ninh, chính trị được giữ vững trong lúc tình hình địch tăng cường hoạt động tình báo, kết hợp bọn địch trong và ngoài nước câu móc tổ chức lại lực lượng phản động “cày sâu, núp kín” chờ đợi thời cơ. Đồng thời, chúng cố ngoi lên hoạt động

⁽¹⁾ Tỉnh ủy Hậu Giang: Chỉ thị số 08.CT/TU về “Thành lập Tiểu ban suu tầm lịch sử Đảng huyện, thành phố, thị xã và viết lịch sử truyền thống của các ty, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh Hậu Giang”, ngày 19/7/1982. TL lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

phá hoại ta nhiều mặt, trong đó là hoạt động phá hoại về kinh tế và chống đối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; đi sâu tập hợp lôi kéo tín đồ tôn giáo, gây hoang mang kích động, vượt biên... Hoạt động của địch đã gây tác động về mặt tâm lý trong quần chúng nhưng chúng vẫn bị thất bại thảm hại. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 92 của Ban Bí thư, Tỉnh ủy nhắc nhở các cấp, các ngành phát động cán bộ, chiến sĩ và quần chúng tăng cường cảnh giác cách mạng, giữ vững phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Lực lượng công an, quân sự phối hợp hoạt động, đã phát hiện và truy bắt giam giữ 220 tên trong các tổ chức phản động và 134 tên chuyên vận động gạt người dân vượt biên. Qua phong trào, đã bình chọn trên 500 đơn vị và cá nhân tiên tiến. Sự kiên quyết trong truy bắt, xử lý tội phạm, đã khiến các hoạt động về bè nôi của địch giảm; tuy nhiên kế hoạch đánh trả của ta chưa đạt và chưa tóm được bọn đầu sỏ, nên từng lúc chúng vẫn còn nhen nhóm lên lút hoạt động. Trong công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội được cấp ủy chỉ đạo tổ chức lại nhưng tội phạm hình sự chưa giảm, những vụ trọng án, trộm cắp, cướp của giết người, tai nạn giao thông còn là nỗi lo âu trong quần chúng. Bên cạnh đó, ta chưa đưa ra xử lý triệt để số cán bộ, chiến sĩ công an ở các địa phương cậy quyền, hống hách, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, gây mất lòng tin trong một số quần chúng nhân dân.

Năm 1982, công tác xây dựng lực lượng quốc phòng đạt yêu cầu, tuyển quân đạt 107% chỉ tiêu, có 9/14⁽¹⁾ huyện, thị và 115/217 xã, phường, thị trấn đưa quân đạt và vượt kế hoạch. Song song đó, các lực lượng dân quân địa phương được củng cố và tăng cường, dân quân tự vệ phát triển từ 2,15% đến 4,3% dân số. Các lực lượng không ngừng được giáo dục, rèn luyện nâng cao sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Để ngăn chặn, đập tan âm mưu “Chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của địch, ta đã tổ chức nhiều cuộc tuyên truyền phát động quần chúng không để mắc mưu địch; đồng thời đẩy mạnh phong trào “Vi an ninh Tổ quốc” phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang. Qua đó đã phá được nhiều tổ chức nhen nhóm phản cách mạng, nhất là các tổ chức vượt biên. Một tổ chức cướp của, giết người gây ra nhiều vụ khét tiếng do tên Thạch Hiền cầm đầu đã làm cho nhân dân hoang mang lo sợ; lực lượng công an phối hợp các ngành liên quan bắt gọn đưa ra tòa xử án công khai và kết án tử hình tên Thạch Hiền tại Công trường Giải phóng. Mặt khác, tăng cường xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 5,86% dân số trong độ tuổi (chỉ tiêu giao 2%), tuyển thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự hằng năm đều vượt chỉ tiêu trên giao. Được sự chỉ đạo của Quân khu, của Tỉnh ủy, Ban Chỉ huy Quân sự tỉnh đã tổ chức đợt diễn tập chống tình huống xảy ra khi địch đổ bộ bằng đường biển, đường không, đây là lần đầu tiên lực lượng vũ trang Hậu Giang được diễn tập với quy mô lớn, với số quân dự bị cấp trung đoàn và có Chuyên gia của Liên Xô giám sát, hướng dẫn; kết quả qua cuộc diễn tập đã được Bộ Quốc phòng và Quân khu đánh giá là đơn vị khá. Tuy nhiên, việc phát động thực hiện nghĩa vụ quân sự chưa được sâu rộng, chưa sát và cụ thể từng đối tượng, còn nhiều thanh niên trong cơ quan và ngoài quần chúng trốn tránh nghĩa vụ, gần 50% xã, phường, thị trấn tuyển quân chưa đạt yêu cầu, việc giữ gìn tổ chức kỷ luật một số đơn vị chưa tốt. Phong trào rèn luyện sức khỏe, thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang tổ chức còn yếu, chưa thường xuyên.

Công tác đấu tranh chống tiêu cực được chú ý hơn trước, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy tổ chức học tập Hiến pháp, luật pháp từ trong các cơ sở Đảng, các ban ngành và Hội

⁽¹⁾ Chưa tách được số liệu các huyện, thị, thành.

đồng nhân dân các cấp đồng thời tổ chức học tập ngắn hạn đến cán bộ chủ chốt ở xã và giáo dục rộng rãi ra quần chúng bằng nhiều hình thức. Song song đó, tiến hành chấn chỉnh và củng cố tổ chức, cải tiến công tác quản lý, tiến hành kiểm tra, thanh tra xác minh, xử lý những vụ việc vi phạm trong nội bộ và ngoài quần chúng. Vì vậy, tình hình vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động gần đây có giảm. Tuy nhiên tệ tham ô, móc ngoặc, làm ăn phi pháp, hối lộ, ức hiếp quần chúng vẫn còn; tình hình xâm phạm tài chính xã hội chủ nghĩa chưa giảm, đặc biệt có 6 vụ bị mất cắp tiền mặt trên 1,2 triệu đồng. Tuy Tỉnh ủy đã chỉ đạo chính quyền các cấp giải quyết đơn từ khiếu tố, xác minh, kiểm tra trước khi ra quyết định kỷ luật và truy tố 178/320 vụ nhưng còn nhiều vụ xác minh, xử lý giải quyết chậm, gây nghi ngờ, mất lòng tin trong quần chúng; nguyên nhân tình hình trên là do công tác quản lý nội bộ chưa chặt, khâu quản lý kinh tế còn nhiều sơ hở, thiếu kiểm tra, nhất là công tác đấu tranh chống tiêu cực chưa triệt để, sự trù dập, trả thù cá nhân chưa ngăn chặn kịp thời.

Tập trung tiến hành đợt sinh hoạt học tập Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V và tổ chức đại hội 3 cấp đạt kết quả tốt (có 667/714⁽¹⁾ đơn vị cơ sở và 14 huyện, thị, thành tổ chức xong đại hội, Tỉnh ủy đang chuẩn bị đại hội). Qua học tập và đại hội xong hai cấp, việc nắm và chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng có bước tiến bộ rõ nét, các Nghị quyết Đại hội đề ra đều thể hiện được tính tích cực cách mạng và có cơ sở khoa học để thực hiện đạt kết quả; các mặt công tác khác đều phát triển khá tốt. Trong cấp ủy, qua bầu cử thành phần ngày càng trẻ hóa (tuổi đời bình quân của cấp ủy cơ sở là 37,5 và cấp huyện, thị, thành là 40-42; ngoài việc chú ý bố trí cấp ủy viên phụ trách kinh tế, đồng thời quan tâm sắp xếp các đồng chí có năng lực phụ trách công tác xây dựng Đảng, dân vận, an ninh, quân sự); kết quả bầu cử nhìn chung đã tạo được sinh khí phấn khởi đến các cấp đảng bộ. Tuy nhiên, một số đại hội cơ sở đề ra nghị quyết chất lượng chưa cao, cơ cấu cấp ủy viên cơ sở và huyện một số nơi chưa được trẻ hóa, thành phần nữ, dân tộc, công nhân, khoa học kỹ thuật trong các cấp ủy còn ít.

Công tác phát triển Đảng, phát triển đảng viên có nhiều chuyển biến, đã cơ bản hoàn thành việc phát triển đảng viên (trước đó gần 2.000 trường hợp gác lại nhưng đến nay đã giải quyết chỉ còn lại 81 trường hợp). Trong năm 1982, chất lượng sinh hoạt Đảng ở nhiều đơn vị chưa cao, việc thực hiện phê bình và tự phê bình chưa thường xuyên, có lúc chưa thực sự tự giác, kém hiệu quả, còn hình thức và chiếu lệ. Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp tổ chức kiểm tra, xem xét, như ở Huyện ủy Mỹ Xuyên và Mỹ Tú xem xét được 184 chi bộ gồm 3.006 đảng viên (trong đó, 87,04% hoàn thành tốt nhiệm vụ, 12,6% hoàn thành chưa cao {số này có 16,5% phải xem xét lại}). Qua công tác phát triển Đảng và xem xét tư cách đảng viên đã có tác dụng giáo dục, nhắc nhở đảng viên trong vai trò tiên phong gương mẫu. Từ đầu năm đến hết tháng 11/1982 phát triển được 1.125 đảng viên mới (có 101 nữ, 70 Khmer), bổ sung được 87/494 ấp trắng đảng viên. Tuy nhiên, công tác tổng kết phát triển đảng viên còn chậm, việc đấu tranh trong xem xét để phát triển Đảng và xem xét tư cách đảng viên còn nhiều hiện tượng nể nang, chất lượng chưa cao, ngược lại cũng có một số trường hợp lợi dụng việc đóng góp ý kiến để phê phán, đả kích với động cơ cá nhân không tốt. Đảng viên mới phát triển trong năm còn ít, chưa tập trung chỉ đạo và có kế hoạch thật cụ thể để phát triển đảng viên mới, nhất là số thành phần công nhân, nông dân, tập thể ưu tú nằm trong các tập đoàn sản xuất nông nghiệp, các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh, các trường học, lực lượng công an, quân sự.

(1) Chưa tách được số liệu các huyện, thị, thành.

Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng Đảng bộ, Chi bộ “Trong sạch vững mạnh” gắn liền kiên toàn, xây dựng cấp huyện, kết quả có 156 đơn vị được công nhận. Các đảng bộ cấp huyện và phần lớn đảng bộ cơ sở đang phấn đấu vươn lên khá tốt nhưng mặt yếu là ta chưa tập trung chỉ đạo xây dựng tốt các đảng bộ, chi bộ cơ quan, xí nghiệp (sản xuất kinh doanh), trường học, một số cơ sở và phần nhiều các trường hợp cán bộ đảng viên bị sai phạm kỷ luật là do công tác Đảng ở chi bộ còn kém. Tỉnh ủy chưa hướng dẫn cụ thể nội dung xây dựng Đảng bộ cơ sở và cấp huyện, chưa chỉ đạo riêng và sơ, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời. Công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật trong Đảng, trong năm đã giải quyết kỷ luật 456 đảng viên, có 265 vụ vi phạm chủ trương chính sách, 110 vụ vi phạm nguyên tắc Đảng, 19 trường hợp hủ hóa biến chất, 11 trường hợp thuộc lịch sử chính trị và 51 vụ vi phạm khác. Trong số này có 52 trường hợp do Tỉnh ủy quyết định kỷ luật đối với cán bộ sơ cấp, trung cấp chính trị và 257 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng, xóa tên. Ngoài ra, các cấp ủy tổ chức và tạo điều kiện trong việc đi xác minh, thẩm tra lý lịch cán bộ nguồn phục vụ cho yêu cầu bầu cử các cấp ủy. Trong công tác kiểm tra vừa qua, còn nặng lo sự vụ công việc như giải quyết kỷ luật, đơn khiếu tố, chưa đi sâu được chức năng kiểm tra việc thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, Điều lệ Đảng để có kế hoạch chủ động, kịp thời trong giáo dục, ngăn ngừa những sai phạm của cán bộ, đảng viên.

Trường Đảng tỉnh và các huyện đã khắc phục nhiều khó khăn trong việc chiêu sinh các lớp đào tạo cán bộ (được 37 lớp trên 2.000 học viên, cả số đối tượng phát triển Đảng); tuy nhiên, công tác này nhiều mặt còn yếu, chưa xây dựng xong quy hoạch cán bộ, nên trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chưa thật cụ thể, chủ động, cán bộ giảng dạy còn thiếu và yếu nên chất lượng giảng dạy hạn chế, cơ sở vật chất trường lớp một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu.

Năm 1982, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, bộ máy chính quyền các cấp trong tỉnh được kiên toàn một bước về tổ chức, đưa các hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, một số ban ngành trực thuộc chính quyền đi dần vào nề nếp, nâng cao hơn trình độ năng lực quản lý của cơ quan chính quyền, nhất là quản lý kinh tế. Sắp xếp lại các ban ngành của huyện, thị và cấp xã theo qui định của Hội đồng Bộ trưởng nhưng còn lúng túng vì một số ban theo qui định Hội đồng Bộ trưởng ghép lại với nhau chưa hợp lý (như Thủy lợi không ghép với Nông nghiệp mà ghép với Giao thông, có những ban bao gồm nhiều ngành rất khó quản lý...). Các huyện, thị đã tổ chức mở lớp tập huấn ngắn hạn về chức năng nhiệm vụ và pháp chế xã hội chủ nghĩa cho hơn 1.100 cán bộ tham dự. Tuy nhiên, công tác chính quyền còn những mặt hạn chế cần tiếp tục giải quyết. Các cấp ủy luôn quan tâm công tác quản lý kinh tế (tuy chưa toàn diện) nhưng mảng quản lý xã hội còn nhiều mặt yếu và thiếu sót, còn xảy ra việc tài sản xã hội chủ nghĩa bị ăn cắp, mất mát lớn, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động còn bị vi phạm. Việc xây dựng, củng cố các ban ngành kinh tế, nội chính các cấp chưa vững mạnh, đồng bộ, có ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền các cấp một cách toàn diện.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 01/NQTU về công tác dân vận, Nghị quyết 40/NQTV và Chỉ thị 117/CTTW của Ban Bí thư về công tác tôn giáo và dân tộc, nhiều cấp ủy đã quan tâm lãnh đạo chỉ đạo; Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể có nhiều cố gắng trong việc tuyên truyền giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước rộng rãi đến quần chúng nhân dân. Trong phong trào lấy hội viên tiêu biểu làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng tại địa phương,

nhất là trong lao động sản xuất, cải tạo, đóng góp nghĩa vụ với địa phương, đưa con em đi nghĩa vụ quân sự... các phong trào đều đạt kết quả tốt. Phát huy quyền làm chủ tập thể của người dân trong đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước đạt nhiều kết quả tốt. Gắn chặt với các phong trào cách mạng, quan tâm xây dựng phát triển hội viên mới; kết quả tập hợp 90.128 quần chúng vào các đoàn thể; đã mở nhiều lớp và tiến hành tập huấn ngắn ngày cho 10.514 cán bộ đoàn thể các cấp, Ban Chấp hành các đoàn thể từng bước được kiện toàn và hoạt động đi vào nề nếp.

Nhìn chung, trên mặt trận kinh tế nhất là trong sản xuất và cải tạo nông nghiệp, những nhân tố mới, tích cực xuất hiện ngày càng nhiều, mở ra cung cách làm ăn mới với những hình thức tổ chức và quản lý năng động có hiệu quả; phát huy được tinh thần chủ động sáng tạo, nâng cao nhiệt tình lao động của nông dân và sự nỗ lực quyết tâm khắc phục khó khăn của Đảng bộ và các cấp, các ngành. Các lực lượng vũ trang đã phát huy được sức mạnh tổng hợp, hợp đồng tốt hơn, phong trào vì an ninh bảo vệ Tổ quốc phát triển ngày càng sâu rộng. Mặc dù, địch tổ chức hoạt động phá hoại về nhiều mặt nhưng ta vẫn bảo vệ được các địa bàn, các mục tiêu trọng điểm, giữ vững được an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội. Đồng thời chấn chỉnh, củng cố tổ chức, cải tiến công tác quản lý, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giải quyết và xử lý các vụ việc kiên quyết, nghiêm minh. Tình hình vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân đã giảm đáng kể.

Trong năm 1982, nhiều khó khăn phức tạp mới nảy sinh, những biểu hiện tiêu cực ngày càng tăng, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Chỉ thị 72 của Ban Bí thư về “Chống tiêu cực trong nội bộ Đảng”; tiếp đến là Chỉ thị 53 của Ban Bí thư về “Điều chỉnh cán bộ chủ chốt trong nội bộ Đảng”, từ đó công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến và tiến bộ, đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Đại hội V của Đảng và tổ chức đại hội ba cấp đạt kết quả tốt. Tiến hành xong đại hội hai cấp, trong đó các cấp ủy đã bổ sung thêm thành phần trẻ, có năng lực. Các nghị quyết đại hội thể hiện được tính tích cực cách mạng và có cơ sở khoa học. Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và kiện toàn qua các lần bầu cử. Các tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hoạt động dần vào đúng chức năng, nhiệm vụ và có nề nếp hơn. Các ban, ngành kinh tế ở huyện được tổ chức sắp xếp lại theo qui định. Trình độ năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, điều hành về mọi mặt của cán bộ được nâng lên, nhất là về quản lý kinh tế. Công tác dân vận, mặt trận, các đoàn thể có nhiều cố gắng trong việc giáo dục, tuyên truyền về đường lối, chính sách, pháp luật sâu rộng trong quần chúng, trên cơ sở đó phát huy một bước quyền làm chủ tập thể của nhân dân, đẩy mạnh phong trào sản xuất nông nghiệp, đồng thời phát triển thêm nhiều hội viên mới. Tinh thần lao động dũng cảm, cần cù và sáng tạo của người dân trong phong trào lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm đã xuất hiện nhiều nhân tố mới ở các ngành, các đơn vị; đồng thời làm rõ thêm sức mạnh tổng hợp và khả năng khai thác những thế mạnh của tỉnh là rất to lớn.

Tuy đạt hiệu quả cao nhưng vẫn còn nhiều mặt tồn tại như ở mặt trận sản xuất nông nghiệp còn mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, chưa phá được thế độc canh cây lúa ở một số vùng. Năng suất lúa không đều ở từng huyện, từng vụ, nên năng suất bình quân đạt chưa cao; sử dụng vòng quay của đất còn thấp; chăn nuôi phát triển chưa mạnh. Trong cải tạo nông nghiệp, phong trào phát triển chưa đều, thường xuyên; trình độ quản lý ở nhiều tập đoàn sản xuất còn yếu, các ngành nghề và kinh tế gia đình phát triển chậm, thời gian nông nhàn còn nhiều, xây dựng phương án kinh tế đời sống chưa quan tâm đúng mức, thực hiện khoán sản phẩm cho nhóm lao động và người lao động

chưa cao, công tác trang trải ruộng đất ở một số địa phương thực hiện chưa triệt để. Công nghiệp địa phương phát triển còn thiếu nhiều so với yêu cầu, trong xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp, công nghiệp quốc doanh còn yếu.

Về phân phối lưu thông còn gặp nhiều khó khăn, mạng lưới thương nghiệp quốc doanh chưa đủ mạnh để đóng vai trò chủ đạo chi phối thị trường và phục vụ sản xuất. Lực lượng cán bộ hợp tác xã mua bán còn mỏng nhất là ở nông thôn, do các cấp ủy chỉ đạo xử lý chưa chặt chẽ đối với các hiện tượng tiêu cực trong hợp tác xã mua bán, và khi giải quyết chưa kiên quyết, triệt để. Trong huy động lương thực, đầu tư chưa đồng bộ nên đến lúc thu mua gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý thị trường kể cả thị trường lương thực làm chưa tốt; chưa đề ra qui hoạch các vùng chuyên canh để trồng cây xuất khẩu, do đó hàng hóa xuất khẩu chưa nhiều (trừ khóm, lúa, đậu nành) chưa đầu tư và giúp đỡ kỹ thuật thỏa đáng cho người sản xuất, công tác tài chính quản lý các nguồn thu chưa tốt, thu thuế vườn, rẫy còn quá thấp. Đời sống cán bộ, công nhân viên và gia đình lao động còn nhiều khó khăn. Qui hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ lâu dài chưa đề ra thường xuyên, trình độ, năng lực cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị đề ra. Công tác phát triển đảng viên chưa được quan tâm đúng mức, xóa ấp trắng đảng viên còn chậm. Trong chỉ đạo chưa quan tâm các vấn đề cơ bản như điều tra cơ bản, qui hoạch, kế hoạch... Do đó, xây dựng kế hoạch chưa có cơ sở khoa học vững chắc, việc vận dụng hai khâu then chốt của Tỉnh ủy đề ra, nhất là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, chăm lo đời sống quần chúng còn nhiều thiếu sót.

Về xây dựng Đảng, Đảng bộ đặc biệt coi trọng việc triển khai, quán triệt nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong các cấp ủy Đảng và cán bộ, đảng viên; giúp cho các cấp ủy xác định được nhiệm vụ chính trị phù hợp với thực tế địa phương, nắm vững quan điểm và tư tưởng chỉ đạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trên cơ sở Quy chế làm việc, thực hiện theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể và chính quyền quản lý”, đã giữ vững nếp sinh hoạt, phát huy tính dân chủ, sâu sát cơ sở và có sự chuyển biến trong phong cách lãnh đạo, chỉ đạo, tạo được sự thống nhất, đoàn kết trong Đảng bộ. Quan tâm xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, lấy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm thước đo, chú ý xây dựng cơ sở Đảng trong cơ quan, xí nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết nhằm kịp thời phát huy thắng lợi, khắc phục mặt yếu, thiếu sót; đồng thời kiểm tra việc thi hành tổ chức kỷ luật và củng cố đưa ra khỏi hàng ngũ Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất. Song song đó, tiến hành công tác quy hoạch, phát triển đảng viên đi vào nề nếp, tiếp tục đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ. Từ kết quả đạt được, đã tạo ra những nhân tố tiêu biểu mới và là cơ sở, là tiền đề cho phong trào tiếp tục phát triển tốt hơn nữa trong năm 1983.

Sang năm 1983, trên tinh thần quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và mục tiêu công tác tư tưởng trong những năm tới, Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt các nghị quyết của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên, mở rộng đến quần chúng nhân dân nhằm nâng cao thêm nhận thức về quan điểm, nguyên tắc, chính sách của Đảng, Nhà nước. Đồng thời chỉ đạo mở một số lớp tập huấn cho cán bộ lãnh đạo huyện, xã, cán bộ ban ngành tỉnh về một số nội dung cần thiết đối với công tác tổ chức, công tác quản lý và hình thức, bước đi của công tác cải tạo nông nghiệp, nhằm giải quyết tiếp cuộc đấu tranh về tư tưởng “Ai thắng ai” giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp cũng như trên các lĩnh vực khác;

nhất là tạo sự thống nhất trong thực hiện về cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư.

Ngày 26/02/1983, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đến làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long về nội dung tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. Tại Hội nghị, đồng chí Võ Chí Công thay mặt Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phát biểu kết luận về tình hình và nhiệm vụ của Hậu Giang; đồng thời cũng là những gợi ý để các tỉnh khác nghiên cứu, rút kinh nghiệm tiếp tục chuẩn bị cho Đại hội tỉnh sắp tới. Đồng chí Võ Chí Công đặc biệt nhấn mạnh: “Hai năm qua tỉnh đã tập trung chỉ đạo thâm canh cây lúa là đúng nhưng cần làm tốt hơn nữa, mở rộng thâm canh ra trên toàn bộ diện tích, cả vụ mùa Đông Xuân và Hè Thu. Mở rộng thêm vùng cao sản để đạt cao nhất mục tiêu hàng đầu là tăng thêm lương thực cho cả nước”. Ngoài ra, đồng chí đã đóng góp phương hướng, nhiệm vụ và một số chỉ tiêu cụ thể của tỉnh trong những năm 1983 - 1985.

Sau cuộc họp, Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy khẩn trương tiến hành các cuộc họp trừ bị thảo luận, góp ý dự thảo nội dung và dự kiến nhân sự Đại hội.

Từ ngày 22 đến 25/3/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ III (Đợt 2) được tiến hành tại thành phố Cần Thơ, tham dự Đại hội có 496 đại biểu. Đại hội kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới (1983-1986). Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 đồng chí (trong đó có 04 nữ, 01 Khmer). Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí, đồng chí Lê Phước Thọ (Sáu Hậu), Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy, các đồng chí Lê Thanh Nhân (Ba Râu), Trần Minh Sơn (Bảy Mạnh) làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội đã nêu phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1983 đến năm 1985, yêu cầu cơ bản về kinh tế, xã hội là: Tiếp tục tiến hành điều tra cơ bản, xây dựng quy hoạch tổng thể và toàn diện, nhằm phục vụ yêu cầu bố trí sắp xếp lại các ngành nghề kinh tế, chỉ đạo các mặt công tác trong tỉnh tiến lên đồng bộ, cân đối, hợp lý; nhiệm vụ hàng đầu là tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện (trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm) hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp mà hình thức phổ biến là tập đoàn sản xuất; đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp; phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, quản lý giá cả thị trường, nắm khâu bán buôn, nắm đại bộ phận hàng hoá chính trong tỉnh, từng bước chi phối khâu bán lẻ, tiếp tục và kiên quyết cải tạo xã hội chủ nghĩa công, thương nghiệp tư doanh; tăng cường đúng mức công tác xuất nhập khẩu; từng bước hình thành cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp của tỉnh một cách hợp lý, ổn định và tiến lên cải thiện một bước đời sống nhân dân trong tỉnh và đóng góp nghĩa vụ tốt với trung ương,... Tăng cường an ninh quốc phòng, kiên quyết đẩy mạnh chống tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội. Ra sức xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh đủ sức hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược tại địa phương và làm tốt nghĩa vụ quốc tế.

Đại hội còn đề ra bốn mục tiêu, hai khâu then chốt và phải đảm bảo thực hiện đồng bộ không tách rời nhau, đó là:

Bốn mục tiêu: Một là, đẩy mạnh phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân...; hai là, đến năm 1985, phần đầu xây dựng

củng cố tốt các nông trường quốc doanh, hoàn thành cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp... kết hợp chặt chẽ với cải tạo công - thương nghiệp, lập lại trật tự trong phân phối lưu thông...; ba là, tăng cường có trọng điểm cơ sở vật chất cho tỉnh nhà, ưu tiên phục vụ cho các ngành kinh tế nhất là nông nghiệp...; bốn là, ra sức giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang, công an nhân dân vững mạnh về mọi mặt...

Hai khâu then chốt: Thứ nhất, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động cả về quyền lợi và nghĩa vụ trên cả ba mặt kinh tế, chính trị, xã hội trong việc tham gia quản lý đất nước và tổ chức cuộc sống mới. Tăng cường công tác dân vận và chống mọi hiện tượng tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội. Thứ hai, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, trong đó đặc biệt chăm lo củng cố tổ chức cơ sở Đảng ở xã, phường, lực lượng công an, quân sự, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, trường học, tăng cường công tác xây dựng huyện⁽¹⁾.

Thời gian này, theo sự phân công và đề nghị trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang về nhân sự phụ trách chính quyền tỉnh, tháng 5/1983 Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định chuẩn y đồng chí Nguyễn Hà Phan (Phạm Văn Khoa, Sáu Phan) - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang⁽²⁾.

Về sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, vụ mùa bị hạn và bị mưa làm mất trắng trên 4.700 ha, phải cấy lại trên 10.000 ha (có vùng phải sạ cấy lại 2-3 lượt, có nơi cuối vụ lấp không kịp), trên 70.000 ha lúa mùa bị sâu bệnh nhưng nhờ có sự chỉ đạo tập trung cao của các cấp, các ngành, thực hiện tương đối tốt các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như mở rộng diện tích cấy ải trên nền Hè thu và Mùa cao sản; mở rộng vùng thủy lợi nhỏ khép kín; mở rộng diện tích làm giống lúa mới kháng rầy có năng suất cao; lo chạy phân bón, xăng dầu, thuốc trừ sâu và tổ chức ký hợp đồng hai chiều dồn sức cho 186.000 ha cao sản (Hè Thu 56.000 ha, vụ Mùa 130.000 ha), nên tuy diện tích gieo trồng lúa chỉ đạt 92,12% kế hoạch nhưng tổng sản lượng lúa đạt 1.458.000 tấn, vượt 4,1% kế hoạch. Tuy nhiên, sự nỗ lực chủ quan trong chỉ đạo của một số địa phương chưa cao, thiếu sâu sát và cụ thể, tổ chức ký hợp đồng hai chiều và cung ứng vật tư cho sản xuất một số nơi còn chậm, thủy lợi nhỏ trên vùng lúa tăng vụ chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến phát triển diện tích tăng vụ. Mù và cây công nghiệp ngăn ngày sản xuất trên 30.500 ha, giảm 15,3%.

Tháng 5/1983, Tỉnh ủy triển khai Chỉ thị 19-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc hoàn thành điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam bộ. Tỉnh ủy chủ trương trong tháng 6 năm 1983 phải hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất, xóa bỏ hình thức bóc lột phát canh thu tô của phú nông và tư sản nông thôn. Nhìn lại trong năm qua, việc thực hiện nhiệm vụ đó khá tốt, nhiều huyện, xã có tập trung chỉ đạo tương đối toàn diện, gắn điều chỉnh ruộng đất với phân công lại lao động ngay trên từng địa bàn huyện, xã nhằm tổ chức lại sản xuất, làm cho sản xuất phát triển, trên cơ sở đó phát động phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, song song với đẩy mạnh cải tạo công thương nghiệp. Nhờ đó, từng bước hạn chế sự bóc lột ở nông thôn, tạo sinh khí phấn khởi, đoàn kết trong nội bộ nông dân, đời sống của nông dân được nâng lên nhất là số nông dân trước đây không đất và thiếu đất. Tính

⁽¹⁾ Trích Đảng Cộng sản Việt Nam-Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III (đợt 2), trang 27-29. In tại XN in Hậu Giang, năm 1983.

⁽²⁾ Theo Thông báo số 487 NQ-NS/TW ngày 27/5/1983 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc chuẩn y Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

chung có đến 7.447,33 ha được phân bổ cho 11.052 hộ (54.995 khẩu) không đất, thiếu đất; đã điều chỉnh 59.442,83 ha cho 58.884 hộ (336.558 khẩu) không đất và thiếu đất. Đến cuối năm 1983, đã có các huyện, thị như Vĩnh Châu, Thạnh Trị, thị xã Sóc Trăng và 1/2 tổng số xã phường trong toàn tỉnh đã hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất. Những hình thức bóc lột chiếm hữu ruộng đất phát canh thu tô đã hoàn toàn bị xóa bỏ, một số hình thức bóc lột khác như cho vay nặng lãi... đã hạn chế rất nhiều.

Đến giữa tháng 8/1983, công tác triển khai Nghị quyết Tỉnh ủy đã tiến hành xong trong nội bộ Đảng, có nơi triển khai rộng đến người dân; số lượng cán bộ, đảng viên của các huyện, thị tham gia học tập trên 4.400⁽¹⁾ đồng chí. Thông qua học tập nghị quyết, các cấp, các ngành và đoàn thể kiểm điểm đánh giá phong trào hợp tác hoá nông nghiệp của địa phương trong thời gian qua, từ đó rút ra những ưu, khuyết điểm của phong trào nhằm góp phần làm cho phong trào hợp tác hoá nông nghiệp có bước chuyển biến mạnh. Chỉ đạo của các cấp ủy và chính quyền ngày càng quan tâm và tập trung vai trò gương mẫu của cán bộ đảng viên và gia đình tham gia phong trào hợp tác hóa ngày một đông đảo, nắm được một số huyện có 2.890⁽²⁾ đảng viên vào tập đoàn và hợp tác xã nông nghiệp. Số tập đoàn sản xuất yếu kém trước đây được củng cố, nâng chất lượng theo hướng Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, đến cuối năm 1983 đã củng cố được 1.129 tập đoàn sản xuất, đi đôi với củng cố theo phương châm khẩn trương nhưng phải đảm bảo vững chắc; bên cạnh đó, các nơi ra sức phát triển tập đoàn sản xuất mới, tập trung vào những địa bàn làm lúa hai vụ, lúa cao sản và xung quanh các nông trường quốc doanh. Tính đến tháng 12/1983, có 1.683 tập đoàn sản xuất mới, tập thể hóa 78.659,85 ha đất canh tác, trong phát triển có quan tâm về chất lượng và hiệu quả kinh tế, về tổ chức quản lý cơ sở vật chất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhờ đó mà sản xuất phát triển, năng suất sản lượng của các tập đoàn đều khá, đời sống tập đoàn viên được nâng lên, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước... kể cả số cũ và mới, đến nay trong toàn tỉnh có 3.680 tập đoàn sản xuất, 12 hợp tác xã làm lúa và 02 hợp tác xã làm muối, với diện tích được tập thể hóa là 168.314,07 ha ruộng, chiếm 44,3% đất canh tác trong tỉnh và 153.197 hộ chiếm 46,4% số hộ trong tỉnh, 902.035 nhân khẩu, trong đó có phân nửa là lực lượng lao động chính.

Về cải tạo nông nghiệp, thực hiện Chỉ thị 19-CT/TW của Ban Bí thư về hoàn chỉnh điều chỉnh ruộng đất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ (yêu cầu phải hoàn thành dứt điểm điều chỉnh ruộng đất ở các tỉnh Nam Bộ trong năm 1983), Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo các cấp quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách của Trung ương và của Tỉnh ủy về cải tạo nông nghiệp; trong chỉ đạo có gắn điều chỉnh ruộng đất với hợp tác hóa, tổ chức lại sản xuất; gắn việc củng cố với tổ chức mới các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp thí điểm, chú ý kiểm tra và uốn nắn kịp thời những sai sót lệch lạc, nên các hình thức tổ chức đều phát triển. Trong năm 1983, đã điều chỉnh thêm được 8.500 ha cho 11.000 hộ không đất và thiếu đất, nhiều huyện đã cơ bản hoàn thành việc điều chỉnh ruộng đất. Phát triển mới được 9 hợp tác xã thí điểm và 1.520 tập đoàn sản xuất, nâng tổng số toàn tỉnh đến nay có 11 hợp tác xã thí điểm và 3.613 tập đoàn sản xuất (có 96% thực hiện khoán sản phẩm), chiếm 43,3% diện tích canh tác lúa toàn tỉnh, vượt 3,3% kế hoạch. Ngoài ra, có 2.976 tổ đoàn kết sản xuất, chiếm 54,78% diện tích canh tác lúa còn lại của cả thể. Về chất lượng, qua kiểm tra đánh giá phân loại các hợp tác xã đều đạt loại khá;

(1-2) Số liệu chưa tách được.

tập đoàn sản xuất có 20% khá, 60% trung bình và 20% yếu, toàn tỉnh đã bình chọn được 191 tập đoàn sản xuất tiên tiến. Các hợp tác xã và nhiều tập đoàn sản xuất đã từng bước xây dựng được cơ sở vật chất kỹ thuật (làm thủy lợi, đường xá, xây dựng nhà kho, sân phơi, mua sắm máy móc...), xây dựng được phương án kinh tế đời sống, nắm vững phương hướng thâm canh, tăng vụ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn, phát triển ngành nghề, nên nhìn chung sản xuất đều tăng, thu nhập khá, đời sống xã viên và tập đoàn viên được nâng lên, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, phong trào đi dần vào thế ổn định, tạo tiền đề tốt cho thời gian tới. Tuy nhiên, phong trào phát triển chưa đều giữa các vùng, giữa các huyện và xã; số tập đoàn yếu kém và trung bình (thời gian trước) chậm củng cố, chậm nâng lên; một số phát triển mới chất lượng chưa đảm bảo và còn lúng túng trong công tác quản lý; nhiều tập đoàn khoán sản phẩm không đảm bảo được khâu làm đất, giống, vật tư nên rất khó hạch toán ăn chia, một số nơi có hiện tượng khoán trắng, cần phải khắc phục. Nhìn chung, cán bộ quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất còn yếu, công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng yêu cầu. Điều chỉnh ruộng đất chậm hoàn thành, rải rác các nơi có hiện tượng cào bằng, cán bộ đảng viên chiếm ruộng tốt, ruộng gần, lấy nhiều ruộng hơn mức bình quân cho phép.

Ngành thủy, hải sản có bước cải tiến quản lý, tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc, nên có mức phát triển khá, nhiều chỉ tiêu đạt tỷ lệ cao; sản lượng khai thác biển và nội địa ước được 25.222 tấn, vượt 17% kế hoạch, thu mua vượt 52% kế hoạch (bằng 43% sản lượng khai thác), chế biến đông lạnh vượt 33%, giá trị xuất khẩu vượt 40% kế hoạch, nuôi trồng được 7.537 ha, đưa 23% phương tiện khai thác vào hợp tác xã và tổ đoàn kết sản xuất; tuy nhiên, công tác quản lý xuất - nhập khẩu còn yếu, xí nghiệp đánh cá quốc doanh củng cố chậm, đạt hiệu quả thấp.

Lâm nghiệp, phong trào trồng cây có phát triển vượt 11,2% kế hoạch. Việc vận chuyển gỗ chỉ đạt 45% kế hoạch do thủ tục lấy gỗ còn nhiều mắc mứu và chỉ đạo yếu; trồng rừng tập trung chỉ đạt 23,2% kế hoạch do chưa tự lực và chủ động về giống cây tràm, vốn Trung ương đầu tư trồng 01 ha cây tràm chỉ bằng 15% số thực tế phải đầu tư. Công nghiệp địa phương gặp nhiều khó khăn về điện, vật tư, nguyên liệu, tiền vốn nhưng được sự quan tâm chỉ đạo và phát huy tinh thần tự lực giải quyết khó khăn, nên sản xuất vẫn tiếp tục phát triển, làm thêm được nhiều mặt hàng mới phục vụ sản xuất và đời sống. Giá trị tổng sản lượng đạt 211,6 triệu đồng, vượt 5,8% kế hoạch năm, tăng 31,2%. Trong đó, công nghiệp quốc doanh tăng 37%, tiểu thủ công nghiệp tăng 29%. Một số sản phẩm chủ yếu tăng nhanh là khai thác đá, dầu dừa, đường thô và đường kết tinh. Tuy nhiên, công tác quy hoạch tổ chức sắp xếp lại sản xuất, phân cấp quản lý tiến hành còn chậm. Công tác quy hoạch chưa gắn chặt với phục vụ nông nghiệp (nhất là chế biến nông sản, thực phẩm), chưa có cơ sở nguyên liệu vững chắc từ nông nghiệp; nhiều sản phẩm chủ yếu không đạt kế hoạch. Công nghiệp quốc doanh còn nhỏ bé, chiếm tỷ lệ thấp so với tiểu thủ công nghiệp, nhiều xí nghiệp chưa thực hiện tốt Quyết định 25 và 26/CP và 146/HĐBT. Tiểu thủ công nghiệp tuy có phát triển nhưng cải tạo chậm; một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chất lượng thấp do tay nghề yếu, một số sản phẩm tiểu thủ công nghiệp chất lượng thấp còn do làm ẩu, cắt xén nguyên liệu, chạy theo giá trị lợi nhuận. Bộ máy tổ chức chỉ đạo còn yếu, chưa quan tâm đúng mức đầu tư chiều sâu, chỉ đạo một số xí nghiệp then chốt chưa được tập trung.

Công tác xây dựng cơ bản, có nhiều cố gắng huy động nguồn vốn của địa phương và nhân dân, tự lực giải quyết khó khăn về gỗ, xi măng, đá, sắt, thép... đầu tư và chỉ đạo tập trung cho các trọng điểm, nên đã dứt điểm được một số công trình, hạng mục

công trình đưa vào sử dụng có kết quả. Thực hiện tổng mức đầu tư 109 triệu đồng (riêng xây lắp 90 triệu đồng) đạt 96% kế hoạch điều chỉnh, giảm 14%. Trong đó, thực hiện cho các công trình trọng điểm chiếm 45%, cho sản xuất 58%. Song, cả năm đều căng thẳng về vốn và vật tư. Công tác kế hoạch hoá rất yếu, nhất là ở huyện và cơ sở. Việc phân công, phân cấp quản lý thiết kế, duyệt dự toán, nghiệm thu công trình chưa rõ ràng, nhiều thủ tục còn bị ràng buộc. Phong trào Nhà nước và nhân dân cùng làm chưa phát huy đúng mức, chưa sử dụng hết và còn sử dụng lãng phí ngày công lao động xã hội chủ nghĩa của nhân dân. Quản lý thi công, quản lý chất lượng không chặt, thanh quyết toán chậm, một số công trình xây dựng không đồng bộ, kéo dài. Một số cán bộ, nhân viên có những hiện tượng tiêu cực gây khó khăn, ảnh hưởng đến công tác xây dựng cơ bản.

Giao thông vận tải phát triển khá, riêng vận tải lương thực từ cạn ra sâu và chuyên về Trung ương được 368.000 tấn, tăng 28%. Vận tải hành khách đạt 121% kế hoạch. Khai thác đá, đóng tàu thuyền, làm cầu đường và giao thông nông thôn tiếp tục phát triển (giao thông nông thôn làm trên 700 km đường và trong năm 1983 có 181 xã liên xã, trên 700 ấp liên ấp). Giao thông nông thôn tuy có phát triển nhưng chưa đều khắp, còn một số cầu làm dang dở do thiếu đất đỏ, nhựa đường. Công tác cải tạo lực lượng vận tải tư nhân thực hiện chưa triệt để và liên tục, nhất là ở huyện. Quản lý kinh tế trong vận tải và các cơ sở còn yếu để xảy ra tham ô, lãng phí vật tư hàng hoá Nhà nước.

Bưu điện đã giải quyết cơ bản về tổ chức và đưa vào hoạt động 169 trạm bưu điện xã, nhiều xã có mạng lưới liên lạc từ xã xuống ấp; đưa thêm các huyện (Kế Sách, Vĩnh Châu) có điện thoại đường dài về tỉnh. Song, chất lượng điều hành mạng lưới, chất lượng thông tin liên lạc và phục vụ còn thấp; thiết bị, đường dây hư hỏng nhiều, có lúc không sử dụng được, khôi phục chậm; thái độ và tinh thần phục vụ ở một số ít nhân viên bưu điện còn kém.

Lương thực huy động đạt 350.000 tấn, vượt 4,47% kế hoạch, tăng 34,6%, giao nộp Trung ương được 290.000 tấn đạt kế hoạch và tăng 38%. Xuất nhập khẩu, xuất Trung ương được 75,8 triệu đồng, vượt 13% kế hoạch, tăng 6%. Xuất địa phương đạt kế hoạch tăng 88%. Thực hiện thu ngân sách Nhà nước được 1.100 triệu đồng, vượt 1,9% kế hoạch; tổng chi ngân sách địa phương 778,9 triệu đồng, vượt 9,85 kế hoạch. Vận động nhân dân tiết kiệm bằng tiền và hiện vật được 50,5 triệu đồng (có 920 tấn lúa qui thành tiền mặt). Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tiếp tục được chấn chỉnh và có tiến bộ rõ rệt trong thu mua năm nguồn hàng, giao nộp Trung ương và xuất khẩu; chỉ đạo quản lý tương đối tốt giá cả thị trường tại gốc, tại ngọn, tập trung chỉ đạo hợp đồng hai chiều, số còn lại mua khuyến khích, kiên quyết không dùng hình thức bán hàng trợ giá và bán thương, mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán tiếp tục được mở rộng, có cố gắng phân phối và bán hàng đến người tiêu dùng; đặc biệt ở thị xã Sóc Trăng đã bán gạo, thịt, đường cho nhân dân theo giá bảo đảm kinh doanh. Tuy nhiên, lực lượng cán bộ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa còn yếu (nhất là hợp tác xã mua bán và lực lượng thu thuế, thu mua lương thực), việc thu mua bằng hợp đồng hai chiều mới chủ yếu thực hiện ở cây lúa, công tác cải tạo tư thương, quản lý giá cả thị trường thực hiện chưa thường xuyên, liên tục và triệt để, nên chưa nắm được tuyệt đại bộ phận hàng hoá nông sản, nhất là nắm hàng tiêu thủ công nghiệp và nắm lượng tiền mặt còn yếu; chưa đảm bảo tốt việc phân phối hàng hoá theo định lượng và bán lẻ cho nhân dân. Bên cạnh đó, còn một số cán bộ ngành xuất khẩu, tài chính, ngân hàng chưa tích cực

tập trung phục vụ sản xuất, còn chạy theo lợi nhuận. Hiện tượng tiêu cực trong các ngành phân phối lưu thông còn nhiều, chậm khắc phục.

Hoạt động giáo dục đào tạo đã phát triển trong thực hiện các yêu cầu và mục tiêu cải cách giáo dục; phong trào Nhà nước và nhân dân chăm lo sự nghiệp giáo dục, bổ túc văn hoá cho người lớn, nhất là các lớp tại chức cho cán bộ tỉnh, huyện, xã, các tập đoàn sản xuất, hợp tác xã từng bước phát triển. Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, của Bộ, Sở chỉ đạo chuyển dần cấp trung học phổ thông về vùng nông thôn, vùng dân tộc. Trong năm 1983, đã có một số huyện, thị lập Hội đồng Giáo dục từ huyện xuống xã, các huyện đều có học sinh thi trúng tuyển vào đại học. Năm 1983 – 1984, hệ phổ thông tăng được 38 trường, 32.400 học sinh, 394 giáo viên và 300 phòng học mới. Tuy nhiên có 36% số trẻ em từ 6 - 15 tuổi không được đến trường; có trường hợp đi học rồi lại bỏ học do đời sống gia đình quá khó khăn (theo điều tra tháng 6/1983). Việc giáo viên hướng cho các em trong học tập, chọn ngành nghề chưa thường xuyên, trọng tâm; giáo dục trong nhà trường chưa gắn được nhiều với đời sống xã hội mới (trong khi những tệ nạn xã hội còn có tác động nhất định); chất lượng giáo dục chưa toàn diện, còn thiếu giáo viên các lĩnh vực chính trị, thể dục thể thao, các môn nhạc, hoạ, kỹ thuật nông nghiệp, giáo dục mầm non. Dụng cụ phục vụ học tập cho học sinh, giáo viên cấp II còn thiếu nhiều nhất là vùng nông thôn sâu. Công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong trường học nhiều nơi hoạt động còn rất yếu.

Công tác y tế có tiến triển trong kết hợp Ban Y tế huyện - Bệnh viện huyện - Trường y tế trong việc quản lý điều hành; gắn chặt hoạt động giữa đội vệ sinh phòng dịch, phòng chống các bệnh xã hội với các bệnh viện huyện. Nhiều Trạm Y tế xã, phường được củng cố vươn lên thực hiện chức năng hướng dẫn, tổ chức phòng, chữa bệnh cho nhân dân đạt kết quả tốt. Phong trào vận động phụ nữ sinh đẻ có kế hoạch giảm từ 2,55 xuống 2,49%. Song, công tác vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh còn chưa kịp thời, lại do ảnh hưởng bởi nắng hạn kéo dài, nên dịch bệnh xảy ra liên tục, nhất là dịch sốt xuất huyết, tiêu chảy, tả lỵ. Việc hướng dẫn người dân trồng cây và sử dụng thuốc nam, điều trị bằng đông - tây y kết hợp đạt hiệu quả thấp. Thái độ phục vụ của một số cán bộ, nhân viên y tế còn kém, công tác quản lý thiếu chặt chẽ nên xảy ra những tiêu cực trong các đại lý bán thuốc, trong các phòng khám bệnh ngoài giờ.

Ngành Văn hoá - Thông tin, phát triển tốt trong việc hướng các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, thực hiện Chỉ thị 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị 148 của Bộ Văn hoá - Thông tin về xây dựng nếp sống văn hoá mới, góp phần đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên mặt trận tư tưởng và văn hoá. Tỉnh đưa các đoàn đi nhiều nơi biểu diễn giao lưu như Đoàn ca múa tổng hợp đi biểu diễn ở Campuchia... Song, công tác tuyên truyền, giáo dục chưa sâu sắc, thiết thực, kịp thời, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành tuyên truyền với các đoàn thể. Công tác sân khấu, nghệ thuật, in ấn dẫn chân tại chỗ, kịch bản nghèo nàn do thiếu người sáng tác. Cơ sở vật chất phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền, văn nghệ ở vùng nông thôn sâu còn thiếu nhiều. Phong trào thể dục-thể thao tiếp tục phát triển, nhất là bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn đã phát triển thành phong trào có tổ chức quy mô, chuyên nghiệp đến tận cơ sở; chất lượng cầu thủ chuyên nghiệp và kết quả thi đấu được nâng lên một bước. Sân bóng đá tỉnh đã căn bản hoàn thành và đưa vào sử dụng; về phong trào thể dục-thể thao trong nhân dân, thể dục buổi sáng, giữa giờ, các môn điền kinh, bơi lội còn yếu, phát triển chưa rộng mạnh, do các cấp ủy và chính quyền quan tâm chưa đúng mức, vai trò tham mưu của cán bộ ngành chưa sâu và chưa kịp thời.

Trong chỉ đạo phong trào thể thao chưa thường xuyên, chưa đào tạo được lực lượng vận động viên chuyên nghiệp đủ mạnh, nên phong trào và kết quả thi đấu còn nhiều hạn chế.

Hoạt động khoa học-kỹ thuật và giáo dục chuyên nghiệp, đã tổ chức điều tra nắm lại lực lượng cán bộ khoa học-kỹ thuật để quản lý và sử dụng. Công tác tổ chức nghiên cứu và triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống có bước tiến bộ, rõ nhất là kết quả nhân giống lúa mới, sử dụng than, cám Quảng Ninh nung gạch, làm chất đốt dùng trong sinh hoạt ở thành phố. Công tác đào tạo, giáo dục chuyên nghiệp có bước quan tâm đối với con em thuộc diện chính sách, các huyện xa, nhất là vùng nông thôn sâu. Tuy nhiên, hệ thống quản lý khoa học-kỹ thuật hình thành chậm, hoạt động yếu (có 7 ngành cấp tỉnh và 02 huyện có Phòng, Ban, Hội đồng khoa học-kỹ thuật); công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, thông tin khoa học-kỹ thuật, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật còn yếu. Công tác tuyển sinh còn một số thiếu sót, còn những hiện tượng tiêu cực cần phải tiếp tục khắc phục.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và có nhiều biện pháp thiết thực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức và quần chúng. Tuy nhiên, ở nông thôn các vùng sản xuất còn độc canh và thâm canh yếu, một số nơi vận động phong trào tiết kiệm còn yếu, tệ cờ bạc, nạn bóc lột nhân công, cho vay nặng lãi chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời, bên cạnh đó hoạt động phục vụ của thương nghiệp chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nên đời sống người dân còn nhiều vất vả. Cuộc sống của nhiều gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội, cán bộ hưu trí, công nhân viên chức còn gặp thiếu thốn, khó khăn do vật giá tăng nhanh so với thu nhập bằng tiền lương, phụ cấp và kinh tế gia đình thu nhập thấp.

Về tình hình an ninh chính trị, địch vẫn tăng cường hoạt động phá hoại nhiều mặt, nhen nhóm tổ chức lại lực lượng âm mưu gây bạo loạn, cướp chính quyền ở một số nơi, ám sát cán bộ, kích động tổ chức người vượt biên, lôi kéo tín đồ tôn giáo và dân tộc, tung tin gây hoang mang trong quần chúng... nhằm chống phá ta trong cải tạo, xây dựng kinh tế, an ninh quốc phòng. Thực hiện tinh thần Nghị quyết số 03-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 10-NQ/TU của Tỉnh ủy về bảo vệ vững chắc tuyến bờ biển của tỉnh, các cấp các ngành nhất là lực lượng vũ trang, công an nhân dân đã tạo được sự chuyên biến về nhận thức trong đánh giá âm mưu thủ đoạn của địch, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, tiến hành củng cố và xây dựng lực lượng, đẩy mạnh phong trào vì an ninh Tổ quốc. Trong năm, ta đã sử dụng lực lượng tổng hợp tấn công, trấn áp bọn phản cách mạng, phá nhiều vụ án quan trọng, bắt 371 tên, trong đó vụ án do những tên phản động trà trộn trong các đạo giáo, tổ chức mặt trận kháng chiến Đông Dương bắt 77 tên, một số còn lại hoang mang ra đầu hàng và được giáo dục cải tạo tại chỗ. Đồng thời, truy bắt 2.018 tên vượt biên và số tên lừng gạt câu móc. Lực lượng an ninh tấn công vào những tổ chức phản động nguy hiểm có hệ thống tổ chức quy mô rộng, diệt một số tên đầu sỏ trong đó một số tên được cài vào nội bộ, đánh nhanh gọn kịp thời không để chúng trở tay, nên đã hạn chế sự hoạt động và tác hại bề gãy nhiều ý đồ, kế hoạch to lớn của địch. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng còn lơ là, mất cảnh giác để địch lợi dụng sơ hở gây cho ta một số thiệt hại nhất định. Công tác bố trí lực lượng và tổ chức nắm địch tình chưa chặt, nhất là nắm bọn đầu sỏ, quản lý nhân thân hộ khẩu chưa sát thực tế, điều tra khai thác phục vụ tấn công và trấn áp địch chưa kịp thời. Tội phạm hình sự tuy có giảm nhưng nạn trộm cắp, giết người cướp của, tai nạn giao thông còn là nỗi lo âu của quần chúng. Lực lượng công an nhất là ở cơ sở còn yếu về trình độ, năng lực nghiệp vụ, bên cạnh đó còn một bộ phận cán bộ, nhân viên

nghiệp vụ có biểu hiện tiêu cực, chậm khắc phục làm ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng. Hoạt động an ninh-quốc phòng có chuyển biến tốt về nhiều mặt. Công tác đăng ký, quản lý quân dự bị I và phương tiện kỹ thuật được quan tâm hơn trước. Dân quân tự vệ phát triển thêm được 2%, đạt chỉ tiêu kế hoạch (cao nhất là huyện Long Phú chiếm 8% dân số). Lực lượng vũ trang tập trung và dân quân tự vệ chiến đấu được huấn luyện từ 80 - 95% chương trình. Bộ máy quân sự các cấp và biên chế các đơn vị được củng cố, tăng cường. Chính sách ra quân được thực hiện chu đáo, việc đào bỏ ngũ giảm rõ rệt. Phong trào thi đua hội thao ba môn quân sự kết hợp được phát triển. Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ được quan tâm, nhiều đơn vị tổ chức sản xuất tự túc cải thiện đời sống, nguồn dư tạo được đã trợ cấp thêm tiền ăn 03 đồng/ngày/người, làm cho cán bộ, chiến sĩ phấn khởi. Công tác tuyển quân đã chú ý để đảm bảo khâu phát động, đăng ký, xét duyệt, khám tuyển nhanh gọn, đưa quân về trên đạt 93,26% kế hoạch. Tuy nhiên, do khâu khám tuyển giữa trung ương và tỉnh chưa thống nhất (trên trả về ở đợt I là 1.053 người). Song, chất lượng hoạt động của dân quân tự vệ còn yếu; hệ thống cơ cấu tổ chức quân dự bị I chưa thật chặt chẽ. Thực hiện kế hoạch sẵn sàng chiến đấu ở một số đơn vị còn lỏng lẻo.

Công tác chống tiêu cực đã được các cấp, các ngành quan tâm hơn trong việc giáo dục, phát huy vai trò làm chủ tập thể, phát hiện và giải quyết kịp thời, thu hồi một số tài sản cho Nhà nước. Trong năm 1983, đã phát hiện 158 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa gây thiệt hại về tiền và của cải của nhà nước trên hàng chục triệu đồng, trong đó có 4 vụ trước đây nhưng đến cuối năm mới phát hiện được đã gây thiệt hại trên hai triệu đồng của Nhà nước. Tỉnh ủy chỉ đạo ngành kết luận xử lý kỷ luật 80 trường hợp (có 26 vụ truy tố ra tòa) làm ăn phi pháp, móc ngoặc, hối lộ, cửa quyền, ức hiếp quần chúng. Tuy nhiên, công tác chỉ đạo và phối hợp chống tiêu cực của các ngành, đoàn thể cơ quan chưa chặt chẽ, một số cán bộ lãnh đạo chưa thấy hết trách nhiệm nên lơ là lỏng kiểm tra, thiếu kiên quyết trong chỉ đạo thực hiện. Hiện tượng cán bộ tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội chưa giảm, còn một số vụ nghiêm trọng, do các cơ quan chức năng tiến hành giải quyết chậm ảnh hưởng tới việc ngăn chặn và xử lý kịp thời.

Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp, ngành tiếp tục quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và vận dụng xây dựng các nghị quyết, chỉ thị của địa phương. Quan tâm công tác lãnh đạo, triển khai học tập các nghị quyết, chỉ thị trong Đảng bộ và ngoài quần chúng, nên đã nâng cao một bước về nhận thức trong việc đánh giá tình hình, nắm vững những tư tưởng và quan điểm chỉ đạo của Đảng. Tỉnh ủy đã làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội lần thứ III ở cơ sở; đã tổ chức đi khảo sát tình hình ở nhiều đảng bộ, chi bộ xã, phường từ đó rút ra những vấn đề cấp bách xây dựng 02 đề án Công tác xây dựng Đảng bộ cơ sở và Phát triển đảng viên; đã sắp xếp tổ chức thành lập các đảng ủy khối cho các đảng bộ và chi bộ cơ quan cấp tỉnh và cơ quan Trung ương. Tuy nhiên, nhiều đảng bộ, chi bộ cơ sở phấn đấu vươn lên chậm, nhất là đảng bộ cơ quan. Việc xét duyệt, công nhận đảng bộ và chi bộ đạt "Trong sạch, vững mạnh" còn chậm, biểu dương thành tích chưa kịp thời. Công tác phát thẻ Đảng và phát triển đảng viên được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo chặt chẽ hơn. Trong năm 1983, đã phát 2.520 thẻ cho đảng viên chính thức và dự bị (toàn tỉnh hiện còn 169 đảng viên có vấn đề đang tiếp tục xem xét giải quyết); phát triển thêm 1.480 đảng viên mới (có 9% nữ, 2,45% dân tộc, 82,78% đoàn viên) tăng 31,5% so với số phát triển năm 1982 (toàn tỉnh có 14.402 đảng viên); khắc phục 20 ấp trắng không có đảng viên tại chỗ. Song, việc xem xét số đảng viên có vấn đề phải hoãn phát thẻ còn chậm; công tác phát triển đảng viên chưa đều, chậm nhất

là trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, trường học và đối tượng phát triển là thành phần công nhân chiếm tỉ lệ thấp. Công tác kiểm tra Đảng có bước củng cố về tổ chức và ngày càng xác định rõ về chức năng, nhiệm vụ. Trong năm 1983, đã giải quyết dứt điểm 125/248 đơn từ khiếu tố, quyết định xử lý kỷ luật 422 đảng viên (trong đó 28% vi phạm chính sách, pháp luật; gần 60% vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng và 12% vi phạm các vấn đề khác). Tuy nhiên, công tác kiểm tra tiến hành chưa thường xuyên, chưa thật chủ động để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của cấp ủy.

Đáp ứng kịp thời yêu cầu rất lớn về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cho Đảng và Nhà nước, Ban Bí thư ra Quyết định 15-QĐ/TW (02/01/1983) về nhiệm vụ của các trường Đảng trong giai đoạn mới, về tổ chức hệ thống, về cải tiến chương trình, phương pháp học tập, đào tạo, bồi dưỡng giảng viên nhằm góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ lý luận, chính trị và năng lực lãnh đạo của cán bộ Đảng ở các cấp, các ngành, bổ sung một số cán bộ trẻ cho các cấp ủy Đảng và tạo điều kiện để thực hiện yêu cầu tiêu chuẩn hóa cán bộ của Đảng. Tỉnh ủy khẩn trương chỉ đạo trường Đảng và các trường nghiệp vụ tỉnh, huyện, thị thực hiện theo tinh thần Quyết định 15 của Ban Bí thư, kết quả đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận cho 34.954 cán bộ trung - sơ cấp, đảng viên, cán bộ tuyên giáo cơ sở, đối tượng phát triển Đảng và cán bộ nghiệp vụ. Bước đầu qui hoạch một số cán bộ chủ chốt (chưa thông qua xét duyệt của cấp ủy) của các huyện, thị và một số ngành cấp tỉnh, chưa có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế thừa, nên việc bố trí sắp xếp cán bộ còn bị động.

Công tác dân vận, có nhiều tích cực trong củng cố tổ chức bộ máy (đi sâu chỉ đạo cơ sở), giáo dục vận động quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, chống các tệ nạn xã hội, chống tiêu cực, thực hiện nếp sống văn hoá mới. Đặc biệt, phong trào trong nữ công nhân viên chức diễn ra sôi nổi ở nhiều đơn vị, tiêu biểu như các phong trào “Người Phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào “Xây dựng Gia đình Văn hóa mới”... trong phong trào đã có hàng ngàn chị em đạt danh hiệu “Người phụ nữ mới”, “Bà mẹ nuôi con giỏi”. Trong năm 1983, đã kết nạp gần 124.000 đoàn viên, hội viên tăng 37,5%, đưa tổng số đoàn viên, hội viên lên 1.083.400 (chiếm 46% dân số). Tuy nhiên, bộ máy Dân vận ở huyện và cơ sở yếu, một số nơi hoạt động kém chưa đưa phong trào lên được. Công tác giáo dục, vận động quần chúng chưa thường xuyên, liên tục, chưa làm chuyển biến một số đối tượng quan trọng trong tôn giáo, dân tộc.

Về tổ chức bộ máy chính quyền các cấp, các ngành nhất là ở huyện và cơ sở từng bước được chấn chỉnh, bổ sung những cán bộ có phẩm chất và năng lực. Hội đồng nhân dân tỉnh và nhiều huyện đảm bảo được sinh hoạt lệ, chất lượng sinh hoạt có nâng lên. Tuy nhiên, còn một số nơi công tác quản lý kinh tế, hành chính lỏng lẻo, quản lý xã hội có nhiều thiếu sót, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bị vi phạm (một số nơi khá nghiêm trọng). Bộ máy chính quyền ở cơ sở nhiều nơi yếu (nhất là ở các xã mới chia), nắm chưa vững chủ trương, chính sách, luật pháp và chức năng nhiệm vụ trong quản lý điều hành. Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Trung ương (khóa V) và Nghị quyết số 50/CP của Hội đồng Bộ trưởng, đã đề ra những chủ trương, biện pháp tích cực nhằm nâng cao trách nhiệm, tính chủ động, sức sáng tạo của cấp huyện. Song, sự tiến bộ của các huyện chưa đều, chưa mạnh; vẫn còn những huyện và cơ sở yếu kém, trì trệ. Tháng 9/1983, Ban Bí thư tiếp tục ra Chỉ thị số 24-CT/TW về “Xây dựng các đảng bộ huyện vững mạnh gắn với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện” nhằm để các đảng bộ huyện thật sự là hạt nhân lãnh đạo vững chắc và động lực thúc đẩy việc xây dựng thành công các huyện từng bước tiến lên. Với sự chỉ đạo của Trung ương,

Tỉnh ủy lãnh đạo tích cực công tác xây dựng và tăng cường cấp huyện, chỉ định cán bộ để lập ra Ban Chỉ đạo xây dựng huyện của tỉnh, từ đó tạo ra những bước chuyển biến rõ nét. Tỉnh đã bước đầu phân cấp quản lý một số mặt để tạo điều kiện cho huyện chủ động thực hiện kế hoạch của địa phương; huyện Long Phú, thị xã Sóc Trăng đã hoàn thành qui hoạch tổng thể, các huyện khác đang tích cực chuẩn bị qui hoạch vào năm 1984. Bài học điển hình xây dựng huyện Long Phú được các nơi giới thiệu học tập, nhân rộng ra. Tuy nhiên, công tác qui hoạch tổng thể các huyện tiến hành chậm; chưa quan tâm và chỉ đạo đúng mức công tác qui hoạch; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ cho huyện và tăng cường cán bộ lãnh đạo cho huyện.

Trong năm 1983, tuy gặp nhiều khó khăn về thời tiết, vật tư mất cân đối nhưng tỉnh phấn đấu đạt và vượt nhiều chỉ tiêu quan trọng nổi bật là sản xuất và cải tạo nông nghiệp, huy động lương thực, thu mua nông sản thực phẩm, thủy hải sản, xuất khẩu; đó là do được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư, các Ban, Bộ Trung ương, sự giúp đỡ của các tỉnh bạn, với tinh thần nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ và quân, dân trong tỉnh, đã giành được những thắng lợi quan trọng và khá toàn diện.

Nổi bật nhất là trên mặt trận sản xuất và cải tạo nông nghiệp, đã xác định rõ hơn phương hướng bố trí cơ cấu nuôi - trồng, nâng sản xuất nông nghiệp lên toàn diện hơn mà trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm. Ngoài việc tập trung cây lúa, đã quan tâm cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, nhất là cây mía, dứa, bắp, đậu nành, đậu xanh, tỉnh đã tập trung chỉ đạo thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích lúa cao sản trên cả 3 vụ Mùa, Đông Xuân, Hè Thu đem lại hiệu quả kinh tế lớn, dù bên cạnh đó thời tiết rất khó khăn, sâu bệnh nhiều nhưng đã đưa tổng sản lượng lúa trong năm tăng cao. Phong trào trồng cây phân tán tiếp tục được đẩy mạnh và xác định rõ hơn phương hướng trồng rừng tập trung của tỉnh. Sản xuất công nghiệp địa phương, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện có nhiều chuyển biến tiến bộ. Xây dựng cơ bản đã huy động nguồn vốn tự có của ngành, địa phương và nhân dân, cố gắng khắc phục khó khăn về nguyên liệu vật tư, tập trung chỉ đạo những công trình trọng điểm nên kết thúc được một số công trình, hạng mục đưa vào sử dụng có hiệu quả cao. Giao thông vận tải phát triển khá mọi mặt, về vận tải hành khách, hàng hóa, khai thác đá, đóng tàu thuyền, bảo dưỡng cầu đường và kết hợp thủy lợi xây dựng giao thông nông thôn. Xây dựng được các trạm bưu điện xã và bố trí được điện thoại cho các huyện Kế Sách, Vĩnh Châu. Lĩnh vực phân phối lưu thông tuy còn những diễn biến phức tạp, đã tập trung chỉ đạo quản lý thị trường, nắm nguồn hàng tại gốc có nhiều tiến bộ, nhất là những mặt hàng chính như lương thực, thịt heo, đường, tôm. Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với trung ương và có nhiều cố gắng trong phân phối hàng nhu yếu phẩm cho nhân dân, cung cấp các mặt hàng theo định lượng cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức. Cố gắng thu thuế, vận động gởi tiết kiệm, ngân sách địa phương từng lúc có bị căng thẳng nhưng vẫn cân bằng được thu chi cả năm. Công tác xuất - nhập khẩu có nhiều cố gắng trong giao nộp hàng xuất khẩu cho Trung ương, góp phần quan trọng cho nhu cầu tự cân đối của địa phương.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và hệ thống chính trị tiếp tục đạt được những thành tích khá tốt. Các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao phục vụ tốt hơn về đời sống tinh thần của nhân dân đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng. Trong công tác y tế, giáo dục có những tiên bộ mới, giải quyết tốt hơn những nhu cầu của tuyến trước, của vùng đồng bào dân tộc, nông thôn sâu; đào tạo thêm lực lượng giáo viên, y tá, y sĩ và có chế độ đãi ngộ khi về phục vụ ở vùng sâu, xa; kết hợp phong trào Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo sự nghiệp giáo

dục, y tế, đã xây dựng thêm cơ sở vật chất cho hai ngành y tế, giáo dục. Công tác an ninh - quốc phòng tiếp tục giữ vững, bảo đảm được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; đội ngũ lực lượng công an, quân sự ngày càng phát triển và đã thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế của mình. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể có được quan tâm hơn và được kết quả đáng kể; đặc biệt là việc quan tâm xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, công tác đào tạo cán bộ, việc nâng cao trình độ, năng lực lãnh chỉ đạo của đảng bộ, chính quyền các cấp đã có tầm quyết định việc thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Bên cạnh đó, còn tồn tại những mặt yếu kém ảnh hưởng đến phong trào chung như công tác quy hoạch tổng thể từng huyện, thị; quy hoạch cụ thể từng ngành và vùng chuyên canh tiến hành chậm, không đồng bộ, làm ảnh hưởng đến kế hoạch, tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động cho từng ngành và trên từng địa bàn. Phong trào các mặt phát triển chưa đều giữa các địa phương, giữa các ngành. Trong nông nghiệp, chỉ đạo tăng vụ chậm là do chỉ đạo chưa tập trung, còn chần chừ do dự, ngại khó, chưa sát và cụ thể, ứng dụng khoa học kỹ thuật chưa đồng bộ, chưa quan tâm đúng mức sản xuất màu, cây chuyên canh xuất khẩu, chỉ đạo chăn nuôi nói chung chưa tập trung. Trong công nghiệp, chỉ đạo chưa tập trung như trong nông nghiệp, chưa làm tốt công tác quy hoạch, phân công phân cấp cụ thể, giải quyết nhiên liệu, vật tư nên phát triển sản xuất công nghiệp, nhất là tiểu thủ công nghiệp nhiều nơi còn mang tính tự phát, chất lượng sản phẩm không tốt, giá thành cao, quản lý sản phẩm chưa chặt. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa đủ mạnh nhất là thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán chưa chi phối được thị trường, phân phối một số mặt hàng tiêu dùng chưa tới tận nhân dân lao động nhất là vùng nông thôn sâu, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, có lúc buông lỏng, mặt trận đấu tranh tư tưởng “Ai thắng ai” giữa hai con đường, cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp chưa tập trung đúng mức, việc nâng cao chất lượng các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể có được quan tâm hơn trước nhưng vẫn chưa đúng mức so chỉ đạo kinh tế, nhất là ở cơ sở nên có ảnh hưởng đến phong trào, các mặt công tác của từng địa phương, ban ngành.

Tuy còn những khó khăn, yếu kém nhưng thắng lợi đạt được đã tạo ra khả năng mới cho Đảng bộ, quần dân trong tỉnh và có ý nghĩa to lớn trong việc chỉ đạo các mặt công tác của tỉnh trong thời gian sắp tới. Nó chứng minh đường lối của Đảng hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo, sự chỉ đạo ngày càng sâu sát của Trung ương đối với địa phương, sự giúp đỡ của các tỉnh bạn đã góp phần quan trọng vào thành tích chung của tỉnh. Đặc biệt là tinh thần nỗ lực, sự đoàn kết thống nhất của đảng bộ và quần, dân trong tỉnh trong việc nắm và vận dụng thực hiện đường lối chủ trương của Đảng sao cho thật sát hợp với hoàn cảnh của tỉnh nhà, đó là nhân tố quyết định cho những thắng lợi trong những năm tới.

Năm 1984 là năm rất quan trọng, là năm góp phần đẩy mạnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ III kết thúc vào năm 1985. Vì vậy, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh trong năm là: “Tiếp tục học tập cho Đảng bộ quán triệt tinh thần Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 4, lần thứ 5, tạo sự chuyển biến mới trong toàn Đảng bộ về tư tưởng, tổ chức, về nhận thức đúng đắn nhiệm vụ chính trị của Đảng đề ra; ra sức phát huy những thành tích ưu điểm và kinh nghiệm đạt được, khắc phục những thiếu sót, tồn tại; đẩy lên một phong trào cách mạng mạnh mẽ, sôi nổi, liên tục và rộng khắp trên mọi lĩnh vực. Tích

cực, khẩn trương tiến hành công tác xây dựng quy hoạch cấp huyện, quy hoạch ngành, xây dựng các chương trình có mục tiêu về kinh tế, xã hội, phân đầu trong năm 1984 xây dựng qui hoạch xong một số huyện, một số ngành; xây dựng qui hoạch đến đâu từng bước sắp xếp lại tổ chức sản xuất, ngành nghề đến đó. Tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là lương thực, thực phẩm; đặc biệt chỉ đạo đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ cây lúa đạt yêu cầu mở rộng diện tích, tăng năng suất, tăng tổng sản lượng. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và tiến hành qui hoạch, tổ chức sắp xếp lại sản xuất, phân công phân cấp quản lý, không ngừng phát triển giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, từng bước tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội cho tỉnh. Chú trọng đúng mức phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội, chăm lo đời sống nhân dân. Gắn chặt sản xuất, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp, trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, quan tâm đúng mức xây dựng cơ sở quốc doanh, tập thể, chấn chỉnh công tác phân phối lưu thông quản lý giá cả, thị trường. Tăng cường công tác an ninh quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với tỉnh Công nông Chấn hưng kết nghĩa. Ra sức xây dựng, củng cố đảng bộ các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; xây dựng củng cố tổ chức chính quyền, các đoàn thể, tập trung chỉ đạo làm chuyên biến công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm; đồng thời kiên quyết đấu tranh có hiệu quả chống các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ và ngoài xã hội”⁽¹⁾.

Năm 1984, Đảng bộ tỉnh và chính quyền quyết tâm chỉ đạo khắc phục khó khăn làm chuyên biến tốt việc phát triển sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện theo hướng đẩy mạnh phát triển sản xuất cây lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây xuất khẩu và chăn nuôi. Kiên định phương hướng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích, tăng năng suất, sản lượng trên cả ba vụ lúa trong năm. Ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban Kế hoạch, Sở Nông nghiệp, Sở Thủy lợi và các ngành có liên quan đi sâu nghiên cứu, phối hợp với huyện, xã trực tiếp xác định diện tích sản xuất lúa vụ Đông Xuân, Hè Thu, vụ Mùa cao sản, có kế hoạch cân đối vật tư (nhất là phân bón, xăng, dầu, thuốc trừ sâu), chỉ đạo các biện pháp khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất thích hợp từng thời vụ (thủy lợi, giống, phân bón) có chính sách khuyến khích phát triển phân hữu cơ kết hợp phân hóa học; khâu làm đất - nhất là cày ải và san bằng đất mặt ruộng, bố trí lịch thời vụ - chú ý nghiên cứu lại lịch thời vụ của lúa mùa sớm để tránh cho được gió mùa Đông Bắc lúc lúa đang trổ bông sẽ bị nghẹn, lép, năng suất không cao; chăm sóc bảo vệ tốt cây trồng. Phát triển sản xuất khoai lang để vừa làm lương thực cho người, vừa làm thức ăn gia súc và giải quyết tốt khâu làm đất nhằm tăng được năng suất lúa ở vụ sau. Chính quyền chỉ đạo ngành có chính sách giá cả thu mua hợp lý và nghiên cứu chế biến làm thức ăn gia súc.

Trong nông nghiệp, tập trung sản xuất cây lương thực với điều kiện thời tiết không thuận lợi, vật tư phục vụ sản xuất chưa đảm bảo nhưng với tinh thần khắc phục khó khăn, ý thức tự lực tự cường, tự cân đối 4 nguồn khả năng, các cấp các ngành tập trung chỉ đạo kết hợp chặt các biện pháp kỹ thuật liên hoàn như cày ải, san lấp mặt bằng, làm thủy lợi nhỏ khép kín, thay giống mới, chỉ đạo nghiêm lịch thời vụ. Về phân bón, trung ương cung cấp gần đủ số lượng theo kế hoạch nhưng chậm, chỉ phục vụ cho thời vụ 50%, còn lại tỉnh phải liên kết tự lo thêm để dồn sức đầu tư cho thâm canh, tăng vụ, tăng

⁽¹⁾ Trích Nghị quyết số 02.NQ/TU ngày 13/2/1984 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang về nhiệm vụ, công tác năm 1984, trang 5-6. Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

năng suất sản lượng. Do ảnh hưởng thời tiết, sâu bệnh, nhất là hạn đầu vụ làm 70.000 ha lúa Hè Thu bị khô, lúa tăng trưởng chậm ảnh hưởng đến năng suất, đến khi cuối vụ bị lũ lụt vùng đất trũng Mỹ Tú làm nhiều hecta lúa bị ngập dài ngày, nước rút chậm gây thiệt hại nặng trên 23.000 ha, trong đó mất trắng gần 15.000 ha (trên 5.000 ha vụ Hè Thu), còn 8.000 ha lúa Mùa nổi năng suất giảm từ 400 - 600 kg/ha; ngoài ra, có gần 17.000 ha lúa mùa sớm, bị bệnh muối lá hành gây thiệt hại ảnh hưởng lớn đến năng suất và trên 180.000 ha lúa mùa thường, Mùa nổi không đủ phân bón đầu tư theo kế hoạch, từ đó năng suất bình quân chỉ đạt 32,15 tạ/ha gieo trồng, bằng 98,37% kế hoạch; tổng sản lượng lúa đạt khoảng 1.500.000 tấn, tăng gần 9% so với năm 1983⁽¹⁾. Đối với hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày diện chung có phát triển. Trong năm gieo trồng được 34.785 ha tăng 6,5% nhưng chỉ đạt 74% kế hoạch. Các cây chủ yếu không đạt kế hoạch như đậu nành, khoai lang, đậu, khóm... chưa khắc phục diện tích cũ, chiều hướng tiếp tục giảm, tuy đã có chủ trương và chính sách đối với trồng cây khóm nhưng triển khai chậm và không cụ thể. Cây dừa ương giống đạt 6,6%, đặc biệt cây mía vượt 39%. Mía và cây công nghiệp chưa đạt, chủ yếu do chỉ đạo tổ chức chưa chặt chẽ, qui hoạch không cụ thể, trong khi đó vật tư phục vụ cho sản xuất thiếu, chính sách giá cả tuy được cải tiến nhưng đầu năm giá chưa phù hợp đối với một vài loại cây và cũng có một phần do thời tiết, con nước rút chậm.

Công tác cải tạo nông nghiệp được đẩy mạnh, thực hiện Chỉ thị 19 của Ban Bí thư, Tỉnh ủy có Kế hoạch 08, đã tổ chức triển khai và tập huấn nâng cao nhận thức của cấp ủy huyện, xã. Năm 1984, hoàn thành việc điều chỉnh đất đai trong nông dân và vận động thêm 3.727 ha đất phân phối cho 8.870 hộ nông dân không đất và thiếu đất. Tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng 40,8% tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp cũ, phát triển 1.576 tập đoàn và 14 hợp tác xã; đến cuối năm, toàn tỉnh có 5.149 tập đoàn sản xuất, 28 hợp tác xã (có 2 hợp tác xã muối), đưa diện tích được tập thể hóa chiếm 62,87%, nếu tính 5% đất nông trường, trại giam thì tỉnh có 67,87% ruộng đất thuộc thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Qua phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp phát triển, năng suất lúa tăng, trong 1.800 tập đoàn sản xuất, hợp tác xã có khoảng 21% đơn vị năng suất đạt từ 7 - 11 tấn/ha/vụ, gần 43% đơn vị năng suất đạt từ 4 - 5 tấn/ha/vụ. Qua phong trào phát triển, tỉnh đã tổ chức đại hội bình chọn từ cơ sở lên được 184 tập đoàn sản xuất và 4 hợp tác xã tiên tiến đạt tiêu chuẩn tập thể hóa ruộng đất, sản xuất có kế hoạch và phát triển, đảm bảo phân phối ăn chia theo lao động, làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước. Điều phấn khởi là nhiều nơi kết hợp được hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, xây dựng được phương án kinh tế gia đình, làm cho sản xuất phát triển đời sống cho tập đoàn viên, xã viên có bước cải thiện hơn. Quan tâm củng cố nâng cao chất lượng tập đoàn sản xuất, đưa 818 tổ đoàn kết sản xuất lên tập đoàn sản xuất và phát triển trên 1.000 tổ đoàn kết sản xuất mới, có 2.409 tổ chiếm 61% diện tích đất ruộng còn lại. Việc bồi dưỡng và đào tạo cán bộ được chú ý, từng bước huyện có cán bộ kế toán, cán bộ quản lý tập đoàn sản xuất tỉnh hỗ trợ và một số lớp của huyện mở liên tục, trong năm đã đào tạo và bồi dưỡng 15.350 cán bộ⁽¹⁾.

Nhìn chung, phong trào hoạt động chưa đều và chậm, một số địa phương chỉ đạo chưa quan tâm đúng mức (Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Kế Sách), chất lượng tập đoàn sản xuất

⁽¹⁾ Trích "Báo cáo công tác năm 1984 của Hậu Giang", số 33-BC/TU ký ngày 4/01/1985. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

⁽¹⁾ Trích "Báo cáo công tác năm 1984 của Hậu Giang", số 33-BC/TU ký ngày 4/01/1985. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

chưa được nâng lên, số yếu kém chiếm tỷ lệ khá cao trong một số huyện, xã. Chỉ đạo sản xuất thiếu toàn diện, vùng độc canh chưa mở ra được ngành nghề mới, vùng có điều kiện chưa tính toán cụ thể, gấn tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp với hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng chưa tốt. Vì vậy, tuy phong trào sản xuất có phát triển nhưng đời sống tập đoàn viên, xã viên ở những nơi này chưa được nâng cao. Nông trường và lâm trường tiếp tục điều chỉnh mọi mặt để phù hợp với điều kiện sản xuất, ngày càng có hiệu quả. Tuy tình chỉ đạo quan tâm nhưng công tác tổ chức thực hiện thiếu cụ thể, vốn đầu tư chậm, không kịp cho làm đất và mua cây giống như Lâm trường Mỹ Phước... Trồng cây phân tán đạt kế hoạch nhưng khâu chăm sóc, bảo dưỡng chưa tốt, hư hao nặng. Vận chuyển gỗ khắc phục khó khăn đưa về hơn 55% kế hoạch, tổ chức cưa xẻ lấy gỗ ngày càng hoạt động tốt hơn.

Hoạt động thủy hải sản trên đà phát triển, đến cuối tháng 11/1984 các chỉ tiêu lớn đều đạt kế hoạch của tỉnh, khai thác vượt 9,7% (14,8% là tôm nguyên liệu), thu mua vượt 44,5% kế hoạch và đạt 53,8% tổng sản lượng; chế biến đông lạnh vượt 12,5%, xuất khẩu ngoại tệ đạt 28%. Sắp xếp một bước việc ăn ở cho ngư dân theo hướng qui hoạch khu Cảng Trần Đề. Công tác tổ chức hợp đồng hai chiều phục vụ sản xuất và nắm nguồn hàng nhiều mặt tiến bộ. Xí nghiệp đánh cá quốc doanh đã được chấn chỉnh về tổ chức, cải tiến quản lý bước đầu làm ăn có lãi và đang được đầu tư phát triển thêm phương tiện khai thác vào năm 1985 nhưng còn chậm, khai thác mới thực hiện được 20,4%; chỉ đạo đầu tư cho nuôi trồng ở một số nơi chưa tốt, không kịp thời vụ và một phần do ảnh hưởng thời tiết nên sản lượng thấp. Quản lý thu mua và thu nợ vay qua hợp đồng chưa chặt chẽ; đồng thời chỉ đạo hợp tác hoá trong ngư dân chưa thật quan tâm đúng mức.

Công nghiệp địa phương gặp khó khăn về điện, vật tư, nguyên liệu nhưng chỉ đạo khuyến khích, động viên phát huy tinh thần tự lực, tự cường trong giải quyết khó khăn. Khi Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 triển khai, đã tạo sự chuyển biến mới, đánh giá lại vai trò, vị trí của công nghiệp và thấy những khó khăn để khắc phục. Đặc biệt Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị cán bộ chủ chốt của 160 xí nghiệp trong toàn tỉnh để triển khai học tập Nghị quyết lần thứ 6 Trung ương. Trên cơ sở đó nắm lại tình hình chấn chỉnh tổ chức nhất là đối với 3 chức danh: Giám đốc, bí thư đảng ủy và kế toán trưởng xí nghiệp. Sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, phân công phân cấp quản lý; kiểm tra xong hiện trạng và kiểm kê tài sản cố định trong ngành công nghiệp để hoàn thành công tác qui hoạch, sắp xếp tổ chức lại sản xuất theo địa bàn và cụm kinh tế kỹ thuật. Tỉnh ủy chỉ đạo chuẩn bị sắp xếp tổ chức lại ngành cơ khí, giấy, chế biến đường, ép dầu dừa, xà bông. Những tháng đầu năm 1984, toàn tỉnh phát triển thêm được 27 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 148 tổ hợp tác thu hút thêm 6.202 lao động. Đến cuối năm 1984, toàn tỉnh có 73 hợp tác xã và 447 tổ hợp tác tiểu thủ công nghiệp, chiếm 27% lao động, tiểu thủ công được tập thể hóa. Thành lập Ban chỉ đạo hạch toán kinh tế xí nghiệp, hướng dẫn 110/222 xí nghiệp đi vào hạch toán kinh tế độc lập và tổ chức khảo sát công tác Đảng ở một số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh phục vụ cho công tác chỉ đạo tới. Nhìn chung, sản xuất phát triển, thêm được một số mặt hàng mới như khung xe đạp, dây nylon, dép và can nhựa, xà bông kem, đồ gốm, thủy tinh, than bùn... Công nghiệp quốc doanh, đã sửa chữa được máy kéo, ô tô, máy thuyền, dàn cày chảo, chế biến đường, ép dầu dừa... Song, công nghiệp quốc doanh chỉ đạt 79% kế hoạch, chiếm tỷ trọng nhỏ (17,3%) trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Công nghiệp hóa chất, in, dệt đạt kế hoạch thấp, chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức về năng suất, chất lượng, hiệu quả, quản lý thu mua nguyên liệu, phế liệu, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm,

nên một số cơ sở thiếu nguyên liệu hoạt động, một số sản phẩm chất lượng thấp, giá thành cao, không tiêu thụ được, Nhà nước nắm sản phẩm tiêu thủ công nghiệp ít (khoảng 30 - 35%). Cấp ủy, chính quyền các cấp trong chỉ đạo công tác quản lý kinh tế và xây dựng Đảng, đoàn thể ở cơ sở còn chưa sát, yếu so với yêu cầu nhiệm vụ chính trị đề ra.

Xây dựng cơ bản đã cố gắng huy động nguồn vốn, lao động của địa phương và nhân dân, tự lực giải quyết khó khăn về sắt, thép, gỗ, xi măng; kết quả đầu tư xây dựng 104 công trình (có 54 công trình mới năm 1984) và chỉ đạo tập trung cho 12 công trình trọng điểm. Về sử dụng nguồn vốn, tỉnh thực hiện vốn đầu tư 275,272 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch năm, trong đó thực hiện vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm chiếm 40%; ngoài vốn của trung ương và địa phương, trong phong trào thủy lợi kết hợp với giao thông nông thôn và phát triển đã huy động khả năng quần chúng đóng góp công sức, phương tiện vật chất trị giá 118 triệu đồng. Có 61 công trình và hạng mục công trình đã xây dựng xong và hoàn thành cơ bản đưa vào sử dụng góp phần tăng năng lực sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân như san lấp mặt bằng đồng ruộng, Xí nghiệp Liên hiệp dược, Phân viện Y tế khu vực, mở rộng Công ty Chế biến thủy sản, Khách sạn quốc tế, nhà ở cán bộ, trường học... Nhìn chung công tác chuẩn bị các thủ tục ban đầu và giao kế hoạch chậm, chưa cân đối giữa vật tư và tiền vốn (vật tư cấp 20%), các công trình đều căng thẳng về vốn, bị động và không đồng bộ về vật tư, nên còn một số công trình thi công dở dang, một số vật liệu và lao động phải mua và thuê ngoài, nên tốc độ xây dựng chậm, giá thực tế cao nên sử dụng hết vốn mà công trình, hạng mục chưa hoàn thành.

Giao thông vận tải tiếp tục phát triển mạnh; về thực hiện vốn đầu tư xây dựng vượt 11,68% kế hoạch năm, gấp ba lần năm 1983, đã tập trung sửa chữa các tuyến đường lớn Sóc Trăng, Bãi Xàu, và dồn sức hoàn thành đường Tài Văn - Vĩnh Châu và cầu Lịch Hội Thượng. Giao thông nông thôn làm thêm được 762 km và 30 cây cầu mới, đến cuối năm 1984 có 181/229 xã liên xã, 836/1.337 ấp (vùng nông thôn) liên xã và 127/229 xã liên huyện, nhân dân đóng góp công lao động trị giá 113 triệu đồng. Song, khó khăn là còn thiếu vật tư như nhựa đường, sắt, khung cầu, xăng dầu vận chuyển. Công tác quản lý, bảo dưỡng cầu đường kém, năm và cải tạo lực lượng vận tải tư nhân ở huyện, xã chưa triệt để. Tai nạn giao thông chưa giảm, nhiều vụ xảy ra nghiêm trọng làm chết người và thiệt hại tài sản lớn.

Khi Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng lần thứ 6 (10/7/1984) về những nhiệm vụ cấp bách trong công tác cải tiến quản lý kinh tế ra đời, Nghị quyết nhấn mạnh việc sắp xếp lại sản xuất và phân cấp quản lý kinh tế; việc cải tiến công tác quản lý; việc phân phối, lưu thông... Theo tinh thần nghị quyết đề ra, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, các ngành phải đề ra chương trình hành động cụ thể, phải chủ động thực hiện thí điểm sắp xếp, bố trí cơ sở sản xuất, phù hợp với kinh tế địa phương, gắn sản xuất với cải tạo, bước đầu đã tạo được sự chuyển biến mới. Trên cơ sở đó, tổ chức mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, phát triển thêm cửa hàng quốc doanh, lập công ty kinh doanh lương thực, thương nghiệp, cung ứng hàng xuất khẩu, vật tư tổng hợp cho huyện, thị xã. Ngoài ra, một số huyện có hải sản và cây công nghiệp thì lập thêm Công ty Cây công nghiệp và hải sản (Long Phú, Vĩnh Châu) củng cố và phát triển hợp tác xã mua bán, tổ đại lý, gắn với hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, kiểm tra vấn đề niêm yết giá cả các mặt hàng, sắp xếp lại chợ ở một số huyện... Năm và điều hoà khối lượng hàng hóa phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân tốt hơn, các mặt hàng lương thực, đường, trứng,

tôm, heo, rau quả ta năm từ 80% trở lên và thực sự chiếm ưu thế trên thị trường, thông qua cửa hàng và hợp tác xã mua bán đẩy mạnh bán lẻ, mở rộng các hoạt động dịch vụ, đảm bảo cung cấp các mặt hàng cho cán bộ công nhân viên chức khu vực Nhà nước và nhân dân, ổn định giá cả thị trường, hạn chế hoạt động chợ trời và bọn gian thương. Đã thực hiện tốt việc thu mua và giao nộp các mặt hàng lương thực, nông sản, thực phẩm chính của địa phương về trung ương, giá trị mua hàng tại địa phương vượt 34% kế hoạch, giá trị điều hàng về trung ương 3,4 tỷ đồng vượt 60% kế hoạch và gấp 2,7 lần giá trị hàng trung ương điều về cho địa phương. Lương thực huy động 421.700 tấn, giao nộp trung ương 350.000 tấn, đạt 100% kế hoạch. Song, còn một số mặt hàng như đay, đậu nành, dừa khô, đậu xanh đạt kế hoạch thấp (dừa khô, đậu nành, giảm so 1983). Mặt hàng heo, đường, tỉnh có nhiều khả năng nhưng thiếu tiền mặt và có lúc trung ương không nhận hàng do số lượng thiếu, làm ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành kế hoạch của tỉnh. Về tài chính, tiền tệ, đã tổ chức phát động rộng rãi phong trào mua công trái, kết quả được 99,17 triệu đồng, đạt 66% kế hoạch trung ương giao. Tổng thu tiền mặt vượt 59,7%, nhưng tổng chi vượt 99,82% kế hoạch, do đó bội chi tiền mặt 2.904 triệu chủ yếu là thu mua nông sản, thực phẩm và lương thực cho trung ương (tỉnh còn thiếu người dân gần 200 triệu đồng). Nhìn chung, hoạt động về phân phối lưu thông có tiến bộ hơn năm 1983, nhiều nhân tố mới nhưng vẫn còn số mặt yếu, nắm và quản lý một số mặt hàng chưa chặt, có chú ý về cải tạo sản xuất, thị trường nhưng còn chưa quản lý chặt chẽ và biện pháp xử lý đối với số thương lái núp dưới danh nghĩa hợp tác với Nhà nước để bóc lột người sản xuất, gây rối thị trường. Tổ chức hợp tác xã mua bán chưa làm hết chức năng, phần lớn mới làm được việc nhận và phân phối lại hàng hóa chợ chưa tổ chức tốt việc thu mua hàng hóa.

Việc thực hiện cải cách giáo dục đạt được một số kết quả, nội dung chương trình giảng dạy đã chú ý về giáo dục chính trị, luật pháp, thời sự và đạo đức, nâng cao chất lượng trong học tập đưa tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 93,8% và trung học phổ thông đạt 78%. Vào năm học 1984-1985 còn khó khăn nhưng với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng lo cho sự nghiệp giáo dục” đã khắc phục và xây dựng thêm trường lớp ở các bậc học. Tổng số học sinh năm 1984 tăng 10% so năm học trước (riêng bổ túc văn hóa tăng 69,7%) vượt 3% chỉ tiêu Bộ Giáo dục giao nhưng chỉ đạt 97,6% kế hoạch phân đầu của tỉnh. Giáo dục hướng nghiệp được quan tâm và giáo dục chuyên nghiệp có bước chuyển biến, số được tuyển sinh trong kế hoạch và gửi học các trường ngoài kế hoạch gần 2.300 em. Lực lượng đội ngũ giáo viên các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng chất; công tác bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ gắn với chăm lo đời sống giáo viên được chú ý, tình trạng giáo viên nghỉ việc, bỏ việc giảm hơn trước. Tuy nhiên, về cơ sở vật chất như trường lớp, bàn ghế, sách giáo khoa, trang thiết bị cho thí nghiệm thiếu nghiêm trọng, nhất là số trường ở vùng nông thôn, số lượng giáo viên thiếu nhiều, tình trạng giáo viên dạy 2 ca, 3 ca còn khá nhiều, năm 1984 trong toàn tỉnh thiếu trên 5.000 giáo viên cấp I, II; đặc biệt là giáo viên dạy môn lý luận chính trị các trường cấp II, cấp III không đủ. Do vậy, chất lượng giảng dạy chưa thật tốt, riêng cấp I đã đưa vào giảng dạy chương trình mới về cải cách giáo dục nhưng nhìn chung do chưa tập huấn và chuẩn bị tốt cho đội ngũ giáo viên nên chương trình, nội dung giảng dạy còn nhiều hạn chế, thiếu sinh động, nên học sinh khó tiếp thu; cơ sở thực tập ở các khối cấp II, III còn ít, làm hạn chế kết quả trong học tập.

Công tác y tế có nhiều mặt tiến bộ, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng khắp ra nhân dân về cách phòng, chống dịch bệnh;

chủ động trong công tác tiêm phòng nhằm hạn chế thấp nhất sự thiệt hại do các bệnh dịch tả, sốt xuất huyết gây ra. Phong trào nghiên cứu, sáng kiến, sáng chế và sản xuất thuốc đạt kết quả phấn khởi, đáp ứng một phần yêu cầu trong điều trị bệnh, bình quân tiền thuốc trên 46 đồng người/năm. Phong trào vận động phụ nữ sinh đẻ có kế hoạch triển khai diện rộng, tỷ lệ phát triển dân số giảm từ 2,49 xuống 2,4%. Mạng lưới cán bộ y tế được chấn chỉnh và từng bước được mở rộng ở tỉnh, huyện nhất là tuyến cơ sở, đã đào tạo, bồi dưỡng 1.113 cán bộ y tế tăng cường cho cơ sở (268 y sĩ, 460 y tá...), nhờ vậy, việc khám và điều trị bệnh ở tuyến trước có nâng cao về chất lượng. Mặt khác, ngành đã quan tâm trong quản lý và điều trị có kết quả các bệnh xã hội như sốt rét, lao, hủi, giang mai nhưng các bệnh tâm thần, đau mắt hột và bướu cổ chưa có thuốc đặc trị và còn nhiều nan giải. Công tác y tế nhìn chung có bước chuyển biến, song phong trào vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh môi trường, trồng và sử dụng thuốc nam chưa tốt, ngành có điển hình tốt nhưng chưa được phát huy nhân ra diện rộng; việc điều trị kết hợp đông - tây y còn rời rạc trong bệnh viện, bệnh xá, điều cần chú ý là phong trào vệ sinh phòng dịch chỉ đạo thiếu chặt chẽ và tập trung chưa cao nên các bệnh như viêm màng não, kiết lỵ, bại liệt, sởi, bạch hầu có phát triển và tỷ lệ tử vong cao hơn năm 1983.

Phong trào thể dục-thể thao tiếp tục phát triển đến các cơ sở; ngoài các môn bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, đua xe đạp, thể dục-thể thao buổi sáng và giữa giờ, phong trào có bước phát triển ở các môn như quần vợt, cầu lông, thể thao quốc phòng, cờ quốc tế, bơi lội... Thông qua phong trào đã tuyển chọn hạt nhân nòng cốt và tổ chức thành các đội bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, quần vợt, cầu lông... tham gia thi đấu giao hữu cùng các tỉnh bạn. Qua tập luyện và tham gia thi đấu chất lượng nhiều môn được nâng lên đạt nhiều thành tích đáng phấn khởi. Trong năm 1984, tỉnh đã xây dựng được đội bóng đá đi dự giải A2, giải bóng đá trẻ ngành công an toàn quốc... Nhìn chung, phong trào còn hạn chế, nhất là các xã vùng nông thôn, ban chỉ đạo phong trào chỉ lập được 44/229 xã, phường, thị trấn hướng dẫn viên đào tạo cho người tại chỗ còn ít, cơ sở vật chất và dụng cụ phục vụ cho tập luyện nhiều mặt chưa đảm bảo.

Lĩnh vực văn hóa - thông tin, hoạt động ngày càng có nội dung thiết thực, kịp thời phục vụ cho việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng, của Nhà nước đến tận người dân, góp phần nâng cao nhận thức mới về xã hội chủ nghĩa, giác ngộ nghĩa vụ và quyền lợi, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trên các lĩnh vực; nhất là đấu tranh "Ai thắng ai" giữa hai con đường, xây dựng nếp sống văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa... Công tác thông tin cổ động và phong trào văn nghệ nghiệp dư quần chúng có bước phát triển khá tốt tận cơ sở; các hình thức hoạt động văn hóa - nghệ thuật nâng cao chất lượng và quan tâm đưa vào phục vụ quần chúng vùng nông thôn sâu; thị xã và một số huyện xây dựng bãi chiếu bóng và mạng lưới loa, đài được chấn chỉnh mở rộng. Các cơ sở văn hóa (rap hát, rap chiếu bóng, bãi xem phim, nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, công viên văn hóa, nhà truyền thống, nhà lưu niệm, bia lưu niệm, tượng đài...) được xây dựng ở một số huyện, thị xã, thị trấn. Nhìn chung, công tác chỉ đạo chưa tập trung và thường xuyên, chưa đi sâu giải quyết làm rõ những băn khoăn của quần chúng, chưa nâng cao ý thức cảnh giác cho quần chúng, phương tiện phục vụ tuyên truyền thiếu, nhất là ở vùng nông thôn (báo, pin nghe đài...).

Công tác khoa học - kỹ thuật, ngày càng tập trung vào việc ứng dụng các thành tựu khoa học và cải tiến kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, ngành y phục vụ sản xuất và đời sống. Năm 1984, có trên 100 sáng kiến, sáng chế tại cơ sở đang được phát huy ứng dụng, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng được thành lập và hoạt

động có kết quả, công tác nghiên cứu và thông tin khoa học có nhiều cố gắng. Tuy nhiên, việc tiếp tục triển khai Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 51 của Hội đồng Bộ trưởng và Kế hoạch 12 của Tỉnh ủy về công tác khoa học kỹ thuật chưa chặt, chưa sâu trong các cấp các ngành. Bộ máy khoa học kỹ thuật các cấp chưa làm tốt vai trò tham mưu giúp cấp ủy và chính quyền chỉ đạo; việc kiểm tra lại toàn bộ lực lượng và quy hoạch đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật để quản lý sử dụng chưa chặt chẽ, còn chậm.

Việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho quần chúng và cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên chức được quan tâm trên cơ sở đầy mạnh sản xuất phát triển, cải tiến phân phối lưu thông; xây dựng một số công trình phúc lợi công cộng. Trong sản xuất đã quan tâm giải quyết vốn đầu tư, mở rộng ngành nghề, hướng dẫn kinh tế gia đình giải quyết công ăn việc làm cho người lao động; tổ chức tốt hợp đồng hai chiều, mở rộng mạng lưới hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng phục vụ sản xuất; ở thị xã và nhiều thị trấn thành lập Công ty Lương thực phân phối gạo cho quần chúng đảm bảo giá kinh doanh; những nơi quần chúng bị thiên tai được chính quyền chỉ đạo vận động quyền góp cứu trợ kịp thời... Trong khu vực Nhà nước, đảm bảo cung cấp và bù giá 9 mặt hàng, trợ cấp khó khăn và xây dựng 50 căn nhà cho cán bộ. Trong công tác chỉ đạo, chính quyền quan tâm đời sống nhân dân lao động và cán bộ công nhân viên chức có được cải thiện hơn nhưng vẫn còn nhiều khó khăn.

Tiếp tục thực hiện tinh thần Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 39 của Bộ Nội vụ, Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành, đơn vị củng cố và kiện toàn bộ máy khối nội chính, lực lượng công an, quân sự các cấp, nhất là tăng cường cán bộ có năng lực, phẩm chất đạo đức về các huyện và xã, tăng cường cán bộ điều tra xét hỏi cho công an tỉnh, huyện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị. Ngày 01/7/1984, Tỉnh ủy đã đề ra Nghị quyết 05 nhằm đáp ứng tình hình và nhiệm vụ công tác bảo vệ Đảng trong thời gian tới, nghị quyết nêu: “Tăng cường công tác bảo vệ Đảng về mọi mặt, ra sức củng cố xây dựng nội bộ Đảng, chính quyền, các tổ chức cách mạng trong sạch về chính trị, vững mạnh về tư tưởng, chặt chẽ về tổ chức, quyết tâm bảo vệ đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng, bảo vệ an toàn các cơ quan đơn vị, xí nghiệp, trường học và bảo vệ thuần khiết chính trị nội bộ; kiên quyết giữ gìn nguyên tắc kỷ luật của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệnh quân đội, tiếp tục củng cố hệ thống chuyên chính vô sản nhất là lực lượng công an và quân đội, kiện toàn tổ chức mạng lưới công tác bảo vệ Đảng, để đủ sức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Đảng trong tình hình mới”⁽¹⁾. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngành tổ chức thêm mạng lưới bảo vệ nội bộ, đẩy mạnh củng cố nhằm nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức trong lực lượng công an. Hoàn thành đợt kiểm tra nhân thân hộ khẩu, qua đó phát hiện một số đối tượng mới, đồng thời giải quyết hợp lý việc cư trú cho những gia đình làm ăn chính đáng. Qua phong trào, lực lượng công an đã chủ động phá nhiều vụ án chính trị phản động bắt 155 tên và ra đầu hàng 33 tên. Lực lượng công an phối hợp biên phòng tổ chức bắt 1.493 người vượt biên trong đó có 93 tên chuyên tổ chức móc nối đưa người vượt biên; đưa ra xét xử 6 vụ án có 101 tên phản động; sự kiện này có tác dụng giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Tổ chức kiểm tra, xem xét các vụ xử lý buộc phải giam trong trại giam, kết quả đã xem xét và giải quyết số vụ giam giữ không đúng thủ tục, tha và tạm tha một số tên, việc giải quyết này càng chứng tỏ chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với kẻ phạm pháp biết hối cải. Nói chung tình hình an ninh

⁽¹⁾ Trích “Tình hình và nhiệm vụ công tác bảo vệ Đảng của Đảng bộ Hậu Giang những năm qua và sắp tới”, NQ số 05.NQ/TU ngày 01/7/1984; trang 13. Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

chính trị, trật tự xã hội tiếp tục giữ vững, tuy nhiên về giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng không được thường xuyên, chưa sâu, chưa thấy hết tính chất nguy hiểm kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch nên còn có những sơ hở để địch hoạt động như phá dây cáp tải điện, cắt dây điện thoại, tuyên truyền xuyên tạc chống chế độ ta, phá rối thị trường, lợi dụng mê tín dị đoan của nhân dân tung ra sự kiện “Còn tiên”, “Cỏ tiên”... Về quân sự, kết hợp lực lượng công an, biên phòng có kế hoạch bảo vệ bờ biển và vùng trọng điểm, tổ chức chuẩn bị diễn tập quân sự trong một số khu vực này. Quản lý quân dự bị, thực hiện tuyển quân, xây dựng và phát triển lực lượng dân quân tự vệ... đã có nhiều mặt tiến bộ (tuyển quân và tổ chức dân quân tự vệ đều đạt chỉ tiêu năm). Được chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Tỉnh đội tổ chức long trọng và khí thế lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Các nơi, nhân dịp này đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, phát huy truyền thống tốt đẹp của quân đội ta để chuẩn bị cho công tác tuyển quân năm 1985 đạt kết quả tốt. Lực lượng vũ trang và đoàn chuyên gia giúp tỉnh Côngpông Chnăng (Campuchia) đã được tăng cường về tổ chức và hoạt động ngày càng có hiệu quả, góp phần xây dựng và bảo vệ thành quả của nhân dân Campuchia nói chung và tỉnh Côngpông Chnăng nói riêng. Chăm lo xây dựng các lực lượng quân đội đạt trong sạch vững mạnh (cả lực lượng công an), nâng cao trình độ chính trị, rèn luyện kỹ thuật nghiệp vụ và đạo đức phẩm chất cách mạng, từ đó những hiện tượng vi phạm tổ chức kỷ luật trong cán bộ, chiến sĩ giảm nhiều so với trước. Đời sống vật chất và tinh thần trong các lực lượng tập trung từng bước được cải thiện, nhất là phong trào văn nghệ và hội thao ngày càng phát triển mạnh. Còn một vài địa phương trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ thấp (còn 6/14 đơn vị đạt từ 3,75 - 6,22%) và chất lượng yếu, yêu cầu rèn luyện chưa đạt. Tổ chức đăng ký quản lý quân dự bị I tiến hành chưa chặt chẽ, việc triển khai thực hiện nghĩa vụ lao động đối với thanh niên không nằm trong diện nghĩa vụ quân sự còn chậm, do đó có phần ảnh hưởng đến công tác vận động thanh niên.

Về công tác xây dựng Đảng, hoàn thành cơ bản việc tổ chức học tập các nghị quyết lớn của Đảng, gắn với học tập các nghị quyết của Tỉnh ủy; củng cố về quan điểm tự lực tự cường, tư tưởng cách mạng tiến công, đấu tranh giữa hai con đường; quan tâm trong bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực cho mỗi cán bộ, đảng viên, tạo điều kiện cho Đảng bộ phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu lớn (sản xuất, lương thực, cải tạo, tuyển quân...). Tiếp tục chấn chỉnh tổ chức ở cơ sở, tiến hành đại hội ở cơ sở bầu cấp ủy các cấp trong tỉnh (từ tháng 3 đến cuối tháng 6/1984 số các xã, phường, thị trấn, ban ngành cấp tỉnh tổ chức đại hội được 667/735 chi, đảng bộ)⁽¹⁾, tổ chức xong Đảng ủy khối (nội chính, kinh tế, văn xã và dân chính) và đi vào hoạt động. Chỉ đạo các cấp ủy quan tâm nhiều đến cơ sở, ngoài việc đi công tác, Thường vụ Tỉnh ủy còn tổ chức hai đoàn đi khảo sát tình hình cơ sở, phát hiện những mặt thiếu, yếu về nhận thức và tổ chức thực hiện các nghị quyết, về tổ chức phát triển đảng viên, về trình độ năng lực và cơ cấu tổ chức bộ máy ở cơ sở... qua đó rút kinh nghiệm chung cho chỉ đạo toàn diện trong tỉnh và trực tiếp giúp địa phương. Kịp thời uốn nắn lệch lạc, tạo nền nếp cho các ngành, các cấp chỉ đạo cơ sở sâu sát hơn và trên cơ sở đó từng bước củng cố, xây dựng bộ máy cấp ủy Đảng trong đó chú ý nâng cao chất lượng trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện các cơ sở Đảng. Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Đảng, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp, ngành chấn chỉnh, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng ở các xí nghiệp, đã xem xét công

(1-2) Trích “Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1984” của Ban Tổ chức Tỉnh ủy ký ngày 05/12/1984, trang 3-4. Tài liệu được lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

nhận thêm 21 chi bộ; kết quả toàn tỉnh có 53 chi, đảng bộ vững mạnh và còn 131 chi bộ, đảng bộ chưa xét kịp. Công tác phát triển đảng viên đã đi vào nền nếp, có qui hoạch, thủ tục gọn và chặt chẽ, xét duyệt nhanh, do đó số lượng phát triển khá (gần 2.000 đảng viên), đối tượng trẻ, nữ và người tại cơ sở chiếm tỷ lệ đông, khắc phục 89 ấp trắng có đảng viên tại chỗ. Song, công tác phát triển đảng viên nhìn chung chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là một số chi, đảng bộ cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện chưa phát triển được đảng viên. Có đơn vị xét chọn nhưng cơ cấu phát triển chưa đảm bảo theo yêu cầu, thành phần công nhân rất ít (chiếm 0,3%), người tại chỗ chiếm chưa nhiều nên số lượng ấp trắng còn lớn (344 ấp). Năm 1984, phát triển Đảng thêm 1.532 đồng chí, còn 32 đảng viên có vấn đề, xác minh kết luận giải quyết chậm nên chưa được cấp thẻ. Việc thẩm tra tư cách, xem xét đảng viên đã được cấp thẻ thực hiện chưa tốt theo định kỳ. Ngoài quan tâm kiểm tra việc triển khai, chỉ đạo thực hiện nghị quyết, chủ trương, các cấp ủy đã kiểm tra những hiện tượng tiêu cực như chấp hành nguyên tắc tổ chức kỷ luật Đảng. Tiếp tục thực hiện theo Chỉ thị 27 (ngày 28/10/1983) của Ban Bí thư về chính sách xử lý đối với cán bộ, đảng viên sai lầm và Quy định số 44 (23/5/1984) về thẩm quyền thi hành kỷ luật trong Đảng của cơ quan chính trị, Ủy ban Kiểm tra Đảng và các cơ sở đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy ban Kiểm tra đã nắm được toàn tỉnh có 905 cán bộ, đảng viên có biểu hiện vi phạm hoặc bị tố cáo cần phải xem xét, đã làm rõ hơn phân nửa số này, kỷ luật 507 đảng viên (53% vi phạm nguyên tắc tổ chức kỷ luật, về lịch sử chính trị 2,76%, thoái hóa biến chất 22,09%...) trong đó khai trừ và đưa ra khỏi tổ chức Đảng chiếm 54%.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ có nhiều chuyển biến nhất là đối với cán bộ nữ theo Chỉ thị 44 (7/6/1984) của Ban Bí thư về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ, cấp ủy đảng đã chỉ đạo các ngành, các cấp đều bố trí, phân công cán bộ nữ tham gia vào vị trí chủ chốt; đồng thời các cấp, các ngành có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nhằm giúp cán bộ nữ có điều kiện phát huy năng lực và trưởng thành. Trong năm 1984, đã quy hoạch xong đội ngũ cán bộ chủ chốt kế thừa (trong đó ưu tiên bố trí cán bộ nữ) trong 54/60 sở, ban, ngành cấp tỉnh; quy hoạch xong thường vụ cấp ủy huyện, thị và bí thư, chủ tịch xã, phường, thị trấn cho nhiệm kỳ tới. Nhiều huyện quy hoạch xong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý (tỷ lệ nữ chiếm 43,67%) trong các phòng, ban theo chỉ đạo của tỉnh. Các trường Đảng, trường nghiệp vụ các cấp, các ngành khắc phục khó khăn, liên tục mở lớp tập trung dài hạn và tập huấn ngắn hạn bồi dưỡng, đào tạo được 35.000 lượt cán bộ các loại, đặc biệt ở trường Đảng tập trung và tại chức tỉnh đã mở lớp học lý luận Mác - Lênin, chương trình trung cấp cho 644 cán bộ sơ, trung cấp chính trị.

Công tác dân vận, mặt trận, đoàn thể được kết hợp khá chặt chẽ với chính quyền, tập trung cho việc giáo dục giác ngộ, vận động quần chúng thực hiện theo nghị quyết, chủ trương Đảng và Nhà nước; làm rõ vai trò nòng cốt trong các phong trào quần chúng đoàn kết sản xuất, tiết kiệm, làm nghĩa vụ với Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ tập thể trong đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền và từng bước tham gia xây dựng trong quản lý kinh tế, xã hội tốt hơn. Tháng 8/1984, Ủy ban Mặt trận tỉnh tổ chức Đại hội nhiệm kỳ III, đồng chí Huỳnh Cương - Tỉnh Ủy viên tái đắc cử Chủ tịch. Sau đại hội, công tác mặt trận các cấp hoạt động đi vào chiều sâu, nổi bật là với chức năng phối hợp hành động trong công tác hòa giải, xây dựng khối đoàn kết trong nhân dân; đẩy mạnh việc vận động xây dựng nếp sống mới, nông thôn mới. Qua hoạt động sôi nổi của các phong trào, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh quan tâm củng cố, nâng cao chất lượng bộ

máy tổ chức các cấp nhất là ở cơ sở; mở nhiều lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ và phát triển trên 167.000 đoàn viên, hội viên chiếm 54% (đạt yêu cầu). Tuy nhiên, bộ máy cơ sở nhiều nơi còn thiếu, chất lượng yếu, cán bộ thường bị xáo trộn, sinh hoạt chưa đi vào nề nếp, nhập nhằng giữa công tác chính quyền, công tác đoàn thể. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò tích cực trong phong trào “Hành quân theo bước chân những người anh hùng” tạo được khí thế sinh hoạt mới trong đoàn viên, phát huy được vai trò xung kích trên nhiều lĩnh vực trong lao động sản xuất cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vận động thanh niên tham gia xây dựng nhiều công trình thủy lợi, kết hợp thực hiện giao thông nông thôn đạt nhiều hiệu quả và có ý nghĩa thiết thực. Qua phong trào thi đua lao động sản xuất, đã có 16.514 đoàn viên Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được kết nạp trên công trường, đưa 1.651 đoàn viên đi nghĩa vụ quân sự và có 1.285 đoàn viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhìn chung, phong trào hoạt động của thanh niên ngày càng thiết thực, hiệu quả cao, trình độ giác ngộ về lý tưởng cộng sản, về chủ nghĩa xã hội trong giới thanh niên có được nâng lên. Tuy nhiên, trong công tác giáo dục chính trị đối với số học sinh, sinh viên các trường còn yếu, tham gia chưa nhiều.

Về chính quyền, Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu những qui định cụ thể về phân công, phân cấp quản lý, cải tiến những thủ tục qui định về thiết kế, thi công trên cơ sở những nguyên tắc, những công trình xây dựng kỹ thuật đơn giản thì giao cho huyện và ngành được chỉ đạo thiết kế, thi công; những công trình kỹ thuật phức tạp đưa về ngành chủ quản của tỉnh duyệt thiết kế (Sở Xây dựng thành lập một bộ phận thiết kế và duyệt các thiết kế xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng; Sở Giao thông vận tải có bộ phận thiết kế và duyệt các thiết kế về giao thông. Sở Thủy lợi có bộ phận thiết kế và duyệt thiết kế các công trình thủy lợi), những công trình quan trọng và phức tạp hơn do Ủy ban Xây dựng cơ bản của tỉnh duyệt. Những công trình xây dựng xong, được chính quyền phân công, phân cấp cho ngành tỉnh và địa phương (huyện) quản lý cụ thể. Tăng cường củng cố bộ máy cán bộ chỉ đạo trong xây dựng của tỉnh và khẩn trương tổ chức lại Phòng Xây dựng cơ bản cấp huyện đủ tâm trong chỉ đạo công tác xây dựng của các địa phương và của tỉnh đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân xây dựng, có chính sách sử dụng đội ngũ công nhân (trước ngày giải phóng) để luôn mạnh về chất và đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng cơ bản ngày càng lớn.

Theo Chỉ thị số 36 (6/02/1984) của Ban Bí thư về việc lãnh đạo cuộc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và tương đương, chỉ thị nêu cuộc bầu cử hai cấp sẽ tiến hành từ tháng 3 đến tháng 4/1984 là xong. Theo tinh thần Chỉ thị đã nêu, Tỉnh ủy chỉ đạo bộ máy chính quyền các cấp phải khẩn trương củng cố nhân sự, nhất là qua bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp, chọn ra những đại biểu xứng đáng tăng cường ủy ban nhân dân huyện, xã; kết quả có 96,6% cử tri đi bầu, tăng 5,25% so với khoá trước. Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thị tổ chức sinh hoạt đều đặn theo định kỳ; quyền làm chủ tập thể, việc phê phán, góp ý cho hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân ngày càng thẳng thắn, tinh thần trách nhiệm cao. Hội đồng nhân dân từ cấp tỉnh đến cấp xã, thường xuyên tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri, thu thập nguyện vọng và ý kiến của nhân dân; trên cơ sở đó bàn bạc thảo luận đưa ra các chủ trương, chính sách lớn, về nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương. Ủy ban nhân dân các cấp (với cương vị là cơ quan quản lý Nhà nước, quản lý hành chính - kinh tế ở địa phương) đã cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng bộ để đề ra nhiệm vụ, kế hoạch kinh tế - xã hội,

chương trình hành động và biện pháp thực hiện khá sát hợp. Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện, thị biết tập trung vào những nhiệm vụ then chốt (ưu tiên cho sản xuất và phân phối lưu thông, trước hết là sản xuất nông nghiệp và tổ chức thu mua hàng hóa lương thực, nông sản), do vậy đã ổn định từng bước và giải quyết một phần khó khăn về đời sống của cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và nhân dân lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển. Bộ máy giúp việc trong chính quyền các cấp được chú trọng củng cố, kiện toàn, nhiều cơ quan chuyên môn được sắp xếp lại hợp lý hơn. Phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc của bộ máy chính quyền ngày càng sâu sát cơ sở hơn, giải quyết công việc nhanh hơn, quan tâm đến việc tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong sản xuất và quản lý kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân, nhìn chung còn hình thức; nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân chưa phát huy đúng vai trò, vị trí của đại biểu dân cử; các ban chuyên trách của hội đồng nhân dân hoạt động chưa đều. Công tác chính quyền một số nơi trong điều hành phối hợp hoạt động giữa các lĩnh vực chưa thật đồng bộ như giữa sản xuất và phục vụ sản xuất, giữa sản xuất và phân phối lưu thông phục vụ đời sống. Một số ban, ngành tỉnh chưa làm tốt vai trò tham mưu giúp cấp ủy và ủy ban nhân dân trong lãnh, chỉ đạo nên kết quả còn hạn chế; chính quyền một số nơi năng lực hoạt động còn yếu, nhất là cơ sở chưa vận dụng tốt ba biện pháp trong quản lý kinh tế, xã hội; có nơi nắm chưa vững luật pháp và nặng về hành chính nên còn vi phạm đến quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Theo Nghị định 86 của Hội đồng Bộ trưởng, Tỉnh ủy và Ủy ban đã lãnh đạo triển khai chặt chẽ, quyết định thành lập xong 25 phòng, ban cấp huyện và đã đi vào hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ của nghị định. Tuy nhiên, huyện Kế Sách, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, Thanh Trị mỗi nơi còn 01 đến 02 phòng chưa bổ sung đủ cán bộ theo quy định; toàn tỉnh đã thành lập xong 68 công ty cấp huyện và hoạt động theo chức năng, đạt nhiều kết quả cao.

Năm 1984, Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện đạt kết quả nhiều mặt, nổi rõ là công tác quy hoạch, đã quy hoạch tổng thể xong ngành nông - ngư - lâm nghiệp của tỉnh; hoàn thành quy hoạch tổng thể huyện Long Phú và gần xong đối với huyện Kế Sách, bổ sung quy hoạch thị xã Sóc Trăng, thông qua qui hoạch huyện Kế Sách; đã tiến hành quy hoạch một số thị trấn của huyện và 47 cụm kinh tế kỹ thuật trong toàn tỉnh. Bám vào quy hoạch, từng bước trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đời sống và xây dựng cơ bản có căn cơ hơn. Tuy nhiên, trong công tác quy hoạch, việc phối hợp giữa một số ngành tỉnh, huyện chưa chặt chẽ, một số ngành tỉnh chưa thật quan tâm hoặc chậm giúp cho ngành huyện quy hoạch cụ thể, chỉ đạo lực lượng quy hoạch chưa được thống nhất, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp nên tiến hành chậm. Việc phân công, phân cấp quản lý của ngành tỉnh và cho huyện đã được thực hiện từng bước, nhất là sau Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Đảng đã được xác định, tiếp tục phân cấp bổ sung về thu mua và bán lẻ cho thương nghiệp huyện; Ban quản lý hợp tác xã mua bán thực hiện chức năng chỉ đạo vận động phong trào chấm dứt kinh doanh theo chỉ đạo của tỉnh. Qua đó đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính sáng tạo năng động, tinh thần tự lực tự cường trong công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả thiết thực. Nhưng vẫn còn một số thiếu sót cần tiếp tục khắc phục như tình trạng cục bộ, tùy tiện bỏ nguyên tắc có phát sinh, một số chủ trương chính sách đôn bẩy phối hợp với trung ương nhằm khuyến khích sản xuất và phần vượt kế hoạch chưa thật phù hợp có ảnh hưởng đến việc chủ động trong thực hiện kế hoạch. Tỉnh đã điều động tăng cường cho huyện và cơ sở 120 cán bộ, đề bạt 15 ủy viên thường vụ cấp ủy huyện (có 6 bí thư và phó bí thư, trong đó có tăng cường 2 đồng chí tỉnh ủy viên về làm bí thư huyện ủy), 24 trưởng, phó phòng và 182 giám đốc, phó giám đốc xí nghiệp và công ty cấp huyện. Tuy nhiên, bộ máy cấp huyện

một số nơi còn yếu; một số xã, ấp mới chia ra, lực lượng cán bộ bố trí có mỏng hơn, còn lúng túng trong chỉ đạo công tác lúc đầu.

Trong năm 1984, tuy còn khó khăn về thời tiết, mất cân đối về vật tư, tiền vốn đã tác động trực tiếp đến sản xuất và đời sống gặp khó khăn; với tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực tự cường, Đảng bộ quân và dân trong tỉnh đã có sự nỗ lực quyết tâm rất cao, khắc phục vượt qua giành những thắng lợi quan trọng trên nhiều mặt góp phần đạt và vượt một số chỉ tiêu kế hoạch trọng yếu trong năm, nhất là trong sản xuất nông nghiệp, diện tích và sản lượng đều tăng hơn năm rồi, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu có chuyển biến tốt. Thủy hải sản đánh bắt và nuôi trồng tăng lên rõ rệt. Nhìn chung, trên cơ sở sản xuất, tổng sản phẩm xã hội tăng trên 40%. Trong cải tạo nông nghiệp tiếp tục đi lên khá vững chắc, trong công thương nghiệp đi vào chiều sâu, phân phối lưu thông đã quản lý hàng, tiền mặt nhất là những mặt hàng quan trọng ngày càng chặt chẽ hơn. Việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động, cán bộ công nhân viên chức và lực lượng vũ trang được quan tâm hơn. Điều đáng phấn khởi là việc chỉ đạo các mặt công tác của tỉnh ngày càng đi vào nền nếp và toàn diện hơn, đã tạo ra những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, rút ra những kinh nghiệm tốt cho việc chỉ đạo các mặt công tác trong thời gian tới.

Năm 1985 - là năm kết thúc kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981-1985) lần thứ ba trong cả nước và là năm kết thúc Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh. Xác định được ý nghĩa chính trị quan trọng đó, dù trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, phức tạp nhưng với tinh thần cách mạng tiến công, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã khắc phục để đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh năm 1985, là cơ sở vững chắc làm thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Năm 1985, sản xuất nông nghiệp trong tỉnh gặp nhiều khó khăn, thời tiết không thuận lợi, vật tư sản xuất không đủ và cung ứng không kịp thời, giá hàng nông sản thực phẩm và hàng công nghệ phẩm chênh lệch cao có tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp, làm cho người nông dân suy nghĩ, chưa thật an tâm. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp phải luôn xem sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu, phải chung sức vượt qua khó khăn, đầu tư thêm vật tư, chỉ đạo chặt chẽ các biện pháp kỹ thuật nhất là các khâu cày ải, thủy lợi nội đồng, chỉ đạo giống mới và lịch thời vụ. Bên cạnh đó, tập trung mọi lực lượng, mọi ngành nỗ lực khắc phục sự thiệt hại lớn do ảnh hưởng hạn hán, thiên tai, thiếu phân bón, thuốc trừ sâu, làm năng suất lúa Mùa thường và cao sản bị giảm sản lượng xuống còn gần 100.000 tấn. Được sự chỉ đạo, sự quyết tâm của các cấp, ngành chung sức nỗ lực, đã thâm canh, mở rộng diện tích Đông Xuân, Hè Thu nên sản lượng cũng đạt trên 1.514.000 tấn; một số loại cây công nghiệp (dừa, đay), chăn nuôi đều được giữ vững và phát triển. Bên cạnh đó, một số nơi do bố trí mùa vụ sản xuất và cơ cấu cây trồng chưa thật phù hợp; bị thiên tai làm diện tích gieo trồng lúa bị thiệt hại có ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; diện tích màu và một số loại cây công nghiệp năng suất giảm (mía, đay) có phần do yếu tố giá chưa phù hợp, không có vật tư nhất là thuốc trừ sâu cung ứng nhưng chủ yếu là do sự chỉ đạo ở một số vùng sản xuất thâm canh tăng vụ không rõ, chỉ đạo thiếu tập trung, thiếu sâu sát, nắm nhiệm vụ trung tâm hàng đầu chưa kiên định, lãnh đạo các biện pháp khoa học kỹ thuật chưa tốt nhất là cày ải, lịch thời vụ, giống và thủy lợi... nắm tình hình không chặt, nên giải quyết những khó khăn trong sản xuất không kịp thời.

Theo Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Trung ương Đảng và Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ III là phải hoàn thành cơ bản công tác cải tạo nông nghiệp và công thương nghiệp, phấn đấu đến cuối năm 1985 các cơ sở tiểu thủ công nghiệp được đưa vào hợp tác hóa với hình thức và qui mô thích hợp. Đảng bộ chỉ đạo tập trung đầu tư về nguyên liệu, vật tư, tiền vốn, tăng cường các biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Năm 1985, công tác cải tạo nông nghiệp được tập trung chỉ đạo, đã sớm kết thúc hoàn thành cơ bản hợp tác hóa trước 6 tháng, đã tập thể hóa được 88,29% đất canh tác và gần 90% hộ nông dân. Đi đôi phát triển về số lượng, có kiểm tra chất lượng tập đoàn sản xuất nhằm chấn chỉnh phương hướng sản xuất và quan tâm chỉ đạo khoán sản phẩm, điều hành lao động, củng cố ban quản lý tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ... Từ đó chất lượng được nâng lên, sản xuất tăng và ngành nghề có phát triển; được chỉ đạo điem và nâng lên tổ chức hoạt động khép kín nông - công - thương - tín trong hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Đồng thời, tiếp tục phát triển liên doanh tập đoàn sản xuất tạo điều kiện chuẩn bị đi lên hợp tác xã. Tuy nhiên, từng nơi từng lúc, trong phát triển tổ chức có hiện tượng chạy theo thời gian, chỉ đạo chưa chặt nên diện tập đoàn sản xuất yếu, kém ở một số nơi còn nhiều, đang tiếp tục khắc phục.

Để thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, năm 1985 Bộ Chính trị xác định việc trước tiên cần phải làm là xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa bắt đầu bằng việc thực hiện giá - lương - tiền. Từ ngày 10 đến 17/6/1985, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) đã họp bàn về giá - lương - tiền. Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế tài chính của nước ta từ khi giải phóng miền Nam đến năm 1985 vẫn chưa ổn định, còn kém phát triển; đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, mặc dù nhiều chính sách và biện pháp của Đảng về phân phối lưu thông đã được triển khai thực hiện. Nguyên nhân của tình trạng trên là do Nhà nước ta chưa xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chậm đổi mới chính sách và cơ chế. Vì thế, hội nghị chủ trương dứt khoát xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương là sự đổi mới tự duy trên lĩnh vực lưu thông phân phối, nét nổi bật của nghị quyết là thừa nhận sản xuất hàng hoá và những quy luật của sản xuất hàng hoá.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Đảng về giá - lương - tiền, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá III) tổ chức hội nghị ngày 20/7/1985 ra Nghị quyết số 10-NQ/TU về giá - lương - tiền trong toàn tỉnh. Nghị quyết nhất trí với Trung ương về đánh giá tình hình, mục tiêu và phương hướng giải quyết vấn đề giá-lương-tiền. Căn cứ khả năng thực tế của tỉnh, Hội nghị tiến hành giải quyết giá-lương-tiền trong toàn tỉnh theo hai bước:

Bước 1: Thực hiện phương thức bù tiền vào lương, thay phương thức cung cấp hiện vật một số mặt hàng thiết yếu. Đối tượng cấp bù gồm tất cả các cán bộ công nhân viên, sĩ quan quân đội, lực lượng công an, người ăn theo và một số đối tượng đang được Nhà nước nuôi dưỡng, đến tháng 6/1985 đã thực hiện bù giá vào lương cả 9 mặt hàng. Ngoài ra còn chú ý giải quyết nhà ở cho một số cán bộ khó khăn, trợ cấp đột xuất khó khăn cho gia đình cán bộ công chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang, công an...

Bước 2: Trong khi chờ Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương và Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo chính thức thực hiện về giá - lương - tiền theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Đảng, Ban chỉ đạo giá - lương - tiền của tỉnh, huyện được thành lập, có trách nhiệm tích cực chuẩn bị những phương án hoàn chỉnh của địa phương về mặt bằng giá, quỹ hàng hoá và mạng lưới bán lẻ, quỹ tiền mặt để khi Trung ương có chỉ đạo cụ thể, tỉnh sẽ triển khai kịp thời. Riêng ở tỉnh, trong Ban giá - lương - tiền chia thành ba tiểu ban (tiểu ban phụ trách tiền - hàng; tiểu ban phụ trách về hạch toán kinh tế cho các cơ sở sản xuất và kinh doanh; tiểu ban phụ trách về tổ chức, biên chế, qui hoạch, đào tạo cán bộ cho các ngành làm công tác phân phối lưu thông).

Việc thực hiện giá - lương - tiền ở tỉnh được gắn liền với công tác cải tạo thương nghiệp và quản lý thị trường, tổ chức sắp xếp các chợ, mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu, giữ vững giá cả. Để thực hiện thắng lợi chủ trương thu đổi tiền, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo cho các cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh tập trung cao độ về lực lượng, phương tiện, chấp hành đúng các quy định của Pháp lệnh thu đổi tiền, bảo đảm yêu cầu bí mật, an toàn. Đồng thời, phát động quần chúng, cán bộ, phát hiện kịp thời những bọn xấu tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương của Nhà nước và kiên quyết trừng trị bọn đầu cơ tích trữ, tẩu tán tiền bạc nhằm phá rối, lũng đoạn thị trường. Thi hành chủ trương đổi tiền nghiêm túc, nhanh gọn và ngay từ đầu Tỉnh ủy đã kịp thời phát hiện, có biện pháp xử lý, đôi phó các mặt tiêu cực xảy ra. Kết quả, ngân hàng đã thu về 2,1/5,9 tỷ đồng (tiền cũ), tiền nhỏ không đổi còn lưu thông trên 319 triệu đồng, như vậy tiền di chuyển ra ngoài tỉnh 3,4 tỷ đồng. Qua việc đổi tiền đã bộc lộ một số vấn đề giúp cho Tỉnh ủy tiếp tục nghiên cứu chỉ đạo công tác thu đổi tiền, tỷ lệ bình quân hộ dân không tiền đổi toàn tỉnh chiếm 17,7% (một số xã trên 50%), đời sống người dân nông thôn nhất là vùng độc canh cây lúa còn nghèo gặp nhiều khó khăn; nguồn tiền tồn quỹ cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp và sản xuất kinh doanh quá lớn (chiếm khoảng 25%)... Hệ thống giá mới của trung ương ban hành có nhiều mặt hàng giá cao không hợp lý, Tỉnh ủy đã kịp thời đề xuất với trung ương xem xét giải quyết, đồng thời mạnh dạn điều chỉnh giá thuộc quyền quản lý của địa phương tương đối phù hợp. Về tiền lương có nhiều chỗ chưa thật hợp lý, đã kiến nghị về trung ương và được sửa đổi dần. Nhìn chung giá tăng cao, tiền nhỏ thiếu làm ảnh hưởng đến đời sống và khó khăn trong sản xuất, phân phối lưu thông nên có giảm lòng tin trong cán bộ, công nhân viên chức, chiến sĩ và nhân dân. Việc xây dựng, xét duyệt mặt bằng giá mới quá chậm và không đồng bộ đã gây nên tình trạng “hàng chờ giá” kéo dài, doanh số mua bán giảm sút, tiến độ thu tiền mặt không đạt kế hoạch, nhiều xí nghiệp bế tắc về vật tư, không tiêu thụ được sản phẩm, không có tiền trả lương cho công nhân. Tuy nhiên, Tỉnh ủy kịp thời lãnh đạo chặt chẽ các mặt, làm tốt công tác tư tưởng, củng cố lòng tin của nhân dân vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng cường quản lý thị trường, quản lý giá cả, nên tình hình dần dần ổn định.

Trong sản xuất, đối với các đơn vị kinh doanh, đã quan tâm tiến hành tập huấn và chỉ đạo hạch toán kinh tế từng bước trong đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp đã có 38 đơn vị của tỉnh và huyện, thị xã thực hiện hạch toán kinh tế, kiểm tra thấy một số đơn vị có lỗi là công ty vận tải ô tô, tôm đông lạnh, khóm đông lạnh, gạch Mỹ Xuyên... Đồng thời, tỉnh nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tổ chức hợp lý (theo nguyên tắc giảm một số tổ chức trung gian và giảm biên chế bộ phận không cần thiết nhất là lực lượng gián tiếp để chuyển sang sản xuất - kinh doanh),

bước đầu ở tỉnh giải thể Liên hiệp Công ty cây công nghiệp, chỉ giữ lại Công ty Chuyên doanh cây dứa, ở cấp huyện và tương đương xóa bỏ tổ chức phòng để tăng cường cho Công ty Lương thực và Công ty Thủy sản. Tuy nhiên, trong chỉ đạo thực hiện còn những mặt thiếu sót, nhất là hạch toán kinh tế đề ra nhưng thực hiện chậm, chưa rút ra được nhiều kinh nghiệm phục vụ yêu cầu chỉ đạo chung, nhiều xí nghiệp chỉ đạo chưa tốt, lúng túng về giá thành sản phẩm cao khó tiêu thụ, có xí nghiệp thua lỗ (cơ khí tỉnh). Việc chấn chỉnh, sắp xếp tổ chức còn chậm, đi vào hạch toán kinh tế một số xí nghiệp có khuynh hướng cắt giảm số người hợp đồng để giảm biên chế nhưng Tỉnh ủy kịp thời phát hiện, uốn nắn chỉ đạo kịp thời, đảm bảo sản xuất phát triển và giải quyết công ăn, việc làm để cán bộ, công nhân viên được an tâm (Tỉnh ủy chủ trương giải quyết số người dôi ra là mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh tại mỗi đơn vị; điều sang cơ sở khác nhưng cùng ngành hoặc chuyển sang ngành khác đang thiếu nhân sự; nếu còn dư ra nữa thì cắt biên chế số dôi ra đưa đi học tập bồi dưỡng tay nghề, trình độ nghiệp vụ để chuẩn bị cho yêu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh; chỉ đưa ra khỏi tổ chức số nào không đủ tiêu chuẩn, phẩm chất đạo đức).

Về xây dựng Đảng, Tỉnh ủy quan tâm công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, làm cho Đảng bộ quán triệt các nghị quyết, chủ trương lớn của Đảng và đề ra nghị quyết, chương trình hành động cụ thể, có theo dõi kiểm tra và sơ kết uốn nắn kịp thời khắc phục những sai sót về nhận thức; tăng cường được sự đoàn kết nhất trí trong đảng bộ trên cơ sở đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng. Để chuẩn bị các bước cho Đại hội Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy chỉ đạo các đồng chí trong Ban Thường vụ, Tỉnh ủy viên và các đồng chí lãnh đạo ngành cấp tỉnh luân phiên đi khảo sát giúp huyện chỉ đạo phong trào (Mỹ Xuyên, Mỹ Tú); nhiều huyện ủy đã bố trí các đồng chí trong ban thường vụ ngoài việc phụ trách ngành còn chỉ đạo từng khu vực để chỉ đạo công tác ở cơ sở sâu sát, kịp thời. Đến tháng 7/1985, thị xã Sóc Trăng và các huyện Long Phú, Mỹ Tú, Kế Sách tổ chức đại hội đạt trên 80% cơ sở Đảng; đầu tháng 12/1985, có 14/20 đơn vị (gồm thị xã, 7 huyện, 5 đảng ủy) tổ chức đại hội xong. Bên cạnh đó, Thường trực Tỉnh ủy cùng các đồng chí trong khối xây dựng Đảng tranh thủ xuống cơ sở làm việc với từng huyện xem xét, phân loại cơ sở Đảng vững mạnh (trong 12/14 huyện, thị có 169 cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn)⁽¹⁾ và xem xét chọn cán bộ chủ chốt giới thiệu cho đại hội cơ sở Đảng. Qua khảo sát rút ra một số vấn đề giúp cho huyện chỉ đạo, nổi rõ là nơi nào xây dựng được nghị quyết chu đáo, toàn diện, xác định đúng đắn nhiệm vụ chính trị của địa phương và tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt; quan tâm xây dựng chi bộ - đảng bộ vững mạnh nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở (đặc biệt là đồng chí bí thư, chủ tịch) có năng lực quán xuyến công việc, phẩm chất đạo đức trong sạch, gương mẫu; quan tâm và chỉ đạo sát công tác dân vận, thực hiện tốt việc tôn trọng, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể quần chúng nên phong trào cách mạng mạnh và lập được thành tích tốt.

Công tác phát triển đảng viên đã đi vào nền nếp, làm theo quy hoạch và chú trọng đến thành phần công nhân, nông dân tập thể, cán bộ nữ, người dân tộc. Kết quả phát triển trên 2.100 đảng viên mới (tăng hơn năm 1984), trong đó có 289 nữ, 1.450 là đoàn viên, 51 Khmer, 6 người Hoa, 60 thành phần công nhân và khắc phục 106 ấp trắng⁽²⁾. Tuy công tác phát triển đảng viên, có chú ý về yêu cầu cơ cấu nhưng phát triển đảng viên đối tượng là công nhân, nữ, dân tộc, trong các đơn vị sản xuất kinh doanh và xóa

⁽¹⁻²⁾ Trích “Báo cáo đặc điểm tình hình năm 1985 của Hậu Giang”, số 58.BC/TU ngày 24/12/1985 (các số liệu chưa tách được). Tài liệu lưu giữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng.

ấp trắng vẫn còn chậm, hiện còn 254 ấp và khu vực chưa có đảng viên tại chỗ (một phần do chia thêm ấp). Hoạt động công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết và kiểm tra việc thi hành kỷ luật Đảng, xem xét giải quyết đơn từ khiếu tố trong các tổ chức Đảng cũng được chú ý, đã xử lý kỷ luật 528 đảng viên, hình thức kỷ luật khai trừ và đưa ra khỏi Đảng chiếm 50,5%. Việc xử lý kỷ luật đảng viên nhìn chung rất nghiêm túc nhưng có những trường hợp còn chậm, việc giáo dục, chủ động ngăn ngừa chưa được đề cao đúng mức nên số đảng viên phạm sai sót nghiêm trọng bị kỷ luật nặng còn nhiều (trên 50% số bị kỷ luật). Một số địa phương, ban ngành còn nặng lo những công việc cấp bách khác nên có phần buông lỏng công tác xây dựng Đảng, trong chi bộ - đảng bộ có những sai sót có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng của địa phương và việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của ban ngành.

Về xây dựng chính quyền, cấp ủy quan tâm xây dựng về tổ chức, nâng cao chất lượng và cải tiến lề lối làm việc. Chỉ đạo hoàn thành tốt công tác bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, trong nhiệm kỳ này thành phần nữ được tăng cường; chấn chỉnh sắp xếp ban ngành cấp tỉnh, phòng ban cấp huyện và tăng cường chỉ đạo các công ty kinh doanh, củng cố số cán bộ chủ chốt có sai sót đảm bảo cho tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước, số thành viên Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp lần lượt được bồi dưỡng về công tác chính quyền nên trình độ, năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội có tiến bộ, nhất là Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiều cố gắng chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Đảng về công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội nhiều mặt tiến bộ hơn trước. Lề lối làm việc giữa các khối trong chính quyền nhất là ở tỉnh, huyện, thị xã được cải tiến và giữ được nền nếp, tổ chức tiếp dân, giải quyết đơn từ khiếu tố được quan tâm hơn; công tác ngoại vụ được tổ chức chu đáo, đảm bảo an toàn, các đoàn khách trong, ngoài nước. Bên cạnh còn những tồn tại như chỉ đạo chưa sát tình hình, thiếu sâu sát, chính quyền cơ sở một số địa phương còn yếu kém trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội còn vi phạm quyền làm chủ của quần chúng.

Công tác dân vận, mặt trận và đoàn thể có bước chuyển biến mới. Các cấp ủy quan tâm trong chỉ đạo về công tác dân vận, mặt trận và đoàn thể, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của trung ương, nhất là nghị quyết công tác dân vận của Tỉnh ủy đến tận cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên nắm chắc và thực hiện tốt hơn trước; chuyển hướng chỉ đạo công tác cơ sở, công tác vận động quần chúng vừa chú ý giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, vừa chú ý phục vụ nhiệm vụ chính trị. Chỉ đạo tiến hành tổ chức hội nghị liên tịch phối hợp với chính quyền và các ngành tham gia trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Song song đó, quan tâm công tác củng cố, chấn chỉnh tổ chức cơ sở và phát triển đoàn viên, hội viên được 331.600, nâng tổng số đoàn viên, hội viên từ 54% (năm 1984) lên 59%. Đặc biệt Đoàn Thanh niên đã tổ chức nhiều lớp giáo dục bồi dưỡng phổ cập lý luận Mác - Lê nin nhằm nâng cao chất lượng tổ chức Đoàn và phát triển 15.000 đoàn viên mới. Tuy nhiên, trong năm 1985 công tác dân vận, mặt trận, đoàn thể cũng còn nhiều thiếu sót, vấn đề sinh hoạt và nội dung công tác đoàn thể còn lúng túng (nội dung chính trị gắn với quyền lợi thiết thân) từ đó chất lượng đoàn viên, hội viên chưa được nâng cao. Tỷ lệ phát triển đoàn viên, hội viên còn chậm, riêng phát triển đoàn viên thanh niên giảm 1.500 so năm 1984. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nữ, cán bộ dân tộc, cán bộ công nhân chưa nhiều, cán bộ cơ sở chất lượng còn yếu chưa đáp ứng cho việc giáo dục giác ngộ quần chúng, việc sắp xếp bố trí cán bộ nữ tuy có chú ý nhưng chưa được thỏa đáng. Bên cạnh đó, một số đối tượng quần chúng quan

trọng có nhiều khó khăn phức tạp trong công tác vận động như tôn giáo, dân tộc người Hoa cũng chưa đi sâu nghiên cứu chỉ đạo vận động giáo dục, tổ chức tốt hơn.

Công tác an ninh chính trị, được quan tâm củng cố và xây dựng về mạng lưới an ninh cơ sở, xây dựng đơn vị vững mạnh, thực hiện tốt Chỉ thị cấm uống rượu của Bộ Nội vụ, nên phát huy tốt mặt tích cực và hạn chế tiêu cực trong lực lượng công an. Năm 1985, trên cơ sở quán triệt Chỉ thị số 117 CT/TW và Kế hoạch 14 của Tỉnh Ủy, Công an tỉnh chủ động và kịp thời phá một số vụ án hoạt động phản cách mạng; đặc biệt trong tháng 8/1985 dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục An ninh và Tỉnh ủy, Công an tỉnh phá vụ án với danh xưng tổ chức “Mặt trận Đoàn kết Khmer dưới” còn gọi là Sêrayca. Trong năm 1985, tuy địch có âm mưu hoạt động phá hoại ở nhiều nơi (nhất là các cuộc thu đổi tiền) nhưng đều bị thất bại do lực lượng công an sớm phát hiện ngăn chặn kịp thời, an ninh chính trị được ổn định. Tình hình người trốn ra nước ngoài và tổ chức vượt biên có giảm nhưng đáng chú ý là số người trong tỉnh từng lúc đi khá đông. Vụ việc vi phạm hình sự có giảm hơn trước nhưng những vụ trọng án gây chết người, cướp có vũ trang còn xảy ra nhiều nơi, có vụ gây thiệt hại rất nghiêm trọng (thị xã Sóc Trăng). Công tác quân sự địa phương được quan tâm chỉ đạo; Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết 07 và có sơ kết chỉ đạo tiếp, xây dựng đơn vị Quyết Thắng có nhiều tiến bộ, qua tổng kết bình chọn có 50 xã, 27 đơn vị, 5 huyện, thị xã và 78 cá nhân đạt danh hiệu Đơn vị Quyết Thắng và Huân chương Quyết Thắng các hạng. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, rèn luyện và phát triển, nâng tỷ lệ từ 7 lên 8,75%; công tác quản lý lực lượng quân dự bị được quan tâm hơn, đã tổ chức đăng ký trên 50%, biên chế vào tổ chức và qua nhiều lần tổ chức diễn tập có kết quả tốt. Về tuyển quân, đưa quân vượt yêu cầu 2,5%, chất lượng được đảm bảo; tuy nhiên, việc phát triển dân quân tự vệ, tổ chức đăng ký quân dự bị ở nhiều huyện còn chậm, chỉ đạo chưa tập trung cao. Việc phối hợp hoạt động giữa lực lượng công an, quân sự kết hợp các đoàn thể khá chặt chẽ. Các lực lượng và đoàn chuyên gia giúp bạn kết quả tốt hơn, Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh có quan tâm chỉ đạo và trong từng cán bộ, chiến sĩ các lực lượng có sự nỗ lực lớn.

Tỉnh ủy sớm đề ra nghị quyết về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp từ giữa năm 1984, đặc biệt là từ khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Đảng nên công tác chỉ đạo tập trung, sát hợp với địa phương hơn. Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp phải tổ chức khảo sát để nắm lại hiện trạng tình hình quản lý và sản xuất trong các xí nghiệp, đánh giá tài sản cố định. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý kinh tế theo cơ chế mới cho các chức danh chủ chốt (giám đốc, bí thư đảng ủy, kế toán trưởng và trưởng kế hoạch), đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật và kế toán trưởng tăng cường cho các xí nghiệp; từng bước củng cố và tăng cường bộ máy quản lý, xây dựng đưa một số xí nghiệp mới vào sản xuất (chế biến lông vũ, sây chuối, ép đường, luyện thủy tinh...). Quan tâm sắp xếp lại sản xuất tiểu thủ công nghiệp, phát triển thêm 57 hợp tác xã và 286 tổ hợp tác sản xuất, đến cuối năm đã có trên 63% lao động tiểu thủ công chuyên nghiệp vào làm ăn tập thể. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng các cơ sở công nghiệp địa phương phấn đấu thực hiện giá trị tổng sản lượng 2,932 tỷ đồng (giá cố định năm 1982 tính theo tiền cũ) đạt 88,5% kế hoạch, trong đó công nghiệp quốc doanh chiếm tỷ trọng 19,5%, công nghiệp chế biến nông sản, hàng tiêu dùng và xuất khẩu chất lượng tốt hơn. Song, việc tổ chức chỉ đạo thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy năm chưa thật vững những khâu căn cơ và triển khai chậm; vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu, tiền vốn thiếu, giá cả tăng cao, nhất là đi vào hạch toán kinh tế giá thành đều tăng, nhiều sản phẩm khó tiêu thụ có ảnh hưởng lớn đến sản xuất.

Ngành giao thông-vận tải có sự nỗ lực khắc phục nhiên liệu, phụ tùng sửa chữa đảm bảo phương tiện hoạt động, vận tải hàng hóa đạt 67% và vận chuyển hành khách đạt 146% kế hoạch. Cố gắng duy tu bảo dưỡng và xây dựng cầu đường, hoàn thành nhiều tuyến đường giao thông liên huyện, liên xã phục vụ cho phát triển kinh tế và quốc phòng; phong trào nhân dân xây cầu, bồi lộ ở nông thôn làm được gần 700 km đường liên ấp, liên xóm... nhưng do thiếu vật tư, nhất là thiếu đá và nhựa để tu sửa, nhiều đường liên huyện và nội ngoại ô thị xã sửa rồi cũng bị xuống cấp nhanh; một số vùng nông thôn sâu đường sá đi lại còn khó khăn nhất là vào mùa mưa. Xây dựng cơ bản, tuy có nhiều khó khăn về vốn, vật tư, giá cả nhưng chỉ đạo của Tỉnh ủy tập trung dồn sức vào các công trình trọng điểm đưa tiến độ thi công khá nhanh, sớm hoàn thành một số công trình có ý nghĩa lớn về chính trị, phục vụ phát triển kinh tế và đời sống, xã hội (bệnh viện, trường học, nhà ở cán bộ, công nhân viên, cơ sở chế biến xuất khẩu, giao thông gắn với thủy lợi...) giá trị vốn đầu tư thực hiện đạt 75,2% kế hoạch, trong đó xây lắp đạt 80,25%.

Về bưu điện, đã xây dựng thêm 6 tổng đài tự động, có 1.850 số máy được bổ sung nhưng do hệ thống máy cũ nên chất lượng nhìn chung kém, đường dây cũ hư nhiều, công tác bưu chính có cố gắng nhưng chưa đảm bảo yêu cầu và gần đây giá cước bưu điện tăng, nên một số cơ quan, đơn vị muốn tiết kiệm kinh phí đã tự đi phát hành trực tiếp, nên thông tin truyền tải có lúc nhanh, lúc không kịp thời (do thời tiết, công việc nhiều), ảnh hưởng việc trao đổi thông tin các cấp và hạn chế giao dịch của cán bộ và nhân dân.

Công tác thu-mua, nắm các nguồn hàng, cải tạo công thương nghiệp, quản lý giá cả đều có bước cố gắng trước tình hình thiếu tiền mặt và thị trường giá cả biến động. Hoạt động thương nghiệp và các ngành chức năng khắc phục nhiều khó khăn, huy động nắm nguồn hàng trong địa phương và liên kết kinh tế phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân địa phương, giao nộp về trung ương đạt kết quả khá. Huy động lương thực đến 30/11/1985 được 450.000 tấn, giao nộp trung ương 350.000 tấn đạt kế hoạch điều chỉnh; thu-mua heo đạt chỉ tiêu, cơm dừa đạt trên 80%, đường đạt 70%, trứng đạt gần 70%... Sở dĩ trong năm có một ít mặt hàng thu mua không đạt kế hoạch là do giá cả có phần chưa hợp lý giữa hàng nông sản với giá vật tư phục vụ sản xuất, giá hàng công nghệ phẩm, giá dịch vụ, giá cước giao thông vận tải; khi vào thời vụ thì nguồn tiền thiếu và khó khăn nhất là sau đổi tiền đến cuối năm không đủ tiền lẻ để giao dịch làm ảnh hưởng rất lớn cho mua bán trên thị trường và hoạt động của xã hội.

Các địa phương tích cực đẩy mạnh công tác cải tạo tư thương, tập trung ở thị xã và các thị trấn với nhiều hình thức. Tăng cường củng cố và xây dựng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đã chi phối được 80% bán buôn và 60% bán lẻ, ta nắm được nhiều mặt hàng nông sản chủ yếu, đặc biệt về lương thực Nhà nước độc quyền quản lý chặt chẽ do ta có chính sách bán lương thực cho hộ phi nông nghiệp và hộ vùng chuyên canh tốt hơn nên cơ bản xóa được bán gạo hàng xáo. Cải tạo thương nghiệp nói chung là tốt nhưng vài nơi có biểu hiện nóng vội chạy theo số lượng chưa đảm bảo chất lượng. Công tác quản lý thị trường, giá cả được thực hiện thường xuyên, nhất là từ khi triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Đảng, các cấp chính quyền tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát giá cả, phát hiện gần 1.300 cơ sở vi phạm kỷ luật mua bán (cơ sở quốc doanh 3, cơ sở tập thể 123, cơ sở tư thương 1.155) đã được xử lý, một số vụ đầu cơ tích trữ nâng giá, buôn lậu đã truy tố ra tòa xét xử có tác dụng tốt.

Hoạt động tài chính - ngân hàng phục vụ tốt trong sản xuất, đời sống nhân dân, bằng các hoạt động kinh doanh quay vòng kết hợp với thu thuế, vận động gởi tiền tiết kiệm, mua công trái... trong chín tháng đầu năm 1985, ngân sách địa phương đảm bảo cân đối trong thu - chi. Vào cuối quý III năm 1985, khi Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10 về thực hiện giá - lương - tiền, làm ngân sách địa phương rất căng thẳng, do nguồn thu không có gì thay đổi nhưng giá cả tăng lên nên các loại chi đều tăng, một số huyện và nhiều xã không đủ chi trả lương và chi hoạt động khác, buộc tỉnh phải chi viện hỗ trợ thêm. Đến cuối tháng 11/1985 tổng thu ngân sách địa phương 233,926 triệu đồng đạt 74,3% kế hoạch, tổng chi 237,654 triệu đồng đạt 83%, thực hiện tổng thu tiền mặt 1.018,789 triệu đồng (vượt 45,5% kế hoạch) và tổng chi 1.304.766 triệu đồng (vượt 55% kế hoạch), bội chi 354.977 triệu đồng (phần lớn chi cho thu mua hàng giao nộp về trung ương).

Công tác xuất-nhập khẩu, năm 1985 có nhiều khó khăn khách quan, thị trường thế giới không ổn định, bị ép giá, xuất khẩu SEV chỉ được một số mặt hàng, tỷ giá kết hối vừa qua chưa thích đáng nên có ảnh hưởng đến sản xuất của địa phương. Về chủ quan, ta chưa nghiên cứu hết yêu cầu của thị trường cả hai khối để chỉ đạo tạo ra hàng xuất khẩu ổn định nên thực hiện tổng giá trị xuất khẩu địa phương mới đạt 64,4% kế hoạch, xuất trung ương đạt 89,3%. Từ xuất địa phương đạt thấp nên thiếu ngoại tệ nhập vật tư để tự cân đối phục vụ sản xuất và đời sống.

Về giáo dục-đào tạo và y tế, Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp các ngành quan tâm nên phong trào có bước chuyển mới. Tổng kết năm học 1984 - 1985 chất lượng học sinh tốt nghiệp cấp II, cấp III (cả trung học phổ thông và bổ túc văn hóa) đạt khá cao. Năm học 1985 - 1986, các cấp đều xây dựng thêm cơ sở trường, lớp và số học sinh các cấp học đều tăng từ 8,5 - 19,5%, tuyển sinh các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đạt yêu cầu. Song, vào năm học mới còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất trường lớp, giáo viên, sách giáo khoa đều chưa đáp ứng yêu cầu, mặc dù có nhiều cố gắng nhưng tình trạng lớp học 3 - 4 ca (nhiều nhất là 3 ca) ở vùng nông thôn còn nhiều, trường mẫu giáo thiếu nghiêm trọng, khắc phục chậm. Phong trào vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, điều trị tại cơ sở và phân phối thuốc có khá hơn trước, mở rộng và xây dựng thêm một số bệnh viện, phòng khám được tăng thêm giường điều trị bệnh nhân (riêng công trình Bệnh viện Đa khoa tăng thêm 200 giường). Đã tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm phát huy những điển hình tốt trong quản lý, phục vụ và điều trị bệnh. Phong trào sinh đẻ có kế hoạch được phát động rộng hơn, tỷ lệ phát triển dân số từ 2,4 xuống 2,35%, đặc biệt có một số xã, phường chỉ còn 1,9% nhưng nhìn chung tỷ lệ giảm chưa nhiều. Trong cuối năm 1985, tình trạng thiếu thuốc kháng sinh nghiêm trọng, giá cả lại tăng cao, tuy tỉnh có điều chỉnh nhưng vẫn là mối lo âu đối với người dân.

Phong trào thể dục - thể thao trong tỉnh tiếp tục phát triển, tỉnh chỉ đạo tốt tổ chức Đại hội thể dục - thể thao, vừa phát động phong trào với đông đảo vận động viên tham gia với nhiều bộ môn phong phú, chất lượng khá, trên cơ sở đó chọn người tham gia dự đại hội toàn quốc. Phong trào thể dục buổi sáng và tập dưỡng sinh phát triển mạnh; có quan tâm chăm lo trường năng khiếu đào tạo vận động viên trẻ. Tuy nhiên, phong trào thể dục - thể thao trong nhân dân còn hạn chế, ít người hưởng ứng tham gia, nhất là ở các xã vùng nông thôn, sự chỉ đạo các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động mọi người dân tham gia thể dục, rèn luyện sức khỏe chưa cụ thể, kịp thời. Hoạt động văn hoá - văn nghệ, báo - đài tuyên truyền phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, đặc biệt tuyên truyền cổ động cơ sở có bước phát triển với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn. Riêng

hoạt động văn nghệ có những tiến bộ, nhất là phong trào văn nghệ quần chúng có bước phát triển tốt nhưng giá vé xem văn nghệ cao (tuy địa phương đã giảm 40 - 50% so giá của Bộ Văn hóa và Thông tin qui định), các rạp nhất là chiếu phim có đêm phải trả lại tiền vé vì người xem quá ít, từ đó cần nghiên cứu tính lại giá vé phù hợp để phục vụ tốt quần chúng. Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới được giữ vững và phát triển, có 84% xã, phường vận động xây dựng đạt được nhiều mặt nhưng sách báo, văn hóa phẩm và phương tiện thông tin phục vụ quần chúng vùng nông thôn sâu rất hạn chế.

Công tác thương binh - xã hội, được chỉ đạo hoạt động các mặt tốt hơn, quan tâm thực hiện chính sách hậu phương quân đội; bóc lột sĩ còn rải rác ở các nơi tập trung về nghĩa trang; xây dựng trại an dưỡng thương binh, chú ý chăm sóc sức khỏe và tinh thần cho cán bộ hưu trí, triển khai thực hiện chính sách trợ cấp cho các đối tượng... Nhìn chung, hoạt động này còn yếu, giải quyết chính sách đối với gia đình thương binh - liệt sĩ chưa tốt, còn chậm trễ thực hiện chính sách trợ cấp cho các đối tượng, còn lúng túng trong giải quyết công ăn việc làm cho quần chúng ở thị xã và cả trong công tác quản lý cải tạo đối tượng tệ nạn xã hội. Công tác khen thưởng, Tỉnh ủy chỉ đạo truy tặng khen thưởng cho cá nhân, tập thể qua các thời kỳ, kết quả hoàn thành 43.335 hồ sơ và đề nghị trung ương khen thưởng cho 34.761 đối tượng có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; cuối năm tỉnh đã quyết định cấp Bằng khen cho 2.190 cán bộ, đảng viên thực hiện tốt công tác này. Tiếp tục hoàn thành số hồ sơ của các cán bộ lão thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp để đề nghị trung ương khen thưởng. Đặc biệt, tỉnh đã được trung ương quyết định khen thưởng 48 Huân chương Độc lập các hạng cho các đồng chí lão thành cao tuổi Đảng và đồng chí có nhiều công trạng trong hai thời kỳ kháng chiến, 49 Huân chương Quân công các loại cho các đơn vị, chiến sĩ và sĩ quan trong lực lượng vũ trang.

Công tác khoa học và kỹ thuật các cấp có sự chuyển biến về nhận thức và tổ chức chỉ đạo thực hiện. Tiếp tục ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống nhất là phục vụ sản xuất nông - ngư - công nghiệp, chú ý công tác kiểm nghiệm đo lường và chất lượng sản phẩm. Song song việc xúc tiến công tác điều tra cơ bản tình hình kinh tế xã hội trong tỉnh, chính quyền tỉnh đã thực hiện đẩy mạnh công tác qui hoạch tổng thể các địa phương. Ngoài ra, chính quyền đã tham gia tổ chức nhiều cuộc Hội chợ triển lãm về kinh tế kỹ thuật trong và ngoài tỉnh, nhiều sản phẩm đạt huy chương các loại. Tuy nhiên, trong chỉ đạo nghiên cứu các đề tài khoa học kỹ thuật còn nhiều hạn chế nhất là nghiên cứu đề tài khoa học xã hội chưa được tập trung cao và phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác nghiên cứu đề tài chưa tốt.

Trong năm 1985, về khách quan tỉnh gặp nhiều mặt khó khăn, sự phát triển chưa thật toàn diện, chưa đồng đều giữa các địa phương, các ngành, do một số địa phương, ban ngành chưa xác định thật đúng đắn và chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị địa phương. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực chủ quan cao của Đảng bộ và quân, dân trong tỉnh và sự chỉ đạo của Trung ương nên tình hình chung các mặt của tỉnh tiếp tục được giữ vững và có những tiến bộ trên nhiều lĩnh vực.

Bước sang năm 1986, là năm đầu kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990), là năm tiến hành đại hội từ cơ sở, huyện, tỉnh. Nhiệm vụ trong năm 1986 là phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội V, các nghị quyết tiếp theo của trung ương và địa phương nhằm tạo ra sự chuyển biến mới làm cơ sở cho thực hiện thắng lợi nghị quyết, kế hoạch năm năm của Đảng và Nhà nước. Ngày 13/01/1986, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị mở rộng

đến các đồng chí trưởng, phó đầu ngành cấp tỉnh (không phải là cấp ủy viên), trong hội nghị đã thảo luận Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 9; đánh giá lại tình hình năm 1985 và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong năm 1986. Sau đó, hội nghị thảo luận về sắp xếp tổ chức bộ máy (các ban, ngành cấp tỉnh, huyện, xã), giảm biên chế theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 8 của Trung ương.

Nông nghiệp luôn được xác định là mặt trận hàng đầu, phải có biện pháp tích cực, tạo điều kiện đẩy mạnh sản xuất phát triển đi đến ổn định đời sống nhân dân. Trong năm, tổng sản lượng lúa đạt 1.481.683 tấn, giảm 0,27%. Mặc dù, tỉnh có nhiều nỗ lực lo chạy vật tư, làm thủy lợi (đầu tư 58,8 triệu đồng, huy động hơn 6 triệu ngày công, đào đắp 14,8 triệu mét khối đất, mở mới được 17.285 ha và củng cố nâng chất được 101.120 ha thủy lợi cơ sở) chỉ đạo áp dụng các biện pháp kỹ thuật liên hoàn nhưng sản lượng lúa không đạt 1,6 triệu tấn theo kế hoạch, do diện tích, năng suất, sản lượng vụ Hè Thu và vụ Mùa không đạt vì năm 1986 mưa muộn một tháng ảnh hưởng đến cây vỡ đất và xuống giống; đầu vụ và giữa vụ bị nắng hạn nhiều đợt; sâu bệnh phát triển trên diện rộng, thiếu phân bón, thuốc sâu và sức kéo. Riêng vụ Đông Xuân 1985-1986 vượt kế hoạch về diện tích, năng suất, nên sản lượng tăng 13,7% (32.633 tấn) so với các vụ trước.

Gắn với sản xuất, các địa phương đã quan tâm củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa. Trong những tháng đầu năm 1986, đã có 3.328 tập đoàn sản xuất, đào tạo thêm được 5.930 cán bộ quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật viên nông nghiệp; phát triển mới được 6 hợp tác xã, 214 tập đoàn sản xuất, 82 liên doanh tập đoàn, nâng tổng số toàn tỉnh lên 43 hợp tác xã, 7.436 tập đoàn sản xuất, 285 liên doanh tập đoàn, tập thể hóa 92,61% diện tích canh tác lúa. Song, chất lượng còn yếu, số tập đoàn yếu kém trên 30%; tệ lán chiếm ruộng đất ở nông thôn tuy đã ngăn chặn và xử lý một bước nhưng còn phức tạp ở nhiều nơi. Nghị quyết phát triển kinh tế gia đình của Tỉnh ủy đã được triển khai ở các địa phương, một số nơi đã thu được kết quả nhưng ở nhiều nơi chỉ đạo chưa tốt.

Công tác điều động lao động và dân cư có tiến bộ, đã điều động từ các huyện, thị trấn, vùng tập trung đông dân vào các vùng sâu, thưa dân được 2.207 hộ, 5.316 lao động, 12.161 nhân khẩu, so với kế hoạch cả năm vượt 12,8% về lao động, 3,3% về nhân khẩu, tăng gấp 3-4 lần số điều động năm 1985. Những nơi dân chuyển đến đã đầu tư được 12,4 triệu đồng (trong đó trung ương 3 triệu đồng, tỉnh là 4 triệu) xây dựng được một số trường học, trạm xá, kênh mương, thủy lợi, đường giao thông phục vụ sản xuất và đời sống. Song, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn cần tiếp tục chỉ đạo, giúp đỡ phát triển sản xuất và ổn định đời sống lâu dài ở cơ sở mới.

Ngành thủy sản, hoàn thành vượt mức kế hoạch đánh bắt, thu mua, chế biến và ngoại tệ xuất khẩu; trong năm 1986 sản lượng khai thác tăng 3,5%, thu mua tăng 4,2%, chế biến tăng 28%, thu ngoại tệ xuất khẩu tăng 14% so với năm 1985. Diện tích nuôi trồng tôm, cá được 14.760 ha đạt 88,8% kế hoạch, tăng 11% so với năm 1985. Giá trị ngoại tệ thu được từ con tôm khai thác nuôi trồng nội địa chiếm 2/3 trong tổng giá trị xuất khẩu. Công ty xuất khẩu thủy sản đã làm đông lạnh thử các loại cá lóc, cá bống, mực, ếch, cua, lươn để giới thiệu ra thị trường ngoài nước tiêu thụ. Song, đầu tư nuôi trồng thấp (đạt 5,27 triệu đồng), chỉ đạo nuôi trồng yếu. Đoàn tàu quốc doanh đánh bắt cá chỉ đạt hơn 40% kế hoạch đánh bắt do chậm chuyển về hoạt động ở vùng biển tỉnh nhà; chưa bảo đảm phục vụ hậu cần cho đánh bắt, chế biến (nhất là đá ướp đông) nên

chất lượng chế biến chưa cao, một số lô hàng phải tái chế lại do xuống cấp. Công tác cải tạo ngành nghề cá chưa được quan tâm đúng mức.

Lâm nghiệp, diện tích trồng rừng tập trung đến giữa tháng 11/1986 được 1.181 ha, chỉ đạt 36% kế hoạch do tổ chức chỉ đạo yếu, vỡ đất và dọn bãi chậm. Trồng cây phân tán đạt kế hoạch, số gỗ của năm 1985 còn lại mới vận chuyển về tỉnh được hơn 80% gỗ theo kế hoạch, số còn lại chưa chuyển về tỉnh, do cuối quý I/1986 trung ương mới giao kế hoạch nhận; các tỉnh không có gỗ giao sớm, khi giao và làm xong thủ tục chuyên tiền thì vào mùa mưa nên không chuyển được. Nhìn chung, trồng rừng tập trung yếu, trồng cây phân tán hiệu quả thấp, tiêu cực trong giao nhận, vận chuyển gỗ còn nhiều. Các nhà thầu tổ chức vận chuyển gỗ và các cơ sở chế biến gỗ tư nhân yếu.

Sản xuất công nghiệp địa phương, mặc dù thiếu gay gắt về vật tư, nguyên liệu, hóa chất và điện nhưng nhờ đẩy mạnh liên kết kinh tế với các tỉnh bạn, nên sản xuất vẫn phát triển và làm thêm được nhiều sản phẩm mới. Giá trị sản lượng đạt 370,5 triệu đồng, vượt 2,9% kế hoạch, tăng 9,6% so với năm 1985; trong đó công nghiệp quốc doanh đạt 94%, tiêu thủ công nghiệp đạt 105,6% kế hoạch. Các sản phẩm mới quan trọng là xi măng, dệt bao đay, ống dẫn nước, máy kéo sợi dứa; bên cạnh đó, ngành thủ công đã phát triển thêm được 30 hợp tác xã, 163 tổ hợp tác, thu hút 4.900 lao động, nâng tỷ lệ lao động thủ công đi vào làm ăn tập thể chiếm 61% số lao động thủ công toàn tỉnh. Tuy nhiên, kết quả chỉ sử dụng khoảng 50% công suất của thiết bị máy móc; chế biến phụ phẩm chưa đẩy lên được. Các xí nghiệp đã thực hiện hạch toán kinh tế nhưng đang rất lúng túng và khó khăn do cán bộ quản lý và nghiệp vụ yếu, giá cả vật tư phải mua ngoài không ổn định. Công tác Đảng ở cơ sở chuyên biến chậm. Cuối tháng 8/1986, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy từ tỉnh đến các huyện, thị thành lập các ban chỉ đạo và các đoàn cán bộ đi chỉ đạo điểm cơ sở. Tỉnh chuẩn bị sơ kết, vướng mắc chính là các văn bản, thông tư, hướng dẫn của ngành và liên ngành ra chậm, không đồng bộ, chưa cụ thể, thậm chí còn mâu thuẫn với tinh thần nghị quyết đề ra nên rất khó thực hiện.

Xây dựng cơ bản thực hiện đạt 501,9 triệu đồng (trong đó xây lắp 274,9 triệu đồng chiếm 53,7%), và chi cho các công trình trọng điểm 262,6 triệu đồng. Vượt kế hoạch cao về giá trị do trượt giá và lắp đặt thiết bị, còn khối lượng xây lắp thì chưa đạt kế hoạch do thiếu gay gắt về vật liệu xây dựng; đến cuối năm có 22/65 công trình và hạng mục công trình hoàn thành đưa vào sử dụng. Năng lực sản xuất mới tăng lên rõ rệt trong các ngành chế biến xuất khẩu thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Sở Nhà đất làm thêm được 13.000m² nhà cho cán bộ công nhân viên Nhà nước. Tuy nhiên, kế hoạch xây dựng đầu năm chưa tính đúng, tính đủ do không lường trước được tình hình trượt giá, thiếu vốn, vật liệu xây dựng nên công trình dở dang còn nhiều, vượt kế hoạch đầu tư lớn có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế - xã hội khác.

Giao thông vận tải, vận tải hàng hóa và hành khách đều vượt kế hoạch và tăng hơn năm 1985 do tỉnh tự lực chạy thêm xăng dầu, xăng lóp, phụ tùng sửa chữa. Về cầu đường, Nhà nước đã đầu tư 35,9 triệu đồng (gấp 2,6 lần kế hoạch) cho làm mới 97 mét cầu bê tông, nâng cấp 35 km đường trong tỉnh... Về giao thông nông thôn, huyện và xã đã bỏ ra hàng trăm ngàn đồng, 1,8 triệu ngày công để đào đắp 2,4 triệu mét khối đất làm 481.958m đường từ 01- 10 mét, 1.029m cầu trục bê tông, trục gỗ lót đan và ván ong, phương tiện vận tải và cầu đường xuống cấp nhanh do chăm sóc quản lý yếu, thiếu phụ tùng thay thế, thiếu vật liệu như đá, đất đỏ, nhựa đường để duy tu bảo dưỡng. Chậm khắc phục vận tải một chiều, tiêu cực trong vận tải hàng hóa và hành khách còn nhiều.

Ngành bưu điện, hoàn chỉnh tuyến thông tin giữa tỉnh với một số huyện; chất lượng thông tin bưu chính và điện được nâng lên một bước góp phần phục vụ tốt đại hội Đảng các cấp. Tổ chức bộ máy gián tiếp tỉnh giảm từ 7 phòng, ban xuống còn 3 phòng, ban; cán bộ quản lý từ 72 xuống còn 42 người. Song, qua đợt sắp xếp tụy gọn, nhẹ nhưng bước đầu về chất lượng hoạt động và phục vụ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, tỉnh đã có chủ trương và biện pháp để khắc phục những sai sót trong việc thực hiện Nghị quyết lần thứ 8 của Đảng, đẩy mạnh sản xuất, nắm các nguồn hàng, tiền mặt của Nhà nước để làm nghĩa vụ với trung ương và phục vụ sản xuất, đời sống ở địa phương. Tuy nhiên, do giá cả tăng vọt, đồng tiền mất giá, thị trường tiếp tục biến động xấu, trung ương điều chỉnh giá thu mua chậm và không thỏa đáng, các huyện và ngành được giao chức năng thu mua nhưng tổ chức mạng lưới thu mua yếu, có lúc buông lỏng quản lý giá cả thị trường, nên hầu hết các chỉ tiêu thu mua và giao nộp lương thực thực phẩm, hàng xuất khẩu không đạt kế hoạch. Về xuất-nhập khẩu, giá trị ngoại tệ xuất khẩu trong 11 tháng năm 1986 được 15,5 triệu rúp-đôla, đạt 67,5 % kế hoạch (giảm 9,4% so với năm 1985). Trong đó, xuất trung ương đạt 78,2% kế hoạch, xuất địa phương đạt 61,9% kế hoạch); không đạt kế hoạch xuất do nguồn hàng ít, không tập trung và ổn định, giá mua và tổ chức thu mua không phù hợp để một khối lượng hàng chạy ra ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, nguồn hàng ít và không tập trung do chỉ đạo và đầu tư vùng chuyên canh chưa đúng mức; một số hóa chất, nguyên liệu nhập về chậm đã ảnh hưởng đến sản xuất một số ngành.

Về ngân hàng-tài chính, trong những tháng đầu năm 1986, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung cho thu mua nông sản thực phẩm, chi lương và các khoản có tính chất lương do giá cả tăng, đồng tiền mất giá, làm ảnh hưởng đến nguồn chi của tỉnh. Chỉ số dư tiết kiệm cuối năm 1985 không đạt kế hoạch do đồng tiền mất giá, lãi suất tiền gửi thấp, dân không chịu gửi mặc dù từ tháng 3/1986 đã nâng lãi suất tiền gửi từ 2% lên 4,6% tháng. Hợp tác xã tín dụng yếu cả về tổ chức và hoạt động. Cơ chế hoạt động của ngân hàng chậm đổi mới ảnh hưởng đến hoạt động của nền kinh tế; hầu hết các cơ sở sản xuất kinh doanh, các đơn vị hành chính sự nghiệp thiếu vốn và kinh phí để hoạt động thường xuyên theo tình hình trượt giá. Chi xây dựng cơ bản vượt kế hoạch, chiếm khoảng 30% tổng chi ngân sách đã ảnh hưởng đến các yêu cầu chi tiêu khác. Giá cả thị trường diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng xấu đến các hoạt động kinh tế - xã hội. Hiện tượng tranh mua, giành bán, thu mua hàng qua thương lái; bán hàng trợ giá trong thu mua đã đẩy giá thị trường lên cao. Chỉ số giá tăng bình quân từ tháng 10 đến tháng 11/1986 là 6,3 lần, tốc độ tăng bình quân 11 tháng là 326% (tăng mức cao nhất từ 10 năm 1976-1986), hoạt động của thị trường có tổ chức yếu cả về kinh doanh và phục vụ; công tác cải tạo thương nghiệp, quản lý giá cả thị trường yếu, có lúc buông lỏng làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống.

Về chăm lo đời sống, các cấp ủy Đảng và chính quyền luôn quan tâm chăm lo đời sống nhân dân, nhưng do sản xuất phát triển chậm, giá cả tăng vọt, đồng tiền mất giá nhiều nên đời sống cán bộ, công nhân viên chức, nhân dân lao động khó khăn hơn trước. Tiền lương thực tế của người ăn lương và thu nhập thực tế của nông dân vùng độc canh giảm nhiều, vẫn còn trên 45.000 người ở thành thị chưa có việc làm.

Về giáo dục, y tế: Năm học 1985 - 1986 kết thúc thắng lợi trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn. Năm học 1986-1987 số học sinh phổ thông đến lớp đạt 97,4% kế hoạch,

tăng 5,2% so với năm trước; số học viên bổ túc văn hóa đạt 145,7% (tăng 56,5%), số người được tuyển vào đại học tăng 17,8%, trung học chuyên nghiệp tăng 10,6%, công nhân kỹ thuật giảm 50,7% so với năm trước, đã nhận thêm 1.213 giáo viên, xây dựng 600 phòng học, đóng mới 4.800 chỗ ngồi. Song, vẫn còn 2.803 lớp còn học 3 ca (trong đó có một số lớp phải học 4 ca) thiếu 50% sách giáo khoa cải cách giáo dục lớp 6 phổ thông. Cuộc sống của giáo viên vùng nông thôn còn gặp nhiều khó khăn.

Phong trào phòng chống dịch bệnh được quan tâm phát triển, công tác tiêm chủng mở rộng đạt kế hoạch 35% số xã, phường nên dịch tả, sốt xuất huyết giảm hơn các năm 1985. Tuy nhiên, hoạt động y tế ở cơ sở yếu; phong trào vệ sinh môi trường (nhất là nước uống) chưa được giải quyết cơ bản nên bệnh đường ruột và bệnh nhiễm trùng chưa giảm. Sức khỏe của một số người dân giảm sút đặc biệt tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao (trên 20%). Chất lượng điều trị và tinh thần thái độ phục vụ của một số thầy thuốc kém; chưa có phát động phong trào trồng cây dược liệu và sử dụng rộng rãi thuốc đông y trong nhân dân. Phong trào thể dục thể thao tiếp tục phát triển ở cơ sở, trong trường học. Kết quả thi đấu thể thao có tiến bộ, 2 đội bóng rổ của tỉnh chuyên lên hạng A1 toàn quốc. Song, phong trào thể dục thể thao không đều, chưa có nền nếp. Trình độ kỹ thuật và chiến thuật trong thi đấu chưa được đào tạo, bồi dưỡng nên trong các môn thể thao kết quả thi đấu đạt thấp.

Các ngành văn hóa-thông tin, báo-đài có bước cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động và hướng về nông thôn phục vụ. Mạng lưới về nhà văn hóa, nhà truyền thống, thư viện, hiệu sách, phòng đọc sách báo được mở rộng thêm và số người đến sinh hoạt đông hơn trước. Cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở đã hoàn thành (được Bộ Văn hóa công nhận) có 98,85% số gia đình đạt 3 tiêu chuẩn trở lên. Tỉnh đã tổ chức triển lãm văn hóa dân tộc Khmer tại tỉnh và tham gia triển lãm Văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ trong những ngày Hội Văn hóa dân tộc Việt Nam ở Thủ đô Hà Nội có kết quả tốt. Tuy nhiên, ở nông thôn cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền còn ít, mức hưởng thụ văn hóa còn thấp. Các chủ trương chính sách, luật pháp tuyên truyền ra quần chúng nhân dân còn rất chậm, lại không được tổ chức học tập, tuyên truyền, giải thích chu đáo.

Công tác thương binh-xã hội, việc xác nhận liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng, làm thủ tục hưu trí mất sức, bảo hiểm xã hội, trả trợ cấp đã có bước cải tiến và thực hiện khẩn trương hơn trước. Tỉnh chỉ đạo xây dựng và cấp gàn 100 căn nhà cho các đồng chí đã được công nhận anh hùng quân đội, gia đình liệt sĩ, gia đình có Huân chương Độc lập. Các huyện và xã đã cung cấp vật liệu xây dựng để làm 200 căn nhà tình nghĩa. Song, công việc bốc mộ liệt sĩ, xác nhận gia đình có công chưa đạt theo kế hoạch, do tổ chức chỉ đạo yếu. Việc chi trả tiền trợ cấp đã đưa về hầu hết ở xã, phường nhưng vẫn còn chậm do khâu chuyển tiền từ trên xuống chậm, cần khắc phục sớm.

Về công tác thi đua khen thưởng, sau hơn hai năm triển khai công tác khen thưởng chính sách 3 thời kỳ ở tỉnh, đến 15/11/1986 đã cơ bản hoàn thành, tỉnh đã xét duyệt và gửi về trung ương là 57.867 hồ sơ, trung ương đã duyệt và ra quyết định khen thưởng được 51.557 huân chương các loại và Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng. Riêng tại tỉnh, Ủy ban nhân dân đã xét và quyết định tặng 3.420 Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh cho cá nhân, tập thể đủ tiêu chuẩn.

Công tác khoa học kỹ thuật, đã cơ bản hoàn thành quy hoạch kinh tế - xã hội, phân bố lực lượng sản xuất, thông qua Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng để làm cơ sở cho

kế hoạch kinh tế - xã hội (1986-1990); điều tra cơ bản chương trình 60-02 và 70-01 giúp cho tỉnh có cơ sở xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội những năm sắp tới. Trong những tháng đầu năm 1986, đã triển khai 12 đề tài mới, đã hoàn thành 22 đề tài (của năm 1985). Ban Khoa học - kỹ thuật tỉnh đã tổ chức 7 lần sinh hoạt Câu lạc bộ Khoa học - kỹ thuật, xét duyệt khen thưởng 3 sáng kiến (2 bậc 10 và 1 bậc 1), kiểm định 468 dụng cụ đo lường và quản lý 160 sản phẩm có đăng ký chất lượng sản phẩm. Song, triển khai các đề tài còn chậm do thủ tục phức tạp, qua nhiều khâu mới có được vốn, vật tư; chưa sử dụng hết lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật trên địa bàn tỉnh, do tổ chức bộ máy quản lý và công tác kế hoạch yếu.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội, tỉnh gặp nhiều khó khăn, phức tạp về mặt trận tư tưởng và kinh tế, do địch lợi dụng những sai lầm và khó khăn của ta, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý tuyên truyền kích động quần chúng gây nghi ngờ, thiếu niềm tin vào chế độ; đồng thời ngấm ngấm củng cố và lập ra một số tổ chức phản động trong các tôn giáo và dân tộc Khmer. Âm mưu của chúng trước mắt là phá rối về an ninh trật tự (có trên 20 vụ rải truyền đơn và khẩu hiệu), về lâu dài là nhằm lật đổ chính quyền cách mạng. Tình hình trên, Đảng bộ tỉnh quán triệt và nhấn mạnh việc nắm chặt hai nhiệm vụ chiến lược, phát huy sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản, lực lượng công an, quân sự làm vai trò nòng cốt. Lực lượng công an tổ chức trấn áp kịp thời âm mưu phá hoại của địch, đã phát hiện và phá 5 tổ chức phản động, trong đó có tổ chức “Chí nguyện đoàn phụ quốc Việt Nam”, bọn phản động hoạt động có tính chất chiều sâu và nguy hiểm. Về trật tự xã hội, số người trốn ra nước ngoài tăng 10,92% so với năm 1985, trong đó người tại địa phương tăng 16,32%, nhiều nhất là huyện Long Phú có trên 800 người. Ta đã ngăn chặn bắt được 1.551 người (trốn thoát 135 người). Vụ việc phạm pháp tăng nhất là nạn trộm cắp tài sản của công dân. Trọng án tuy có giảm nhưng tính chất cũng còn khá nghiêm trọng đã làm chết và bị thương 32 người. Hoạt động của bọn đầu cơ, buôn lậu cũng tăng lên làm cho trật tự xã hội, nhất là trên mặt trận kinh tế càng phức tạp thêm. Ta kiên quyết trừng trị, bắt giữ 1.184 tên phạm pháp đưa ra xử lý trước pháp luật kịp thời, nhất là bọn tội phạm nguy hiểm như cướp của, giết người (xét xử 31/34 vụ, tử hình 8 tên) góp phần ngăn ngừa và giữ gìn an ninh trật tự xã hội trong tỉnh.

Phong trào an ninh bảo vệ Tổ quốc trong tỉnh tiếp tục được giữ vững và phát triển nhiều mặt. Ngành công an sau đợt tự phê bình và phê bình có tiếp thu và sửa chữa sai lầm khuyết điểm như việc bắt giam giữ người không đúng luật pháp được hạn chế, xử lý những trường hợp sai phạm trong ngành được nghiêm minh hơn. Tuy nhiên phong trào phát triển chưa đều, nhất là trong chống kiểu chiến tranh tâm lý của địch hiệu quả còn thấp, chưa kịp thời; lực lượng công an quân sự ở cơ sở (xã, phường) có được củng cố nhưng còn nhiều nơi chưa làm thật tốt việc bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân để yên tâm sản xuất. Công tác quốc phòng, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy về công tác quân sự địa phương, về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được 250.000 quân (củng cố đưa ra 10.400 quân, phát triển mới 50.800 quân), số này có trên 120.000 lực lượng chiến đấu, đạt yêu cầu về số lượng, đã sắp xếp biên chế từ tiểu đội đến tiểu đoàn. Tổ chức đăng ký được 13.575 quân dự bị I. Hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 1986, vận động 6.118 thanh niên nhập ngũ đạt 100,29% chỉ tiêu (các huyện, thị đưa quân đạt và vượt yêu cầu; còn huyện Mỹ Tú chưa đạt chỉ tiêu giao).

Công tác xây dựng Đảng dần đi vào nề nếp toàn diện cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tỉnh ủy chỉ đạo toàn Đảng bộ quán triệt các nghị quyết và chủ trương của trung ương, của Tỉnh ủy; đặc biệt, đóng góp dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp

hành Trung ương Đảng lần thứ VI. Gắn với đợt sinh hoạt chính trị, Đảng bộ thực hiện nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình theo tinh thần Chỉ thị 79, 80 của Ban Bí thư từ Ban Chấp hành Đảng bộ đến cơ sở Đảng, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực; sau đợt sinh hoạt sâu rộng đã tạo được sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ và sự tin tưởng của quần chúng đối với Đảng. Qua đợt chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy huyện, thị có những tiến bộ bước đầu, đổi mới được cách nghĩ, cách làm để phát huy đúng mức tiềm năng kinh tế của địa phương với ý thức tự lực, tự cường khắc phục khó khăn mà địa phương tự giải quyết được, không trông chờ ỷ lại vào cấp trên như trước; phong cách lãnh đạo có sâu sát hơn đối với cơ sở và đề ra được qui chế làm việc của cấp ủy. Công tác phát triển đảng viên, tính đến 20/11/1986 kết nạp 1.985 đảng viên trong đó có 1.273 đoàn viên thanh niên, 219 nữ, 101 Khmer, trong số này có 16 đồng chí là thành phần công nhân, 60 đồng chí có trình độ đại học. Song, năm 1986 phát triển đảng viên chỉ bằng 93,76% so năm 1985, do còn chậm khâu xét duyệt nhất là ở cấp huyện. Về củng cố cơ sở Đảng vững mạnh, đã ra quyết định kỷ luật 791 đảng viên trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 354 (chiếm 44,75%), riêng đợt tự phê bình và phê bình số cán bộ đảng viên bị xử lý chiếm 43,99%. Số đảng viên bị sai phạm phần lớn là do bê tha công tác, bỏ sinh hoạt chiếm 31,98%; lợi dụng chức quyền tham ô, móc ngoặc làm ăn phi pháp chiếm 7,56%, đáng chú ý là số thoái hóa biến chất về lối sống tăng 9,86% so năm 1985. Tình trạng bao che dẫn đến sai lầm tập thể qua đợt tự phê bình và phê bình phát hiện có 10 tổ chức cơ sở Đảng (12 xã, 1 ngành) có trên 2/3 cấp ủy viên bị kỷ luật. Việc sửa chữa khuyết điểm nhiều nơi còn dừng lại sau đợt tự phê bình và phê bình, nên chưa giải quyết dứt điểm những sai sót, thậm chí có trường hợp trừ dập lại người dám phê bình gây ảnh hưởng không tốt trong tổ chức Đảng và quần chúng. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ đã có nhiều cố gắng nhưng so với yêu cầu vẫn còn chậm. Công tác giảng dạy vẫn còn dừng lại ở lý luận chung, chưa bám sát giải quyết yêu cầu thực tiễn đang đặt ra là cần phải cải tiến để chất lượng giảng dạy đạt kết quả tốt hơn (kể cả hệ tập trung và tại chức).

Công tác xây dựng chính quyền, đã sắp xếp xong bộ máy và biên chế cấp xã, huyện, một số ngành quản lý cấp tỉnh theo hướng gọn, mạnh, đi vào hoạt động theo chức năng quản lý hành chính kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh ngày càng tốt hơn. Việc vận dụng theo cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý”, tỉnh đã đề ra quy chế làm việc và sự phối hợp hoạt động giữa Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và Mặt trận đã phát huy khá tốt trong việc vận động quần chúng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện tổ chức tiếp dân có nề nếp hơn trước, đã nhận trên 10.000 đơn của quần chúng gửi đến cơ quan Đảng và Nhà nước cấp tỉnh, giải quyết dứt điểm một số vụ đạt 52% (trong đó nhiều vụ tồn đọng từ 2 - 3 năm). Tuy nhiên, còn tình trạng đơn từ của quần chúng gửi đến vẫn còn bị đùn đẩy, chuyển từ nơi này đến nơi khác không được giải quyết; một số nơi chưa quan tâm đúng mức đến nguyện vọng và sự đòi hỏi chính đáng của quần chúng, thậm chí có một số cán bộ khi giải quyết còn những nhiều dân, còn xem thường pháp luật. Mặt yếu của chính quyền là thiếu quan tâm chăm lo đời sống của quần chúng, tệ quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng còn phổ biến nhiều nơi, dân còn thiếu tin vào sự công bằng của chính quyền, nhất là một số nơi ở cấp cơ sở và huyện, cho nên phần lớn đơn từ còn vượt cấp dồn về tỉnh. Để giải quyết tình trạng trên, tỉnh chỉ đạo các cấp tổ chức nhiều cuộc họp và xử lý kỷ luật 1.417 cán bộ, công chức, bãi miễn 104 đại biểu hội đồng nhân dân xã, phường.

Công tác vận động quần chúng, tiếp tục thực hiện Chỉ thị 53.CT/TW của Ban Bí thư về công tác dân vận, Đảng bộ luôn quán triệt công tác vận động quần chúng là một trong hai khâu then chốt của Tỉnh ủy đề ra; đặc biệt là quán triệt quan điểm “Lấy dân làm gốc” từ đó công tác tuyên truyền, giáo dục vận động quần chúng ở các cấp có được quan tâm hơn. Các đảng bộ, chính quyền tự phê bình trước dân, được đông đảo quần chúng nhiệt tình tham gia có trên 54% cử tri đóng góp gần 300.000 ý kiến và 746 thư góp ý. Qua đó, cho thấy nơi nào chính quyền tiếp thu tốt ý kiến phê bình của quần chúng và sửa được sai lầm khuyết điểm thì nơi ấy khí thế phong trào cách mạng được chuyển biến rõ nét. Song, tâm trạng của quần chúng còn nhiều băn khoăn về đời sống kinh tế chưa được ổn định, nhất là trong nông dân chưa hài lòng đối với Đảng về một số chủ trương và chính sách như thuế nông nghiệp, giá cả mua hàng nông sản, giá vật tư, giá hàng hóa công nghiệp và nông nghiệp không ổn định nên họ thiếu phấn khởi trong sản xuất, mong muốn Đảng sớm có chính sách tốt hơn.

Năm 1986 tỉnh đạt được nhiều thành tựu, về nông nghiệp phát triển toàn diện, đi vào thâm canh tăng vụ, chuyển biến quan trọng là tình hình mở rộng vùng và diện tích lúa Mùa, Đông Xuân, Hè Thu cao sản. Các loại cây công nghiệp phát triển; thủy sản là thế mạnh thứ hai của tỉnh đạt kết quả tốt; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã có một bước sắp xếp lại theo hướng phục vụ nông nghiệp, thủy sản, xuất khẩu và phục vụ đời sống; giao thông vận tải phát triển khá; bưu điện đã phục vụ kịp thời cho cấp ủy chỉ đạo và yêu cầu thông tin của nhân dân; xây dựng cơ bản dồn sức phục vụ yêu cầu phát triển sản xuất, văn hoá, xã hội. Phân phối lưu thông nhanh chóng khắc phục được khó khăn, từng bước ổn định lại giá cả thị trường. Công tác giáo dục, y tế, thể dục thể thao chăm lo đời sống nhân dân lao động nghèo có những tiến bộ, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng đạt những tiến bộ góp phần quan trọng thực hiện kinh tế-xã hội của tỉnh. An ninh quốc phòng có nhiều tiến triển tốt, đảm bảo giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân trong tỉnh. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể mặt trận có sự chuyển biến tích cực.

Trong những năm 1976 - 1986, Đảng bộ và quân dân trong tỉnh đã đạt nhiều thành tựu lớn, nhiều mặt đi vào căn cơ, bước đầu tạo được nhân tố mới, có những kinh nghiệm giúp cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh trong thời gian tiếp theo. Trước hết, nhờ tinh thần yêu nước cách mạng, cần cù sáng tạo của nhân dân lao động, sự hy sinh tận tụy của đại bộ phận cán bộ đảng viên trong tỉnh. Nội bộ Tỉnh ủy, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ được sự đoàn kết thống nhất trên cơ sở những quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng, từ đó đoàn kết được Đảng bộ, các cấp, các ngành tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đồng thời có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và các Ban, Bộ, sự giúp đỡ của các tỉnh bạn. Bên cạnh đó, nhiều nhược điểm vướng mắc, do: Về sản xuất, tuy xác định được phương hướng và bước đi phù hợp, thấy được thế mạnh và tiềm năng phong phú, song trong chỉ đạo chưa gắn cơ cấu sản xuất với đầu tư, bố trí cơ cấu giữa nông nghiệp và công nghiệp không cân đối, đầu tư chưa tập trung cho thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và sản lượng phân bố lực lượng lao động để khai thác tiềm năng chưa đúng mức, chưa phá được thế độc canh vùng một vụ lúa, nên thu nhập quốc dân bình quân đầu người còn thấp, đời sống nhân dân chưa cao. Bên cạnh đó, sự nhận thức về thời kỳ quá độ nói chung chưa đầy đủ, trong tư tưởng chỉ đạo còn chủ quan, nóng vội; một bộ phận cán bộ còn bảo thủ trì trệ, thiếu năng động sáng tạo, chậm đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế; còn máy móc, rập khuôn trong áp dụng thực hiện một số việc như

phân phối theo “tem phiếu”, theo đối tượng A, B, C, theo đối tượng chính sách... Xây dựng bộ máy về tổ chức chưa đáp ứng yêu cầu tình hình nhiệm vụ mới, nhất là tổ chức các đơn vị sản xuất, kinh doanh, tổ chức cơ sở Đảng chưa đủ mạnh, không đảm bảo được nhiệm vụ, đặc biệt là ở cơ sở. Hai khâu then chốt (Công tác xây dựng Đảng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động) là một chủ trương rất đúng đắn, là nhân tố quyết định thắng lợi nhưng các cấp ủy Đảng tập trung chỉ đạo chưa tốt; trong công tác xây dựng Đảng tuy có chú ý nhưng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không kịp thời nên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; còn nhiều vi phạm đến việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ảnh hưởng đến tính tích cực cách mạng của lực lượng quần chúng nhân dân.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, trong những năm tới Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp phải ra sức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt là bố trí lại cán bộ tương ứng với nhiệm vụ địa phương; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy Đảng, nâng cao trình độ và năng lực quản lý kinh tế, xã hội của chính quyền các cấp. Ra sức củng cố và xây dựng các đoàn thể, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, từ đó đẩy lên cao trào thi đua xã hội chủ nghĩa, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị, góp phần chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.